

Văn bia thời Lý Trần

Sưu tầm, biên âm, dịch thuật chú giải:

Lâm giang - Phạm văn thắm - Phạm thị thoa

Hà Nội năm 2007

Thời Lý

Theo *Văn khắc Hán Nôm Việt Nam*. Tập I. Ecole Francaise d – Extreem – Orient – Viện Nghiên cứu Hán Nôm. Pari – Hà Nội. 1998. Có tham khảo một số bài đã dịch trong *Thơ Văn Lý Trần*. Tập I. Hà Nội 1977.

Thời Trần

Theo *Văn khắc Hán Nôm Việt Nam*. Tập II. Viện Văn học Đại học Trung Chính Gia Nghĩa. Đà Loan – Viện Nghiên cứu Hán Nôm. Năm 2002. Có tham khảo một số bài đã dịch trong *Thơ Văn Lý Trần*. Tập II, Tập III.

Mục lục

Thời Lý

1. <i>Nhật Tảo cổ chung</i> (chuông cổ Nhật tảo).....	tr.1
2. <i>Bảo Ninh Sùng Phúc tự bi</i> (Bia chùa Sùng Phúc ở Bảo Ninh).....	2
3. <i>Thiên Phúc tự hồng chung minh văn</i> (Chuông chùa Hồng Phúc).....	15
4. <i>Sùng Nghiêm Diên Thánh tự bi minh</i> (Bia chùa Sùng Nghiêm).....	22
5. <i>Đại Việt quốc Lý gia đệ tứ đế Sùng Thiện Diên Linh tháp bi</i>	35
6. <i>Càn Ni sơn Hương Nghiêm tự bi minh</i> (Bia Hương Nghiêm...).....	62
7. <i>Ngũgong sơn Linh Xứng tự bi minh</i> (Bia chùa Linh Xứng...).....	72
8. <i>Cổ Việt thôn Diên Phúc tự bi minh</i> (Bia chùa Diên Phúc...).....	84
9. <i>Cự Việt quốc Thái úy Lý Công thạch bi minh</i> (Bia Thái úy...).....	98
10. <i>Hoàng Việt Thái phó Lưu quân mộ chí</i> (Bia mộ Thái phó...).....	107
11. <i>Phụng Thánh Phu nhân Lê thị mộ chí</i> (Mộ Phụng Thánh...).....	111
12. <i>A Di Đà Phật</i> (Bia chùa Viên Quang).....	121
13. <i>Báo ân thiền tự bi ký</i> (Bia chùa Báo ân).....	128

Thời trần

14. <i>Thiệu Long tự bi</i> (Bia chùa Thiệu Long).....	139
15. <i>Cô Phong sơn ma nhai</i> (Bia vách núi Cô Phong).....	155
16. <i>A Nậu tự tam bảo điền bi</i> (Bia ruộng chùa A Nậu).....	157
17. <i>Đa Bối đồng mộc bài</i> (Cột gỗ đồng Đa Bối).....	159
18. <i>Phụng Dương công chúa thần đạo bi</i> (Bia Phụng Dương...).....	160
19. <i>Thánh Quang tự chung</i> (Chuông chùa Thánh Quang).....	168
20. <i>Cổ tích thần từ bi</i> (Bia miếu cổ).....	175
21. <i>Sùng Quang tự chung</i> (Chuông chùa Sùng Quang).....	180
22. <i>Bạch Hạc Thông Thánh quán chung</i> (chuông Bạch Hạc...).....	184
23. <i>Hưng Phúc tự bi</i> (Bia chùa Hưng Phúc).....	193
24. <i>Đại Bi Diên Minh tự bi</i> (Bia chùa Diên Minh Đại Bi).....	204

25.	<i>Diên Phúc viện bi</i> (Bia chùa Diên Phúc).....	219
26.	<i>Sùng Thiên tự bi</i> (Bia chùa Sùng Thiên).....	225
27.	<i>Diên Thánh Báo ân tự chung</i> (Chuông Chùa Bái ân...).....	234
28.	<i>Ngô gia thị bi</i> (Bia nhà họ Ngô).....	241
29.	<i>Ma nhai kỷ công văn</i> (Bia vách ghi công).....	248
30.	<i>Khai Nghiêm bi ký</i> (Bia chùa Khai Nghiêm).....	251
31.	<i>Dục Thuý sơn Linh Tế tháp ký</i> (Ký núi Dục Thuý...).....	256
32.	<i>Thiên Liêu sơn tam bảo địa</i> (Đất chùa ở núi ThiênLiêu).....	261
33.	<i>Thái Thượng hoàng đế thánh chỉ</i> (Thánh chỉ Thái Thượng...).....	263
34.	<i>Đông Sơn xã ma nhai</i> (Bia vách xã Đông Sơn).....	265
35.	<i>Sùng Nghiêm tự bi</i> (Bia chùa Sùng Nghiêm).....	267
36.	<i>Quế Dương thôn Đại Bi tự thạch bản</i> (Bệ chùa Đại Bi...).....	271
37.	<i>Ngọc đình xã bi</i> (Bia xã Ngọc Đình).....	274
38.	<i>Thiên Tôn động ma nhai</i> (Bia vách động Thiên Tôn).....	278
39.	<i>Thanh Hư động</i> (Động Thanh Hư).....	280
40.	<i>Cảm Xuyên chung</i> (Chuông Cảm Xuyên).....	282
41.	<i>Bối Khê thôn Đại Bi Phật bản</i> (Bệ chùa Đại Bi...).....	285
42.	<i>Từ ân tự bi</i> (Bia chùa Từ ân).....	289
43.	<i>Chiêu Quang tự chung</i> (Chuông chùa Chiêu Quang).....	294
44.	<i>Chân Nguyên tự Phật bản</i> (Bệ chùa Chân Nguyên).....	297
45.	<i>Vĩnh Báo tự bi</i> (Bia chùa Vĩnh Báo).....	300
46.	<i>Vân Bản tự chung</i> (Chuông chùa Vân Bản).....	305

2. 保寧崇福寺碑

Bảo ninh sùng phúc tự bi

Tri Vị Long châu, phụ ký lang, đô tri tả vũ vệ, đại tướng quân, Kim tử quang lộc đại phu, Kiểm hiệu thái truyền, đồng trung, thư môn hạ bình chương sự, Kiêm quản nội khuyến nông sự, Thượng trụ quốc, thực ấp tam thiên cừu bá hộ, thực thực phong cừu bá hộ.

Phù trạm tịch chân không, uẩn thanh trọc vị phân chi thượng; phát huy diệu hữu, bao hình khí vận động chi tiên. Lượng xả không nhi triệu trẫm phi không, vọng chấp hữu nhi hy di mạc hữu. Miến duy hoàng giác, trí năng cứu tận; my thử tỷ di. Ắn thực hiển quyền. Kỳ vĩnh viễn thường lạc chi đạo; tông vô nhập hữu, tân quýnh hướng giải thoát chi cơ. Thiện khai vạn vạn pháp môn; hoá dụ thiên thiên sa giới. Phiếm trúc càn nguyên phái; cự chu mục lạm thương. Kinh thủy nhân từ; khôi sùng tượng giáo, tiên dân trợ nhĩ, tân tân bất đình; hậu thế truyền yên, sinh sinh tương tục. Hữu duyên hệ giới truy đầu châm, bất ngộ giả thủy phiêu quĩ thạch.

ư mục thái truyền hà công, quyết tổ nguyên thuộc Ung Châu Đông Đô Hà huyện Thạch Bách hương Ca Nông lý. Cao tổ Hà Đắc Trọng, dao văn thánh hoá, chủng nguyện vi thân, thủ thành Vị Long châu dã. Dân ký phú hỹ, thế xưng trường yên. Luỹ thích bát đại, viên cập tổ tiên, thái tương nhị đại, dịch nghiệp di xương, mậu huân vĩnh trú. Quân tử thập cửu động, nhất thập ngũ huyện. Thuần bị mỹ hoá, hàm quy nhất quĩ. Kinh ngũ đại toại chí thử. Phụ lão thái bảo, thủ vu Thái Tổ hoàng đế đệ tam công chủ trọng nữ, phối vi quận quân. Nhân thụ hữu đại liêu ban. Sinh thử nghiêm khảo đẳng hiền, nam tứ, quý nữ tam. Duy nghiêm khảo thái truyền, nhân chính thi phát, lư lý lạc khang. Thủ tỷ thân vu phú nghĩa châu thái thủ lý thị đệ lục nương tử, lập vi quận quân. Thủy sinh mạnh tử, bạc đệ tứ nam, khảo tỷ nãi ttái cục tái dục, lộng ngoã lộng chương; nam huân nữ công, nguyệt tương nhật tự. Nghiêm khảo dĩ Thái Ninh ất Mão, viên chính vương sư; tái xâm sóc tái, vi Ung thành nhi hách nộ, bạt vũ tướng nhi hiển phu. Thường tứ thiên hữu đại liêu ban, đoàn luyện sứ, canh liễm cửu nhất, tắc thử như trì; tân khách tam thiên, môn đình nhược thị.

Vu Anh Vũ Chiêu Thắng Đình Ty, thời duy cửu tuế, tử nê phong chiếu, lệ chi đồng đình, tiên tịch trung luân, hảo cầu đế muội. Vu thời thượng ấu, cáo quy đường mông. Chí Mậu Ngọ mạnh xuân, tài đẳng thập tuế. Phục hạnh Hoàng đế tái lệnh nội phụ văn tư lang trung kiêu, mật ngự luân chỉ, tương phó nhân phong. Nghênh thiếu ấu vu hà hoang; cách thiên nhan chi chỉ xích. Dĩ phối khâm thánh công chủ, tướng

sức vì tả đại liêu ban. Ô hý! Bình tư nhĩ tiết, doãn chấp lễ dung, phụng khuê bích dĩ nga nga, bí phủ phát nhi lệ lệ. Dĩ Nhâm Tuất quý đông, đế nãi dân tiến công chủ, hạ giá bản châu. Tứ hưởng gia chi diên; bị thân nghênh chi lễ. Cửu thập kỳ nghi, chiêm vọng dĩ nhân thành đồ; lục ngũ chi vị, tập ngự đệ diệt như vân. Thất gia chi đạo vị hoàn, xướng [hoạ] chi tình vị cơ kỷ. Hốt giới quảng hữu ất Sửu, khảo tử câu vong; vương cơ táng phối.

Đãi vu Bính Dần tuế, hoàng đế chiếu tuyên tích mệnh, tử tự khảo phù, nhưng cụ tước dĩ tả lại liêu ban, kiêm tri Vị Long châu, thủ tiết độ sứ, Kim tử quang lộc đại phu, kiểm giáo thái truyền. Viên nghị bố [nhiếp], thủy tự tăng tổ, chung vu đại hoán, thủy dụ [hung] sùng thập nhất thập ngũ đại. Thời tai! Đạo kiến quốc nhược chỉ; tục âm hoá như lưu. Hoặc vương sự vô thành, tái tam thôn dĩ; nãi khảo cổ phong hữu dục, [thủ nhất] tồn tâm. Biện hữu từ lâm, biến sưu nhập vịnh; lễ môn nghĩa lộ, tận tuy lai du. Tín chủ hữu nhi thiết thiết tư tư; hiếu phụng tiên nhi căng căng chiến chiến.

Y! Thủ vinh trung vì bảo, cụ lạc cực tắc bi; hoài y lý chi châu; khủng ký đặc nhi thất. Nghi liên thuận hồ; tiêu mộ thắng nhân. Dĩ Long Phù Nguyên Hoá Đình Hội mộ xuân suất thủ hương lão, tương bỉ quận ngưng. Định Hán Lộc chi nam; đáỉ mẫu cung chi sóc. Hội tương cân phủ, tiến báỉ vân lâm; phương mệnh công sư, kinh thủy cam vũ. Tước tử tài nhi thác thác; triệu [] lý dĩ đẳng đẳng. Lương yển phân hình, ngộ hồng song khoá; thiềm a dục thế, như điều tứ phi. Diên phần thụ chu hồi, bất cách tam ma địa; liệt kim dung phu toạ, hề thù ngũ tịnh thiên. Trầm đàn phiêu nhi cao toả vân nghê; chung khánh hài nhi viễn xung động hác. Tùng hoa uất mậu, trưởng chiếm từ phong; mao nghê quy y, câu phao hoả trạch. Nguyên chúc vì kim thượng ngự bảo đồ nhi hữu vĩnh; huyền giám nhi vô cương. Cư tuy phụng thổ chi thần; chung vọng tự nhật chi chí. Thứ nguyện quận quân [đạo] nương tự nam nữ, trí thước hữu sào chi đạo, kim thạch tề linh; quyền dương quy nhũ chi ân, tùng xuân tử thọ. Mạt tiến vì cửu huyền thất tổ, hàm thừa diệu quả chi công; tiên khảo hậu côn, [tịnh] mộc

luong duyên chi tích. Dục hiển thời đại, khả kỹ trình []
]. Mệnh ngu củ dẫn; triếp tự vu tả.

Từ viết:

Định thể phi không, Nhập dụng
phi hữu.

Không hữu vật ly,	Quả nhân nan hủ.
Trung đạo bất an,	Nhị biên hề thủ.
Ẩn thực hiển quyền,	Hà khả thực bĩ.
Viết hoàng chí giác,	Đạo hoá quần sinh.
Vô khuể vô ngại,	Hữu [] hữu tình.
Vĩ tai hà thị,	Chiêu hồ lệnh danh.
Tiên tổ du vãng,	Hậu côn tái canh.
Tứ thập cửu động,	Nhất thập ngũ đại.
Cổ bảo sơn xuyên,	[Phủ] [tuy] nhân ái.
Chân tính phỉ mê,	Thiện căn hà hoại.
Đế cấu thanh uyên,	Trang thành kim giới.

Mẫu cung chi sóc, Hận [] chi
nam.

[] [] [] []	Cảnh uất nùng lam.
Hiền ung ngũ bách,	Đạo võng nhị tam.

Công danh kỷ thạch, Vĩnh trước nham
nham.

[] [] [] [], [] [] cấp môn [sứ], [] [] [] [] [], [] [] [] [] [], Từ từ kim
ngư đại Lý Thừa Ân soạn.

dịch nghĩa:

văn bia chùa bảo ninh sùng phúc⁽¹⁾

Quan Tri Vị Long châu, Phò [ký] lang, Đô tri [tả vũ
vệ], Đại tướng quân, Kim tử quang lộc đại phu, Kiểm hiệu
thái phó, Đồng trung thư môn hạ bình chương sự, Kiêm quản
nội khuyến nông sự, Thượng trụ quốc, thực ấp ba ngàn chín
trăm hộ, thực thực phong chín trăm hộ, dựng bia.

Kìa như: Cái chân không lắng xuống, dấu kín trên vùng
trong đục chua chia; điều diệu hữu phát huy, bao trùm

trước hình khí đương vận động. Bỏ thẳng cái “không” bởi mầu nhiệm là không, nắm liều cái “có” vì cơ vi chẳng có. Nhớ Phật tổ ta xưa: Trí tuệ có thể soi xét khắp, ở đây không bỏ sót một ai. Dầu thực tỏ quyền, lộ rõ cái đạo thường lạc vĩnh viễn; từ không đến có, đưa lại cái nền giải thoát tương lai. Mở ra vạn vạn pháp môn, giáo hoá ngàn ngàn sa giới. Nguồn nước Thiên Trúc lênh đênh, suối tuôn Chu Mục vời vọi. Khởi đầu xây cất đền nhân, mở rộng tôn sùng tượng giáo. Tiên dân khuyến gắng, đổi mới không ngừng; hậu thế lưu truyền, đời đời tiếp nối. Kẻ hữu Phật duyên thì cải rặng cải châm, người không ngộ đạo như nước trôi ghềnh đá.

Cung kính thay, ông Thái phó họ Hà⁽²⁾ nguyên tiên tổ ở xóm Ca Nông, hương Thạch Bách, huyện Hà, thuộc Đông Đô, châu Ung.⁽³⁾ Cụ Cao tổ là Hà Đắc Trọng, xa nghe giáo hoá của Thánh triều, dời gót đến xin làm thần thú, gìn giữ châu Vị Long.⁽⁴⁾ Từ đó, dân được giàu có, người đời suy tôn. Trải đến đời thứ tám, kể cả tổ tiên xưa, có hai đời làm Thái tướng, nghiệp nhà càng thịnh, công lớn mãi truyền. Cai quản bốn mươi chín động, mười lăm huyện, nền giáo hóa tốt đẹp bao trùm, dân đều nhất tề qui tụ. Trải qua năm đời thì đến ngày nay. Người ông của Thái phó giữ chức Thái bảo, lấy Công chúa thứ ba của Thái Tổ hoàng đế⁽⁵⁾ làm phu nhân. Nhân việc đó mà được trao chức Hữu đại liêu ban. Phu nhân sinh ra hàng cha chú của Thái phó, trai tài bốn, nữ đảm ba. Duy chỉ có nghiêm khảo được giữ chức Thái phó, thi hành nhân chính, xóm ngõ yên vui. Nghiêm khảo lấy con gái thứ sáu của quan Thái thú họ Lý ở châu Phú Nghĩa làm phu nhân. Từ khi sinh con trai cả, đến con trai thứ tư, khảo tử của Thái phó đều tận tình chăm sóc, cho chơi đùa tự nhiên. Trai học chữ, gái nữ công, ngày qua tháng lại. Nghiêm khảo vào năm ất Mão niên hiệu Thái Ninh (1074), sửa soạn vương sư, đánh lên ải bắc, vây thành Ung cho hạ giặc, bắt võ tướng dâng tù binh. Bởi vậy được ban thưởng chức Hữu đại liêu ban Đoàn luyện sứ, cây

cày theo phép tính điền, thóc lúa chất cao tựa núi, khách khứa đông đúc ba ngàn, cửa nhà nhộn nhịp như phố chợ.

Năm Đinh Tỵ niên hiệu Anh Vũ Chiêu Thắng (1077), khi ấy Thái phó mới chín tuổi. Giữa khi ấy thì: Chiêu gần hồ tía, mời đến thêm son, sổ tiên được chọn, bạn cùng em vua. Nhưng, tuổi còn nhỏ dại, xin về núp bóng mẹ cha. Đến tháng Giêng năm Mậu Ngọ (1078), vừa mới lên mười, may mắn được nhà vua sai quan Nội phụ văn tư lang trung tên là Kiêu, ngầm mang thánh chỉ, thẳng tới ấp phong, đón trẻ thơ ở nơi xa vắng, về gần gũi mặt rồng trong tác gang, kết duyên cùng Công chúa Khâm Thánh, phong làm Tả đại liêu ban. Than ôi! Lễ tiết trang nhã, dung mạo đoan trang, vời vọi ngọc bích ngọc khuê, rõ rõ mũ đai xiêm áo. Cuối đông năm Nhâm Tuất (1082), nhà vua đưa công chúa về nhà chồng ở bản châu. Nhà vua ban tiệc mừng long trọng, Thái phó đủ lễ đón dâu. Trọn vẹn lễ nghi, người xem như hội. Năm cung sáu viện, đưa tiễn như mây. Đạo gia thất chưa tròn, tình đắm thắm chẳng mấy. Bỗng năm ất Sửu niên hiệu Quảng Hựu (1085), cha mẹ đều qua đời, công chúa chịu tang tóc.

Đến năm Bính Dần (1086), Hoàng đế ban chiếu xuống, cho Thái phó được nối chức cha, vẫn giữ tước cũ là Tả đại liêu ban, kiêm Tri châu Vị Long, giữ chức Tiết độ sứ, Kim tử quang lộc đại phu, Kiểm hiệu thái phó. Việc nối tiếp bắt đầu từ tăng tổ, trước sau thay nhau, kéo đến mười lăm đời. Thời cuộc khéo thay! Cái đạo dựng nước, vững như cột đá, thế tục được giáo hoá tựa dòng sông. Hoặc việc nước có điều chưa đạt, thì suy đi tính lại không thôi. Xét tục cổ có chỗ đáng nêu, thì ghi tạc trong lòng chẳng bỏ. Vườn văn rừng phú, suu tầm khắp nhập vào ca vịnh; đường nhân cửa lễ, hết các chốn đều đã dạo chơi. Tín cùng bè bạn, thiết thiết tha tha; hiếu với tiên tổ, lo lo lắng lắng.

Ôi! Vinh quang là của báu nên giữ lấy, lo vui tốt đỉnh lại hoá ra buồn; viên ngọc quý trong người phải giữ gìn, e được thì được nhưng mà dễ mất. Muốn mình hưởng phúc, nên mộ nhân duyên. Bèn vào cuối mùa xuân năm Đinh

Hội niên hiệu Long Phù Nguyên Hoá (1107), Thái phó dẫn các bậc hương lão tới, cùng chọn dựng chùa nơi góc quận, định lấy phía nam Hán Lộc, kéo tới phía bắc Mẫu Cung. Rồi, cùng đem rìu búa, xén phạt rừng mây; lệnh chọn thợ hay, xây ngôi chùa Phật. Đẽo gỗ chặt cây chát chát, đất san chuyển gạch bưng bưng. Xà uốn thành hình, ngõ cầu vòng đôi chiếc; mái hiên vươn thê, tựa chim toả tứ phương. Nhà dải phần xung quanh, không xa Tam muội là mấy; tượng dát vàng bày đặt, đâu khác với trời Tịnh Thiên. Hương trầm nghi ngút bốc tới tầng mây, chuông khánh vang xa luồn vào động núi. Hoa thông tươi tốt, chiếm ngọn gió từ; cò phước qui y, bỏ xa nhà lửa. Nay xin chúc Hoàng thượng:⁽⁶⁾ Đồi đồi ngự trên ngôi báu, mãi mãi nắm chắc gương huyền. Tuy giữ đất là phận bầy tôi, vẫn có chí trông vời vùng nhật. Thứ đến xin chúc quận quân: Gái trai trong nhà, đúng đạo xây nên tổ ấm; tuổi đều vàng đá, nhớ ơn bú mớm sớm hôm. [Lại chúc quận quân], thợ ngang từng bách. Cuối cùng tiến dâng lên cửu huyền thất tổ, cùng thừa hưởng công lao diệu quả; từ tiên khảo đến đời sau, chung tấm lương duyên. Muốn tỏ rõ việc này, phải dựng bia ghi lại. Nên đã sai tôi ghi lời dẫn, bèn thuật lại như sau.

Lời rằng:

Định thê nào không,
Diệu dụng đâu tỏ.
Không hữu chớ lìa,
Nhân quả bất hủ.
Đạo trung chẳng yên,
Hai bên sao đủ.
Giấu thực tỏ quyền,
Đằng nào khả thủ?
Chỉ bậc chí giác,
Giáo hoá quần sinh.
Không vương không mắc,
Có duyên có tình.
Họ Hà vĩ đại,

Rạng rỡ tiếng lành.
Tiên tổ để lại,
Cháu con nối thành.

Bốn mươi chín động,
Mười lăm đời trọn.
Bảo vệ núi sông,
Vỗ về dân mọn.
Chân tính không mê,
Thiện căn đâu lộn?
Chim đậu đầu đao,
Trang hoàng vàng xộm.

Mẫu Cung phía bắc,
Hãn Lộc phương nam.
[Đất lành bụi lắng],
Nghỉ ngút khói lam.
ứng điềm lành báo,
Đạo chẳng nhị tam.
Công ghi bia đá,
Còn mãi muôn năm.

[Triều liệt đại phu, Đông thượng cấp môn sứ, Thượng thư viên ngoại lang], tứ Tử kim ngư đại, Lý Thừa Ân, soạn.

(Lâm Giang dịch)

Chú thích:

1. Bia phát hiện vào những năm 60 của thế kỷ trước, tại xã Yên Nguyên, huyện Chiêm hoá, tỉnh Tuyên Quang. Bia đá hiện không còn, hiện còn thác bản lưu trữ tại Thư viện Viện Nghiên cứu Hán Nôm (ảnh thác bản, ký hiệu 20946).

Văn bia chùa Bảo Ninh Sùng Phúc, do Lý Thừa Ân, chúc [Triều liệt đại phu, Đông thượng cấp môn sứ, Thượng thư viên ngoại lang], tứ Tử ngư đại, soạn.

2. Thái phó họ Hà: Theo Đại Việt sử ký toàn thư, Bản kỷ: 11a, và thượng hạ văn, đoán là Hà Di Khánh.

3.Châu Ung: Nay thuộc tỉnh Quảng Tây, Trung Quốc, gần thành phố Nam Ninh.

4.Châu vị Long: Túc vùng Chiêm Hoá, tỉnh Tuyên Quang.

5.Thái Tổ hoàng đế: Túc Lý Công Uẩn 974 - 1028.

6.Hoàng thượng: tức Lý Nhân Tông 1072 - 1127.

3. 天福寺洪鍾銘文

Thiên phúc tự hồng chung minh văn

Duy Long Phù Nguyên Hoà cứu niên Kỷ Sửu chính nguyệt, Đạo Hạnh Thiền sư duyên hoá Cự Việt quốc. Chu môn bạch ốc nhân nhân hỷ cung, hoạch xích đồng nhĩ thiên dư cân, Trú hồng chung nhất khẩu, huyền ư Bồ Đà sơn Hương Hải viện nội. Khẩu kích lục thời hành đạo, thượng báo tứ ân, hạ tế tâm đồ giả.

Phù! Diệu lý tuy nhất, vọng cảnh thực phần. Bầm tuy nhất nhĩ vạn hoá sinh thành, tùy vạn hoá nhĩ duy nhất viên điểm. Vô hình khả trắc, vô ngữ khả am. Vô hình nhĩ hình biến đại thiên, vô ngữ nhĩ ngữ chu ức sái. Trách bất vi ngại, tạp bất vi truy. Tại tiêm trắng nhĩ hoa tạng trang nghiêm, cư trọc kiếp nhĩ viên tru oán triệt. Thị chúng sinh hân ý, phi chư Phật chi biệt tâm. Giác giả dã, nhất lộ Niết Bàn; mê giả dã, lục thú sinh diệt. Do thị tự tương bi mẫn, giả tướng thù luân. Thánh hiền phục như nghị mộ chiến, thần lực hoá như phong yên thảo. Cự chức mang muội, tà bệnh triển miên. Diễn cổ giáo nhĩ đạo hỷ, định vị tề trị; ti tín khí nhĩ cảnh yên, phương năng tiệm tiến. Kỳ giáo dã, y căn lập thuyết, dĩ nhất thừa nhĩ quát nag; kỳ khí dã, thù tượng thành danh, dĩ hồng chung vi kiểm hạt.

Chung giả, ngoại thị viên thực, nội biểu hàm hư. Kỳ viên dã, thường dụng nhĩ mỹ giác; kỳ thực dã, thù nan hoại chi danh. Kỳ hàm dã, chư nhập nhĩ vật ngại; kỳ hư dã, dương vô tận chi ý. Bất như thị, hà Phật mệnh nhất khẩu, thiên lõi thốn thanh, địa lai thu hưởng, tức tam giới phản ngộ. Hạnh trí, nãi tam đồ, toàn chư khổ chân, khai việt liệt bất dĩ sự tế thiên hạ da? Tự hậu: Hân quang kết tịch, thừa đạt nhĩ tịnh chúng biên la; khánh hỷ đăng nghe, y kích nhĩ thuyết pháp nghiêm bị. Tự tư, thực năng kế giả, thị chân khả hỷ.

Nhĩ kim tức hữu Đạo Hạnh Thiền sư, ấu nhĩ tú cốt, trưởng nhĩ kỳ tư. Tụng tập Liên kinh, ngọc đặt hầu nhĩ liệu lượng; xuất gia vân độ, Phật sinh ý nhĩ từ bi. Kiến bát chủng nhĩ hải ngu tận nghiêm, cứu tam giáp nhĩ thiên kinh cộng quán. Cận thời đại hạn, nhiên nhất chi nhĩ vũ tất bất nhiên; giáo cổ hư lường, toạ đa niên nhĩ dung vô cơ sắc. Vạn dân khởi lệ, tri thủy sái nhĩ hạnh tuyệt bệnh nguyên; chư sự vị mãn, dự tín tri nhĩ đích như phù khê. Kinh viết: “Phật hữu bát biện, phi sư nhĩ bất kế viên âm; Phật chế thi la, phi sư nhĩ bất năng kiên cố. Đề Thích phúc điền, phi sư nhĩ bất bá hùng hình; Lạc Vương nhiều tị, phi sư nhĩ bất nại khổ thành. Quan Âm cứu tạp, phi sư nhĩ bất thiếu công danh; cao tăng hiển dị, phi sư nhĩ bất chủng thần linh.”

Nhiên, tế cơ vân tất, trạch xứ thể tri. Xuất thành Tây nhĩ nhĩ đoán huyền, lịch hoạ lộ nhĩ tâm tự tĩnh. Việt nhất giang thủy, kiến nhất sơn thanh. Điều nhĩ bộ lạc tục trần, muộn la nhĩ thân đăng thượng giới. Kỳ sơn dã, tùng Lăng già chi nhiều, sinh Bảo Nguyệt chi thu. Hữu kỳ xích thể, nhập viên khám, thạch khám dã. Ngũ sắc vân thành tự thất tru bảo lữ thủy. Thù vãng tương liên, chu y giản thái. Hạ tồn Phật tích, trung tráng nhĩ đài, Kỳ tích dã, bạch ngọc tại đề, thanh long bàn ngoại; kỳ đài dã, tê giác trấn bàng, đăng giang liên thứ. Khởi mô trạng thất, tức mô Thửu phong. Tích ẩn giả, công đức sở thành, khởi thần linh tại hoá sở dĩ. Sư cư vị du tuần, sự hoàn cảm ứng. Dã hồ lai phục, sơn cụ tự thuận. Tịch tịch dạ nhĩ tụng Liên kinh, khung sùng thiên nhĩ tổng hoa cổ. xứ chu lục tải, huệ phổ tích thiên. Chư vương từ chi xa mã hưởng phoing, khuynh quốc nhân cho hương hoa đĩnh lễ. Ngự thư lại chiếu, pháp tịch giáng lâm. Túw bảo y đăng thượng bằng, trắc Phật nhĩ mâu tứ quả. Trai bãi chi nhật, kim tích hồi lập ư sơn cước. Đệ từ các thân kỳ ngôn ý, lời đồng viết: “Nham điền tiểu trực, vân lộ ca nguy. Sư thần túc chi dĩ đăng, khách phạm tủng chi nan bộ. Duy chiếm hạ thổ, diệp hợp thắng phường. Loan khuất khúc nhĩ khởi dĩ Bồ Đà, thủy trường triệt nhĩ hà thù Hương Hải.” Mệnh kỳ lương tượng, quĩ bi trung ương. cấu ngọc vũ nhĩ hoàng tứ duy, toạ kim dung nhĩ quang hữu tiết. Chúng tri tư ngữ, thụ tức dương thanh. Phiến thời nhĩ sĩ nữ thân lai, bất nhật nhĩ cảnh giới tiện hiện. Thái tử kỳ mộc, đào bích ngoả lô. Thăng mặc tung hoành, cân phủ tạp chúng. Nga nga tân viện, nghiệp nghiệp nguy lâu. Tài tùng nhĩ kính dẫn thanh lương, nghệ hoá nhĩ cảnh diên phúc úc.

Sư nãi viết: “Tư đường trật trật, tự chúng sâm sâm. Bất miễn thuyết pháp chi diên, tất quái hồng chung chi cảnh. Pháp tuy tự ngã, chung tất tông tha.” Cổ trúc tượng hạ hoá, cao ư thiên mạch. Như lân du thú vũ, trực phượng tường hoàng. Cảnh tuy hành vị lưỡng tuần, thí đôi nhất phụ. Nghệ ư Hưng Phúc tự, chương phi vân bệ, thiên tích kim cung. Luyện thổ thành mô, dương hoà tinh đoạn. trú chi nhật, Sư tuy giam mặc, nhân cảnh xứng dương. Cầm Thái hậu chi đồng phong, khiến trung sứ chi lại thất. Thứ nãi luân đề bốn nhi không chu hộ, thiếu ngài tẩu nhi bối lư diêm. Đàn nhập hương giai, phân nhược đồng thị. Khoảnh, hoá công tứ lực, kim tượng nghiêm lệnh. Cổ nang thực nhi thanh chấn hải ngưng, tịnh yên lư nhi quang đăng Ngân Hán. Hoàn khí hữu di, gia thủy tương sinh. Vị cơ giả, cánh yêu thứ loại, kháng mi cự giang. Tài long nhi sắc đoạt tuyết hoa, xạ kích nhi thanh du lồi khổng. Thiên hạ linh chi, nhân hàm khánh ngưỡng. Sư tương quy Bồ Đà nham bạn Đại Bi vân lâu. Huyền dĩ kim sách, chàng dĩ kinh truy. Đán tịch hành đạo, tiên báo kim Thượng vĩnh hoá, bảo tộ trường tân. Cầm quốc khí nhi thể phiên xương, tự Lê nguyên nhi bang di thái. Nhiên nguyên sùng cao mộ đạo, động đạt thuần chân, dĩ phúc ấm nhi thương sinh, dụng khuông phù ư hồng nghiệp. Hậu ký thí tu cự tế đẳng, thuận phong thiên thiện, đình đới hương hoa, kim cảnh lộc lai tự, hậu ngộ phù bản giác.

Sư kiến dư viết: “Tân thành kiện trĩ nhất khẩu, tắc chúng duyên đồng tu. Ngã võng trách khả kỷ, lưu phương thí giả danh, liêu ký truyền hậu.” Huệ Hưng thiền học, bắt từ nhược quán vi minh.

Minh viết:

Phật dĩ jhông chung cảnh vật hề, ngộ bản tâm,

Sư thành pháp khí hoá thể hề, phát tín âm.

Thiên cung ký trú dục hề, hoàn tự giác,

Địa phủ đương yếu hình lục hề, phóng nhược thâm.

Long Phù Nguyên Hoá cửu niên Kỷ Sửu, bát nguyệt, sơ cửu nhật lập ký.

Thiên Phúc tự Tứ từ đại sa môn Thích Huệ Hưng soạn.

dịch nghĩa:

bài văn khắc trên chuông chùa thiên phúc⁽¹⁾

Tháng Giêng năm Kỷ Sửu, niên hiệu Long Phù Nguyên Hoá thứ 9 (1109), Thiền sư Đạo Hạnh hoá duyên nước Cự Việt.⁽²⁾ Từ cửa son đến mái tranh người người đều mừng vui tiến cúng. Thu thập được trên hai ngàn cân đồng, đúc một quả chuông lớn, treo trong viện Hương Hải ở núi Bồ Đà Lạc. Sáu thời gõ lên hành đạo, trên báo đáp tứ ân, dưới cứu vớt tam đồ.

Ôi! Lễ diệu huyền tuy một, nhưng cảnh thực thì nhiều. Phú bẩm tuy một, mà vạn hoá sinh thành, đi theo vạn hoá mà tự tròn một điểm. Không hình mà có thể đo,

không lời mà có thể hiểu. Không hình mà hình đi khắp ngàn nơi, không lời mà lời vây vạm chùa Phật. ở chỗ hẹp cũng không bị ngăn trở, tại vùng hỗn tạp cũng chẳng bị ngăn. Trong bụi bậm hoa dầu vẽ trang nghiêm, nơi vắn đục ngọc lung linh sắc đẹp. Đó là hạnh ý của chúng sinh, đâu phải lòng riêng nơi nhà Phật. Người giác ngộ, một lối thẳng đến cõi Niết Bàn; kẻ muội mê, sáu húng đưa về nơi sinh diệt. Do vậy: Tự mua phiền muộn, giả dối khác loài. Thánh phục theo như kiến mộ thịt dê, thần ra sức hoá tựa cỏ lướt gió. Kíp chúc mờ mịt, tà bệnh triền miên. Noi theo cổ mà mở lối, định hướng chưa hay; giữ tín nghĩa để đề phòng, mới đương tiệm tiến. Lời dạy ấy, dựa căn lập thuyết, cười một xe mà tóm thâu; tín nghĩa ấy, tụ phép thành danh, dùng chuông lớn mà thu mối.

Chiếc chuông này, ngoài vừa **viên** (tròn) vừa **thực** (dầy), trong vừa **hàm** (rộng) lại **hur** (rỗng). Cái viên (tròn) ấy, thường dùng mà không biết; sự thực (dầy) ấy, khó hoại được thanh danh. Cái hàm (rộng) ấy, chui vào mà không mắc; sự hư (rỗng) ấy, dương lên không tận ý. Không phải như thế thì, Phật nào sai gỡ, sấm trời nuốt thanh, sáo đất thu tiếng, tam giới tỉnh ngộ? May thay, cõi Tam đồ,⁽²⁾ trời muôn nỗi khổ, há không vượt qua được để cứu vớt thiên hạ hay sao? Sau đó, hân hoan chiếu trải, nhân gõ tiếng mà dân chúng quây quần; mừng lễ đăng đàn, dựa tiếng vang mà trang nghiêm thuyết pháp. Từ đó đến nay, người nào kế tiếp, đều bậc chân nhân.

Nay lại có Thiền sư Đạo Hạnh, thuở nhỏ tuần tú, lớn lên tài hoa. Tụng học Liên kinh, tiếng ngọc vang lên réo rắt; xuất gia độ thế, ý như Phật sống từ bi. Dựng lên Bát chủng⁽³⁾ mà góc biển thầy nghiêm, đọc ba hòm sách mà kinh Thiền đều thuộc. Đương khi đại hạn, tay vừa trở thì ào ạt đổ mưa, mùa mất thiếu ăn, thóc trữ nhiều năm nên không bị đói. Muôn dân mắc bệnh, nhờ nước phép mà mầm bệnh rút ngay; mọi việc chưa tường, cây biết nói mà đúng như dự đoán. Kinh nói: “Phật có Bát biện,⁽⁴⁾ không có sự không nói được viên âm; Phật chế Thi la,⁽⁵⁾ không có sự không thành vững chắc.

Nhưng, cơ cứu vớt đã hết, chọn chốn dừng chân. Ra khỏi thành Tây thì tai bật tiếng ồn, trải đường hoa thì lòng tự lắng. Qua một con sông, thấy ngọn núi xanh. Vin đá núi mà lạc bước trần gian, sờ râu núi mà thân lên thượng giới. Ngọn núi ấy, sừng sững vây lấy Lăng Già, nhô lên vàng trắng thu sáng. Có chiếc thang lạ, để vào khám tròn, ấy là khám đá vậy. Mây năm sắc từng đám, ngọc bảy viên rủ tầng. Nhện đan võng nối liền, áo nhẹ phơi năm sắc. Dưới còn dấu chân Phật, trong có đài uy nghiêm. Dấu chân ấy, đáy có ngọc trắng, ngoài vây rồng xanh; đài cao

ấy, tê giác trấn bên, đèn treo rực sáng. Phóng theo nhà lớn, tức ngọn Thúi Phong. Xua ẩn giả công đức mà thành, há thần linh tạo hoá nên lạ. Sư ở chưa đầy tuần, phụng thờ đã cảm ứng. Rừng núi tự đến, hổ rùng lại châu. Đêm tĩnh mịch thì tụng Liên kinh, ngày trời sáng đưa hoa gõ mõ. Huệ ban ngàn vạn, ở trọn sáu năm. Chư Vương tử ngựa xe trong gió ồn, người trong nước sữa hương hoa đỉnh lễ. Chiếu vua ban xuống, chiếu pháp trải mời. Ban áo quý thuộc vào bậc trên, lên xe Phật giành về chúng quả. Khi đàn chay rút, vàng ban cho đem về chân núi. Các đệ tử hết thấy đều ngỡ ý mời, Sư lớn tiếng: "Chùa trên đỉnh núi, đường mây gấp ghềnh. Sư có bước chân thần để leo, nhưng phàm khách bộ hành lên khó. Thôi chiếm mảnh đất bên dưới, cũng hợp mọi bề. Non khuất khúc há khác Bồ Đà, nước trong lặng đâu thua Hương Hải." Rồi sai thợ giỏi, đo đất khoảng trung. Dựng ngọc vũ toả sáng bốn bên, đặt tượng Phật sáng bùng không rút. Nhiều lời đồn đại, nức tiếng truyền đi. Sĩ nữ thân đến tùy nghi, cảnh giới bỗng thành phương tiện. Mở lò đốt gói, tạc tượng chọn cây. Mực thước dọc ngang, búa rìu chan chát. Ngụy nga chùa mới, sừng sững lâu cao. Thông trống lồi mà gió mát lửa về, tài nghệ hoá mà cảnh đưa ngào ngạt.

Thiền sư bèn nói: "Chùa này lộp lộp, tăng chúng đoàn đoàn. Không những thuyết pháp phải trải chiếu ra, mà còn phải treo chuông to để cảnh tỉnh. Phép dẫu tự tay ta, nhưng chuông do người khác." Cho nên, gậy trúc chống xuống, lần theo bờ ruộng cao. Như kỳ lân dong ruổi, thú rừng nhảy múa, đuổi theo chim phượng, bay theo chim hoàng. Cuối cùng ra đi chưa đầy hai tuần, của bố thí một gò đụn. Về đến chùa Hưng Phúc, thư bay tới bệ mây, vua ban cho vàng bạc. Rồi đắp đất làm khuôn, đốt lò tinh luyện. Ngày đúc chuông, Sư tuy lặng lẽ, nhưng người người tán dương. Cảm tấm lòng Thái Hậu,⁽⁶⁾ sai trung sứ tới nhà thăm. Sau đó, bước chân ruổi không xót nhà giàu, trẻ già đi khắp xóm thôn vắng vẻ. Đặt vào thềm hương, nhiều như cửa chợ. Chẳng mấy chốc, thợ lò gắng sức, thợ bạc nghiêm trang. Khoá bể reo tiếng lừng góc bể, khói lò bốc sáng vượt Ngân Hà. Chuông đúc xong có điều khác biệt, diêm tốt mừng vui cùng nảy sinh. Không bao lâu, càng mong được thứ loại, buộc dây đỡ để khiêng. Vừa mài rửa màu đã hơn hoa tuyết, khẽ gõ vào tiếng vượt sấm vang. Thiền hạ nghe tiếng, người người ngẩn trông. Thiền sư đưa về lầu mây Đại Bi bên bờ đá chùa

Bồ Đà. Treo bằng dây sắt, đánh bằng chày kinh. Sớm chiều hành đạo, báo lên đương kim Hoàng thượng, ngôi báu mới mẻ dài lâu. Nhờ quốc khí mà đời đời phồn thịnh, nổi nhà Lê mà nước mãi mãi thái hanh. Nguyên xin tôn sùng mộ đạo, chân thực thuần thủy rõ ràng, đem phúc ấm cho thương sinh, để giúp phò cho nghiệp lớn. Sau đó, các bậc tín thí lớn nhỏ, thuận theo ngọn gió lành, nay cảnh lộc lấp đầy, sau ngộ đạo sẽ thấy.

Thiền sư đến gặp ta bảo rằng: “Mới đúc xong chuông lớn một tủa, là do chúng duyên cùng làm. Ta không có công đáng chép, nhưng các tín thí cần lưu dấu thơm, hãy ghi lại truyền đến mai sau.” Huệ Hưng tôi học lực nông cạn, nhưng cũng không từ chối cầm bút làm bài minh. *Minh rằng:*

Phật lấy chuông to cảnh tỉnh chừ, tâm giác ngộ,
Sư làm pháp khí dạy đời chừ, tiếng phát ra.

Thiên cung đã tỏ sắc dục chừ, tự cảm thấy,
Địa phủ đương cần luật hình chừ, tựa phóng xa.

*Ngày 9 tháng 8, năm Kỷ Sửu niên hiệu Long Phù Nguyên
Hoá thứ 9 (1109) làm bài ký.*

Tứ tử đại sa môn Thích Huệ Hưng chùa Thiên Phúc, soạn.

(Đoạn tiếp theo, kê họ tên những tín thí, nhưng trong nguyên văn lược đi).

(Lâm Giang dịch)

chú thích:

1. Chuông chùa Thiên Phúc (tục gọi Chùa Thầy), trên núi Phật Tích xã Thuỵ Khuê, huyện Yên Sơn, phủ Quốc Oai (nay là xã Sài Sơn, huyện Quốc oai, tỉnh Hà Tây).

Hiện chuông và bản rập không còn. Theo *Văn khắc Hán Nôm Việt nam*, năm 1777, khi sưu tập di văn bia, chuông, Lê Quý Đôn (1726 – 1784) đã nhắc tới quả chuông này, rằng chuông do Đạo Hạnh thiền sư đúc vào năm Long Phù Nguyên Hoá thứ 9 (1109), đệ tử Huệ Hưng soạn bài minh, Trước tác Nghiêm Thường viết chữ. Lê Quý Đôn còn cho biết, chuông còn khắc thêm Thánh chỉ của Trần Anh Tông, ghi năm Hưng Long thứ 12 (1304), cấp ruộng thờ cho chùa.

Năm 1977, *Thơ văn Lý Trần* (I: 125) khảo sát văn khắc thời Lý, và cho rằng bài ký khắc trên chuông đã bị mất. Nay chép lại theo *Kim văn loại tụ*, hiện lưu giữ tại Thư viện Viện Nghiên cứu Hán Nôm, ký hiệu A.1059.

2. Tam đồ: Ba đường ác nghiệp trong Phật giáo: Địa ngục, ngạ quỷ (quỷ đói), súc sinh (thú vật).

3. Bát chủng: Có thể là tám loại phép của nhà Phật: Tam tam muội, tứ thiên định, tứ vô lượng tâm, tứ vô sắc

định, bát bồi sả, bát thắng xứ, cửu thú đệ định, thập nhất thiết xứ.

4.Bát biện: Bàn về tám điều: Bát đoán khát biện, bát mê loạn biện, biểu bố úy biện, bát kiêu mạn biện, nghĩa cụ túc biện, vị cụ túc biện, bất chuyết sát biện, ứng thời phân biện.

5.Thi la: Dịch âm tiếng Phạn sila, ý chỉ sự rắn giới.

*Ruộng phúc Đế Thích, không có sư không thể cày bừa;
Dược Vương tay bông, không có sư không thể chữa lành.
Quan Âm cứu nạn, không có sư không thể nổi nên danh; cao
tăng hiển dị, không có sư không thể linh thiêng.”*

6.Thái Hậu: Tức Nguyên phi ý Lan phu nhân của Lý Thánh Tông, mẹ Lý Nhân Tông (1072 – 1128).

4. 崇嚴延聖寺碑銘

sùng nghiêm diên thánh tự bi minh

Cửu Chân quận Thánh Hoá trấn Sùng Nghiêm Diên Thánh tự truyền pháp sa môn Kiêm tri bản quận Giáo môn công sự Thông Thiên Hải Chiếu đại sư Tứ tử thích Pháp Bảo soạn.

Phù! Đạo chi bất nhất dã, cửu hỹ. Vật chi sinh vạn dã, nghi nhiên. Tự thử tắc thanh danh mỹ ố đạo ư tiên, đắc táng hỹ nộ công ư nội. Trí ma chủng phân vi lục lục, nhi dục giáo thành ư cửu lưu. Thuần tổ chi phong, tán nhi mạc thu; nghiêu [] [] [], đẳng nhi ích viễn. Cổ tịnh giác chi tính, ẩn nhi bất hiện; thị phi chi biện, cạnh xuất phân vân. Toại phù trầm ư sinh tử luân hồi, bất tự phản nhi thường lạc ngã tịnh. Duy Đại Hùng thị vi nhất đại sư xuất hiện ư thế, hoằng khai độ môn, quang dương diệu nghĩa. Tuy giáo phận ư đồn tiệm, tùy cơ ngộ hữu thiên thâm. ti du đoán thường hàng, siêu đẳng Niết Bàn ngạn. Diệt nghi sơn viêm côn chi hoà, tĩnh ái hải thao thiên chi lãng. Do thị chiêm bồ chi hương, huân ư động thực; đề hồ chi vị, nhuận ư tiêu khô. Tuệ nhật quỳnh diệu ư trần thiên, từ trạch phổ thí ư sa giới. Đãi hồ phát ý ư song lâm thụ hạ, thoát ti ư kim sa trì trung. Thị báo thân, tức hữu thủy hữu chung; lượng thực tướng, nhi vô lai vô khứ. Cổ kỳ dạ cảnh sơ chiêu ư Chu thất, ký mộng phát linh ư Hná hoàng. Tấn Tổng kế quỹ nhi truyền phương, tinh lu tiết tị; Nguy Tề chủng triệt nhi ích kính, bảo sái tương vọng. Tự thử dĩ lai, mạc bất sùng thượng, cận tắc ngật lập ư liên cốc, viễn tắc thác giá ư nghiêm a. Hoặc [] thổ [] [], [] chân dung nhi tác lễ; hoặc phạm kim tiền thái, phỏng thánh tượng dĩ chiêm y. Tắc tri Phật pháp chi hưng, kỳ lai viễn hỹ.

Sùng Nghiêm Diên Thánh tự giả, tức quyền phán Cửu Chân quận Thông phán Chu Công thân suất cư dân lão thiếu [] [] [] [] tu tập dã. Công tính tự ôn cung, chí thượng khiêm tiết. Sự thượng dĩ trung tín, tiếp hạ dĩ

khoan nhân. Văn nhất thiện ngôn tắc quyền quyền phục ung, vụ tam đông học nhi tư tư vãng quyền. Trí dĩ tông quán kinh sử, uyển lệ văn chương, [] [] [] [] sinh, [] [] danh ư cao đệ. Trạc nội cấp sự, thời thuỷ quán niên. Thừa mệnh gia vinh, diêu mặc tích ư kim thạch; thủ quan duy cần, ái lệnh văn ư ban liêu. Vinh đạt ích tu ư lễ nhượng, tể phụ hàm tiến kỳ tài năng. Cổ ư Hội Tường Đại Khánh ất Vỵ, sủng thừa luân chiếu, lai bình quận phủ, quyền thống Thanh Hoá ngũ huyện tam nguyên chư quân châu sự. Nhi nãi phát thí lệnh, trừ cự bố tân. Phát vỹ phát huyền, nhi khoan mãnh tương tư; phi thổ phi nhự, nhi cương nhu hợp độ. Chí phạm sở thác trí, my bất đương lý. khuyến dân cần ư canh chúc, quyết ngục vụ dĩ hoà bình. Thị dĩ thượng hạ hoà đồng, nhi tranh tụng tức; diêm lu hoan lạc, nhi phong hoá thanh. Thiên tử văn chi, thậm vi hoan nhạ. Dĩ phương trấn chi nhậm, đặc hiển lương [] kỳ [] []. Thu thất nguyệt, nãi chiếu công tổng chúng tu trị bản quận nha thự. Ngật lập điện đường, chu hồi lang vũ. Hoàn cố thành quách, phân tri dịch đình. Tạc kính thông lưu, thác khai uyển hựu. Công ký thành dã, Thượng dĩ công vi năng, trừ Bí thư lang kiêm thủ Nội phủ công vụ, tái gia Thanh Hoá quận sự.

Ư Hội Tường Đại Khánh thất niên Bính Thân xuân nhị nguyệt, Ngự giá Nam tuần. Chí Hoan Châu toại lãm long chu, tạm đình loan trượng. Tinh kỳ thược nhật, vũ vệ toàn vân. Hội ngũ ngọc nhi đa nghi, thiết cừ bảo nhi hữu tự. Phong tuyết vũ thất bản trình thái, Hàm Chiếu tầu lục lạc tuyên không. Thiên giám chúc nhi phong bộ minh, dương hoà hi nhi mạnh cai phách. Phạm tại biên kiêu, đao mộc ưu long. Thực thiên tải chi nan phùng, thử nhất phương chi thâm hạnh. Giá ký hồi dã. Công nãi triệu quận chi phụ lão cấp ư thuộc lại nhi vị chi viết: "Vinh thừa luân mệnh, tái mục tư dân, ngộ thánh giá dĩ tỉnh phương, chí tư châu nhi trú tất. Thái dương động chiếu ư u bộ, cao trạch hàm nhuận ư sinh linh; phụ nữ tương khánh ư thất gia, kỳ ầu

ca dao ư đạo lộ. Hàm hiệu quì hoắc chi hưởng, nguyên đáp thiên nhật chi lâm, nghi tu nhị phạn chi công, thượng chúc thiên linh chi vận nhĩ.” Nãi trạch bí thành tây nam giác, quyết hữu cổ sái di tung. Cơ chi nhi chuyên ngoã do tồn, đồng vũ tắc kinh trần dĩ mậu. Hương đăng tuy phế, phong cảnh tự thù. Song quyết không ư tiền, tam giang ứng kỳ hậu. Khoách nhĩ thâm tịch, tịnh thắng thần di. Chân Thích Hùng trú tất chi phương, Tát Thoá thê tâm chi sở. Đương thứ tục chi hà thời, nhân tam nông chi hưu vụ. Nãi mệnh Huyện lệnh Lê Chiêu dĩ đồng kỳ sự. Vu thị di oa tước hiểm, trắc nhật sùng cơ. Sính công tử tượng dĩ miễn lực, như bản tẩu hoàn; quán phát nhi xỉ nhi cấp duyên, do ba uỷ độc. Tẩu hướng do nghị, huy phủ [] [], hưng kỳ vật cức, tích cừ tự thành. Quan kỳ ẩm vũ hồng lương nhi hoài xuất, lâm phong uyển ngoã nhi dục tường. Cô lãng yết nhi hân xỉ huy phi, văn tảo điều nhi lai nghi phượng chủ. Phi mạnh ánh nhật, khúc lạm diên phong. Hoàn trắc viên dung, nhất điểm chi hiêu trần bất tạp; chu hồi lang vũ, tứ thời chi hiên dĩ thanh hư. Hương viên uất kỳ hữu, áp lộ nhi lan từng a ná; thao trì tịch kỳ tả, xuất thủy chi hàm tu phu vinh. Địa tiếp lý cung, dị lâm loan ư tịch chi sở; môn hoành yếu lộ, nhiếp nhân thiên quì chí chi phương. Biệt hữu tư tín túc chi đồ, nhi bị hồ cơ thập; cung thiên định chi bối, nhi bị hồ khúc đột. Pháp vũ luật tyự, thánh tượng nghi nghiêm. Ký phù thổ vi vi diệu chí tư, phục dung kim tự đoạn nghiêm chí thủy. Cái dục truyền phương ư vạn thế, khởi đồ kiểu phúc ư nhất thời. Ừ thị suất áp lại biên liêu, bang long thủy tượng, cộng thí Thú Sơn chí bảo, quảng cầu cuu thị chí lương. Bất xỉ ư tam thiên dư cân, tinh trú kỳ tam Như Lai tướng. Phi tướng hiển tướng, liễu nhiên tuyệt tướng chí cơ; bất sinh thị sinh, thực duy hoá sinh chí bản. Thị dĩ mãnh lô túc, nhi hoàn cụ thập thân; tử yên tiêu, nhi uyển nghiêm bách phúc. Đương dương toạ hiển kiếp Thích Ca Mâu Ni, quá khứ trang nghiêm Ca Diếp liệt kỳ bạng, đương lai tinh tú Từ Thị thứ kỳ

trắc. San trình thạch nhi các trí hoa đài, cộng thừa võng
túc. Thứ hựu Ma Lị phong khởi toạ phúc điền. Hậu thế hiệu
viết Kiều Trần Đa La Tạng, Khải trí tường tạm Phật môn,
danh xưng Hộ Pháp. Du nhất thiên cân, tái thành hồng
chung nhất khẩu, [thiền] [gian] thiết [cư] nhi trí yên.
Mỹ dĩ kim sách, quá dĩ mộc kinh. Bạt khổ thú ư kiếm luân,
cảnh hôn cốt ư hàm thức. Cập kỳ phần bích hội đồ, chu
duyên nhân quả, thiên biến vạn hoá, khúc tận kỳ diệu.
Phạm kiến văn giả, miễn ư thiên thiện, trùng hồ bất tang,
sở vị mâu Vương Xá Thành, tỷ an dưỡng giới.

Kỳ lạc thành dã, tập tứ hoằng thượng sĩ, diễn thất
dụ diệu ngôn. Chư thiên thánh chúng, ung ung nhi hoạ hội
viên trần; tứ cảnh thần kỳ, nhượng nhượng khánh lâm phúc
hữu. Cúng trai tu dự cửu niên chi đạo, quyền bổng bạch
kiệt nhất thế chi tu. Sở dĩ nga phu chi đồ, khánh mông
đàn việt chi thí.

Ư hy! Thắng lợi ký hoàn hỷ, lương nhân ký tất hỷ.
Nghĩ hương hoả cần phần, diễn hôn chúc tán. Thuần hy điệp
kỳ thái hoa, giới chỉ bác hồ hồng minh. [Phục kỳ] []
thánh vận di xương, ứng nhị nghi chi phù hoá; la đồ ích
vĩnh, sùng vạn thọ chi hồng huu. Ngũ hành hiệp tự, thất
chính tề cơ. Thương lâm pjong đặng, biên kỳ ninh mật. Thứ
vi kết duyên bồi, thân sinh ngũ phúc. Cốc báo hề vi, đà
kiếp nhị nhân, châm đầu bất truy. Vĩnh cập bức viên chi
nội, xuẩn động chi lưu; mộc thử thắng nhân, chúng vô sinh
nhẫn. Vỹ phù già lam tráng lệ, lăng cốc biến nhi sàng
khải di tăng; thuý đạm thuyên đề, bột giải càn nhi lệnh
danh vĩnh bá.

Pháp Bảo lữ thừa kiến mệnh, bất doãn kỳ từ, cảm
duyên ngôn viết: "Công quả thiện quả, cứu mạng trăm đoan
do; từ nguyên giáo nguyên, áp ănh tri kỳ nhai tế." Cẩn
thuật bi hoài nhi kỷ kỳ nguyệt nhật.

Mình viết:

Tĩnh diệu phác tán,
tĩnh mạnh.

Ngộ trí

Thanh trọc phân phái, tĩnh hành.	Thị phi
Xảo nguy cạnh khởi, luận phân tranh.	Biện
Tham sân ngục trĩ, hải doanh.	ái dục
Toại nhập luân hồi, thoát tử sinh.	Mạc
Duy hữu chính pháp, tình.	Khả độ mê
Tối hĩ năng nhân, ứng tích.	Ca Duy
Thừa nhất đại sự, chư nhiều ích.	Phổ
Tuy thị sắc tướng, tự không tịch.	Bản
Tam hội đàm huyền, lịch.	Tứ môn du
Nhân thiên kính ngưỡng, hiển hách.	Tháp miếu
Tước sỹ vương công, đăng hiệu tịch.	Hương
Quyết hữu anh tài, tư mục.	Vi châu
Cán sự trình thuần, tâm lệ trợ.	Chuyên
Viễn hê bất hoại, hà bất túc.	Nhĩ
Tuyên bố chiếu điều, thứ tục.	Phủ tuy
Thương sùng mẫn doanh, Trị hữu tuần danh, lạm ngục.	Diêm lu tập mục. Quyết vô

Danh	đạt	tử	thần,
Tái nhậm tư dân.			
Thông	lĩnh	công	tượng,
Thừa phụng ti luân.			
Viên	dung	tu	cự,
Đường vũ sáng tân.			
Hành	đài	cáo	tất,
Pháp giá lai tuần.			
Trạch giảng nương nương,			Chúng
lạc hân hân.			
Tư	đáp	duệ	quyển,
Duy sùng diệu nhân.			
Văn quận thành tây,			Cổ
sái di ky.			
Kinh	mai	trăn	toả,
Trụ triết đồng đoạ.			
Bách	tuế	lão	ngải,
Lục xích đồng nhi.			
Đồng	tâm	trí	lục,
Chấn phúc hưng suy.			
Biên	tử	vân	tấu,
Cân phủ tuyệt phi.			
Chế	độ	hoảng	vỹ,
Điều kịhắc hy kỳ.			
[Nhân	dân	tỳ	liễn],
[Thành quách] tứ khí.			
Bảo	cầu	ngật	nhiên,
Tượng tháp trác hỹ.			
Thệ	thực	lan	tùng,
Trì phu liên vĩ.			
Lục	thời	chung	cổ,
Tứ lai chiêm lễ.			

Lạc	thành	khải	tịch,
Vân trần khai sĩ.			
Phạn	bồi	triều	âm,
Xúng dương áo chỉ.			
Bổng	bạch	chân	tư,
Cung dưỡng chu tể.			
Giới	chỉ	minh	uyên,
Tư diên thánh tộ.			
Đoan cùng nham lang,			Dữ
thiên di cố.			
Hữu	thức	hàm	ninh,
Đồng su giác lộ.			
Phụ	trọng	túc	kiên,
Trầm u xuyết khổ.			
Ký	sự	thuyên	minh,
Vĩnh truyền bất hủ.			

Hội Tường Đại Khánh cửu niên Mậu Tuất tuế thập
nguyệt thập cửu nhật, trai khánh hắt lập.

Phụng nghi lang, Thái thú thường thừa kiêm quản ngự
phủ tài hoá, Kiêu kỵ uý, Tứ phi ngự đại, Tá tử Chu Nguyên
Hạo thư tả.

dịch nghĩa:

văn bia chùa sùng nghiêm diên thánh

*Bài minh và lời tựa trên bia chùa Sùng Nghiêm Diên
Thánh quận Cửu Chân trấn Thanh Hoá.⁽¹⁾*

*Thông Thiên Hải Chiếu đại sư, được vua ban Tử thích
pháp bảo, đến truyền pháp ở chùa Phúc Diên Tư Thánh, quận
Cửu Chân, trấn Thanh Hoá, kiêm chức Tri giáo môn công sự
của bản quận, soạn văn.*

Kìa như: Đạo không đồng nhất đã lâu rồi, cho nên vật
sinh sôi hàng ngàn hàng vạn cũng là lẽ đương nhiên. Từ đó
thì, tiếng tăm khen chê lộ ra phía trước, được mất buồn
vui công kích bên trong. Đưa đến chỗ, phiền não chia ra

làm sáu loại, tục giáo hoá phân thành chín dòng. Phong hoá thuần hậu, tán tác không thu; [tập tục kiêu bạc], trôi xa lãng đãng. Cho nên, bản tính của tịnh giác, ẩn mà không hiện; lời biện bạch đúng sai, đua nhau rối bời. Thế rồi, chìm nổi ở nơi sống chết luân hồi, không trở lại với cõi tịnh thường lạc. Duy có họ Đại Hùng xuất hiện ở đời làm một việc lớn: Cửa tế độ mở toang, nghĩa diệu huyền toả sáng. Tuy giáo phận có chỗ nhanh chỗ chậm, tuy cơ hiểu biết có cạn có sâu. Khiến vượt qua cái hố cách ngăn, lên tới cõi Niết bàn tịch mịch. Rừng rực ngọn lửa non ngò dập tắt, dạt dào lớp sóng bể ái lặng yên. Do vậy mà: Hoa chiêm bặc⁽²⁾ đưa hương, hun cho cỏ cây động vật; sữa đề hồ⁽³⁾ đượm vị, thấm tới chỗ tiêu tụy héo khô. Mặt trời Phật soi khắp cõi trần, ơn từ bi trải cùng thế giới. Đến khi: Phủi áo trong rừng cây rậm, cởi giầy dưới ao cát vàng. Nhắc đáp đền, phải có trước có sau; xét sự thực, mà không thay không đổi. Cho nên, cảnh đêm của nhà Chu vừa được soi sáng, giấc mộng lạ nơi vua Hán đã nảy sinh.⁽⁴⁾ Các đời Tần, Tống kế tiếp truyền lại dấu thơm, nhà tăng dựng lên san sát; những triều Ngụy, Tề nối bước điếm tô thêm đẹp, chùa tháp xây cất nguy nga. Từ đó cho đến nay, không ai không sùng chuộng. Gần thì sùng sững chốn kinh đô, xa thì vắt ngang nơi gò núi. Hoặc [gánh đất san nề, tạc] chân dung hành lễ; hoặc dát vàng thêu gấm, lập tượng thánh phụng thờ. Như thế thì đủ biết: Phật pháp được chấn hưng, cách nay đã xa lắm.

Chùa Sùng Nghiêm Diên Thánh do quyền coi quận Cửu Chân là Thông phán Chu Công, đích thân đốc suất cư dân già trẻ [gái trai giúp sức] xây dựng lại. Ông tính tình hoà dịu kính cẩn, ý chí liêm khiết. Với người trên giữ lòng trung tín, tiếp kẻ dưới rộng tấm lòng nhân. Nghe một lời hay thì canh cánh bên lòng, học suốt ba đông vẫn bùng bùng không mỏi. Đến nỗi, thuộc lòng kinh sử, uyển chuyển văn chương. [Tiếng khen sớm lan truyền trong đám nhỏ sinh, tên tuổi lại] vang nơi trường ốc. Sung chúc Cấp sự trung, khi tuổi còn niên thiếu. Thừa lệnh thêm vinh, khéo

dầu mực ở nơi vàng đá; giữ quan cẩn thận, nổi tiếng tăm trong đám đồng liêu. Vinh hoa đạt càng chăm lễ lạt, tề phụ đều tiến cử tài năng. Cho nên, vào năm ất Vỵ niên hiệu Hội Tường Đại Khánh (1115), vâng theo chiếu chỉ, tới giữ quận phủ, quyền thống lĩnh việc quân trong châu của ba nguồn và năm huyện thuộc trấn Thanh Hoá. Thế rồi ông bèn ban bố hiệu lệnh thi hành, thay cũ đổi mới. Không chùng không thẳng, mà khoan mãnh dựa nhau; chẳng móm chẳng lè, mà cương nhu hợp độ. Đến như, xếp đặt công việc, không gì không hợp lý. Khuyên dân chăm chỉ cấy cấy dệt cửi, xét xử ngục tụng cốt ở giảng hoà. Bởi vậy mà trên dưới hoà đồng, kiện tụng im hẳn; xóm làng hoan lạc, phong hoá lắng trong. Nhà vua nghe thấy, xiết nỗi vui mừng. Cho rằng, việc trấn nhậm một phương, [có được kẻ hiền lương là đủ]. Tháng 7, mùa thu, nhà vua bèn xuống chiếu sai ông thống lĩnh dân chúng sửa sang nha thự ở quận. Thế là, điện đường sùng sững, hành lang vây quanh. Cũng cố thành quách, chia đặt dịch đình. Đào rãnh thông dòng, mở mang vườn tược. Công việc đã thành, nhà vua cho ông là người tài năng, thăng chức Bí thư lang, kiêm giữ công việc Nội phủ, lại cho coi việc ở Thanh Hoá.

Mùa xuân tháng 2 năm Bính Thân niên hiệu Hội Tường Đại Khánh thứ 7 (1116), Ngự giá Nam tuần, đến ái Châu dừng thuyền, xe loan lưu lại. Quạt cờ sáng chói, vũ khí quét mây. Hạp quần thần nhiều vẻ, đặt thứ vị có hàng. Điệu "phong tuyết" múa bảy vòng dâng hiến, khúc "hàm thiều" tấu sáu khúc vang lên. Guơng trời tỏ thì ánh sáng bao trùm, tiết xuân trải thì cỏ cây nảy nở. Phàm nơi biên ải, tể gọi ơn vua. Thực khó gặp cơ hội ngàn năm, ấy là cùng vinh hạnh sâu sắc. Khi Xa giá đã hồi cung, ông bèn triệu tập các phụ lão và thuộc lại trong quận, nói rằng: "Vinh hạnh vâng mệnh vua, ta lại cai quản quận này, gặp Thánh giá tuần du, đến châu này dừng gót. Đúng là: Thái dương sáng soi động khuất, ân trạch thấm đẫm sinh linh. Phụ nữ mừng rỡ ở trong nhà, trẻ già ca vang nơi đường sá. Điều hướng về theo hoa quì hoa hoắc, nguyện đáp đền sự

chiếu cổ nhà vua. Nên sửa sang công đức hai chùa, chúc vận nước ngàn năm dài mãi." Bèn chọn góc nam thành tây, ở đây sẵn có di tích ngôi chùa cổ, nền cũ gạch ngói vẫn còn, đồng vũ thì cỏ gai mọc rậm. Đèn nhang tuy đã bỏ, nhưng phong cảnh vẫn rất riêng. Hai cửa trông ra phía trước, ba sông ôm lấy đằng sau. Vắng vẻ tịch mịch, một khoảng đất bằng. Đúng là chỗ nhà Phật trụ trì, là nơi bồ tát gửi gắm. Đúng vào lúc tục dân đương nhàn, vào kỳ thời vụ tạm gác, ông bèn lệnh cho viên Huyện lệnh Lê Chiếu, đôn đốc công việc. Thế là, lấp hồ san gò, chọn ngày khơi móng. Thợ mộc thợ nề gắng sức, tựa viên đá lặn; trẻ già trai gái giúp duyên, như lớp sóng đổ. Góp lương như kiến, vung rìu [như mây], thời gian không gấp, tích mãi tự thành. Ngắm xem: Rừng nóc như cầu vồng uống nước mưa xa xa lộ rõ, ngói uyên ương phơi trước gió sập sè như muốn lượn lên. Trụ đầu vươn cao như chim trĩ tung bay, cột kèo trạm trổ tựa phượng múa chầu lại. Mái cong dưới mặt trời lấp lánh, hàng hiên đón gió mát quanh co. Tường nạm vẩy quanh, một chút bụi trần không lẫn; hành lang bao bọc, bốn mùa hiên cửa mát trong. Vườn thơm um tùm bên phải, khóm lan mềm mại đầm mướt; ao sâu vắng vẻ bên trái, bông sen nhô nước khoe tươi. Đất giáp lý cung, rừng rú âm u khác biệt; cửa ngang đường cái, là nơi quy tụ người người. Riêng có: Nơi tín đồ nghỉ lại, sắm đủ ghế đủ giường; cấp cho người thiện định, xây đủ kiềng đủ bếp. Chùa chiến ngăn nắp, tượng thánh uy nghiêm. Đã chọn đất nặn hình vi diệu, lại nấu vàng đúc tượng đoan nghiêm. Bởi vì: Muốn truyền tiếng thơm đến vạn thế, há đâu chỉ cầu phúc một thời. Thế là đốc suất: Lại dịch trong ấp ngoài biên, tiền của nhân tài trong nước, đem về đồng núi Thú sơn, tìm thợ tài đúc tượng. Không đầy hơn ba nghìn cân đồng, mà đúc được ba pho Như Lai đẹp. Không tượng mà ra có tượng, cái cơ tuyệt diệu rõ ràng; chẳng sinh mà tựa sinh ra, cái gốc hoá sinh hiện thực. Đó là do: Lửa mạnh dập, đã đầy đủ mười thân;⁽⁵⁾ khói tía tan, thì bảo toàn

trăm phúc. Chính giữa đặt Hiên kiếp Thích Ca Mâu Ni, Quá khứ Ca Diếp trang nghiêm đặt cạnh, Vị lai Di Lặc hiền từ kể bên. Đẽo đá cứng khắc bia dựng dưới đài sen, đủ cả hàng rào bao bọc. Thứ đến là núi Ma Lị toạ trên ruộng phúc, Hậu thế gọi là Kiêu Trần Đa La Tạng.⁽⁶⁾ Đặt trước cửa Phật là pho Hộ Pháp. Đồng còn dư trên một ngàn cân, lại đúc một quả chuông lớn. [Dựng giá lớn ngoài hiên chùa], treo bằng dây đồng, đánh bằng vồ gỗ, để chúng sinh thoát khỏi cảnh khổ, tỉnh giấc hôn mê. Cho đến cảnh vẽ ở tường vôi, mọi duyên nhân quả, thiên biến vạn hoá, hết thấy diệu huyền. Phàm ai nhìn, hay nghe thấy, đều gắng làm việc thiện, răn trừng điều ác, có thể nói, bì với Vương Xá Thành,⁽⁷⁾ sánh ngang với miền cực lạc.

Khi cử lễ khánh thành, tập hợp rộng Thượng sĩ bốn phương, diễn giảng Thất dụ diệu ngôn.⁽⁸⁾ Thánh chúng các nơi, tụ hội như mây ào ào; thần kỳ bốn cõi, đến mừng chúc phúc nuôm nượp. Cúng cỗ chay bằng gạo chín năm trữ được, tiến dâng lên vàng lụa một đời để giành. Tất thấy những người đói cơm, đều được thí chủ bố thí.

Than ôi! Thắng lợi vẹn tròn, lương nhân hoàn tất. Hãy nên đầy đủ đèn nhang, sớm hôm tụng niệm. Phúc thuần đầy rẫy trong dân, lộc lớn tràn như bể cả. [Trước tiên xin chúc]: Thánh vận phồn xương, ứng đất trời phủ dụ giáo hoá; cơ đồ dài mãi, hưởng phúc lớn đến vạn đời sau. Ngũ hành thú tự, thất chính đều nhau.⁽⁹⁾ Thóc lúa đầy kho, biên thuỳ giữ vững. Thứ đến chúc cho: Kết lại Phật duyên, sinh thân năm phúc.⁽¹⁰⁾ Đền đáp nào sai, kiếp đèo phúc tuệ, trâm cài chẳng rơi. Đến với cả nước, cùng bọn xuẩn ngu, tấm nhân duyên này, sinh lòng bất nhẫn. Lớn lao thay! Già lam tráng lệ, gò hang biến mà nền móng càng tăng; bia đá khắc ghi, Bột Hải cạn⁽¹¹⁾ mà tiếng tăm truyền mãi.

Pháp bảo tôi, đã nhiều lần được lệnh, từ chối không đành, chứ dám đâu khoe khoang rằng: Về "Công quả thiện quả,"⁽¹²⁾ đã cứu xét đến cùng cái nguyên do chưa ai lường được; với "Tù nguyên giáo nguyên,"⁽¹³⁾ đã đến được bến bờ

ít ai biết đến. Vậy kính cần kính cần lời quê ghi lại ngày tháng.

Minh rằng:

Tinh diệu tan mất, Ngu trí
này sinh.

Đục trong chia phái, Phải trái
lưu hành.

Giả tạo khơi dậy, Biện
luận phân tranh.

Núi tham cao ngất, ái dục bề
duyên.

Luân hồi nhập kiếp, ai thoát
từ sinh?

Chỉ có phép chính, Độ được mê
tình.

Phật tổ tối linh, Già Duy
giáng tích.⁽¹⁴⁾

Nhân việc lớn lao, Ban ra
công ích.

Sắc tướng hiện ra, Vốn tự
không tịch.

Ba phen đàm huyền,⁽¹⁵⁾ Bốn cửa du
lịch.⁽¹⁶⁾

Người, trời ngựa trông, Tháp, miếu
hiển hách.

Tước sỹ vương công, Đèn nhang
phục dịch.

Có đấng anh tài, Giữ chức
tư mục.

Làm việc trình thuần, Chuyên tâm
trợ lực.

Người xa mến yêu, Kẻ gần kính
phục.

Chiếu chỉ tuyên ra, Vỗ về thế
tục.

Kho lẫm chứa đầy, hoà mục.	Xóm thôn
Trị dân cốt hoà, lạm hình ngục.	Không
Tiếng đến tử thần, quận dân.	Tái nhậm
Thông lĩnh thuyền thợ, quốc quân.	Nhận chiếu
Sửa sang nền cũ, cách tân.	Đường vũ
Công việc hoàn tất, tuần.	Xa giá đi
Ơn ban dào dạt, chúng hoan hân.	Dân
Muốn đáp ân lớn, diệu nhân.	Chỉ sùng
Nghe nói thành Tây, này.	Chùa cổ nền
Cột kèo đổ gãy, mọc đầy.	Cỏ gai
Cụ già trăm tuổi, tùng bày.	Trẻ nhỏ
Đồng lòng hiệp lực, dựng xây.	Nền cũ
Thợ thuyền đông đảo, vung bay.	Dìu búa
Quy mô mở rộng, kỳ thay.	Chạm khắc
[Dân chúng hưng công, khoe mẽ].	Thành trì
Miếu vũ nguy nga, lộng lẫy.	Tháp Phật

Hiên trồng khóm lan, khoe về.	Ao sen
Sáu giờ chuông khua, phương đến lễ.	Bồn
Mở tiệc khánh thành, Thuợng sỹ.	Tụ tề
Rì rầm tụng kinh, dương tôn chỉ.	Tán
Châu báu lụa là, phương hiến đủ.	Bồn
Nền phúc bền lâu, năm Thánh tộ.	Muôn
Rủ áo khoanh tay, cùng cố.	Cơ đồ
Nhận thức chúng sinh, giác ngộ.	Cùng theo
Gánh nặng rời vai, thoát khổ.	Trầm u
Ghi việc dựng bia, truyền bắt hủ.	Lưu

Dựng bia ngày 19 tháng Mười, năm Mậu Tuất, niên hiệu Hội Tường Đại Khánh thứ 9 (1118).

Phụng nghi lang, Thái thường thừa, kiêm quản ngự phủ tài hoá, Kiêu kỵ úy, tứ phi ngự đại, Tá tử Chu Nguyên Hạo, viết chữ.

Lâm Giang (dịch)

chú thích:

1.Theo *Văn khắc Hán Nôm Việt Nam*, bia phát hiện năm 1943, xã Duy Tinh (Thọ Hạc), huyện Hậu Lộc, tỉnh Thanh Hoá, tại một ngôi chùa cổ (nay không còn). Thác bản lưu trữ tại Thư viện Viện Nghiên cứu Hán Nôm, ký hiệu 20953. Tác giả bài văn bia là một nhà sư trụ trì tại chùa Phúc Diên Tư Thánh, Phật hiệu Hải Chiếu đại sư. Ông còn soạn ra văn bia chùa Linh Xứng (Bia số 17).

2.Hoa chiêm bặc: Loài hoa mọc ở đất Phật. ở đây mượn để chỉ sự tinh túy của giáo lý nhà Phật.

3.Sữa đề hồ: Chất tinh túy quý nhất của sữa. ở đây dùng để chỉ cái vị của giáo lý nhà Phật tinh túy, làm cho mọi vật lâu nay bị héo khô bởi những phiền não của cõi trần đều tươi nhuận trở lại.

4.ý chỉ Phật sinh vào đời Chu, du nhập vào Trung Hoa vào đời Hán. Đây dùng để chỉ Phật giáo đã truyền đến chính nơi này.

5.ý nói những pho tượng đã đúc được đều hoàn mỹ.

6.Ma Lị và Kiều Trần Ma La Tạng: Chưa rõ xuất xứ.

7.Vương Xá Thành: Thuộc miền trung ấn Độ, nơi Phật giáo thịnh hành một thời.

8.Thượng sĩ (Kẻ sĩ bề trên), đây chỉ những người tu hành đã ở bậc cao.

Thất dụ diệu ngôn (7 lời dụ tuyệt diệu), có lẽ chỉ những lời dạy của Phật.

9.Ngũ hành: Kim, mộc, thủy, hỏa, thổ.

Thất chính: Mặt trời, mặt trăng và năm vì sao.

10.Năm phúc: Túc phú quý thọ khang ninh.

11.Gò hang (lăng cốc) và Bội Hải, trong văn bia dùng để miêu tả sự biến đổi cả một vùng để xây cất ngôi chùa. Bội Hải, vùng biển ở vùng đông bắc trung Quốc.

12.Công quả thiện quả: Kết quả thu được sau khi làm việc thiện (Thuật ngữ đạo Phật).

13.Từ nguyên giáo nguyên: Nguồn gốc của giáo lý, tức của Kinh, Luật (Thuật ngữ đạo Phật).

14.Già duy: Túc Già tỳ la phạt tuy đồ (Kapilavastu), nơi Phật Thích Ca giảng sinh.

15.Ba phen đàm huyền: Chỉ việc Phật Thích Ca vừa mới đi tu đã phải ba lần tranh luận với các tu sỹ Bà La Môn về phép tu hành.

16.Bốn cửa du lịch: Chỉ Phật Thích Ca, khi là còn là Thái tử, bốn lần ra cửa thành chơi, gặp bốn cảnh khác nhau, đã gọi cho Thái tử xuất gia.

6. 乾尼山香嚴寺碑銘

càn ni sơn hương nghiêm tự bi minh

Càn Ni sơn Hương Nghiêm tự bi minh

Phù! Tuỷ phán huyền hoàng, triệu phân thanh trọc; tam tài ký biện, vạn tượng dĩ trần. Quý tiện thù đoan, trí ngu bất đẳng, thụ lưu thành hải, thanh trần vi nhạc. Khí bản tuần mật, tuần hoàn bất dĩ, thất kỳ tự nhiên chi tính. Cổ ngã Đại Hùng thị, giáng sinh Già Vệ, mẫn vật quyền hình, khai phương tiện môn, tế chư quần phẩm, trùng ác khuyến thiện, dụ kỳ mê cốt hĩ. Tự hậu, kim sa hải tích, tượng giáo phi truyền, xứ xứ quy y, phương phương hâm mộ. Hoặc sơn xuyên tự lạc, hoặc thành ấp hùng đô, tiết tị nhân từ, cơ liên liệt sái, khởi bất xí tông phong ngưỡng đạo giả dư?

Càn Ni sơn Hương Nghiêm tự, tức Đạo Dung Thiền sư huý mỗ, trùng tu tập dã. Sư tiên tổ Việt ái Châu Cửu Chân quận lệnh tộc, Trần quốc bộc xạ Lê Công, gia phú hào thịnh, tích cốc nhất bách dư thập lẫm, môn dưỡng tam thiên khách. Đốc hoài thiện bản, khôi sùng tượng giáo, thác tư gia cảnh, minh truyền Hương Nghiêm, Trình Nghiêm, Minh Nghiêm tam thiền viện, các lạc minh ký chi. Thời châu quận dân tất bị tuế cơ, Công chấn đại kỳ cốc nhi tế chi. Đãi Đinh Tiên Hoàng văn Công hữu đạo, phong vi ái Châu, Cửu Chân quận đô quốc dịch sứ, Kim tử quang lộc đại phu. Sắc ban bán kỳ, đông tự Phân Dương, nam tự Vũ Long, tây tự Ma La sơn đỉnh, bắc tự Kim Dung nham cước, đại đại tử tôn sung vi quản giới. Đáo Lê Đại Hành hoàng đế, tuần du Ngũ Huyện giang, kiến kỳ tự dĩ đổi nhiên, tục bổ cầu chi. Đáo Lý gia Thái Tông hoàng đế, nam hạnh Hoan Châu, lẫm tư phạn vũ, miên lịch đại tự,

đồng lương huy hủ nhi phục sùng chi, kiêm sắc tứ Công kiêm chi đích diệt Đạo Quang trưởng lão sung vi thiên chủ, cấp tứ đại hình ngũ danh nhi chủ trì yên. Trưởng lão tức sư chi nghiêm phụ dã. Thời, Thái Tông trạch bí quận dân, Sư tòng huynh Thái phó Lưu công trác nhiên hữu di, chiếu nhập nội đình. Ký Thánh Tông lập cực, Công thị duy ác chi trung, lũy thừa sùng quyền. Đãi đương kim Minh Hiếu hoàng đế tiến tộ ngự bảo, niệm công bất lượng tam đại hữu công, phong vi Nhập nội nội thị sảnh đô đô tri, Kiểm hiệu Thái phó kiêm cung dịch sứ, Đại tướng quân, Kim tử quang lộc đại phu, Thượng trụ quốc, Khai quốc công. Thực ấp lục thiên thất bách hộ, thực thực phong tam thiên hộ, tịnh sắc sát kỳ tông tổ.

Ư Bính Thìn niên, ngẫu sả gia hương, tầm cầu thiện hữu, phù bôi Nam hải, chấn tích vương thành, cảm ngộ Phạm tăng hiệu Cao Thiên giả, Sư sự nhi tham văn pháp yếu. Phạm sư viết: "Pháp bản vô pháp, tương hà thốn yên"? Sư nãi văn chi, khoát nhiên khai ngộ. Sư phục lịch Lô giang thượng tổ, trắc Thấu đài sơn. Lãm tư thắng cảnh, thực tức khế tâm. Mệnh công quĩ nhật, điệp thạch pjan cơ nhi ngật sùng phạm vũ, thụ viết: Khai Giác tự. Cảm Thụ Thánh công chủ cấp Thái phó Lưu công cấp kỳ khí dụng.

Ư Đinh Mão niên, S ngẫu hoàn cự ấp, kiến Hương nghiêm tự dĩ đòi hoại, nãi vị huynh Lưu công viết: "Nhân hiền bất vong tiên tổ chi tung, nguyện công nhi phục sùng chi." Công văn kỳ dụ ngôn, khoát nhiên nhi hỷ. Công nãi vị quốc tướng Thái uý Lý công viết: "Hương Nghiêm tự giả thị du tiên tổ chi sùng tu, kim dĩ đòi lạc. Công chi dữ du nhi cộng sùng chi." Thời Thái uý Lý công sưu tài vận cân nhi phục sùng tu.

Tân Dậu trung, Thiều, Tô nhị phò ký lang tầu khát tổ tiên bộc sạ điền địa khoảnh lý. Đế lý thù Bối Lý giáp, hệ Lê công tông tộc. Ư kỳ niên thu, Thái uý Lý công đảo, nhậm khoảnh điền, lập thạch bi, phân điền dữ lương giáp. Tuỳ thượng đảo A Lôì đàm, bán đàm dữ Bối Lý giáp, bán đàm dữ Viên Đàm giáp. Thái uý trùng bảo lương ngạn lương giáp, bắt hoạch thủ mảo lu nhất điệp. Su tức sắc sá hệ Lê công đệ.

Đảo Đinh Mão niên, phụng chiếu điệp nhập nội đạo tràng. Nhân Dần trung, tái yết cộ cảnh. Nhân vật tuy cải, sơn thủy y nhiên, cơ chỉ do tồn. Túc mệnh lương công độ tài trùng tu kỳ tự. Bàn đà thạch thượng, kim tướng nghiêm nhiên, Tuy đồ ba trung, toàn thân đa bảo. Thiềm huy hân xí, ngoã điệp bài lân, lan thuần thanh hư, môn quynh sường khoát. Tả dịch sùng nguy lâu nhất tọa, nội quản sương chung. Hữu chi dịch lập thạch bi, kỷ kỳ công huân, thứ thiên tải chi bất dẫn. Viên dung hoàn nhiều, quynh cách hiêu trần; hoa mộc la giai, hương yên phúc úc. Phục trần khánh tịch, nãi mệnh chân lưu, phụng vô thượng linh thuyên, chúng vô sinh pháp nhãn. Dĩ tư giới chỉ, thượng chúc hoàng cung đẳng nhật nguyệt hằng minh, tịnh sơn hà vĩnh cố. Tiền tinh tảo giáng, tất cảm nguyện tâm. Dịch điệp truyền phương, phi thừa đại bảo. Nhiên nguyện đại đàn viết chủ, tín thành bất đạn, nguyện lực vô vong, các ngộ bản tâm, đồng đẳng bỉ ngạn. Thứ tiến vi tiên tổ khảo tri, quá vãng chu thân, hàm khế bản tâm, câu đẳng Phật địa. Su nãi vị chu đồ viết: "Sự thành tất ký, dĩ di hậu đại khả quan." Su nãi câu văn ư dư. Cố từ bất miễn, cần ký kỳ tuế nguyệt nhi dĩ.

Trục vi minh viết:

Tam tài ký biện,
Quý tiện phân yên.
Khí bàn tuần mật,
Thất tính tự nhiên.
Chí hỷ hoàng giác,
Thị tướng quyền hình.
Thuyết pháp lợi sinh,
Chứng tế quần linh.
Hàm chứng diệu duyên,
Tận sử khang ninh.
Kim sa hồi tích,
Tượng giáo phi truyền.
Thành ấp tự lạc,
Khê hác sơn xuyên.
Tương vọng liệt sái,
Dĩ lý thanh uyên.
Vĩ tai bộc sạ,
Khắc sùng quyết chỉ.
Hương Nghiêm tích cầu,
Không tồn cơ chỉ.
Kỷ đại thánh du,
Kế tập bất dĩ.
Tur kỳ tiên tổ,
Cảm chí đạo dung.
Trùng cầu kỳ tự,
Tái sức kim dung.
Cụ lập thạch bi,
Kháng huyền sương chung.
Lục thời quá kích,
Cửu loại khoát mộng.
Vận cân tiệm tâm,
Khánh tịch cao sùng.
Thuần hi hốt thuý,
Thượng chúc quyền thông.
Tảo giáng tuyền tinh,

Dịch điệp hung long.
Du cập đồng duyên,
Thú tiến tông phong.
Chúng ngộ vô sinh,
Vĩnh thoát trần tung.
Lặc thạch kỷ công,
Thời vạn vô cùng.

Thiên Phù Duệ Vũ ngũ niên Giáp Thìn thập nhị nguyệt sơ tứ
nhật, tề độ khát lập.

Bảo Thái thất niên tuế kỷ Bính Ngọ đông tiết, bản xã
Diên Hào thôn Thượng giáp nhân, tự tăng Lê Văn Nghi tự
Tĩnh Trạm tá thạch công tái y cựu tự khắc. Thạch tượng
an Hoạch xã, Nhuệ thôn nhân Lê Huân Danh khắc.

dịch nghĩa:

Văn bia chùa hương sơn núi cần ni

Văn bia chùa Hương Nghiêm núi Cần Ni⁽¹⁾

Kìa như: Khi mới tách huyền hoàng, thì đã chia ra trong đục;⁽²⁾ tam tài được
bàn rõ,⁽³⁾ thì muôn tượng phô bày. Kẻ hèn người sang không cùng một mối, kẻ sáng
người ngu nào có như nhau. Nước chảy thành biển, bụi lắng thành non. Cứ bỏ cái gốc
theo cái ngọn, luẩn quẩn mãi không thôi, sẽ làm mất bản tính tự nhiên. Cho nên, họ
Đại Hùng nước ta, phải giáng sinh xuống thành Ca Vệ,⁽⁴⁾ thương mọi vật nên tạm thời
hoá thân, mở ra cánh cửa phương tiện, để cứu vớt quần sinh, khuyên thiện răn ác, thức
tỉnh u mê. Về sau, ẩn tích ở Kim Sa, tượng giáo truyền rộng, chốn chốn qui y, nơi nơi
hâm mộ. Ngài lúc ở núi ở sông, khi ở thành ở ấp. Nên chùa như răng lược, tháp dựng
nền cao. Đó há chẳng phải là một việc nêu cao phong khí, ngửa đón đạo pháp hay
sao?

Chùa Hương Nghiêm ở núi Cần Ni, là do Thiền sư Đạo Dung, huý Mỗ trùng
tu vậy. Tiên tổ của Thiền sư là Trần quốc bộc sạ Lê công, một lệnh tộc ở quận Cửu
Chân, châu á, nước Việt, trong nhà giàu có, trử trên một trăm mười đụn thóc, nuôi ba
nghìn môn khách. Thiền sư là người chăm làm việc thiện, tôn sùng tượng giáo, mở ra
cảnh này, danh truyền ba Thiền viện Hương Nghiêm, Trinh Nghiêm, Minh Nghiêm,
thầy đều có bia ghi lại. Khi ấy, dân trong quận trong châu đều bị mất mùa đói kém,
ông đã đem thóc của nhà ra phát chẩn. Về sau Đinh Tiên Hoàng nghe thấy ông là
người hữu đạo, phong làm Đô quốc dịch sứ, Kim tử quang lộc đại phu quận Cửu

Chân, châu ái. Lại ban cho nửa cỗi, đông từ Phân Dịch, nam đến Vũ Long, tây từ đỉnh núi Ma La, bắc đến chân núi Kim Cốc, để cháu con đời đời cai quản. Đến khi vua Lê Đại Hành tuần du qua giang Ngũ Huyện, thấy chùa này bị đổ nát, tiếp tục cho sửa sang. Tiếp đến đời vua Thái Tông nhà Lý, tuần hạnh phương nam tới châu ái, ghé thăm cảnh chùa, thấy trải nhiều đời thờ tự, cột kèo gãy nát, lại cho sửa sang tôn tạo, lại sắc ban cho cháu đích của ông là Trưởng lão Đạo Quang sung làm Thiền chủ, và ban cho năm người khác làm Đại hình tới trụ trì. Trưởng lão tức là nghiêm phụ của Thiền sư. Khi ấy, vua Thái Tông tuyển chọn người trong quận, người anh họ của Thiền sư là Thái phó Lưu công,⁽⁵⁾ có tướng mạo khác thường, nên được kén vào nội đình. Khi Thánh Tông tại vị, Lưu công hầu trong màn trướng, luôn được sủng ái. Đến khi đương kim Minh Hiếu hoàng đế lên ngôi,⁽⁶⁾ nghĩ đến công lao giúp rập ba triều của ông, bèn phong cho làm Nhập nội thị sảnh đô đô tri, Kiểm hiệu thái phó kiêm cung dịch sứ, Đại tướng quân, Kim tử quang lộc đại phu, Thượng trụ quốc, Khai quốc công. Lại được ban thực ấp sáu ngàn bảy trăm hộ, thực thực phong ba ngàn hộ, và sắc ban cho tới tông tổ.

Vào năm Bính Thìn (1076), sư bỗng dưng bỏ quê, đi tìm bạn tốt, lênh đên khắp bề Nam, rồi trụ trì tại kinh thành, gặp được một Phạn tăng, tên Cao Thiền. Thiền sư cảm mộ tài năng họ Cao mà tôn làm thầy theo học, thường hỏi về những điều cốt yếu của Phật pháp. Thầy Phạn trả lời rằng: “Pháp vốn không có pháp, biết lấy gì bảo người”? Sư nghe lời dạy, bỗng nhiên giác ngộ. Sau đó, Sư lại ngược dòng sông Lô lên thượng nguồn, trèo lên núi Thấu Đài. Thấy đây là nơi thắng cảnh, nên ở lại. Rồi sai chọn ngày, sếp đá đắp nền, dựng lên phạn vũ, đặt tên là chùa Khai Giác. Đã được Thụy Thánh công chúa và Thái phó Lưu công cấp cho vật dụng.

Vào năm Đinh Mão (1087), sư bỗng nhiên trở về ấp cũ, thấy chùa Hương Nghiêm đổ nát, bèn nói với anh là Lưu công rằng: “Người hiền có lòng nhân, không bao giờ quên tung tích tổ tông, xin ông lại cho tu sửa.” Lưu công nghe lời khuyên, bất giác trong lòng vui vẻ nhận lời. Ông lại nói với Quốc tướng thái uý Lý công rằng: “Ngôi chùa Hương Nghiêm vốn do tiên tổ tôi sùng tu, nay đã đổ nát, xin ông cùng tôi sửa sang lại.” Khi ấy Thái uý Lý công mới sắm sửa vận chuyển gỗ lạt, rồi tiến hành tôn tạo từng tu.

Giữa năm Tân Mùi (1091), có hai vị Phò ký lang họ Thiều và họ Tô, tâu xin lại khoảnh ruộng của tiên tổ là

Bộc xạ. Vua xét lời tâu, bèn trả lại số ruộng ở giáp Bồi Lý cho họ hàng Lê công. Mùa thu năm ấy, Thái uý Lý công đến, chuộc lại khoảnh ruộng, dựng bia đá, chia ruộng ấy cho hai giáp. Ông lại tới đầm A Lôi, chia một nửa đầm cho giáp Bồi Lý, một nửa đầm cho giáp Viên Đàm. Thái uý lại bảo cho hai giáp hai bên bờ đầm biết, không được lấy một lá rau, một ngọn cỏ ở đấy. Lại lập tức có sắc giao cho thuộc về dòng dõi ông họ Lê.

Đến năm Đinh Mão (1099), Thiền sư vâng chiếu điệp vào nội thị lập đạo tràng.⁽⁷⁾ Giữa năm Nhâm Dần (1122), sư lại về thăm cảnh cũ. Con người và cảnh vật nơi đây đã thay đổi, nhưng sông núi thì vẫn như xưa, nền chùa cũ hãy còn. Sư lập tức sai tìm thợ tài, chọn mua gỗ lạt, trùng tu ngôi chùa. Chùa sửa xong: Chênh vênh trên đá, tượng Phật uy nghiêm; trong sóng nhấp nhô, chùa báu nổi bật. Hiên vườn cánh trĩ, ngói xếp vẩy lân; thoáng mát lan can, thanh thang cửa ngõ. Bên trái có một toà lầu cao lộng lẫy, trong treo quả chuông to. Bên phải dựng tấm bia đá, khắc ghi công lao, để ngàn năm không phai lạt. Lại bao quanh tường gạch, bụi bặm cách xa; tươi tốt cỏ hoa, khói hương ngào ngạt. Lại khi khánh thành bày tiệc, sai mời cao tăng, tụng kinh Vô thượng, chứng phép Vô sinh. Đem phúc lộc này, hiến dâng Hoàng thượng, nhật nguyệt sáng cùng, non sông mãi vững. Điềm lành sớm giáng, ắt cảm lòng thành; dòng dõi lưu truyền, kế thừa ngôi báu. Nhưng, xin Đại đàn viết chủ: Tin tưởng thành tâm không ngại, chớ quên phải gắng sức mình, đều chung lòng giác ngộ, miền cực lạc cùng lên. Lại dâng cha mẹ tổ tiên, cùng người thân đã mất, đều hoà hợp một lòng, để cùng lên đất Phật. Xong xuôi, Thiền sư nói với các đồ đệ rằng: “Việc xong ắt phải ghi lại, để lại đời sau quan triêm.” Thiền sư mới bảo ta soạn bài văn, từ chối không được, xin chép ghi năm tháng vậy!

Một mạch làm bài minh rằng:

Tam tài phân biệt,
Quý tiện chia đôi.
Bỏ gốc theo ngọn,
Mất tự nhiên rồi.
Lớn thay đức Phật,
Tạm hiện tướng hình.
Sấn lòng thuyết pháp,
Cứu vớt sinh linh.
Chứng duyên kỳ diệu,
Thầy được khang ninh.

Cát vàng ản vết,
Tượng giáo lưu truyền.
Đô thành xóm ấp,
Khe suối sơn xuyên.
Xa trông chùa tháp,
Ngói xanh xếp liền.
Bộc xạ lớn thay,
Thực thi ý chỉ.
Chùa cũ Hương Nghiêm,
Nền xưa vẫn để.
Mấy đời vua qua,
Sửa sang không nghỉ.
Nhớ ơn tiên tổ,
Cảm chí Đạo Dung.
Chùa này sửa lại,
Dát tượng vàng dòng.
Đều dựng bia đá,
Lầu treo chuông đồng.
Sáu giờ chuông đánh,
Chín loại khoan dung.
Khánh thành tiệc mở,
Công việc tạm xong.
Phúc thuần tích tụ,
Thánh Thượng minh thông.
Sớm giáng điềm tốt,
Dòng dõi hưng long.
Chúc kẻ cùng duyên,
Dâng tiến tổ tiên.
Vô sinh chứng giám,
Mãi thoát trần duyên.
Ghi công khắc đá,
Vạn kiếp lưu truyền.

Ngày 4 tháng 12, năm Giáp Thìn, niên hiệu Thiên Phù Duệ Vũ thứ 5 (1124),
sau tiệc chay dựng bia.

Mùa đông năm Bính Ngọ, niên hiệu Bảo Thái thứ 7 (1726), người giáp Thượng, thôn Diên Hào bản xã, thầy chùa Lê Văn Nghi, tự Tính Trạm, mượn thợ đá khắc theo như bản cũ. Thợ đá người thôn Nhuệ, xã An Hoạch là Lê Huân Danh, khắc.

(Lâm Giang dịch)

chú thích:

1.Theo *Văn khắc Hán Nôm*, năm 1942, bia vẫn dựng ở chùa Hương Nghiêm, thôn Diên Hào, tổng Diên Hào, huyện Lô Dương, phủ Thọ Xuân, nay là xã Thiệu Trung, huyện Thiệu Hoá, tỉnh Thanh Hoá. Văn bia khắc lại vào mùa đông năm Bảo Thái thứ 7 (1726), do sư chùa Lê Văn Nghi, tự Tính Trạm, mượn thợ khắc là Lê Danh Huân thực hiện. Bản rập văn bia (bản khắc lại), hiện lưu giữ tại Thư viện Viện Nghiên cứu Hán Nôm, ký hiệu 20957.

2.Huyền hoàng, trong đục: Chỉ trời đất.

3.Tam tài: Tức trời, đất và người.

4.Ca Vệ: Tức Ca Duy La Vệ (Kapilavastu), nơi Thích Ca Mâu Ni giáng sinh.

5.Thái phó Lưu công: Tức Lưu Khánh Đàm (Xem bài văn bia số.... *Hoàng Việt Thái phó Lưu công mộ chí*).

6.Minh Hiếu hoàng đế: Tức Lý Nhân Tông (1066 – 1128).

7.Đạo tràng: Nơi thờ Phật, cũng là nơi tu hành.

8. 古越村延福寺碑銘

cổ việt thôn diên phúc tự bi minh

CỔ VIỆT thôn Diên Phúc tự bi minh tịnh tự

Suy thành hiệp mưu, Bảo tiết thủ chính, Tá lý dực vận công thần, Thủ thượng thu lệnh, Khai phủ nghi đồng tam ty, Nhập nội nội thị tỉnh đô đô tri, Kiểm giáo thái uý kiêm Ngự sử đại phu, Dao thụ chư trấn tiết độ sứ, Đồng trung thu [minh chính] bình chương sự, Thượng trụ quốc, Thiên tử tú [tính], [phụ quốc] thượng [tuống] quân, Nguyên suý [đại] đô [thống], [thực ấp] nhất [vạn hộ], thực thực phong tú [thiên] hộ, Việt Quốc công mẫu thị lập thạch.

Cái văn: “Chỉ chân vô tượng, uyên tích hệ giả hào soán triện dĩ nan minh; diệu bản vong ngôn, xung hư hệ chấp thuyên đề nhi mạc cứu.” Lượng kỳ quảng tắc bao hàm khung hoại, xứng kỳ tế tắc nhiếp nhập hào mang, kỳ duy thánh hồ, nãi năng khiết hỷ. Y dư! Ngã Phật thị hiện hình ca vệ, mệnh tích tây càn. Minh thông chỉ chân, bác cứu diệu bản. Thuyên không hữu huyền cơ, pháp môn bất nhị; hưng đồn tiệm hải giáo, giác lộ đồng quy. Đạo hoả trạch dĩ tam xa, chứng mê phàm dĩ lục độ, nghi hồ thập sát quy kính, tam giới xứng sư. Thị dĩ nhập diệt chi hậu, hương lư bang vực mậu kiến kỳ chiêu đề chi đề; quốc vương đại thần giao tu kỳ kim tượng tổ tượng. Khuynh nô tàng dĩ cúng hiến, vông hữu lạn tâm; thác châu cơ dĩ bí nghiêm, bất từ phí dụng. Tận quy thành ư tam bảo, nãi kiệt xảo ư bách đoan. Tư giai kiêu ngưỡng kỳ từ phong, nhi khôi trương ư tượng pháp hĩ.

Kim Diên Phúc tự giả, thực Thái uý Việt Quốc công chi mẫu sùng hữu tác sự nhi sáng lập dã. Mẫu tức Pháp Thi chi ngoại tôn, Phù lại chi quý nữ. ầu thủ trình chuyên, bất vọng hy hỷ, cụ thiên phán chỉ mỹ chất, hữu dương thá chi ôn nhan. Ngôn ngữ nhu hoà, tính hạnh uyên ý. Ký kê nhi giá dữ tướng công Đỗ thị vi khang lệ. Hằng dĩ thực thân quai niệm, khẩu bất xuất ư thị phi; khoan thứ trạch tâm, sắc hân hình ư hỷ nộ. Sở tức nhị tử, nam tức Thái uý Việt Quốc công dã. Phủ bát tuế thời, cơ phu oánh tĩnh, trạng mạo hoàn kỳ. Nhân Tông triều tuyển trúng Thượng lâm đệ tử, thiện phi yển chỉ kỹ, năng tẩn thanh chi âm, liệt tại tiền nhi thượng xứ. Đãi thập lục tuế, khí khái đường đường, uy nghi lệ lệ. Thần Tông triều trạc thị duy ác, túc tiêu phi giải, ngôn hành bất quai, sùng quán lục thượng phụng ngự. Cập niên du nhĩ ký dư, kháng khái đại tiết, trác lịch hoành tài, hiển thế tận [quy], du vi tuyệt diệu. Kim Thượng Hoàng đế đăng cực, Quốc mẫu Thái hậu lâm triều, công dực tá nhĩ thánh, quân đảo vạn bang. Kiểu ngoại hoặc bản vong chi ấp, nãi ác tiết [trường] chính, phu lỗ quy nhĩ ái đạo, khả vị hữu nhân tất dừng dã. Kỳ nội hữu hiệu tường chi vật, toại khuất cung khắc nhạ, trần kỳ tiến ư Thượng đồ, khả vị quy mỹ ư quân [dã]. Thế hữu anh bệnh chi nhân, my diện thân thị, bình lai cụ ngôn, nhân văn dĩ quyết chí, từ sinh giai nghiệm, khả vị quán quốc chi lương y dã. Thời hội xa sách chi tử, dĩ [] cật nan, sử tu sở thức, khám thù nhĩ [bình] chi, ưu liệt vô sai, khả vị vi nhu chi đại giám dã. Đề niệm kỳ công đa nghệ bị, [triếp] thiên Kiểm hiệu Thái uý, [vi] [quán] Thượng phụ, hựu tứ tính yên. Phóng bãi dao dịch ư tam tộc, huyền hội mệnh phục vi cửu chương, uỷ nhiệm Thanh Hoá phủ dao thụ chư trấn trại. Thảng phi công chi [] lực [], [] [] trung bảo quốc, hà kham thượng tướng nhược tư chi thịnh hỷ.

Nữ viết Quỳnh Anh, thần tu hoa lệ, tình thái tắc uyên, giá Kim bộ Viên ngoại lang Phạm thị, hoạch nam viết

Quốc Hiền. [Thời] Quỳnh Anh thệ hỷ, Quốc công dữ mẫu thị nghĩa vi kỷ tử, nhật hoài bảo cúc dục, thậm ư kỷ chi sở sinh. Đãi kỳ tiến trưởng, tủng chi sử học, lục nghệ biến du, quần thư [bác] tập. Khương Nha chi thao lược kiêm cai, Trương Chi chi cân cốt tận hoạch. Thuởng nhân kiến nhi duyệt chi, mệnh suý sư nhi đương phong, tráng tâm hà uý; tỷ phi bạch nhi đối ngữ, kiện bút bất đình. Nãi sắc tứ bá Trữ tử chi chúc yên. Lương do Mẫu thị chi môn, tích thiện hữu dư khánh giả, thị dĩ luỹ [thế] kiệt xuất dị nhân dã.

Quốc công tự [thiếu] chí trưởng, lịch quan sở hoạch bổng lộc chi tư, tiên thâm ư mẫu, dĩ báo sinh dục chi khổ. Mẫu niệm quyết phú ân, kiến sở tự chi thiêm hỷ; hữu chu nhĩ dĩ, tài hồi [] [] vu Phật. Cổ mỗi tuế chung thủy, thiết trai hội dĩ chí tái tam. Hằng nguyệt sóc vọng, giảm gia tư dĩ trần trần pháp, sở vị tích nhi năng tán yên. Hoặc triều dã đầu [đà] [] [] tạo kỳ môn nhi xướng câu kệ, khát kiến kiều lộ tắc tùy thanh nhi tứ dư. Sở vị quảng ư bổ thi yên. Phả mộ thiên gia chi tổ chí, hoặc tăng ni đạo tục chi lưu, [đàm] vô sinh chi thú, triếp hứa đoàn loan thân tọa, bất trở quý tiện. Sở vị hiếu vẫn tắc dụ yên.

Cổ Việt thôn giả, cái tiên tổ Đỗ Pháp Thi bản khởi chi địa dã. Mẫu biệt tri [thông] trang, tự thần đô dĩ tuân vu bi. Kỳ cảnh, đông tắc trùng quyết Hoàng Lăng kê nhi căng đại tị; nam tắc tương vọng Đàm Tiết giang nhi khai trường mẫu; tây cứ bình pha chi cao [hoại], [] [] tịch chi ngu; bắc nhiều Vực giang chi tuần lưu, lợi vãng lai chi tiện. Quyết trung thị Pháp Thi chi sở trú tích hỷ. Cự cơ bán tại, dục tập tân chí. Khảo âm dương hợp [bối] chi phương, trí tử tôn hanh phú thọ chi lợi. Lập cam điện ư trung ương, sườn hồi lang ư ngoại điện. Toạ nghiêm Đại Bi bồ tát, bàn thị Văn Thù, Phổ Hiền, tả Bà Tầu [tiên nhân, hữu] Công Lực thiên nữ. Liên tọa chi hạ cấp, vệ dĩ tứ đại thiên vương. Thụ lang chi lưỡng bạn, liệt dĩ bát thần phật tướng. Tiền lang chi nhất ngưng, nghiêm trí Pháp Thi tổ [tương; tam quan] chi nội điện, ngẫu lập Hộ pháp thiên thần. Chi Sơn hoà thượng, Thổ Địa đại vương, tọa tiền lang dĩ tương đối. Tiền lang chi ngoại, tả tùng lâu nhi huyền bảo khí, hữu kiến xá nhi tí văn bi. Tam quan chi ngoại, sở song trì nhi chủng hạ liên. Chính điện chi hậu, khai nhất trường dĩ trừ thu nhảm.

Tự kinh thủy ư Đại Định thập thất niên Bình Tỹ trọng xuân, thích thú ư thập bát niên Đinh Sửu quý hạ. Dĩ kỳ điêu khắc chi quý chế cáo chu, hội hoạ chi ác thái văn tất. Vu sai cốc húc, dĩ hạ thủy thành. Ban sở nhập bang vực, mệnh ứng chế chi [] []; lại thư khẩu ẩn phi, nhạ thê chân chi truy lữ. Ư thị phát vi kiều thỉnh, giảng ý khai hành. Căng kỳ hoàng tử, hàm trần thắng tịch, quảng phu liên thiết, cao xướng kim ngôn. Vu thời [thi] kỳ [phan] cái, tận dĩ vụ [] giao tiêu; cũng kỳ trai tu, khiết bi hương sơ ngọc lập. Phát sở tích chi hậu lộc, chu [nan] cấp chi cùng môn. Bồ bạch chi [sát] cận thiên, bảo tiền chi mãn bội vạn. Sở ký lợi lạc tiền vong, khánh lưu hậu duệ, cổ thụ viết Diên Phúc tự yên.

Hữu nhất nhật, Mẫu triệu Công Diễm, vị viết: "Ngô tập thành thử [tự], liên [phụ] ngô tông chi điền, tận uỷ phó u Quốc Hiền, vật tư tha tộc sở bức. Nhi bi văn vị hữu, tử vi ngô lược kỷ tuế nguyệt, dĩ chiêu thị lai giả." Thiết tự niệm, quả thức bất tài, [đồ bị nhỏ] mạt. Cổ kỷ sai loại, diệc thậm khoả yên, độc mộng tứ chi bảo noãn, hựu hứa lưu danh u khả cửu, tư phi hậu hạnh tà ! trí dĩ bất cảm cố từ, trực thư vu tả.

Kỳ minh viết:

Chính trực chí đạo,

Chí thâm chí tích.

Thị yên thả vô,

Bác chi bất hoạch.

Khởi hưng ức đàm,

Mỹ hào oán triện sách.

Kỳ duy thánh nhân,

Nãi năng khoá trách.

Đãi ngã phạt xuất,

Hải giáo bằng thi.

Hưng đồn tiệm pháp,

Thuyên không hữu cơ.

Quyền môn phương tiện,

Chứng tế mê si.

Thập sát quy kính,

Tam giới xứng sư.

Tứ thập cửu niên,

Song lâm cáo diệt.

Từ phong bãi phiến,

Diệu quỹ nhưng chiết.

Thụ chúc vương thân,

Tượng pháp tục thiết.

Tháp miếu tương vọng,

Tinh phạm kỳ liệt.

Quốc công mẫu thi,

Hồi hướng chân phong.

Xứ xứ giáp đệ,

Tiền sửng liên cung.

Tịnh diên cửu khái,

Mỗi tuế thủy chung.

Sóc vọng thường thi,

Cãng cô mẫn cùng.

Cổ việt danh thôn,

Pháp Thi sở khởi.

Trị đạo vi lương,

Dĩ tuân vu bi.

Đông Hoảng Lãng Khê,

Trùng quyết lưu thủy.

Nam trường mẫu điền,

Trừ tăng ức tỷ.

Đương trung tập cầu,

Diên Phúc thị danh.

Đại Bi vi chủ,

Thủ nhãn cụ thành.

Kim Cương bát tướng,

Phấn quyết uy linh.

Bì lặc phương độc,

Chung tuyên giáo thanh.

Thứ công cáo toàn,

Hạ thành quyền nhất.

Triều dã trì só,

Kỳ nghênh ẩn dật.

Nhĩ hà tiến trăn,

Tán bối dương dật.

Thi lợi vạn mân,

Phát tệt thiên sất.

Trượng tam bảo lực,

Đáp tứ trùng ân.

Khánh tư tổ khảo,

Phúc di tử tôn.

Mẫu dã sở tác,

Văn bát đàn luận.

Đề danh nhập thạch,

Vạn thể trường tôn.

dịch nghĩa:

bia chùa diên phúc thôn cổ việt

**Lời tựa và bài minh trên bia chùa Diên Phúc thôn Cổ
Việt⁽¹⁾**

Mẹ ông Suy trung hiệp mưu, Bảo tiết thủ chính, Tả lý
dục đối công thần, Thủ thượng thư lệnh, Khai phủ nghi
đồng tam ti, Nhập nội nội thị sảnh đô đô tri, Kiểm hiệu
Thái uý kiêm Ngự sử đại phu, Dao thụ chư trăn Tiết độ sứ,
Đồng trung thư minh chính bình chương sự, Thượng trụ
quốc, Thiên tử tứ tính, Phụ quốc thượng tướng quân,
Nguyên suý đại đô thống, Thực ấp một vạn hộ, Thực phong
bốn ngàn hộ, Việt Quốc công, dựng bia.

Tùng nghe nói rằng: "Cái rất thật thì không có hình,
dù hằn xuống rất sâu nhưng là hằn giả, khó làm sáng tỏ;
nền móng vững mà không nói ra, như nắm cái dò bắt thỏ,
cái đó đơm cá rỗng tuyệtch, chẳng được việc gì." Tính
được bề rộng thì bao quát được nhiều, biết tới sự nhỏ bé
thì thu lại được vật nhỏ, việc đó chỉ có bậc Thánh mới
có thể làm được. Kia như! Đức Phật ta hiện hình ở Ca
vệ,⁽²⁾ để lại dấu vết ở Tây Càn.⁽³⁾ Ngài thông tuệ tuyệt
vời, nghiên cứu rộng nguồn gốc. Thuyết lý diệu huyền,
của Phật pháp không hai; sắp đặt giáo lý, đường giác ngộ
cùng về. Chở nhà lửa bằng ba xe,⁽⁴⁾ vớt mê phàm bằng sáu
độ.⁽⁵⁾ Đẹp để thay ngôi chùa tôn kính, ba cõi xứng đáng
bậc thầy. Sau khi nhập diệt, xóm thôn bang vực dựng lên

chiêu đề chi đề;⁽⁶⁾ Quốc vương đại thần cho tạc tượng đắp tượng. Chỉ trong chốc lát vài vóc trong kho đem ra tiến cúng, chẳng chút bận lòng; lấy ngọc châu ngọc cơ ra trang sức, chẳng nề tốn kém. Dốc hết lòng thành với ngôi Tam bảo, kiệt khéo léo với trăm việc. Ấy là điều nghèn trông ngọn gió lành, mà nêu cao tượng pháp.

Nay chùa Diên Phúc, do bà mẹ ông Thái uý Quốc công hưng công sáng lập nên. Mẹ ông là cháu ngoại cụ Pháp Thi, là con gái út quan Phủ lại. Lúc nhỏ giữ nét trinh chuyên, không vui đùa quá mức. Dáng dấp dễ coi, khuôn mặt đôn hậu. Ăn nói dịu hiền, tính tình cởi mở. Đến tuổi cài trâm về làm bạn cùng tướng công họ Đỗ. Nết na hiền thực, miệng không nói lời thị phi; rộng lòng dung thứ, mừng giận ít hiện ra nét mặt. Sinh hạ hai người con, người con trai chính là Thái uý Việt Quốc công. [Thái uý] mới lên tám tuổi, da dẻ mịn màng, mặt mày tươi tắn. Triều Nhân Tông⁽⁷⁾ trúng tuyển Thượng lâm đệ tử, giỏi bắn cung, hay đàn nhạc, liệt vào hàng đứng đầu. Năm 60 tuổi, khí khái đường đường, uy nghi lẫm liệt. Triều Thần Tông⁽⁸⁾ được tuyển vào châu nơi màn trướng, đêm ngày châu trực không biết mệt mỏi, từ lời nói đến việc làm đều không trái, được sủng ái vượt cả 6 vị Thượng thư. Năm ngoài 20 tuổi, có tiết tháo lớn khảng khái, tài năng trác việt, dâng hết mưu hay, tỏ kế tuyệt diệu. Nay Thượng Hoàng đế⁽⁹⁾ lên ngôi, Quốc mẫu Thái hậu coi triều, ông giúp rập hai Thánh, vạn bang đều vui vẻ. Ngoài biên hoặc có ấp làm phản, bèn dương cờ tiết đi đánh, bắt tù binh đem về, có thể nói ông là người có lòng nhân nhưng mạnh mẽ vậy. Trong cõi hễ có vật gì quý, thì lặn lội gian truân, dâng vật lạ lên Thượng đô, có thể nói ông là người đem lại cái đẹp cho vua vậy. Người đời mắc bệnh, không trực tiếp gặp khám, chỉ dựa vào lời khai, nhân đó mà đoán, sống hoặc chết đều hiệu nghiệm, có thể nói ông là bậc lương y giỏi nhất nước vậy. Khi ấy thi Hội, những bài đối sách khó, khiến cho phải thẹn với nhận thức, nhưng ông bình khám, ưu liệt không sai, có thể nói ông

là bậc đại giám sát của nhà Nho vậy. Nhà vua nghĩ tới ông có nhiều công lao, tài nghệ hiển đủ, mới thăng lên chức Kiểm hiệu Thái uý, vị trí ở trên, lại ban Quốc tính. Rồi bãi bỏ tạp dịch cho ba họ, được mang áo mũ thêu, cho trị nhậm từ xa các trấn trại thuộc phủ Thanh Hoá. Thăng hoặc không phải do sức lực của ông⁽¹⁰⁾... lòng trung báo đền cho nước, được nhà vua ngợi khen sao đủ đầy đến thế!

Người con gái của Mẫu⁽¹¹⁾ là Quỳnh Anh, dáng vẻ hoa lệ, tính tình nồng thắm, lấy Kim bộ Viên ngoại lang họ Phạm, sinh một trai là Quốc Hiền. Khi Quỳnh Anh qua đời, Quốc công⁽¹²⁾ được Mẫu nuôi làm con nuôi, ngày ngày chăm nom bế ẵm, coi như con chính mình đẻ ra. Đợi khi trưởng thành, cho đi theo học, lục nghệ tinh thông, quần thư đọc khắp. Như Khương, Nha⁽¹³⁾ tài kiêm thao lược, tựa Trương, Chi⁽¹⁴⁾ sức lực phát huy. Nhà vua thấy vậy mà mừng. Sai cầm quân tiên phong, tráng tâm đáng nể; khiến tầu lên Ngự lâm, bút vững không thôi. Bèn ban sắc trao cho chức Trụ tử. Gội dăng như thế do từ của nhà Mẫu đi ra, tích được thiên bởi có thừa phúc. Vì vậy nhiều đời xuất hiện nhân tài kiệt xuất.

Quốc công từ nhỏ đến lúc trưởng thành, hoặc khi làm quan được bổng lộc gì, thì đem về biếu Mẫu trước, để đáp lại công lao nuôi dạy vất vả. Mẫu nghĩ đến sự giàu có, thấy mình đủ đầy, hoặc có vật quý lạ, của cải⁽¹⁵⁾... dâng Phật. Cho nên, hàng năm vào đầu năm và cuối năm, thiết đặt tiệc chay tới vài ba lần. Ngày sóc ngày vọng hàng tháng, đều đem của nhà ra phát chẩn cho những người nghèo khó. Có thể nói thiện tích được đã tán đi. Hoặc⁽¹⁶⁾... tạo môn để đọc kệ, hoặc dân xin dựng kiêu lộ thì lên tiếng ban cấp. Có thể nói đã bố thí rộng khắp. Chí vốn rất mộ nhà Thiền, hoặc dòng tăng ni đạo tục,⁽¹⁷⁾ thích đàm đạo về vô sinh,⁽¹⁸⁾ cho mọi người tụ tập cùng ngồi, không phân biệt hèn sang. Có thể nói "năng hỏi thì đủ" vậy.

Thôn Cổ Việt, có lẽ do cụ tiên tổ là Đỗ Pháp Thi mở ra đầu tiên. Mẫu dựng nhà riêng, để từ kinh đô về đây nghỉ. Đất ấy, phía đông thì từ quãng võ của khe Hoàng Lăng suốt đến cầu lớn; phía nam thì nhìn sang khu ruộng dài bên sông Đam Tiết; phía tây thì dựa vào Bình Pha⁽¹⁹⁾... phía bắc là Vực Giang vây quanh, dòng sâu, [thuyền bè] tiện qua lại. Khoảng giữa chỗ võ là nơi Pháp Thi ở. Nền cũ chỉ còn một nửa, phải đắp thêm vào. Xét về mặt âm dương thì hợp hướng, lợi cho con cháu hưởng tuổi thọ và giàu sang. Dựng điện ở chính giữa, phía ngoài là hành lang bao quanh. Toà Đại Bi bồ tát nghiêm trang, châu bên là Văn Thù, Phổ Hiền, bên trái là Bà Tẩu tiên nhân, bên phải là Công Lực thiên nữ. Bệ dưới toà sen, là Tứ Đại thiên vương hộ vệ. Hai bờ hành lang bày Bát thần Phật tượng. Góc hành lang phía trước, đặt tượng Pháp Thi nghiêm trang; mặt tam quan, là hai vị thiện thần Hộ Pháp. Hoà thượng Chi Sơn, Đại vương Thổ Địa, đối diện nhau tại toà hành lang phía trước. Bên ngoài hành lang phía trước, bên trái là gác treo bảo khí,⁽²⁰⁾ bên phải dựng nhà che văn bia. Bên ngoài tam quan, đào hai cái ao trồng sen. Phía sau chính điện, mở ra một khoảng để phơi thóc lúa.

Chùa bắt đầu xây dựng từ tháng Hai năm Bính Tý niên hiệu Đại Định thứ 17 (1156), hoàn thành tháng Sáu năm Đinh Sửu niên hiệu Đại Định thứ 18 (1157). Trăm trở điều khắc đã xong, hoạ vẽ sắc màu hoàn tất. Nắng sớm so le trên ngọn cây, để chúc mừng công việc hoàn thành. Sớ ban trong bang vực, mệnh cho hưởng ứng⁽²¹⁾... sách ban dẫu trong cánh cửa, tăng lữ được đón về. Thế là không làm trái lời xin, ý định được thực hiện. Bèn biểu thị rộng lòng từ, đưa đến nơi chiếu trái, phô bày lời đẹp, cất cao tiếng vàng. Vào lúc ấy, cờ cấm lọng dương, tất thấy bằng sa lụa; dâng cúng cỗ chay, món ăn tinh khiết đưa hương. Lộc hậu tích được phát ra, chu cấp cho nơi cùng khổ. Vải lụa hàng ngàn tấm, tiền bạc hàng vạn mãn. Mong

lợi lạc đến với người đã mất, nguồn phúc chảy tới đời sau, cho nên đặt tên chùa là Diên Phúc.

Một hôm, Mẫu triệu Công Đàm tôi⁽²²⁾ tới nói: "Ta đã xây xong chùa này, lại phụ đặt ruộng thờ cho họ ta, tất cả giao phó cho Quốc Hiền, không để cho họ khác chiếm. Nhưng văn bia thì chưa có, ông hãy vì ta lược ghi năm tháng, để người sau được biết." Tự nghĩ, là kẻ bất tài, hiểu biết ít, chỉ là nhà nho đứng vào hạng cuối. Xét thấy mình chỉ là bầy bọn, cũng là bầy bọn rất đông, nhưng riêng được ban cho cơm no áo ấm, lại cho được lưu danh muôn thuở, việc đó chẳng phải là rất may mắn đó sao! Chính vì vậy mà không từ chối, thẳng bút viết như sau.

Minh rằng:

Cái đạo chính trực,
Tích lại rất sâu.
Nhìn mà không thấy,
Năm chẳng được đâu.
Tự đáy lòng nói,
Chẳng phải bói cầu.
Chỉ có bậc Thánh,
Mới rõ đuôi đầu.

Phật ta xuất thế,
Mười phương bố thí.
Phép Phật dạy lên,
Sắc không phải lẽ.
Tiện lợi cửa vào,
Bền mê vớt kẻ.
Mười ngọn chùa vàng,
Ba giới xứng vẻ.

Tuổi vừa bốn chín,
Cha mẹ qua đời.
Gió từ ngừng quạt,
Phép tắc rã rời.
Nhắc bảo con cháu,
Tiếp nối không thôi.

Nhìn sang tháp miếu,
Thuộc phận sao trời.

Mẹ ông Quốc công,
Về với từ phong.
Chốn chốn giáp đệ,
Cung trước sen hồng.
Tiệc chay thường mở,
Đầu xuân cuối đông.
Sóc vọng bổ thí,
Cô quả bần cùng.

Cổ Việt thôn nhà,
Pháp Thi khởi tạo.
Đặt móng xây nền,
Vấn tuân theo đạo.
Đông là Lãng Khê,
Chỗ vỡ nước tháo.
Nam thừa ruộng dài,
Là của tăng giáo.

Khoảng giữa tạo dựng,
Diên Phúc là tên.
Đại Bi làm chủ,
Điểm nhãn đủ nên.
Kim Cương bát tướng,
Rực rỡ uy linh.
Bia thom đã dựng,
Chùa vang tiếng kinh.

Công thợ hoàn thành,
Lời mừng tập nập.
Sớ triều đình ban,
Đón nơi ẩn dật.
Gần xa gửi đến,
Lời khen chân thật.
Bổ thí vạn dân,

Lụa là nghìn dật.

Dựa sức tam bảo,

Đáp lại muôn ơn.

Mừng cho tổ khảo,

Phúc để tử tôn.

Chùa này Mẫu dựng,

Văn nào suy tôn?

Tên đề vào đá,

Vạn thuở trường tồn.

(*Lâm Giang dịch*)

chú thích:

1. Bia dựng ở chùa Diên Phúc thôn Cảnh Lâm xã Tân Việt huyện Mỹ Văn tỉnh Hưng Yên. Thác bản hiện lưu trữ tại Thư viện Viện Nghiên cứu Hán Nôm, ký hiệu 30279, 30280, 30281. Văn bia do Công Diễm soạn, theo Lê Quý Đôn (*Kiến văn tiểu lục*) Công Diễm tức Nguyễn Công Diễm soạn bài văn bia vào năm Đại Khánh thứ 4 (1113). Theo văn bia, ngôi chùa khởi công vào năm Đại Định thứ 17 và hoàn thành năm thứ 18 (1157), vậy thì bài văn bia chỉ có thể được soạn sau khi ngôi chùa hoàn thành (1157). Bia do mẹ Việt Quốc công dựng. Việt Quốc công tức Đỗ Anh Vũ (1114 - 1159). Xin xem thêm bài văn bia *Cự Việt quốc Thái uý Lý công thạch bi minh tự*.

2. Ca Vệ: Túc Ca Duy La Vệ (Kapilavastu), nơi Phật Thích Ca ra đời.

3. Tây Càn: Túc Tây phương, Tây thiên, Tây Trúc, hoặc Thiên Trúc, chỉ nước Ấn Độ, nơi Phật giáo ra đời.

4. Nhà lửa (hoả trạch): Chỉ thế giới phiền não.

Ba xe (tam xa): Chỉ ba trường phái của Phật (ba cỗ xe của Phật), như Thanh văn thừa, Lục giác thừa, và Đại thừa.

5. Sáu độ (Lục độ): Túc Lục Bà La Mật. Độ tức cứu vớt. Phép cứu vớt của Bà La Mật có 6 loại: Một là Bố thí, hai là Trì giới, ba là Nhẫn nhục, bốn là Tinh tiến, năm là Thiền định, sáu là Trí tuệ.

6. Chiêu đề chi đề: Cách gọi khác của tăng lữ trụ trì, dịch từ tiếng Phạn Caturdesai.

7. Nhân Tông: Túc vua Lý Nhân Tông, tên gọi là Càn Đức, tại ngôi 57 năm (1072 - 1127).

8. Thần Tông: Túc Lý Thần Tông, tên gọi là Dương Hoán, tại ngôi 10 năm (1127 - 1137).

9. Thượng Hoàng đế: Túc Lý Anh Tông, tên Thiên Tộ, tại ngôi 38 năm (1137 - 1175).

10. Mất một số chữ.

11. Mẫu: Trong văn bia thường dùng từ "Mẫu" (Mẹ), túc mẹ của Việt Quốc công Đỗ Anh Vũ, người chủ trì việc xây chùa, dựng bia. Trong bài xin dịch nguyên chữ Mẫu.

12. Quốc công: Đây chỉ Quốc Hiền.

13. Khương Nha: Túc Khương Tử Nha, hiền thần nhà Chu, giúp Chu Vũ Vương diệt Trụ. Tương truyền soạn sách Binh thư tên *Lục thao*.

14. Trương Chi: Nhà thư pháp nổi tiếng thời Hậu Hán, giỏi viết chữ thảo, người đời gọi "Thảo thánh."

15. Mất một số chữ.

16. Mất một số chữ.

17. Đạo tục: Phiếm chỉ người theo đạo và người thường.

18. Vô sinh: Quan niệm của Phật, "Bản thể vô sinh vô diệt" (không sinh cũng không mất đi).

19. Mất một số chữ.

20. Chỉ gác chuông.

21. Mất một số chữ.

22. Công Đàm: Theo *Kiến văn tiểu lục* của Lê Quý Đôn, túc Nguyễn Công Đàm, là gia khách của Đỗ Anh Vũ.

9. 鉅越國太尉李公石碑銘序

cự việt quốc thái uý lý công thạch bi minh tự

Suy trung hiệp mưu, Bảo tiết thủ chính, Tả lý dục đối công thần, Thủ thượng thư lệnh, Khai phủ đồng tam ty, Nhập nội nội sảnh đô đô tri, Kiểm hiệu Thái uý kiêm Ngự sử đại phu, Dao thụ chư trấn tiết độ sứ, Đồng trung thư minh chính bình chương sự, Thượng trụ quốc, Thiên tử tứ tính, Đặc tiến phụ quốc thượng tướng quân, Nguyên suý đại đô thống.

Tự viết: Điều hữu phượng nhi ngư hữu côn, nhân diệc hữu chi già. Chung nhạc độc chi khí, ngũ bách niên nhi đình sinh. Cư tướng tướng chi vị, thập vạn hộ vi chủ. Uy khả uý nhi nghi khả tượng; biểu tắc chính nhi hình tắc đoan. Tá thế lập thái bình chi cơ, tại triều hữu kiến trực chi chí. Tì quyết Hậu Tắc, vọng dử Y Chu. Kỳ tồn dã nhân vinh chi; kỳ một dã nhân ai chi. Tự sinh dân dĩ lai, vị chi hữu dã. Ngô kiến kỳ thái uý, lũng tây chi Quách công Anh Vũ tự quán thế. Kỳ tiên thị Thái Tông triều Thái uý Quách công, bản Tế Giang Câu Lâu huyện nhân dã, sinh Thường Kiệt, phụ Nhân Tông triều, nãi Thái uý chi tứ quốc tính Lý thị. Khảo tương Đỗ thị, tức Thái uý Lý công ngoại sinh dã, gia cư Tây Dự hương. Thiếu thời nghệ vu kinh sư, kiến lệnh tộc nữ, tâm phó thực thận, tính bẩm nhu trinh, tiểu đoạt xuân hoa, hành như mỹ ngọc. Tương ái hữu khuê lệ, toại nạp thái vãn danh. Sinh nhi từ yên, nam viết công. Thái sư Trương công đồ kỳ cốt, thức kỳ quốc khí, nãi dục vi kỳ tử. Nữ viết Quỳnh Anh, giá Thị trung Phạm thị. Công thuý tự ấu xung, phong tư khiết tuyết, nhan thái chiếu nhân. Thiên Phù Duệ Vũ ngũ niên Giáp Thìn, Nhân Tông Hoàng đế quyền kỳ thần tư, tri kỳ thông mẫn, tuyền cư từ cấm. Công tri kỳ can thích nhi đạo tú nhân, sững hồi phong nhi phiến nhược liễu. Lợi tân chi quốc nhi quan quang già, mạc bất mục vọng. Thần Tông triều Đình Vị tuế tuyền thị duy ác, vị quán lục thượng. Dịch đình khốn nội chi chính, bách công chế tác chi sự, để tất uý chi. Chí như thư số, xạ ngư, được thạch, kinh mạch, vô sở bất thông. Âm dương, binh pháp, văn thi, bác dịch, vô sở bất cứu. Khả vị quân tử bất khí hỹ.

Thiên chương bảo từ tam niên Thái thốc chi nguyệt, thăng bình nhật cửu, từ hải vô ngu, Văn Đơn phạm kỳ nam bi. Để khiển công dử Thái phó Lý Công Bình thống tam thập vạn binh, tuần hải chí Nhật Nam Âm Dã. Công vọng kiến tắc doanh nhi vị viết: “Thiên tử chi binh, chinh nhi vô chiến; lỗ chất chi tục, thiên kỳ tất tru.” Vu thị phong chấn sơn đảo, tắc nãi bố cụ, toại hội nhi quy. Công binh truy bôn trực bắc, trăm tướng cảm phu, chí Vụ Ôn nhi hoàn.

Hựu thị niên phụng mệnh tiến phạt, sơn liêu thị hiểm phát đình. Để nãi mệnh công dử chư tướng lãnh binh xuất chinh nhi độc công hiển tiếp, bất khả thăng kế. Vu thị nhân tư phần dững. Phàm khốn ngoại chi sự tắc suy cốc nhi khiển chi.

Thiệu Minh nguyên niên Đinh Tỵ Vô xạ chi nguyệt, đế bắt dự, nãi thao đòi bằng kỷ viết: “Khả Lý thị tất công dã.” Đãi cung xa yến giá, công nãi dĩ hiển chí Hoàng Thái hậu nghênh vu Thượng Thanh để, phù trắc Hoàng giai. Dực quyết triều cương, bách quan thống kỷ dĩ thính mệnh; khuông kỳ thứ chính, vạn dân dẫn lãnh nhi cụ chiêm. Hoàng Thái hậu thán kỳ huân lao, gia kỳ trung tiết, gia công kiểm hiệu Thái phó. Nga chí Mậu Ngọ tuế Vô xạ chi nguyệt, tiến bài phụ quốc Thái úy, tứ quốc tính Lý thị, quân sự vô bất đề thống.

Thời biên sóc chi địa, kê động chi gian, hốt hữu Yêu Đồng thượng suy vi xưng nhân miếu cô tử, tự kỳ hung đảng tiếm hiệu “Bình Nguyên đại tướng.” Thượng khiển Tà gián nghị đại phu Lưu Cao Nhĩ thụ mệnh xuất chinh, nhi tặc dĩ thậm. Công vu thời, tẩm bất an tịch, thực bất cam vị, nãi trần tấu viết: “Thần văn, chủ ưu thần nhục, chủ nhục thần tử. Man Di hoạt hạ, thần chi tội dã.” Thượng hứa công chi thỉnh. Toại sung nguyên soái thống lục sư, thụ viết thế chúng, tướng binh hành chí Nam Khoáng tân. Công nãi phân binh vi thập đạo, dĩ bị bắt ngu. Suất kiến tặc lữ nhược lâm, nhất cổ nhi tặc thế thổ băng, nghịch đảng tự cầm. Chấn lữ ban sư, đàn trì hiển tiếp. Chúa thượng ưu kỳ thưởng tứ, sử sách ký kỳ nhung huân, gia tứ tam trùng quán. Chúa thượng phủ tôn thân nhi chương chi, tứ chi thuần dĩ bao chi, Nghệ An Thanh Hoá Phú Lương tam phủ giai tổng dĩ chi sở phong. Cấm trừ di tục, củng thủ nhi thụ mặc hình; đạo tặc biên dân, tang đảm nhi quy hoàng hoá.

Việt Giáp Tý tuế, công tấu: “Bình bất tập luyện, vô dĩ định loạn; dân bất giáo chiến, hà dĩ uy tứ di?” Thượng nãi mệnh công tịch tây viên chi thổ, lập định quốc chi tục, thiết kỳ cổ nhi kinh nhĩ mục. Bát trận cửu phạt, vu thị minh hỹ tam lệnh ngũ thân, vu thị trước hỹ.

Quyết hậu, Thượng nãi dĩ công văn túc dĩ kinh bang quốc, đức túc dĩ động quý thần, chí nhược nguyên tuyền, đạo đồng kim ngọc, hà dĩ vi sư hỹ? Nãi mệnh Chương sư doãn chi trách, luận đạo kinh bang. Chư nho gián điệp mưu nghị, dĩ uy giám chi; tam trường thi phú khoa cử, tận tại tường hỹ.

Việt Canh Ngọ tuế, Thượng bắt dịch. Công nãi trai giới mộc dục, trạch thổ lập đàn, thực nghi bình khuê nhi thỉnh đại chi. Hoàng thiên mẫn kỳ trung hiếu, huệ tứ thần phương, kim đàn lập hiệu. Toại thưởng ngân nhất thiên mãn, bạch tam thập thất. Vu kỳ niên, công chi tộc huynh Thị trung Đỗ thị hữu nhị tử, trưởng viết Thụy [], thứ viết Thụy Châu, Thượng nãi bị cát lễ nghênh chi dĩ vi phu nhân. Trưởng thứ vô đồ ký, chí tại tiến hiên; cúng hạnh thái nhi sung cần, phục cán trạc nhi vô dịch.

Việt Giáp Tuất tuế, Thụy Châu sinh Thái tử viết Thiên Bảo. Bính Tý tuế sinh nhị lang, hựu Mậu Dần tuế sinh tử tam lang. Vu thị công nhật ích quý, vị quán bách liêu, cử quốc tiền năng cập chi.

Việt Mậu Dần tuế, Nam lữ chi nguyệt, công tẩm bệnh vu Điền Lệnh hương chi tư đệ. Thượng phạ Hoàng Thái hậu nhật triệu quốc lương y nhi tiến dược thạch; sắc cung cấm trung sử nhi quan âm thực. Ngưỡng (khuynh) nội tàng chi nô, phong ngư thù chi lễ. Hàn mặc chi nhân, tỳ hựu chi sĩ, giai tương suất dĩ thái lao tư thịnh, nghệ xã tắc tông miếu nhi thịnh mệnh yên. Kinh lạc minh kỳ nan liệu, chính bị tang lễ. Thái thúc chi nguyệt nhị thập nhật bính tý, công hoăng, phụ chủ nhị thập hữu nhị niên, hanh thọ tứ thập hữu lục tuế. Thượng tự Hoàng thái hậu thất nhật ai thống, thán quốc đồng hoai, xuyết nội xan chi thiện, ý tả thành chi triều. Tặng phụ chi vật, tẩn thái chi lễ, du vu thường lệ. Táng vu An Lạc hương, Sùng Nhân lý, thị công mẫu tiên tổ chi địa dã. Thái phó Tô công thừa chi nhi trợ táng, chu trung điền lễ.

Táng gia tàng chi dã, bất khả kiến dã. Tuế kỳ cửu viễn, thể đại thiên biến, nhi minh thạch trường tồn. Sử kiến kỳ từ, tắc tư kỳ nhân. Tư mộ bất khả bất lập thạch dã.

Tán viết:

<i>Duy nhạc giáng thần,</i>	<i>Sinh thử triết nhân.</i>
<i>Uy nghi lệ lệ,</i>	<i>Văn chất bản bản.</i>
<i>Hữu trí thả dũng,</i>	<i>Phụ thế an dân.</i>
<i>Hưng thi lập lễ,</i>	<i>Lộ nghĩa trạch nhân.</i>
<i>Trưng tể miêu duệ,</i>	<i>Chí chủ sự thần.</i>
<i>Nhập quyết vạn vụ,</i>	<i>Xuất bố ngũ thân.</i>
<i>Văn Đơn hội quy,</i>	<i>Bỉ vô dị tục.</i>
<i>Thượng suy tị lục,</i>	<i>Tái bất kinh trần.</i>
<i>Công cư đệ nhất,</i>	<i>Vị thủy đẳng luân.</i>
<i>Cao manh hốt nhiễm,</i>	<i>Dược thạch vô thân.</i>
<i>Tiên cung viễn giá,</i>	<i>Đế lệ triêm cân.</i>
<i>Phụ vật ưu hậu,</i>	<i>Táng lễ cụ trần.</i>
<i>Khắc thạch kỷ tích,</i>	<i>Vạn tải thiên xuân.</i>

dịch nghĩa:

**lời tựa và bài minh trên bia thái úy lý công nước đại
viết⁽¹⁾**

Thái úy được giữ chức: Suy trung hiệp mưu, Bảo tiết thủ chính, Tả lý dục đối công thần, Thủ thượng thư, Khai phủ đồng tam ti, Nhập nội nội thị sảnh đô đô tri, Kiểm hiệu Thái úy kiêm Ngự sử đại phu, Dao thụ chu trấn Tiết

độ sứ, Đồng trung thư minh chính bình chương sự, Thượng trụ quốc, Thiên tử tứ tính, Đặc tiến phụ quốc thượng tướng quân, Nguyên suý đại đô thống.

Thuật rằng: Chim có loài quý như chín phượng, cá có loài quý tựa cá côn, với người cũng có hiện tượng đó. Đó là do khí thiêng sông núi chung đúc nên, mà năm trăm năm mới xảy ra một lần. Với địa vị tướng văn hay tướng võ, làm chủ cả mười vạn hộ, thì "Uy" đáng để sợ, "Nghĩ" đáng để theo; "Biểu" thì nghiêm trang, "Hình" thì ngay thẳng.⁽²⁾ Những người như thế thì, ở đời giúp lập nên nền móng thái bình, ở triều đình có lòng chính trực. Sánh vai với Hậu Tắc,⁽³⁾ danh vọng như Y Chu.⁽⁴⁾ Những người ấy khi sống được người đời tôn vinh, lúc qua đời được ta thương xót. Từ khi có loài người đến nay, chưa có ai được như thế. Ta thấy Thái úy, thuộc dòng dõi Quách công ở Lũng Tây, huý Anh Vũ, tự Quán Thế. Tiên tổ của ông là Thái úy Quách công⁽⁵⁾ triều Thái Tông (1027 - 1054), vốn là người huyện Câu Lậu, Tế Giang,⁽⁶⁾ sinh ra Lý Thường Kiệt, phò giúp triều Nhân Tông (1072 - 1127) với chức Thái úy, được ban quốc tính họ Lý. Ông thân sinh ra Thái úy họ Đỗ tên Tướng, tức cháu ngoại gọi Thái úy Lý công (Lý Thường Kiệt) bằng cậu, nhà ở hương Tây Dục. Thiếu thời, đến kinh sư chơi, gặp người con gái một dòng họ lớn, tâm tính hiền thực, dáng vẻ dịu dàng, cười như hoa xuân, bước đi tựa ngọc. Ông họ Đỗ yêu bà bởi vẻ đẹp khuê các, bèn hỏi về làm vợ. Sinh hạ hai người con, người con trai tức là ông.⁽⁷⁾ Thái sư Trương công thấy ông có cốt cách lạ, biết là sau này trở thành rường cột nước nhà, nên nuôi làm con. Người con gái tên Quỳnh Anh, gả cho người họ Phạm giữ chức Thị trung. Ông từ tuổi ấu thơ, đã có phong tu thanh khiết, vẻ mặt sáng sủa. Năm Giáp Thìn niên hiệu Thiên Phù Duệ Vũ thứ năm (1124), Hoàng đế Thái Tông yêu mến phong thái đỉnh đặc của ông, biết đến tài mẫn cán thông tuệ của ông, mới truyền dụng vào làm trong cung cấm. Ông lúc đó mới vác giáo mác mà đạp trên nệm gấm, làm ngọn gió thổi về thông suốt lạt lá liễu mềm. Những người làm khách đến thăm nước, không ai là không để mắt tới.

Năm Đinh Mùi đời vua Thần Tông (1127), ông được tuyển vào châu nơi màn trướng, địa vị trùm cả Thượng thư sáu bộ. Công việc trong cung cấm, như các việc chế tác của bách công, nhà vua tất thấy giao quyền. Đến như các phép viết chữ, bắn cung, thuốc men, xem mạch, không việc gì là không thông thạo. Còn các nghề về âm dương, binh pháp, chơi bài, đánh cờ, không nghề nào là không suy cứu. Có thể nói Thái úy là bậc quân tử hữu dụng vậy.

Tháng Giêng năm Thiên Chương Bảo Từ thứ ba (1135), đất nước thẳng bình đã lâu, bốn bể yên hàn, thì nước Văn Đan xâm phạm bờ cõi phía nam. Nhà vua sai ông cùng với Thái phó Lý Công Bình đem 30 vạn quân, theo đường biển đến Âm Dã thuộc đất Nhật Nam. Ông nhìn sang trại giặc mà nói rằng: "Quân của Thiên tử, "chinh" mà không "chiến,"⁽⁸⁾ cái thói của bọn người cỏi trần kia, ắt bị quân của Thiên tử dẹp." Thế là, gió rung núi lở, quân giặc sợ hãi, tan vỡ kéo nhau chạy trốn. Quân của ông đuổi nam rượt bắc, chém tướng bắt tù binh, đuổi đến Vụ Ôn rồi quay trở về.

Lại trong năm đó, ông vâng mệnh vua đem quân đi đánh dẹp bọn Sơn Liêu, vì bọn này cậy thế núi hiểm trở không chịu vào châu. Nhà vua sai ông cùng với chủ tướng đem quân đi đánh dẹp, nhưng chỉ riêng ông lập công trở về, chiến thắng không kể xiết. Thế là từ đó người người đều muốn trở tài dũng mãnh. Phàm gặp những việc ngoài biên cương thì nhà vua đều sai ông đi xử trí.

Tháng Chín năm Đinh Tỵ niên hiệu Thiệu Minh nguyên niên (1137), nhà vua ốm nặng, rửa mặt xong, mệt mỏi tựa ghế nói: "Người có thể gánh vác công việc của họ Lý, chỉ có ông thôi!" Sau khi an táng nhà vua xong, ông cùng với Hiền Chí Hoàng thái hậu đón Anh Tông từ nhà Thượng Thanh về cung lên ngôi. Ông chấn chỉnh triều cương, trăm quan nép mình nghe lệnh; sửa sang chính trị, muôn dân nhàn cỏ ngóng trông. Hoàng thái hậu thương ông có nhiều công lao, khen ông là bậc trung tiết, nên thăng thêm chức Kiểm hiệu Thái phó. Chẳng bao lâu, vào tháng Chín năm Mậu Ngọ, lại

được thăng lên chức Phụ quốc Thái úy, ban quốc tính họ Lý, thống lĩnh việc quân.

Lúc bấy giờ, vùng Kê Động, nơi biên tái, bỗng có yêu đồng là Thượng Suy Vi tự xưng là con cô của Nhân Tông, tụ tập đồng bọn tiếm xưng hiệu "Bình Nguyên đại tướng." Nhà vua sai Tả gián nghị đại phu Lưu Cao Nhĩ đem quân đi đánh, nhưng giặc càng thêm tệ. Ông lúc ấy nằm không yên chỗ, ăn không biết ngon, bèn tâu lên vua rằng: "Thần nghe nói: Vua lo thì tôi nhục, vua nhục thì tôi chết. Man Di khinh nhờn hoa hạ là tội của bấy tôi." Vua bèn chuẩn cho lời thỉnh cầu của ông. Ông bèn với chức Nguyên soái, thống lĩnh sáu quân, nhận tiết việt, tuyên thệ trước tướng sĩ, đem quân đến bến Nam Khoáng. Ông lại chia quân thành mười đạo, để đề phòng sự bất trắc. Quân giặc đông như kiến cỏ, nhưng vừa đánh một trận mà thế giặc tan ra như đất lở, nghịch đảng đều bị bắt. Ông chấn chỉnh đội ngũ, rút quân về triều, báo tin thắng trận. Chúa Thượng ban thưởng trọng hậu, sử sách ghi chép công lao, ban thêm mũ ba tầng. Chúa Thượng vỗ về thân thiết làm cho người thân của ông được rõ ràng, lại ban cho lụa tốt, cùng ba phủ Nghệ An, Thanh Hoá, Phú Lương làm phong ấp. Thái úy cấm chỉ và trừ bỏ tục xấu, khoan tay mà chịu hình phạt; bọn trộm cướp và dân biên thủy, đều khiếp sợ quy thuận sự giáo hoá của vua.

Năm Giáp Tý (1144), ông nói với vua rằng: "Quân sĩ không tập luyện, không biết lấy gì để dẹp loạn; dân không dạy chiến đấu, biết lấy gì để trấn áp tứ di?" Vua bèn lệnh cho ông mở mang mảnh đất ở vườn phía tây, ghi công dựng nước, thiết đặt cờ trống loé mắt đình tai. Bát trận ngũ phạt từ đây sáng sủa; tam lệnh ngũ thân, từ nay rõ ràng.⁽⁹⁾

Sau đó, nhà vua cho rằng, ông văn đủ để kinh bang, đức đủ để cảm động quỷ thần, chí như nguồn suối, đạo tựa ngọc vàng, thế thì tại sao không dùng làm thầy? Thế là vua bèn sai ông giữ trách nhiệm Sư doãn, để luận đạo kinh bang. Các tấu nghị can gián của nho thần, đều giao cho xem xét; thơ phú khoa cử tam trường, thầy đều được rõ ràng.

Năm Canh Ngọ (1150), nhà vua bị ốm. Ông bèn trai giới, tắm rửa sạch sẽ, chọn đất lập đàn, dựng nghi trượng cầm ngọc khuê, cầu xin chịu bệnh thay vua. Đấng Hoàng thiên thương ông có lòng trung hiếu, ban cho phương thuốc thần, là viên kim đan, đại công hiệu. Vua khỏi bệnh bèn ban thưởng cho ông một nghìn quan tiền và xấp lụa. Ngay năm ấy, người anh họ của ông, họ Đỗ giữ chức Thị trung, có hai người con gái, con trưởng là Thuy...⁽¹⁰⁾ con thứ là Thuy Châu, nhà vua sắm đủ lễ vật, đón hai nàng về làm phu nhân. Trưởng thứ không đổ kỵ lẫn nhau, đều có lòng hiền thực; cơm canh một mực chuyên cần, giặt giũ không hề trễ nải.

Năm Giáp Tuất (1154), Thuy Châu sinh Thái tử Thiên Bảo, năm Bính Tý (1156), sinh Hoàng tử thứ hai, lại năm Mậu Dần (1158), sinh Hoàng tử thứ ba. Vậy là ông ngày càng cao sang, địa vị trùm cả trăm quan, cả nước ít ai bì kịp.

Tháng Tám năm Mậu Dần (1158), ông bị bệnh nằm tại nhà riêng ở hương Điền Lệnh. Nhà vua cùng Hoàng thái hậu hàng ngày mời thầy thuốc giỏi trong nước đến phục thuốc; lại sai trung sứ trong cung trông nom cơm nước. Dốc của trong kho, làm lễ Ngưu thủ (!) Những người hàn mặc (quan văn), những đấng tì hưu (quan võ), đều đem lễ Thái lao,⁽¹¹⁾ đến tông miếu của xã tắc kêu cầu cho Thái uý. Nhưng xem mạch biết rõ bệnh khó qua khỏi, nhà vua bèn cho sắm sửa tang lễ. Đến ngày Bính Tý 20 tháng Giêng, ông mất, giúp vua được 22 năm, thọ 64 tuổi. Nhà vua và Hoàng thái hậu thương khóc 7 ngày, than cho đấng rường cột của nước nghiêng đổ, bỏ cả cơm ngự thiện, thôi hết các buổi chầu, đưa đồ cúng tế nhiều hơn thường lệ. Đưa thi hài về táng tại xóm Sùng Nhân, hương An Lạc, là đất của tổ tiên mẹ Thái uý. Thái uý Tô công phụng chỉ giúp đỡ việc ma chay, Chu Trung trông coi việc nghi lễ.

Chôn cất là giấu kín, không trông thấy nữa. Ngày tháng lâu xa, cuộc đời thay đổi, chỉ có bia đá là còn mãi.

Để cho ai thấy lời trên bia, thì lại nhớ tới người. Vì vậy nay không thể không dựng bia đá vậy.

Bài tán rằng:

Non cao giáng thần,
Sinh bậc triết nhân.
Uy nghi lẫm liệt,
Văn chất bản bản.
Có trí có dũng,
Giúp đời yên dân.
Khơi dậy thi lễ,
Đường nghĩa nhà nhân.
Dòng dõi chúng tể,
Tôi giới Thánh quân.
Vào quyết mọi việc,
Ra thoả lòng dân.
Văn Đan võ chạy,
Tục lạ dẹp dần.
Thượng Suy bị giết,
Lắng hẩn bụi trần.
Công lao bậc nhất,
Địa vị ai bằng.
Bổng nhiên mắc bệnh,
Thuốc thang đâu cần.
Tiên cung cưới hạc,
Lệ vua đầm khăn.
Lễ phúng trọng hậu,
Tang lễ đủ phần.
Bia ghi công trạng,
Để mãi muôn xuân.

(Lâm Giang dịch)

chú thích:

1. Văn bia không ghi tên tác giả và năm biên soạn. Bia dựng cho Thái uý Lý công, tức Đỗ Anh Vũ (1114 - 1159), cho rằng bia

được dựng sau khi Thái uý Lý công mất ít lâu (Ông mất ngày 20 tháng Thái thốc năm Mậu Dần niên hiệu Đại Định (1159)).

Theo *Văn khắc Hán Nôm Việt Nam* - 1998, thì năm 1943, bia vẫn còn ở thôn An Lạc, huyện Đông An (nay thuộc huyện Mỹ Văn, tỉnh Hưng Yên), nhưng nét chữ đã rất mờ. Hiện tại bia và thác bản đều không còn. Bài văn bia do ông Hoàng Xuân Hãn chép lại từ một bản sao cũ của thôn An Lạc. Do thác bản không còn, nên dựa theo văn bản đã được chỉnh lý của *Văn khắc Hán Nôm Việt Nam*, đối chiếu lại bản chữ Hán và lời dịch trong *Văn thơ Lý Trần* - 1977 để tiến hành khảo cứu và dịch thuật.

2.Uy, Nghi: Chỉ thần thái, tư cách. Biểu, Hình: Chỉ dáng vẻ bề ngoài.

3.Hậu Tắc: Bầy tôi giỏi của Đế Thuần.

4.Y, Chu: Y tức Y Doãn, một hiền thần nhà Thương. Chu, tức Chu Công Đán cũng là một hiền thần nhà Chu.

5.Quách công: Túc Quách Thịnh Dật (Xem *Đại Việt sử ký toàn thư* - Bản kỉ).

6.Câu Lậu: Nay thuộc huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh. Tê Giang: Thuộc vùng đông bắc tỉnh Bắc Ninh, phía nam tỉnh Bắc Giang.

7.Ông: Túc Lý công (Đỗ Anh Vũ).

8.Chinh (dẹp): Nước lớn đi dẹp nước bé. Chiến (đánh): Đánh nhau với nước ngang hàng.

9.Bát trận: Tám thế trận, như: Thiên, địa, phong, vân, long, hổ, điểu, xà.

Cửu phạt: Chín điều kiện để đem quân đi đánh, như nước nào giết vua hại dân, thì đem quân đến đánh...

Tam lệnh: Ba lệnh tiết, như ngày 30 tháng Giêng, ngày mồng 1 tháng Hai, ngày Tị thuộc thượng tuần tháng Ba hàng năm.

Ngũ thân ?

10.Bản sao mất một chữ, là tên người.

11.Lễ Thái lao: Cỗ cúng gồm 3 con vật: 1 trâu, 1 dê, 1 lợn.

10. 皇越太傅劉君墓誌

hoàng việt thái phó lưu quân mộ chí

Quang lộc đại phu, Suy thành tá lý công thần, Nhập nội nội thị tinh đô đô tri, Tiết độ sứ, Đồng tam ti bình chương sự, Thượng trụ quốc, Thực ấp lục thiên gia, Thực phong tam thiên hộ, đạo thụ thượng nguyên động Trung Giang trấn.

Thái uý quốc công gia Thái phó Lưu thị, huý Khánh Đàm, Cửu Chân quận Ngũ Huyện giang An Lăng thôn nhân dã.

Tổ khảo tộc mẫu hoài ngũ nam, hữu Huy Triết công [tức] tộc vu khách quán yên, hương đẳng dự mỹ, kinh quốc ký văn. Lí thiên đệ nhị thế sắc tiến Ôn lương chi hộ, sung vu Nội phụng chi mâu, công linh cận hữu tự. Xuân thu tiệp trưởng, trung tín bội long, thâm hạnh dị mộc hồng ân, chí tòng nhuệ tiến lập, lữ cách tam thế. Nhất trung, phi tâm phúc. Dĩ cần lao hiển thân tử chi minh đạo, thành nhân chủ chi thân trọng. Thiên nội dịch chi trưởng quan. Thừa văn mệnh giả, dĩ luật chính hệ; lãnh quân lữ giả, miễn thắng vi hệ. Để ưng tứ thế minh phụng xương triều, thánh đế sủng tích, tân ân cảnh hướng. Đồng tâm đồng lực, phân ưu phân đạo, khánh hiệp đồng hoài. Tá thế hệ cực thế vinh quang, xả thọ hệ cực thụ.

Niên đăng lục thập hữu cửu, phi chiết đoản dã; vị thiên tam ti quý phẩm, phi hạ đạt xuyết triều. Thán nhân sinh chi tu ước, hệ lương bát chi phận sự.

Ô hô!

Thiên địa bản thủy chung chi đạo, nhân gian tổ sinh tử chi cơ.

Phát phu qui địa hệ thanh lãnh, tinh thần tại thiên hệ anh linh.

[] [] du dương [hệ] [] [] [], [] [] [] [] [hệ] [] [] [].

Kim lô vi điện hệ hương phúc úc, ngọc chi tam điện hệ lệ thành huyết.

Bạch nhật nhân tà nhân tình chuyển thiết; nhất nhập mộ lăng thiên thu vĩnh biệt.

Toại vi minh viết:

Bang quốc thăng bình,

Thôn [] can thành.

Trụ quốc chi liệt,

Lương bát chi anh.

Bán thiên danh thế,

Thất thập lão thành.

Hạn chung [] [],

Lược ký phương danh.

Tân Tỵ trọng đông,

Nhập tư mộ doanh.

Hương hồn yếu yếu hệ tư trường tại.

Thanh chủng trăm trăm hệ tư hữu linh.

dịch nghĩa:

mộ chí thái phó họ lưu nước hoàng việt⁽¹⁾

Thái phó giữ chức Quang lộc đại phu, Suy thành tá lý công thần, Nhập nội nội thị sảnh đô đô tri, Tiết độ sứ, Đồng tam ti bình cương sự, Thượng trụ quốc, Thực ấp sáu nghìn nhà, Thực phong ba nghìn hộ, được trao cho trấn Trung Giang động Thượng Nguyên.

Thái úy quốc công thắng Thái phó, họ Lưu, tên huý Khánh Đàm, người thôn An Lăng giang Ngũ Huyện quận Cửu Chân.

Tổ khảo theo họ mẹ, sinh hạ 5 người con trai, trong đó có Huy Triết Công lập họ ở quê người, được xóm làng khen ngợi, tiếng đồn đến kinh đô. Đến đời thứ hai triều nhà Lý,⁽²⁾ được tiến phong "Ôn lương chi hộ," sung vào châu Nội thị, mới có tên tự.⁽³⁾ Trái xuân thu dần trưởng thành, lòng trung tín tăng lên gấp bội, rất may mắn được tắm gội ân vua, mà theo tài năng được tiến lập, trải đến ba đời.⁽⁴⁾ Một tấm lòng trung, hỏi lòng hỏi dạ. Vì chăm chỉ mà đạo bấy tôi sáng tỏ, bởi có lòng nhân mà vua tôn sùng. Đổi làm Trưởng quan giúp rập trong nội cung. Làm người thừa lệnh, dùng âm luật chính; khi lĩnh quân lữ, mãi tiếp tuyệt vời. Giúp rập bốn đời triều đình xương thịnh, Thánh đế sùng ái ban khen, ân ban trong cảnh huống mới. Chung lòng chung sức, chia buồn chia vui, một lòng một dạ. Giúp đời đem lại vinh quang, bỏ tuổi thọ về nơi cực lạc.

Năm 69 tuổi, không may qua đời; giữ chức Tam ti phẩm tước cao quý, không đến được phải vắng buổi chầu. Than điều ước hẹn của nhân sinh, với phận sự của đấng lương bật.

Than ôi!

Trời đất vốn là cái đạo thuỷ chung, nhân gian vẫn là cái cơ sinh tử.

Tóc da về với đất chừ, trong trẻo lạnh lẽo; tinh thần ở trên trời chừ, tinh túy linh thiêng.

[][] du dương [chừ][][], [][][][] [chừ] [][][]。

Lu vàng trên điện chừ, hương đưa ngào ngạt; rượu ngọc trên điện chừ, lệ đỏ thành máu.

Mặt trời xế tà, lòng người da diết; quan tài nhập mộ, vĩnh biệt thiên thu.

Bèn làm bài minh rằng:

Đất nước được thăng bình,
Xóm thôn là bức thành.
Ông liệt hàng trụ quốc,
Đáng lương bậc anh minh.
Ngàn năm truyền danh tiếng,
Xứng đáng bậc lão thành.
Hẹn cùng với năm tháng,
Lược ghi lại phương danh.
Mùa đông năm Tân Tỵ,
Quan tài nhập mộ dinh.
Hương hồn vời vợi chừ, vẫn còn lại.
Mộ xanh thăm thăm chừ, mãi mãi linh.

(Lâm Giang dịch)

chú thích:

1. Thái phó họ Lưu, tức Lưu Khánh Đàm (1032 - 1101), nguyên quán xã Yên Lãng, giang Ngũ Huyện, quận Cửu Chân, nay thuộc huyện Thiệu Thiên, Thanh Hoá. Sau dời đến xã Lưu Xá, phủ Long Hưng, nay là thôn Lưu Xá, xã Canh Tân, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình, làm quan trải 3 triều Lý Thái Tông (1028-1054), Lý Thánh Tông (1054-1072), Lý Nhân Tông (1072-1128), hưởng thọ 69 tuổi.

Trong tập Văn khắc Hán Nôm Việt Nam tập 1, (Pa Ri - Hà Nội 1998), có đăng nguyên văn bia này theo bản chép tay của Lý trưởng Trần Văn Chuyển chép vào đầu thế kỷ XX, hiện lưu trữ tại Viện Nghiên cứu Hán Nôm (kí hiệu A.1027). Năm 1999, nhân một chuyến công tác tại Thái Bình, chính dịch giả tấm bia này đã phát hiện tấm bia trên.

Tấm bia mới phát hiện lần này dựng ở giữa lăng mộ Thái phó Lưu Khánh Đàm, trên cánh đồng làng Lưu Xá luôn bị ngập nước về mùa mưa. Lăng xây hình lục giác, qui

mô nhỏ, để 2 cửa ở 2 phía có mặt bia quay ra, có thể chui vào đọc bia và thắp nhang. Hiện thác bản đưa về lưu trữ tại Viện Nghiên cứu Hán Nôm.

2.Đời thứ 2 triều nhà Lý: Nguyên văn “Lý thiên đệ nhị đế,” tức là Lý Thái Tông (1028 – 1054).

3.Chỉ Lưu Khánh Đàm.

4.3 đời: Tức làm quan cho ba đời vua nhà Lý: Lý Thái Tông (1028-1054), Lý Thánh Tông (1054-1072), Lý Nhân Tông (1072-1128).

11. 奉聖夫人黎氏墓誌

phụng thánh phu nhân lê thị mộ chí

*Hoàng Việt Phụng Thánh phu nhân lê thị mộ chí
minh tịnh tự*

Thần Tông Nhân Hiếu Hoàng đế Phu nhân Lê thị huý Lan Xuân, tức Phụ Thiên thái vương chi quý nữ dã. Mẫu viết Thụy Thánh Công chủ, Dụ Tông chính hoàng chi mạnh nữ dã. Trường bà viết Thụy Thánh Công chủ, tức Thánh Tông Hoàng đế chi mạnh nữ dã. Tổ Phụ ký ụy, chân Đẳng Châu bảo sở Quan sát sứ, tức Ngự Man Thái vương chi thân diệt, thực Lê gia Đại Hành Hoàng đế chi tôn. Phụ Thiên Thái vương giả hữu tử tức nhị thập viên, Thái hậu nhất, Phu nhân tam, Công chủ tứ, Thái tử đẳng nhất thập hữu nhị.

Thiên Chương Bảo Tự nhị niên Giáp Dần, Hoàng đế sơ nạp Thái vương mạnh nữ bà Cẩm Thánh Hoàng thái hậu, kiến phu nhân tư mỹ, kiêm hữu tử giáo, hựu sinh chi vi phi. Tạm nhập Công cung, nhi minh tri phụ đạo; tiên đẳng tông thất, nhi thể cố âm phong. Phục dụng tất trung độ, ngôn động tất trung tiết.

Từ niên Bình Thìn, tiền sách Phụng Thánh phu nhân. Thị thời cố chi tâm hạnh, tiết sử văn chi hoá tu. Thái phồn chi chức bất thất, tiểu tình chi huệ cập hạ. Hiệp Hoàng Anh chi tần ngu, tán tương hoàng du; do Nhâm Khương chi phụ chu, tiên dương đế đạo. Ngũ niên Đinh Tỵ, hào tổng cung xa, thế lưu lãng tẩm. Cháp phi giải chi tâm nhi hiện, mạc tu hành thượng đạo nhi giáo ngu.

Phu nhân mạo đoan khiết nhi tính thâm tĩnh, hỷ nộ bất hình ư sắc, sử nhân tắc dĩ duyệt lưu, vô đài sách bách. Đãi kim Thượng tức vị, Thái Hậu phụ chính, mỗi sóc vọng tắc nghệ triều, Thượng đốc kính chi. Dữ ngôn tắc cực tình vô khiên, ngoại lai phả hữu tư yết. Thượng cập Hoàng Thái Hậu thường hạnh kỳ cung thất, kiến kỳ cử trí, gia kỳ vi nhân, nhi thán viết: “Cố chi minh thế Phu nhân.” Nhân hữu mỗi nhất huý cảnh tín cung thuận hợp lễ, vị á duy thành. Gia nghiệp giai đốc ư kính, thường niệm y cảm chi hương tổ, vong phụng nguyện khai thắng duyên, dĩ đáp Tiên thánh chi quyến ngộ. Đãi chung tắc biếm kỳ trắc, dĩ nhĩ tiên nhân chi oanh, lễ dã. Nãi bốc Trung Giang châu lạc, duy Tuế Phong hương vi hưu, cương loan tàn tú nhi hoàn liệt, giang hồ thanh bích nhi đài nhiều. Hoạch âm dương hướng bối chi đồ; tư hổ long bảo áp chi thế. Đặc mộng Thánh chỉ cấp tứ nhân công, trạc tài ngoã nhi lập bảo sở. Phủ tảo vân tất, nhi hương hoá bất tức, chi kỳ cố dã tôn.

Chính Long Bảo ứng cửu niên cửu nguyệt, Phu nhân tâm tật, Thượng thân thị được nhĩ, bách nhi phát trừu. Dĩ đương niên thập nguyệt thập bát nhật Kỷ Vị chi thần hoẵng, niên lục thập hữu tam. Thượng vi chi chân điệu, xuyết triều, giảm thiện. Nãi sắc giáng phụ phúng chi vật dã cụ ư thường. Khả vị ai vinh chi lễ hữu gia. Chiếu Thái

phó Trần công, tự Nội thị sảnh phụng nghị lang Lê công giám hộ tang táng. Mật cứu quy hậu thị như Chiêu Thánh Hoàng Hậu chi cố sự.

Thập nhất niên đông thập nhị nguyệt sơ bát nhật Bính Dần chi thân, ân chi biệt táng vu địa hương sở, Bộc Sơn Diên Linh Phúc Thánh tự chi á ngung. Nãi mệnh Quốc sử thuật thử phương du, chí vu mộ thạch.

Mình viết:

*Long bàn hổ phục dựng tú khí,
Trung Giang vãng vãng sản hào quý.
Phu nhân ý hạnh hiển đương thời,
Thần bà xước ước hợp vi dị.
Ngọc lâu đài cung thất á hậu,
Tâm đồng cảm sắt vô đồ ký.
Cung xa án giá phụng lăng tẩm,
Sử vô phong vũ nạn đồ chí.
Nhật ngộ cao sơn khí yêm yêm,
Nhân gian thống tích tiềm nhiên lệ.
Tuế phong tân mộ lập trình dân,
Truyền dân dữ cứu thiên vạn thế.*

Tiến khai vu hậu

[] Long Bảo ứng cửu niên cửu nguyệt thập bát nhật Kỷ Vĩ chi thân [].

Hoàng Việt Phụng Thánh phu nhân lê thị mộ chí.

Thần Tông Nhân Hiếu Hoàng đế Phụ Thiên Thái vương chi quý nữ dã. Mẫu viết thụy thánh công chủ. Trưởng bà Cẩm viết: Tam bảo điền trì cấp tứ nhi hương hoả lưu truyền vạn đại: Nhất toạ lạc trì Đầu Đình xứ, nhất điền toạ lạc Cửa Ngõ xứ, nhất điền toạ lạc Bến Rông xứ, chiếu như nội bi, hậu nhi phát trù. Dĩ đương niên thập bát nhật chi thân kỵ lễ.

Nhất phó dữ thôn thủ mộ thạch, bất tức chi kỳ cố dã. Tôn kính sự.

Nhất tu tạo Diên Linh Phúc Thánh tự tại tây ngung, anh linh đại danh lam cổ tích.

dịch nghĩa:

mộ chí của phụng thánh phu nhân họ lê

Bài minh và lời tựa trên mộ chí Phụng Thánh Phu nhân họ Lê nước Hoàng Việt⁽¹⁾

Bà là Phu nhân của Thần Tông Hiếu Hoàng đế,⁽²⁾ họ Lê huý Lan Xuân, tức là con gái út của Phụ Thiên Thái vương.⁽³⁾ Mẹ bà là Công chúa Thụy Thánh, con gái cả của Dự Tông chính hoàng. Bà Trưởng là Công chúa Thụy Thánh,⁽⁴⁾ tức là con gái cả của Thánh Tông Hoàng Đế. Ông nội là Phò ký úy,⁽⁵⁾ giữ chức Quan sát sứ ở bảo sở châu Chân Đẳng,⁽⁵⁾ cháu gọi Ngự Man Thái vương⁽⁷⁾ bằng chú, cũng là cháu nội Đại Hành Hoàng đế nhà Lê.⁽⁸⁾ Phụ Thiên Thái vương có 20 người con: Một người là Thái hậu, ba người là Phu nhân, bốn người là Công chúa, mười hai người là Thái tử.⁽⁹⁾

Năm Giáp Dần, niên hiệu Thiên Chương Bảo Tự thứ 2 (1134), lúc mới đầu, Hoàng đế kén chọn bà Cẩm Thán Hoàng Thái hậu,⁽¹⁰⁾ con gái cả của Phụ Thiên Thái vương vào cung, về sau thấy Phu nhân có nhan sắc, lại kiêm cả tứ giáo,⁽¹¹⁾ liền đưa lên làm Phi. Vừa vào làm cung Phi, đã biết rõ đạo làm vợ; mới tôn lên tông thất, đã vững phong thái nữ lưu. Ăn mặc điểm trang ắt đúng mực, lời nói việc làm tất đúng lễ nghi.

Năm Bính Thìn niên hiệu Thiên Chương Bảo Tự thứ 5 (1137), được tiến phong Phụng Thánh Phu nhân. Lúc ấy, vững lòng hiếu hạnh, sửa nét kiềm chế sử văn.⁽¹²⁾ Không làm mất chức phận thờ cúng tổ tông,⁽¹³⁾ phận lễ mọn mà ân huệ vẫn xuống tới kẻ dưới.⁽¹⁴⁾ Sánh ngang Nga Hoàng Nữ Anh vợ Ngu Thuấn,⁽¹⁵⁾ phò giúp mưu hay,⁽¹⁶⁾ còn tựa Thái Khương Thái Nhâm nhà Chu,⁽¹⁷⁾ nêu cao đạo đức. Năm Đinh Tỵ niên hiệu Thiên Chương Bảo Tự thứ 5 (1137), Phu nhân gào khóc đưa tiễn xe tang, thê ở lại lãng tảm. Tấm lòng không trể biếng thể hiện rõ ràng, chẳng tu Thượng đạo mà lo đường giáo hoá.

Phu nhân dung mạo đoan trang, tính tình thâm kín, vui giận không lộ ra nét mặt, sai khiến người thì vui vẻ, không dùng roi vọt cưỡng ép. Đến khi Hoàng thượng lên ngôi,⁽¹⁸⁾ Thái Hậu phụ chính, hàng tháng cứ đến ngày Sóc ngày Vọng, Phu nhân đến dự chầu, được Hoàng thượng một lòng kính mến. Khi cùng trò chuyện thì rất mực ân cần không mắc lỗi, ngoài ra, hễ có việc gì đều đến yết kiến riêng. Hoàng thượng và Hoàng Thái Hậu thường đến thăm cung thất của Phu nhân, thấy trong nhà cất đặt ngăn nắp, thì khen ngợi Phu nhân là người chu đáo, rồi than rằng: “Đúng là bậc Phu nhân thời sáng sủa ngày trước.” Mỗi khi gặp huý kỵ của người, Phu nhân đều tỏ tấm lòng kính cẩn hợp lễ, cương vị sánh ngang với các bậc vương công.⁽¹⁹⁾ Nếp nhà vẫn một lòng cung kính, vinh hiển mà vẫn thường nhớ tới tổ tiên quê hương; không quên xin mở thắng duyên,⁽²⁰⁾ để báo đáp ơn quyền ngộ của Tiên thánh.⁽²¹⁾ Lại mong khi qua đời thì được chôn cất ở bên cạnh, gần với mộ của mẹ cha, cũng là hợp lễ vậy. Thế rồi chọn được bãi Trung Giang, là đất đẹp của hương Tuế Phong,⁽²²⁾ núi gò thanh tú vây quanh,

sông hồ trong biếc bao bọc. Đạt được cục nhìn sông dựa núi, nhờ được thể rồng ấp hồ châu. Được đặc ân Thánh chỉ cấp thợ thuyền, cho gỗ ngói để xây ngôi Tam bảo. Công việc vừa xong thì không dứt khói hương, sự chiếu cố ấy đáng trân trọng.

Tháng 9 năm Chính Long Bảo ứng (1171), Phu nhân ốm nặng, Hoàng thượng tự mình trông nom thuốc thang cơm cháo, trăm phương cứu chữa mà bệnh vẫn không giảm. Sáng sớm ngày Kỷ Mùi 18 tháng 10 năm ấy, Phu nhân qua đời, thọ 63 tuổi. Hoàng thượng thương xót, xuất triều, giảm ăn. Rồi sắc ban lễ vật phúng viếng đầy đủ gầy bội lệ thường. Có thể nói đó là cái lễ tôn vinh trọng hậu. Lại ban chiếu cho Thái uý họ Trần, Nội thị sảnh phụng nghị họ Lê trông coi việc tang và chôn cất. Lắng lặng cho phép tang lễ theo như nghi lễ của Chiêu Thánh Hoàng Hậu⁽²³⁾ trước đây.

Sáng sớm ngày Bính Dần mùng 8 tháng 12 mùa đông năm Chính Long Bảo ứng thứ 11 (1173), được ân chỉ cho biệt táng tại quê hương, trên núi Phác Sơn phía tây chùa Phúc Thánh. Lại ban cho Quốc sử thuật lại mưu thom của Phu nhân, ghi vào đá.

Minh rằng:

Rồng cuộn hồ châu tạo khí đẹp,
Trung Giang thường vẫn sinh hào kiệt.
Đức hạnh Phu nhân tỏ một thời,
Thần Bà duyên đáng hợp linh dị.
Sánh ngang Hoàng Hậu ngọc lâu đài,
Đồng lòng cảm sắt không đồ kị.
Theo tang đưa đến ở lại lẫm,
Khiến cho mưa gió không phá huỷ.
Mặt trời khuất núi khí trầm trầm,
Người đời thương xót nước mắt rỉ.
Bia mộ mới dựng hương Tuế Phong,
Truyền cho dân giữ lưu muôn kỷ.

Khai thêm ở mặt sau⁽²⁴⁾

Sáng ngày Kỷ Mùi, 18 tháng 10, năm Chính Long Bảo ứng (tức ngày 17 tháng 11, năm 1171) [mất].⁽²⁵⁾

Mộ chí Phụng Thánh Phu nhân họ Lê nước Hoàng Việt.

Phu nhân là con gái út của Phụ Thiên Thái vương đời Thần Tông Nhân Hiếu Hoàng đế. Mẹ là Công chúa Thụy Thánh. Trưởng bà Cẩm [Thánh] nói: Cấp cho Tam bảo ruộng ao để

hương khói, lưu truyền vạn đời: Một ao ở xứ Đầu Đình, một thửa ruộng ở xứ Cửa Ngõ, một thửa ruộng ở xứ Bến Sông, chiếu theo như trong bia, về sau không được để mất. Hàng năm lấy ngày 18 tháng 10 làm ngày giỗ vào buổi sáng.

-Giao cho thôn trông giữ bia và mộ, không được lơ là. Phải tôn kính.

-Tu tạo chùa Diên Linh Phúc Thánh ở gò phía tây, để trở thành một đại danh lam cổ tích linh thiêng.

(*Lâm Giang dịch*)

chú thích:

1. Phụng Thánh phu nhân: Tức Lê Xuân Lan, là Phu nhân thứ 3 của vua Lý Thần Tông, tạ thế vào ngày 18 tháng 10 năm Chính Long Bảo ứng thứ 9 (17 – 11 – 1171), thọ 63 tuổi. Bài văn bia do một vị là Quốc sử soạn (không nêu họ tên), không ghi năm soạn. Theo *Văn khắc Hán Nôm Việt Nam*, tập 1, 1998, ngày 8 tháng 12 năm Chính Long Bảo ứng thứ 11 (12 – 1 – 1174), con Lý Thần Tông là Anh Tông sai táng tại núi Phúc Sơn, phía tây chùa Diên Linh Phúc Thánh (nay xã Hương Nộn, huyện Tam Thanh, tỉnh Phú Thọ). Từ đó có thể suy ra, bia mộ dựng ngay sau khi an táng. Bia hiện có do người đời sau khắc lại, hoa văn quanh bia không giống phong cách bia đời Lý, việc khắc lại cũng có nhiều lần. Năm 1977, bia vẫn còn dựng ở trong chùa Diên Linh Phúc Thánh. Thác bản văn bia hiện lưu trữ tại Thư viện Viện Nghiên cứu Hán Nôm, ký hiệu 10755, 10761.

Theo *Đại Việt sử ký toàn thư*, Phụng Thánh phu nhân tạ thế, cả kinh thành để tang. Tang lễ long trọng như tang lễ bà Chiêu Thánh hoàng hậu (mất năm 1108). Ba năm sau (1174), vua cho dời về chôn ở quê hương.

2. Thần Tông Hiếu Hoàng đế: Là hoàng đế thứ 5 triều Lý, tên Dương Hoán, ở ngôi 10 năm (1127 – 1137).

3. Phụ Thiên Thái vương: Chưa rõ là ai.

4. Thuy Thánh công chúa: Đoạn văn này nói đến 2 người là Công chúa Thuy Thánh: Một là con gái cả của Dự Tông chính hoàng (?), mẹ đẻ ra Phụng Thánh phu nhân. Hai là (tức bà Trường) con gái cả của Thánh Tông Hoàng Đế (1054 – 1072). Thế thì hai bà Công chúa này liên gì đến nhau? Trong bài văn bia không nói rõ. Theo cách lý giải của *Thơ văn Lý Trần*, 1977, căn cứ vào thượng hạ văn: Đoạn trên nói đến bố mẹ, đoạn dưới nói đến ông (tổ Phò ký ụy...), đoán rằng bà Trường là bà của Phụng Thánh. Rất có thể bà là vợ cả Phò ký ụy?

5. Phò ký ụy: Chức này thấy xuất hiện ở 3 tấm bia đời Lý, như: *Bảo Ninh Sùng Phúc tự bi* (1107), *Càn Ni sơn Hương Nghiêm tự bi* (1125) và ở bia *Phụng Thánh phu nhân Lê thị mộ chí* (1174) này. Phò ký ụy có lẽ như sau này gọi là Phò mã?

6.Châu Đăng Chân: Nay thuộc địa phận 3 tỉnh Sơn La, Lai Châu, Nghĩa Lộ. Bảo sở, tức lý sở.

7.Ngự Man Thái vương: Là Hoàng tử thứ 4 của vua Lê Đại Hành. Theo *Đại Việt sử ký toàn thư*, hoàng tử tên là Đinh, năm thứ 3 Tân Mão (991), phong cho con thứ 4 của Hoàng đế tên là Đinh làm Ngự Man Thái vương,, ở Phong Châu.

8.Đại Hành Hoàng đế nhà Lê: Nguyên văn “Lê gia Đại Hành Hoàng đế,” ông vua sáng lập nhà Lê (thường gọi là nhà Tiền Lê), tên là Hoàn, ở ngôi được 15 năm (980 – 1105).

9.Trong số 20 người con, thì Thái hậu tức Cẩm Thạch, vợ vua Lý Nhân Tông, chị ruột Phụng Thánh phu nhân. Bà được tôn làm Thái hậu khi Lý Anh Tông lên ngôi. Còn lại 3 phu nhân chưa rõ, có thể gọi theo tước phong. Cũng tương tự như vậy, dùng Công chúa và Thái tử để gọi cho các người con còn lại. Đời sau Công chúa, Thái tử chỉ dùng để gọi con vua.

10.Bà Cẩm Thánh Hoàng Thái hậu: Họ Lê, là mẹ của Lý Anh Tông, (1137 – 1175). Xem bài văn bia *Cự Việt quốc Thái úy Đỗ công thạch bi minh tự* (1159) và *Đại Việt sử ký toàn thư*, *Bản kỷ*.

11.Tư giáo: Tức là Tứ đức, là một trong bốn đức hạnh của người phụ nữ.

12.Dịch thoát câu “Thị thời cố chi tâm hạnh, tiết sử văn chi hoa tu” (是時錮之心行，節使文之化修) . Theo cổ Giáo sư Cao Xuân Huy, câu này có thể chép sai từ câu “Túc trì bát chi tâm hạnh, tiết văn thiên chi hoá tu” (足持鉢之心行，節文天之化修) , về sau lấy ý từ trong câu Kinh Lễ “Lễ giả thiên lý chi tiết văn” (禮者天理之節文) , nghĩa là Lễ là cái vẻ đẹp để thích ứng với lễ trời. Cả câu ca ngợi Phụng Thánh vừa hâm mộ đạo Phật, vừa tu dưỡng được chữ “Lễ” của Nho giáo. (Dẫn theo *Thơ văn Lý Trần*, 1977).

13.Thờ cúng tổ tông (thái phồn): Bài Thái phồn trong *Thiệu nam, Kinh Thi*: “Thái phồn, Phu nhân bất thất chức dã. Phu nhân khả dĩ phụng tế tự, tắc bất thất chức dã” (Đi hái rau phồn, Phu nhân không để mất chức phận vậy. Phu nhân dùng để thờ cúng tổ tông, thì không làm mất chức phận vậy).

14.Phận lễ mọn (tiểu tinh): Xuất xứ ở bài Tiểu tinh, *Thiệu nam, Kinh Thi*: “Phu nhân vô đồ ký chi hạnh, huệ cập tiện thiếp” (Phu nhân có đức hạnh không ghen ghét, ân huệ đến với phận lễ mọn).

15.Nga Hoàng, Nữ Anh: Hai chị em cùng lấy vua Thuần, sống hoà thuận, người xưa coi là mẫu mực của bậc vợ hiền.

16.Phò giúp mưu hay (Tán tương hoàng du): Phò giúp (tán tương), xuất xứ *Cao Dao mô, Kinh Thư* “Dư vị hữu tri, tư nhật tán tán tương tương tai” (Ta còn chưa rõ, nhĩ rằng hàng ngày cần phải có sự giúp đỡ).

Hoàng du (mưu hay): Hai chữ này nguyên viết “tự ẩm” 自飲 xét thấy tối nghĩa, đoán là chữ “hoàng du” 皇猷 viết lầm.

17.Thái Khương, Thái Nhâm: Nguyên văn bia chép “điệt cử” 侄舉, xét thấy tối nghĩa, cho rằng viết lầm từ hai chữ “Nhâm Khương” 任姜. Nhâm Khương tức Thái Nhâm, Thái Khương.

Thái Khương là phi của Thái vương nhà Chu, Thái Nhân là phi của Vương Quý, mẹ Văn Vương. Hai bà đều là bậc đoan trang hiền thực, *Liệt nữ truyện* khen là bậc vợ hiền.

18. Hoàng Thượng (Kim Thượng): Tức Lý Anh Tông, lên ngôi mới 3 tuổi, vẫn nằm nôi.

19. Cương vị sánh ngang bậc Vương Công: Nguyên văn “Vị á duy thành,” nghĩa là cương vị xấp xỉ bậc *duy thành*. *Duy thành* xuất xứ thơ Bân, *Đại nhã*, *Kinh Thi* “Hoài đức duy ninh, Tông tử duy thành,” ý nói các bậc tông thất là thành trì của nhà vua. Thường mượn để chỉ Hoàng tử hoặc những người trong Hoàng tộc.

20. Thắng duyên: Theo giáo lý nhà Phật, người nào chăm bố thí như xây chùa, đúc chuông... gọi thắng duyên, hay lương duyên. Là người ta tạo lương duyên hay thắng duyên ở kiếp này, là để hưởng kết quả ở kiếp sau.

21. Tiên thánh: Tức Lý Thần Tông.

22. Trung Giang: Theo văn cảnh là địa danh, nhưng chưa rõ ở đâu. Tuế Phong: Tức xã Hương Nộn, huyện Tam Nông, tỉnh Phú Thọ ngày nay.

23. Chiêu Thánh Hoàng Hậu: Là Hoàng Hậu của Lý Nhân Tông (1072 – 1128).

24. Đoạn văn tiếp theo được khắc ở mặt sau của bia, có chú thích thêm về tiểu sử của Phụng Thánh và kê số ruộng, ao dùng để đền nhang.

25. Câu này khi khắc lại, đã khắc thiếu mấy chữ và làm lẫn: “Long Bảo ứng cửu niên cửu nguyệt, thập bát nhật, Kỷ Mùi chi thần” (龍寶應九年九月十八日己未之晨). Căn cứ vào câu đã khắc ở mặt trước của bia, thì đầu câu khắc thiếu chữ “Chính”政, cuối câu khắc thiếu chữ “hoảng” 薨. Giữa câu chữ “thập nguyệt”十月 khắc làm “cửu nguyệt”九月. Câu đúng phải là: 政龍寶應九年十月十八日己未之晨薨 (Mất vào sáng sớm ngày Kỷ Mùi 18 tháng 10, năm Chính Long Bảo ứng thứ 9).

THỜI TRẦN

14. 紹隆寺碑

thiệu long tự bi

*Tân sáng Bình Hợp hương Thiệu Long tự bi miếu
lang tính tự*

*Tiết cập nhập nội Thái tử Đổ Năng Tế ký tế quân Đặng
Ngũ Nương thủ mộ điền thổ lưu dữ tử tôn Đổ Thị Hậu, Đổ
Thị Âm đẳng thủ khán canh cư lập thạch.*

Phục dĩ: Càn khôn chính khí, nhật nguyệt hoa tinh,
nhất chân bất dao, ngũ hình tán loạn. Lam tiêu tạm chỉ,
lục dục tam tịnh lự thủy thành; hồng trù phục khoảnh, cừ
nghĩ bát trùng minh khắc tự. Thanh tắc ngưng vi thiên
nhân thánh triết, trọc tắc kết vi ngạ quỷ súc sinh. Tính
tiêu tức ư thiên địa lô trung, giai biến hoá ư phiên não
hoà nội. Thị thể giới sơ thành giả dã. Chí ư pháp thân
giả, như như hãn trắc, mặc mặc phi ngôn. Đạo điều mạo dĩ
ly cung, thể hy di nhi mạc cứu Tế nãi tàng ư giới tử,
giới tử do khoan; quảng nãi khoát ư Tu Di, Tu Di hựu
trắc. chủng hoằng vạn phẩm, điển ngự quần lưu. Hiện minh
giả nhi chúng diệu vô quang, thị giáo giả nhi phạm ngu
bất hoặc. Thị sắc ty diệu nữ chi đạo dã. Đãi thuần phong
ký tán, nghiêu lãng tiệm hưng, xà hạt chi ngũ dục bốn
trì, sinh tử chi lục trần tăng oán. Cổ ngã Đại Hùng thị
cư vô tướng nhi không tịch, mẫn hữu loại chi luân hồi,
đản tích vương cung, tu nhân tuyệt lĩnh, thực thiện nha ư
tâm địa, nhụ dị chủng ư tình điền, ẩn thực hiển quyền,
tuỳ duyên tiếp vật. Phiếm từ hàng nhi tiết khổ hải, chủng
bạt trầm luân; nhiên huệ cự nhi thước hôn cù, phát khai
mông cổ. Cập kỳ toái dung hốt yểm ư Chu Mục, thánh giáo
viễn lai ư Hán Minh. Thuy tượng do lân sai, hữu điều mộc
phạm kim chi tướng; bảo sái tông tu kỳ bố, liệt Thanh
Uyên Bạch Mã chi danh. Tiền thế hậu thế, mỹ thế thù nhân;

thiên vương luân vương, câu tôn phạn phúc. Khuynh tâm âm đạo, hợp chuông lương phong, tự phi hiền chiết chi lưu, hạt năng chủng kỳ phương thực giả dã.

Việt hữu Trung Tín Thái tử giả, khắc tôn tiền giáo, khế tập gia du, quảng mộ chân phong, tích sùng bảo địa. Kim Thiệu Long tự giả, tức công tự tế quân chi sở sáng dã. Công chi nghiêm khảo Kinh Triệu quận nhân dã, thủ lệnh tộc Trần thị chi nữ dã, nhi hoạch tử tức giả tử, tái ngoã tam, lộng chương nhất tức công dã. Tuý chung hà nhạc, hành khiết băng sương, thác quý thất nhi nhân sinh, hiệp giai thì nhi đỉnh tú. ấu nhi kỳ tướng, trưởng nãi dị phạm, đường đường chi thể mạo siêu quần, lục lục chi thân tư việt chúng. Chí oai hiếu để, tiết kiệt trung thành, khắc gia chi đức duy hình, vệ quốc chi phong cao phiến. Tráng hùng cái thế, khí lực bạt sơn, ngư vũ tốt chi duy nghi, phủ sư lữ chi hợp túc. Binh cơ hữu nhất, tướng nghiệp vô song, khả vi hạ quốc chi xuyết lưu, kham tác vương gia chi bàn thạch. Để quyền kỳ mỹ, xa phục dĩ dung, nãi hiển mậu công, hữu thích hàn hợp. Vị liệt duy thành chi ố, danh tôn bách tịch chi tiên, sức nga quán cô nguyệt đoàn viên, phi mệnh phục phượng tuyền xán lạn. Vạn kỳ vinh nhi tân gia sủng, lục sư dũng nhi kiêu mãnh hùng, tiên phong tủng cừu hổ chi uy, trung quân phẫn bằng phi chi lực, diệt lang yên ư tứ tái, điển giáo lỗ ư quân phương. Đảng phi thân lực chi công, an năng trí thử. Thị công văn vũ chi đức dã.

Thời Kiến Quốc đại vương kiến kỳ phu công nhi mỹ viết: “Thiên sinh dũng trí vi quốc yên, tác kỳ dĩ tác cương; thế đại miên diên như trúc dã, hữu bao nhi hữu bản.” Dĩ lệnh tộc Trịnh thị chi nữ hạ giá vu công vi gia ngẫu. Tính dao thụ công tri Binh hợp hùng rấn, vi thang mộc chi áp dã.

Thả tế quân giả, đồng môn dục chất, khuê bích hàm chương, sùng tử đức nhi di trình, đồn tam tông nhi doãn bị. Thực hình yếu điệu, mỹ mạo huy hoa, khẩu thổ châu cơ, chí hoà cầm sắt. Phi thường chi mỹ, phi thế chi nhân, khả mầu Lạc phổ chi thù tư, nghiêm nhược Vu sơn chi thể thái. Tràng tràng phượng cát, sơn tình chi đại sắc sơ ngưng; chúc chúc hoa nhan, cảnh mỹ chi hồng ba tậm kỳ. Đức hình hương, u lan hữu phúc; tính liêm khiết, bạch ngọc vô hà. Phụng kim xuyên nhi phó lục ca, quang phi diệp nhĩ; sức hương ánh nhi huyền lưỡng chân, mặt lợi hà tai. Khởi duy quý thịnh chi quán nhân, ức diệp kiêu tư nhi tuyệt đại. Gia dĩ chân môn duy khác, phạn phúc duy cần. Phát ngôn hoa đoạt thập đông xuân thiên, khai trí kính tả nhất xuyên thu nguyệt. Tảo ương cam chủng, định sinh vô thượng chi nha; tức thực thiện duyên, tất hữu bất điều chi quả. Khả vị tích thiện chi, mỹ hỹ! Thanh hỹ! Thị nương chi lệnh đức dã.

Kỳ ư nhất nhật, công dữ tế quân nhi tương vị viết: "Tuốc my vạn hộ, nan đào thạch hoá lôi quang; lộc cập thiên chung, khởi dị sa na thuận tức. Duy hữu phúc huệ thứ vạn nhất hồ!" Tế Quân nhi ứng viết: "Thành tai tu ngôn dã." Thị dĩ trach long hồ chi địa, đoán tân huyết chi lân, nãi đắc bản hương tối vi hảo sảng. Luân quang nhược vệ thành kim địa, phạm vi tượng đồ Lại Đà thiên; chu hồi nhi tiện thử thắng phương, quy chuẩn nhi kham sùng bảo giới. Công nãi sả kỳ bổng lộc xích trắc vạn mãn, tuần chiến thắng thí thổ Kỳ viên, loại Cấp cô vận kim mãn địa. Kỳ cảnh dã, tả tiếp lục trì chi hội, hạ thiên đích thước hà hoa; hữu trăm thanh phố chi đàm, húc nhật trùng luân diệu nhật. Ly hướng Lam Điền chi tế, nông phu kích nhượng nhi hàm ca; khảm liên uất bí chi lâm, thú hưởng học lân nhi du thánh. Do thị mệnh Ty thiên dĩ biện vị, trí thủy niết dĩ tài cơ. Chúng lục vân bốn, lương công vụ tập. Dị tài kỳ mộc, viễn viễn nhu xu trì; văn thạch hoa chuyên, phương phương nhi tự tải. Tượng Thạch trình vận phong chi xảo, hung kỳ quyết nhi thước điện phi; Ban Thâu tiến khắc mộc chi công, căng câu thẳng nhi tranh tuyết lạc. Doanh chi bất nhật, nãi tốc thành công. Thiên địa nhi hợp trợ kỳ năng, nhân thần nhi cộng âm kỳ diệu. Chính điện từng nguy nga nhạc lập, hồi lang nhiều hách hách huy phi. Tiệt tiên thụ nhi cầu thiền doanh, tam thần sơn chi mậu lâm giảm thủy; sách Hán châu nhi nghiêm lương đồng, cửu hoa cái nhi minh nguyệt thâm quang. Thê khắc qui long, phùng đáp nhi hình nghi phún vũ; song điều loan phượng, bàn tuyền nhi thể nhược tùy vân. Bài tinh đầu nhi Bắc cực ta thôn, liệt hoa thụ nhi Thượng Lâm thất sắc. Liên ngoã vạn tầng lân tự, văn lộ trích trích ngưng châu; kim linh tứ giác thiền cao, thu phong thời thời tổng hưởng. Đan hoạch sở tiên nhi huyền thái, Đâu thị chi cầm hề như; kim bách thôi xán nhi giao huy, dạ quang chi châu diệp nhĩ. Trung tổ kim tiên chi trượng lục, gian liệt nghệ toạ chi sở tăng. Uyển đồng bán kệ chi ngôn, thần tình dục giảng; tự hiện phân thân chi xứ, thánh tượng như nhiên.

Trác nhĩ thù tu, uyển nhiên hà cách. Bàng liệt hiển hoa tiên nữ, biên trí bồ tát đại quyền, như thính pháp ư Thửu phong, nghĩ đàm kinh ư Lộc Uyển. Tôn giả buu mi hạo phát, đồ bích thượng như sinh; cổ thần án kiếm trì qua, liệt phật tiền đài tại. Tả trí Trần Như hoà thượng, vi đàn viết chi phúc điền; hữu an Mỹ Âm chính thần, tác già lam chi hộ thiện. Tiền khai tam quan, duyệt lãng phong thanh, cảnh thẳng hề du khách đình xa; trung giá nhất đạo, thông kiều nguyệt kiều, thường ngoạn hề thiền sư mãn tọa.

Thử hữu nguy lâu đông ngật, phi sương vận nhi lợi cập thẳng trầm; thủy viêm tây tiêu, lạc hồng du phương đằng kim cổ. Ngoại nghiêm hương hựu, trầm hương phúc ư nhật nguyệt cung trung; nội sức liên trì, thủy liên điểm ư thần tiên cảnh giới. Tăng phòng bàng liệt, tuy mộc hựu yêu dưỡng minh châu; hần thất hậu hoành, mỹ vị hương cung thương thượng sĩ. Phục hữu danh hoa giáp đạo, giai nhân ý lan vô ngôn; kỳ thụ ám hiên, thủy ác thủy thiềm bất quyển. Y y dương liễu, niểu na nhi lộng văn phong; sắt sắt lang can, uất mật nhi lưu dạ sắc. Cánh nãi thiên niên tùng bách, yển á hề dục hoá thành long; bách xích ngô đồng, ông uất hề khuynh chi dải phượng. Phúc úc quỳnh ba hàm thủy vĩ, nhân uân yên ái toả hồng nhụy, hồi tuyền thiếu nữ phiến du dương, yếu điệu Tần Nga dung ám tiến. Khả vị thử công chi bị hỹ. Đãi Kiến Trung nhất niên Bính Tuất tuế tam nguyệt sơ bát nhật, cáo tất lạc thành. Hương vân hoa trướng, đằng chúc trang nghiêm, bảo điện tinh lam, biền phỉ cung dưỡng. Phan tràng tuy ánh, tán bối phạn âm, cảm thông bát bộ, thần nhi chấn động, thập phương thể giới, như tư giới chỉ. Thượng chúc đương kim hoàng đế, thể càn như cực, thiên hồi khuynh giới thạch chi gian; [] chính an dân, ức phản tận Tỳ lam chi xuy. Thử tiến vi công, tự Tế quân khảo tử cập thất đại tiên vong hậu hoá đẳng, tảo quyền tục luy, chứng viên tịch chi thường thân; giải thoát trần tung, thiệp vô sinh chi tịnh vực. Nhiên nguyện Thái tử đẳng, bích hải khô, tang điền biến, phúc hải do thêm; thanh sơn đảo, ngọc thạch đôi, thọ sơn ích tuấn. Thử nguyện quý nương đẳng, thụ thiên ngũ phúc, trường tùng mậu ư thanh xuân; trừ ách nhất ưu, bạc vu tiêu ư hách nhật. Ớ tai! Lý cùng hoàng tán, tín cực ngã công, duật tu Tam Bảo phúc điền, đề cấu ngũ hương thiện địa. Hoán nhiên hoành tráng, nguyên nguyên hồ bố tại mỹ đàm; hách nhĩ kỳ công, vĩ vĩ hồ tả san trình thạch. Thần hồ lự tình đàm thiền, cấu vụ quả văn, ty kỳ mậu công, bất diệc nan hỹ. Hà dị vi loa nhi trắc cự xâm, nô mã nhi tẩu trường cù, bất tị dung ngu, lạm vi minh viết:

*Thiên địa bao hồ,
Khuất chi hữu tế.*

Thế đạo tịch nhiên,
Động dụng vi kế.
Bất văn nhi văn,
Vô để nhi để.
Ngộ tyác phi dao,
Mê chi hữu trệ.
Hệ Đại Hùng thị,
Giáng tích Chu thế.
Đại phiếm từ hàng,
Trầm luân quảng tế.
Nhiên trí huệ đẳng,
Huân cù chiêu tích.
Lưu tượng lưu giáo,
Ư hầu ư đế.
Vĩ tai ngã công,
Bát phúc hành yên.
Khâm sùng bảo sai,
Kiều ngưỡng kim tiên.
Thân phi tú phục,
Lệnh danh hiển nhiên.
Vị siêu bách tịch,
Đạo quán quần hiền.
Sả kỹ tòng nhân,
Nhược thi ứng huyền.
Phụ thử bằng đoàn,
Diệt bỉ lang yên.
Hoàng hỹ Tế quân,
Chung tú hà xuyên.
Thiên sinh thực chất,
Bất lao phẩn diên.
Cung lạc tượng pháp,
Bãi chung phúc điền.
Tài luân kỹ tử,
Thạch lân lao kiên.
Cam vũ nguy nga,
Nhạc lập chung thiên.

*Hồng lương từng thụy,
Bảo chủng tân tiên.
Kỳ quyết tuyệt xảo,
Tảo hội thông huyền.
Tam quan khang lãng,
Lang vũ hồi tuyền.
Chung lâu tả trí,
Bi giải hữu biên.
Khánh chúc duệ thánh,
Nam sơn bất kiến.
Dư tiến khảo tử,
Diên cập vũ huyền.
Mộc thử lương nhân,
Siêu sinh thương thiên.
Thử công ký tất,
Bách xảo vân tuyền.
Quảng khai hạ tịch,
Nô tạc khuynh huyền.
Bằng tư giới chí,
Phúc lý miên diên.
Lam phong quyển cửu,
Tín tâm nhưng cửu.
Bích hải thành trần,
Tư danh bất hủ.*

dịch nghĩa:

bia chùa thiệu long

Bài minh và lời tựa tạo dựng chùa Thiệu Long,
huong Bình Hợp⁽¹⁾

Tiết cấp nhập nội Thái tử Đỗ Năng Tế và Tế quân⁽²⁾ Đặng Ngũ Nương, coi giữ ruộng cúng lưu lại cho con cháu. Bọn Đỗ Thị Hậu, Đỗ Thị Âm trông coi cây cày, dựng bia.

Cúi nghĩ: Chính khí đất trời, tinh hoa nhật nguyệt, một không dao động, năm không tan hình. Tạm lắng bão táp, “lục dục” “tam tịnh” mới thành;⁽³⁾ lại trút mưa giông, “cửu nghi” “bát trọng” thành bể.⁽⁴⁾ Trong thì ngưng làm người trời thánh triết, đục thì kết làm ma đói súc sinh. Thấy tiêu tan trong lò trời đất, đều biến hoá nơi ngọn lửa nào phiền. Đó là buổi thế giới vừa mới hình thành vậy. Đến như người có phép: Khư khư ít nhắc, lẳng lặng không rằng. Đạo bát ngát khôn cùng, thể lựa thừa khó xét.

Nhỏ thì giấu trong hạt cải, hạt cải còn to; rộng thì bao cả Tu Di, Tu Di lại hẹp.⁽⁵⁾ Rộng đem vạn phẩm, ngăn chặn muôn dòng. Đã tỏ rõ thì kẻ sáng không sáng, được chỉ bảo thì phạm ngu không mê. Đó là cái đạo của người thiếu nữ tuyệt diệu vậy. Đến khi thuần phong đã tán, sóng lớn dâng lên, thì “ngũ dục” của rắn rết bươn ra, “lục trần” của sinh tử oán giận. Cho nên, họ Đại Hùng⁽⁶⁾ ở nơi vắng vẻ không lộ tướng, thương xót loài có kiếp luân hồi, lưu dấu ở vương cung, tu nhân trên núi Tuyết, trồng mầm thiện trong đất tâm, reo giống lạ ở ruộng lòng, dấu thực tỏ quyền, tùy duyên tiếp vật. Thả bè từ để rút bề khô, vớt kẻ trầm luân; đốt đuốc huệ mà soi đường mờ, mở toang bóng tối. Cho tới khi: Tuý dung chợt động lại ở Chu Mục,⁽⁷⁾ thánh giáo từ xa đến với Hán Minh.⁽⁸⁾ Thụy tượng do vậy khác với kinh lân, ở cái vẽ vàng son khắc gỗ; Bảo Sái nay sắp đặt theo đá tảng, dựng Thanh uyên⁽⁹⁾ Bạch Mã nổi danh.⁽¹⁰⁾ Đòi trước đòi sau, không thay đổi khác; Thiên Vương⁽¹¹⁾ Luân Vương,⁽¹²⁾ phạn phúc đều theo. Nghiêng lòng uống đạo, tay vốc gió trong, tự biết mình không thuộc dòng hiền triết, sao thể dận gót theo dấu thơm ấy.

Từ khi có Thái tử Trung Tín, tuân theo lời dạy người trước, xử khéo mưu hay, rộng mở gió lành, mở mang đất báu. Nay chùa Thiệu Long, tức do Tể quân của ông Thái tử mở ra vậy. Nghiêm khảo của ông Thái tử là người thuộc quận Kinh Triệu, lấy con gái lệnh tộc họ Trần, sinh hạ 4 người con, 3 gái, 1 trai, trai tức là ông vậy. Non sông tinh tuý chung đức, hạnh trạng tinh khiết bằng sương, thác vào nhà quyền quý rồi sinh ra, đúng giờ lành nên đỉnh đặc thanh tú. Nhỏ đã có tướng lạ, lớn lên lại khác thường. Thở mạo đường đường vượt trội, thần thái rõ rõ hơn người. Có lòng hiếu để, tiết tháo trung thành. Cái đức trị nhà chỉ những toả hương, tác phong giữ nước thì cao cả. Dáng vẻ trùm đời, khí lực bạt núi. Uy nghi hợp điều tướng khiến quân, nghiêm túc hợp võ về su lữ. Binh cơ có một, tướng nghiệp vô song. Có thể làm mối dây cho hạ quốc, làm bàn đá cho vương gia. Vua mến vẻ đẹp, xe áo ban cho, tỏ rõ công to, có tài giúp rập. Địa vị bên cạnh hoàng tộc, tên tuổi đứng trước mọi người, phục sức áo đai vành vành mặt trắng, theo lệnh mặc vào rục rờ phượng múa. Vạn kỵ binh hay mà thêm ân sủng mới, sáu quân bộ dũng mà mạnh mẽ kiêu hùng. Quân đi đầu uy nghiêm của hổ sông chuồng, quân đi sau sức lực của chim bằng bay lượn, dập

khói lang ở bốn cửa ải, giết giặc giã ở khắp bốn phương. Nếu không phải là công lao sức lực của thần, thì sao có thể đạt được như thế. Đó là cái tài đức văn võ của ông vậy.

Khi ấy, Kiến Quốc đại vương⁽¹³⁾ thấy được công lao của ông mà khen rằng: "Trời sinh bậc trí dũng cho nước, làm kỷ lại làm cương; đời nổi dài như rừng trúc, có cây mà có gốc." Rồi đem con gái lệnh tộc họ Đặng gả cho ông. Lại trao cho ông trông coi trấn giữ đất Bình Hợp, làm ấp thang mộc.

Lại về Tế quân, cửa đồng hun đức, sáng ngọc bích ngọc khuê, nêu cao tứ đức, theo đủ tam tông. Dáng hình yếu điệu, dung mạo như hoa, miệng nhả ngọc châu, chí hoà cầm sắt. Sắc đẹp phi thường, là người tuyệt thế, có thể sánh vẻ khác lạ của Lạc phổ, như tiên nữ ở Vu sơn. Bồng bồng tóc phượng, nét mày như núi tạnh vừa ngưng; rờ rờ mặt hoa, khuôn trắng kiêu diễm tươi tắn động. Đức toả hương, như hoa lan thom nức; tính liêm khiết, tựa ngọc trắng không sòn. Mang xuyên vàng mà tâm cài sáu chiếc, nguyên phi cũng vậy; sức ngọc ánh mà ngọc chân đeo hai, lợi lộc đáng gì. Há chỉ người nhà quan quý thịnh, hay cũng là tuyệt thế giai nhân. Lại thêm cửa nhà kính cần, việc phúc chuyên cần. Thốt lời hoa đoạt trời xuân mười động, mở cảnh trí tả sông thu một dòng. Lúa xuân giống ngọt, định ra mầm thượng phẩm; thiện duyên sớm nở, ắt kết thành quả ngon. Có thể nói đó là nhà tích thiện đẹp lắm! Thịnh lắm! ấy cũng là lệnh đức của Ngũ Nương vậy.

Rồi một hôm, ông nói với Tế quân rằng: "Tước hưởng vạn hộ, khó tránh đá lửa sấm vang; lộc nghìn chuông, há khác việc chùa trong chớp mắt. Chỉ có phúc tuệ ban ra trong muôn một mà thôi!" Tế quân đồng ý nói rằng: "Thành thực thay lời này!" Thế là chọn đất rồng hổ, được một khoảnh cao thoáng nhất ở bản hương. Vòng rộng như đất vàng thành Vệ,⁽¹⁴⁾ phạm vi tựa trời Đổ Lại Đà;⁽¹⁵⁾ vây lại mà thành thắng địa, quy chuẩn mà nên cảnh Thiên. Ông lại

đem bông lộc hàng vạn mân tiền, theo Chiến Thắng mà bố thí vườn Kỳ,⁽¹⁶⁾ học Cấp Cô mà trải vàng đầy đất.⁽¹⁷⁾ Cảnh ấy, bên trái kề hồ nước lặng, hoa sen mùa hạ tốt tươi; bên phải gối đầm nước trong, mặt trời buổi sáng soi chiếu. Hướng nam trông về góc Lam Điền, nông phu vừa cày vừa hát; hướng bắc liền rừng rậm rạp, thú rừng học sách thánh nhân. Do vậy, lệnh Ty thiên chọn vị trí, đặt Thủy niết đo móng nền. Súc người như mây bay, thợ giỏi tựa mù đọng. Ván kỳ gỗ lạng, típ tấp dồn về; đá vận gạch hoa, ào ào chuyển tới. Thợ giỏi đua nhau khoe khéo, đẽo gọt toé lửa chớp bay; thước Lỗ từng khắc công phu, dây căng tranh tuyết rơi xuống. Doanh tạo mấy chốc, mau chóng thành công. Đất trời cùng hợp sức thêm, nhân thần cùng góp tài khéo. Chính điện nguy nga núi dựng, hồi lang rờ rờ vuôn bay. Dẫn cây tiên mà tạo cột kèo, núi Tam thần cây nhuốm màu biếc; tìm gỗ quý mà dựng đồng lương, lọng Cửu hoa rực sáng trắng soi. Thang khắc rùa rồng, hình ngỗ phun nước; cửa tạc loan phượng, thể tựa theo mây. Bày tình đầu mà Bắc Cực xể thôn, đặt cây hoa mà thượng Lân thua sắc. Ngói sen lớp lớp vẩy lân tựa, móc sớm giọt giọt đọng hạt châu; chuông vàng treo bốn góc thêm cao, gió thu luôn luôn đưa tiếng. Thêm sơn sắc huyền tươi rói, gấm họ Đậu khác nào; vàng ngọc lấp lánh đua nhau, ngọc dạ quang cũng thế. Giữa tạc tượng vàng sáu trượng, trong bày tượng Phật mấy tầng. Giống lời Bán kệ, thần tình muốn giáng; tựa chốn phân thân, tượng thánh hết như. Sừng sững thế riêng, quả nhiên cách đẹp. Cảnh đặt tiên nữ dâng hoa, bên xếp bồ đề đại thụ, như nghe thuyết pháp Thấu phong, ngỗ đọc kinh tại Lộc Uyển. Tôn Giả my dày tóc bạc, trên bức vẽ tựa hồ vẫn còn; cổ thần nắm kiếm cầm qua, trước Phật dường như đang sống. Trái đặt Trần Như hoà thượng, là tín chủ phúc điền, phải bày Mỹ Âm chính thần, làm già lam hộ thiện. Trước mở ra tam quan, gió lùa vào mát trong, là nơi thắng cảnh du khách dừng xe; giữa có một lối đi, thông ra cầu trăng sáng, thiền sư thưởng ngoạn chỗ ngồi chật ních.

Thứ đến là lầu cao phía đông sừng sững, tiếng sương bay lợi đến thẳng trâm; ngọc bích xanh phía tây nêu, khắc muu lớn toả thom vượt kim cổ. Ngoài có vườn thom, hương trâm nức trong cung nhật nguyệt; trong lại đầm sen, hoa nở đẹp nơi cảnh thần tiên. Phòng tầng xây bên cạnh, khóm cây chụm để dưỡng minh châu; bếp nấu ngang phía sau, vị thom toả dâng lên thượng sĩ. Lại có: Giáp đường hoa danh tiếng, giai nhân lặng lẽ tựa lan can; cây ngọc mát mái hiên, màn xanh rủ xuống thềm không cuộn. Ngồi ngời dương liễu, điệu đà đùa gió mai; rộn rã đàn cầm, nhật thừa động trăng sáng. Lại có: Tùng bách ngàn tuổi, nghiêng ngả muốn hoá thành rồng; ngô đồng trăm thước, rậm rạp nghiêng cành đợi phượng. Ngào ngạt hoa quỳnh ngậm màu biếc, nghi ngút khói mây khoá trời hồng. Thiếu nữ lại qua quạt gió bay, Tần Nga yếu điệu ngời sáng vẻ. Có thể nói, công lao tỏ rõ đầy đủ lắm! Đến ngày mừng 8 tháng Ba năm Bính Tuất niên hiệu Kiến Trung thứ nhất, công việc đã hoàn thành. Mây thom hoa trưởng, đèn nền trang nghiêm, bảo điện tinh lam, đua hương cúng dưỡng. Rủ hàng cờ phướn, tiếng Phạn đọc kinh, cảm thông bát bộ, thần tình chấn động, mười phương thể giới, phúc tựa nơi đây. Trên chúc Đương kim Hoàng đế, ngôi cao giữ vững, vạn kiếp xoay vòng; cần chính an dân, ngàn năm trường thọ. Thứ đến tiến dâng ông, và Tể quân khảo tử, cùng với các vong linh bấy đời đã hoá: Tục luy sớm lìa, chúng giám thân thường viên tịch; trần gian thoát khỏi, bước lên cõi tịnh vô sinh. Những mong cho Thái tử: Bể biếc khô, ruộng dâu biến, bể phúc ngày một tăng thêm; núi xanh đổ, đá ngọc tan, núi thọ ngày càng cao ngất. Thứ đến mong cho Quý Nương: Nhận về năm phúc, trường tùng rậm rạp buổi xuân xanh; trừ ách ngăn tai, mù mỏng tan đi dưới nắng đỏ. Than ôi! Lý cùng giúp rập, tin tưởng ông nhà, đặt phúc điền tu Tam Bảo, lấy thiện địa tạo Ngũ hương.⁽¹⁸⁾ Sáng sửa hoành tráng, bùng bùng trải khắp lời đồn; hiển hách kỳ công, rõ rõ viết khắc đá cúng. Nên chẳng liệu lòng nói lược, mù mịt ít nghe, khiến chép công lao, cũng không khó lắm! Khác nào con ốc nhỏ đo dòng nước lớn, chú ngựa hèn chạy trên đường dài, không giấu ngu dốt, làm bài minh rằng:

Trời đất bao trùm,
Tính thấy có kể.
Lặng thính đạo thể,
Dùng vào việc bé.
Không nghe mà nghe,
Chẳng hé mà hé.
Hiểu thì không xa,
Muội mê sinh tẻ.
Nổi dòng Hùng thị,
Dấu lưu trần thế.
Thả chiếc thuyền từ,
Trầm luân vớt kẻ.
Trí sáng tuệ ngời,
Đường sâu soi vẻ.
Tạc tượng để lời,
Là hầu là đế.
Ông nhà người hiền,
Ban phúc ban tiền.
Sùng tu chùa Phật,
Nghể ngóng non tiên.
Mình mang áo lụa,
Danh giá hiển nhiên.
Hơn hẳn bách chúng,
Đúng đầu quần hiền.
Xả thân theo người,
Như theo tên nô.
Chí lớn bay cao,
Diệt loài giặc cỏ.
Lớn lắm Tế quân,
Núi sông chung đức.
Trời sinh hiền thực,
Chẳng quản tác phân.
Chăm lo tượng pháp,
Sắp đặt phúc phần.
Chọn mua gỗ tốt,
Đá cứng vững bền.

Nguy nga cam vũ,⁽¹⁹⁾
Nhu núi dựng lên.
Cột sà hồng biếc,
Chùa Phật mới nguyên.
Đục đẽo tuyệt khéo,
Hoạ tiết thần tiên.
Tam quan rộng thoáng,
Lang vũ nối liền.
Gác chuông bên trái,
Nhà bia kể bên.
Kính chúc duệ thánh,
Thọ xánh Nam thiên.
Lại dâng khảo tử,
Dài mãi cửu huyền.
Tấm lương duyên ấy,
Siêu sinh cõi tiên.
Công lao đã kết,
Trăm khéo vẹn tuyền.
Rộng ban mừng tiệc,
Nghênh dốc kho tiền.
Nay nhờ phúc ảm,
Phúc kéo triền miên.

Gió Lam trở lại,
Lòng tin còn mãi.
Bụi thành biển xanh,
Danh thơm chẳng hoại.

(Lâm Giang dịch)

chú thích:

1. Chùa Thiệu Long, hương Bình Hợp đời Trần. Nay gọi là chùa Miếu thôn Mỹ Giang, xã Tam Hiệp, huyện Phúc Thọ tỉnh Hà Tây. Tấm bia do 3 cán bộ Viện Nghiên cứu Hán Nôm Nguyễn Thị Trang, Nguyễn Hữu Mùi, Bùi Hoàng Anh phát hiện năm 1987. Thác bản ký hiệu 30206 – 66 lưu trữ tại Thư viện Viện Nghiên cứu Hán Nôm.

Văn bia không ghi tên người soạn, người viết chữ, người khắc chữ, nhưng ghi rõ tên người chủ trương dựng bia là Tiết cấp Nhập nội Thái tử Đỗ Năng Tế và vợ ông là bà Đặng

Ngũ Nương. Bia cũng ghi niên đại dựng bia. Nhưng có ghi này tháng làm xong chùa: Mồng 8 tháng Ba, năm Bính Tuất, niên hiệu Kiến Trung 1. Theo *Đại Việt sử ký toàn thư* (Bản kỷ, q.5, tờ 1a), và các sách niên biểu Việt Nam, thì năm Kiến Trung 1 là năm ất Dậu (1225). Nhưng ở văn bia lại ghi là năm Bính Tuất (1226).

2.Tể quân: Trung Quốc cổ đại gọi người thiếp chúa vua chư hầu là Tiểu quân, cũng tức là Tể quân. Đây dùng để chỉ Tể quân Đặng Ngũ Nương là vợ thiếp Thái tử Đỗ Năng Tế.

3.Lục dục tam tịnh: Chỉ cái tâm lục dục (sáu mong muốn): 1 sắc, 2 hình mạo, 3 uy nghi tư thái, 4 ngôn ngữ âm thanh, 5 tể hoạt, 6 nhân tướng. Đó là 6 loại dục vọng của kẻ phàm phu. Lại chỉ dục vọng do 6 cơ quan như: Tai, mắt, mũi, lưỡi, thân, ý sinh ra. Cũng là do cách nói tắt “dục giới lục thiện.”

Tam tịnh: Chỉ tam tịnh tâm, tức là tâm bỏ đề dựa vào trí tuệ, từ bi, phương tiện mà sản sinh xa lìa phiền não, chướng ngại, tức là tâm “vô nhiễm thanh tịnh,” “an thanh tịnh,” “lạc thanh tịnh.”

4.Cửu nghi bát trọng: ?

5.Tu Di: Phật giáo cho rằng, phàm khí thế giới có 9 núi 8 biển, núi Tu Di đứng thứ 8 trong 9 núi ấy, ý nói là trung tâm của phàm khí thế giới.

6.Đại Hùng: Tức là đức hiệu của Phật Thích Ca Mâu Ni. Vì có sức mạnh, khuất phục được tứ ma, cho nên có tên Đại Hùng.

7.Chu Mục: ?

8.Hán Minh: Tức Hán Minh Đế. Đây chỉ thời Hán Minh Đế, Phật giáo bắt đầu du nhập vào Trung Quốc (Xem *Hậu Hán thư: Minh Đế ký cập Lạc Dương già lam ký*). Câu “Tuý dung chợt động lại ở Chu Mục, thánh giáo từ xa đến với Hán Minh” trong bài dùng để chỉ: Phật giáo đã truyền vào nước ta, mà cụ thể là đã đến với nơi đang nói tới này.

9.Thanh uyên: Chỉ chùa Phật. *Sơ học ký* nói: “Tu Di sơn hạ hữu Thanh uyên già lam” (Dưới núi Tu Di có ngôi chùa Phật).

10.Bạch mã: *Lạc Dương già lam ký* cho biết, chùa Bạch Mã do Hán Minh Đế lập ra. Vì nhà vua nằm mơ thấy con bạch mã công kinh Phật đưa đến, nên lấy tên Bạch Mã đặt tên chùa.

11.Thiên Vương: Tức là Thiên Vương như lai. *Đề bà đạt đa phẩm* trong kinh *Pháp hoa*, nói: “Thiên Vương như lai, tục hình thành Phật.”

12.Luân Vương: Tức là Chuyển Luân Vương, thân có đủ 32 tướng, khi lên ngôi vì trời cảm ứng được “luân bảo,” chuyển “luân bảo” ấy giáng xuống tứ phương, cho nên gọi là Chuyển Luân Vương.

13.Kiến Quốc đại vương: Tức Trần Tự Khánh, em trai Trần Thừa. *An Nam chí lược*, q.13. *Trần thị thế gia*: Cuối đời Lý loạn lạc, Trần cùng với em là Kiến Quốc có công đánh giặc, được làm Thái úy, Kiến Quốc làm Đại tướng quân. *Đại Việt sử ký toàn thư*, bản kỷ, năm

Kiến Gia thứ 13 Lý Huệ Tông (1223): Tháng 12... Trần Tự Khánh mất, truy phong Kiến Quốc đại vương.

14. Thành Vệ (Vệ thành): Tức Xá Vệ thành, Xá Vệ vốn là tên thành, sau lấy làm tên nước. Trong thành có nhiều người nổi tiếng, nơi nhiều thắng vật. Trong bài dùng để chỉ hương Bình Hợp, nơi được chọn để xây chùa Thiệu Long.

15. Trời Đổ Lại Đà (Đổ Lại Đà thiên): Tức Đâu Suất Đà thiên (dịch ý là trời biết đủ), ở đây vui vẻ no đủ...

16. Theo kinh *Niết bàn*, Kỳ viên vốn là vườn hoa của Thái tử Kỳ Đà, vì cảm lòng thành Tu Đạt trưởng giả, đem vườn bố thí cho Phật Đà, để làm tịnh xá. Vườn dùng tên của Tu Đạt (Cấp Cô Độc Trưởng giả) và Thái tử (Kỳ Đà) đặt tên vườn: Kỳ Thụ Cấp Cô Độc, nhưng ngày Thái tử Kỳ Đà chào đời, đúng vào lúc vua cha Bà Tư Nặc đại thắng quân địch, cho nên lật chữ “Thắng” đặt tên cho Thái tử.

17. Cấp Cô: Tức Cấp Cô Độc Trưởng giả Tu Đạt. Tu Đạt làm Trưởng giả thành Xá Vệ, cảm thương cảnh cô độc mà người ta gọi Cấp Cô Độc Trưởng giả. Sau khi quy y Phật Đà, thấy vườn hoa của Thái tử Kỳ Đà sạch thoáng, muốn mua để làm tịnh xá. Thái tử đặt giá “bồ kim mãn địa” (trái vàng đầy đất). Tu Đạt cho voi chở vàng dài đất, Thái tử rất cảm động, bèn bỏ vườn xây tịnh xá. Xây xong đặt tên vườn Kỳ Thụ Cấp Cô Độc (Xem *Đại bát Niết Bàn kinh*).

18. Ngũ hương: Mật tông giáo khi dựng đàn thường đem ngũ bảo, ngũ cốc, ngũ hương cùng vùi dưới đất. Cái gọi là ngũ hương, tức là: Đàn hương, trầm hương, uất kim hương, đinh hương, long não nhi hương (Xem *Kiến lập mạn trà la trạch địa pháp, Quan âm nhi quỹ*).

19. Cam vũ (nhà màu cam): Cũng tức là cam viên, cam phùng, cam điện. Trong *Kinh Phật*, hình dung lông tóc của Phật màu cam lưu ly (màu đỏ xanh), màu của đất Phật cũng màu cam. Cho nên gọi chùa tăng là cam vũ.

15. 孤峰山摩崖

cô phong sơn ma nhai

Cô Phong sơn ma nhai

Kiến Gia Bính Ngọ niên đại suy Hưng Hoá. Đại Trần gia thứ nhị đế, tu nhân nam lai, Thiền sư án vu Cô Phong sơn. Bằng ân An Quốc đại vương, trùng khai sáng Bảo Phúc nham, vĩnh di cung dưỡng. Hậu thế nhược nhân lịch lãm kì ngôn, trùng thêm thiền trợ.

Bia ma nhai trên núi Cô Phong⁽¹⁾

Bia ma nhai trên núi Cô Phong

Năm Bính Ngọ niên hiệu Kiến Gia⁽²⁾ là năm đại hưng thịnh. Đời vua thứ 2 nhà Trần,⁽³⁾ có một người tu hành từ phía nam tới, Thiền sư mở tiệc ở núi Cô Phong. Nhờ ân huệ của An Quốc đại vương,⁽⁴⁾ lại mở ra nham Bảo Phúc, cho mãi mãi thờ cúng. Đời sau nếu ai qua đây, thấy lời này, giúp đỡ thêm cho nhà Thiền.

Chú thích:

1.Theo *Văn khắc Hán Nôm Việt Nam* (đời Trần), đây là tấm bia ma nhai nguyên dạng, nằm ở bên phải động Liên Hoa núi Cô Phong, nay là chùa Khúc Mộ, thôn Phong Phú, xã Minh Giang, huyện Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình. Chùa Phật động Liên Hoa núi Cô Phong, hiện vẫn còn. Bia ma nhai cao 80 cm, rộng 36 cm, trên và dưới khắc hoa sen. Thác bản hiện lưu giữ tại Thư viện Viện Nghiên cứu Hán Nôm, ký hiệu 29163.

2.*Kiến Gia*: Là niên hiệu của triều Lý, tức niên hiệu Lý Huệ Tông (1211 - 1224), hơn nữa niên hiệu Kiến Gia không có năm Bính Ngọ, ngờ khắc sai.

3.Đời vua thứ 2 nhà Trần (*Trần gia thứ nhị đế*): Tức vua Trần Thái Tông . “Trần gia thứ nhị đế” nói theo ngữ pháp tiếng Việt. Theo ngữ pháp tiếng Hán phải là “Trần gia đệ nhị đế.” Trần Thái Tông lên ngôi năm 1225, ở ngôi được 8 năm lên làm Thái thượng hoàng.

4.*An Quốc đại vương*: Chưa rõ là ai.

16. 阿耨寺三寶田碑

a nậu tự tam bảo điền bi

A Nậu tự tam bảo điền bi

*Trường An phủ Gia Viễn huyện Đái Nhân xã đương hương
đại tiểu đẳng.*

Nguyên hữu cổ tích đại danh lam, Trần triều Thái Tông hoàng đế Ngự chế khai sáng A Nậu tự. Lưu Tam bảo điền cứu bách thập nhất mẫu tam cao, phụng sự Phật Pháp Tăng Bảo. Đông nhất mẫu nhất cao, cận công thần điền; tây nhất mẫu cao, cận quan điền, nam cứu thập nhất cao, cận sơn cước, bắc cứu thập nhất cao, cận nội tự tính dân điền. Như điền bạ nội.

Mậu Ngọ niên Hưng Long tam bảo nhị nguyệt sơ bát nhật.

Bia ruộng tam bảo chùa A Nậu

Bia ruộng tam bảo chùa A Nậu⁽¹⁾

Nguyên có ngôi chùa A Nậu, là một cổ tích danh lam, được Thái Tông hoàng đế nhà Trần cho mở ra. Lưu lại ruộng tam bảo là 911 mẫu, 3 sào, để phụng thờ: Phật Pháp Tăng Bảo. Số ruộng đó, ở phía đông là 1 mẫu 1 sào, gần ruộng công thần; phía tây là 1 mẫu, gần ruộng quan; phía nam là 91 sào, gần chân núi; phía bắc 91 sào, gần ruộng chùa và ruộng dân. Y như trong Điền bạ.

Ngày 8 tháng 2 năm Mậu Ngọ niên hiệu Hưng Long.⁽²⁾

chú thích:

1.Theo Văn khắc Hán Nôm (đời Trần), A Nậu, tục gọi là chùa Siêu, tọa lạc tại xã Đới Nhân, tổng Đa Giá, huyện Gia Viễn, phủ Trường An, nay là thôn Bình Khang, xã Ninh Khánh, huyện Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình. Bia hiện còn trong nội tự. Thác bản hiện lưu giữ tại Thư viện Viện Nghiên cứu Hán Nôm, ký hiệu 5756.

Bia cao 125 cm, rộng 80 cm, trán bia khắc lưỡng long triều nguyệt. Bia mờ, không ghi tác giả.

2.Niên hiệu Hưng Long Mậu Ngọ: Có lẽ khắc lầm. Đời Trần Thái Tông (1225 - 1258) không có Hưng Long Mậu Ngọ, chỉ có niên hiệu Thiệu Long Mậu Ngọ (1258).

17. 多貝 úM 木牌

Đa Bối đồng mộc bài

Đa Bối đồng mộc bài

Thiệu Long thập nhị niên Kỷ Ty thập nhất nguyệt thập ngũ nhật.

Cứ Thiên Trường Long Hưng phủ An phủ sứ ti Đặng Thời Khả, Thông phán Đặng Tiền, Thủ phận Đặng Sử, phụng Thánh hoàng vân:

Thù Nương khẩu Đa Bối đồng điền nhất hũ, cận quan điền, đương nhất bách nhị thập tam diện, lệnh thêm thập nhất cao, điều dữ viễn khứ Nguyễn Nghiên, Nguyễn Siêu, Nguyễn Việt chur canh thực, y cựu vi canh. Hậu cửu niên tính hữu khế mại điền mẫu, đông tây nam bắc dĩ tại địa đồ tính bạch chỉ nội. Cố lập mộc bài.

Cột gỗ đồng Đa Bối

Cột gỗ đồng Đa Bối⁽¹⁾

Ngày 25 tháng 11 năm Kỷ Ty niên hiệu Thiệu Long thứ 12 (1269).

Căn cứ An phủ sứ ty Đặng Thời Khả, Thông phán Đặng Tiền, Thủ phận Đặng Sử ở phủ Long Hưng thuộc lộ Thiên Trường, vâng lời Thánh hoàng,⁽²⁾ rằng:

Ruộng ở đồng Đa Bối, cửa Thù Nương⁽³⁾ là trên 1 mẫu, gần ruộng quan, gồm 123 mảnh, lệnh cho thêm 11 sào, điều cho người đi xa trở về bọn Nguyễn Nghiên, Nguyễn Thiệu, Nguyễn Việt cày cấy y như cũ. Sau đó nhiều năm đã có văn khế mua, giáp giới đông tây nam bắc, đã ghi trong địa đồ và ở trong giấy trắng. Cho nên dựng cột gỗ.

1. Cột gỗ này được phát hiện vào đầu tháng 9 năm 1962, tại thôn Bái Thượng, xã Thụy Phúc, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình. Cột là một đoạn nguyên cây gỗ lim, cao 3m, đường kính 0,3m, khắc chữ chìm, khoảng 120 chữ, khắc niên hiệu Kỷ Ty niên hiệu Thiệu Long thứ 12 (1269). Hiện cột gỗ lưu trữ tại Viện Bảo tàng lịch sử Việt Nam (Hà Nội).

2. Thánh hoàng: Tức Trần Thánh Tông (1258 – 1278).

Cửa Thù Nương (Thù Nương khẩu): Tên cửa sông, thuộc huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình. Địa điểm cụ thể chưa rõ.

18. 奉陽公主神道碑

phụng dương công chủ thần đạo bi

Phụng Dương công chủ thần đạo bi minh tính tự

[Mỗ] Thị, tính dã; [mỗ] danh dã. Phụng Dương công chủ, thọ mệnh dã. [Mỗ] Thái sư, Hoàng khảo dã; Huệ Chân phu nhân, từ tĩ dã. ấu niên, tông gia thực minh, Thái Tông hoàng đế ái chi, nghĩa vi tử. Vị cơ [mỗ] Thượng tướng Thái sư, chiếu tứ Vương cơ xa phục. Thử Công chủ lương phối dã. Thời [mỗ] Thái sư hữu thí bễ, dữ Công chủ thiếu bất hài. [Mỗ] Tướng quốc Huệ Chân hàm chi, tương đoạt kỳ chí. Công chủ bất khả, viết: "Thiếp nhục dĩ quy vu Thái sư, hài bất hài, mệnh dã. Phụ mẫu chi mệnh, cố bất khả độn, kỳ nại trưởng tắc tông phu chi nghĩa hà?" Tướng quốc Huệ Chân nãi chỉ. Thử Công chủ trình tiết dã.

Sự phu dĩ kính thuận, đãi đẳng dĩ khoan nhứ. Nhất tỳ nhất thiếp hoặc tao [mỗ] Thái sư khiển nô giả, khúc chiết vi giải, vô linh hiện thanh sắc, tuy lão liệt phụ phát như dã. Nhiên [mỗ] Thái sư thuyên phẩm triều đình nhân vật, tự phi hồ nội sự giả, vị thường dĩ tiết cận đàn vi cực trọng. Thử Công chủ hiền đức dã.

Tướng quốc Thái sư hữu tật, thân thị thang dược, tả xan hữu chúc, y bất giải đới, ngoạ bất an tịch giả cơ niên. Thử Công chủ thị thân tật dã.

Tướng quốc Thái sư hoăng, trăm suy tận ai, huỷ tính cơ diệt. Quốc nhân kiến chi, vô bất yểm ể. Thử Công chủ cư tang lễ dã.

Tuệ Chân ly cư nhị thập dư niên, thần tịch đãi trắc, vẫn an thân thiện, vãng hữu thiếu đãi. Thiết ngộ nhất kha nhất trách, tắc chế bồ phục tội, bất cảm dĩ vinh quý nhi tự cao tự đại. Thử Công chủ sự thân hiếu dã.

Đãi Tuệ Chân hoẵng, Công chủ luyện tâm sài cốt. Diệc hữu văn phụ mẫu sòe di sản nghiệp. giai tán chư côn đệ, nhất hào bất thủ. Dẫn khuynh gia tư tài, thí tăng cúng Phật, thực cơ y hàn, dụng tư nhị thiên minh phúc. Thử Công chủ "thận chung truy viễn" dã.

Thái sư thân đô tướng vị, nhật lao vạn cơ, bất hoàng gia sự, nhất nhất uỷ phó, khu xử trường ấu, chiểu đồn tư sản, phạm sở thí vi, như xuất nhất ý. Thử Công chủ trị gia pháp dã.

Châm tuyển trợ bổ cốn, diêm mai tư điều canh, nội trợ chi đạo vuu đa, thù phi tầm thường nhi nữ chi tỷ. Thử Công chủ tướng thành đạo dã.

Kỳ ngự tì sử bất đại thanh dĩ sắc, thiết hữu thiết đạo, tắc tùy tiện truy chi, bất nhẫn lộ kỳ xú ác. Thử Công chủ nhân tâm dã.

Bình cư hạ nhật, tiểu tiểu tang hoạch, mỗi gia lạo vấn, bất tăng dĩ chuỷ thất vi sự. Cổ hữu quá ác giả hàm tự nhiếp phục. Thử Công chủ dụng tâm khoan như dã.

Niên thiếu qui vu tướng môn, thân doanh đa sự, vị hạ học vấn. Tuế vấn vuu ái Phật thư. Tuy trích ngôn phiến tự bất năng cương Trí, nhiên đại giác chi tâm, thô hữu thức giả, kỳ hữu vi tiểu giáo sở bất câu trệ. Thử Công chủ thông ư tâm tính dã.

Giáp Tân đông, Bắc lỗ Nam khẩu, Thái sư thương thuyền tỵ tặc, dạ bán thuyền trung thất hoả. Thời Thái sư tuy tâm, Công chủ nghi thị tặc lai, vi cảnh, thụ chi dĩ bài, thả dĩ thân tế, cổ chi Phùng Phụ, miệt dĩ gia thử. Thử Công chủ minh ư nghĩa dũng dã.

Thiên tư từ ái, nhất thị đích thứ, hữu tiểu thiện giả, tắc xứng dương ư Thái sư chi tiền, hữu tiểu ác giả tắc đề nhĩ vi hối, yểm ác dương thiện, hầu cổ quân tử chi phong. Thử Công chủ tâm vô đồ kỵ dã.

Phủ tự uyên tộc, đại tiểu mỹ di. Kỳ hữu bất tài giả, ninh dĩ tài vật dĩ chi, bất cảm thi chư trọng chức. Thử Công chủ tâm vô tư yết dã.

Bệnh độc bất văn tử tôn, duy dĩ ái phu vi niệm. Thái sư di thư thủ trung, ngôn lai sinh chi nhật, nguyện vi phu phụ như sơ. Thủ Công chủ thuần ư ái kính dã.

Tử thất nhân: Trưởng tảo vong, truy điệu bất năng tuih kỷ. Nãi nghĩa Quan nội hầu quốc công dĩ đại chi. Thủ Công chủ chi nghĩa tử dã. Thử Văn Uyên vương Đạo Tái, văn khả dĩ tỳ thời chính, vũ khả dĩ đẳng quốc laon, thú Tĩnh Quốc đại vương nữ Bảo Tư công chủ. Thử Vũ Túc vương Đạo [], thượng Thánh Tông hoàng đế đệ tứ nữ Bảo Chân công chủ. Trưởng nữ Quỳnh Huy công chủ, huý Thuỵ Hữu, lưỡng thích nhân, câu bất hài. Thử Quỳnh Tư công chủ, huý Thuỵ Nhu, quy vu Kiểm hiệu Thái uý. Thử Quỳnh Bảo công chủ, huý Thuỵ Ngụ, thích Tĩnh Quốc đại vương trưởng tử Nhân Quốc vương. Thử Quỳnh Thái công chủ, huý Thuỵ Tư, kế quy vu Kiểm hiệu Thái uý. Quỳnh Huy, Quỳnh Tư, Vũ Túc giai tiên vong. Tôn thấp tam, nam thất nữ lục. Chân từ công chủ huý Thuỵ ẩn, thích Phán thủ thượng vỵ Vũ Ninh hầu chi tử Chiêu. Dư giai thượng ấu. Thủ Công chủ chi đích tôn tử dã.

Giáp tý nhị bách bát thập nhị, Công chủ sở hưởng niên dã. Trùng hung Tân Mão, tam nguyệt nhị thập nhị nhật, táng chi niên nguyệt nhật dã. Thiên Trường phủ, Độc Lập thôn, Công chủ sở táng dã. Hung Long nguyên niên, tứ nguyệt thập nhất nhật, táng chi niên nguyệt nhật dã. Chủ Công chủ chi tang, nhi thỉnh minh dĩ táng giả, Văn Túc vương dã. Luận thứ kỳ sở đắc ư Thượng tướng đại sư, nhi vi chi minh giả, Thiếu bảo Lê Cung Viên dã.

Minh viết:

Vi thiên tất phúc hề nhân chi thường trình,
Vỵ nhân tất thọ hề thiên hồ bất linh?
Sinh hữu hiền hạnh hề một hữu linh danh,
Tần vu tướng môn hề thế tập quyết thanh.
Thôn danh Độc Lập hề cao xứ thị oanh,
Văn phi Hàn quân hề thêm vi chi danh.
Hàn lâm Thị giảng Nguyễn Sỹ Liêm thư.

*Hàn lâm Hiệu thư lang đối miện Chu Thiện Chúng
thuyên.*

*Kim tử quang lộc đại phu. Thiếu bảo kiêm tri kiểm
định thiên hạ tưng trạng ty Lê Cung Viên soạn.*

*Hung Long nguyên niên Quý Tỵ tứ nguyệt thập nhị nhật
Nghĩa phu tứ triều Nguyên lão bình chương quân quốc
trọng sự lập.*

Dịch nghĩa:

Bia thần đạo công chúa Phụng Dương

*Bài minh và lời tựa trên bia thần đạo Công chúa
Phụng Dương⁽¹⁾*

Công chúa họ *mỗ*, tên *mỗ*. Phụng Dương công chúa là tên được ban. Cha là *mỗ* chức Tướng quốc Thái sư, mẹ là Từ Chân phu nhân. Thuở nhỏ, Công chúa vì thông minh hiền thực, nên được Thái Tông hoàng đế yêu mến mà nhận làm con nuôi. Không bao lâu, gả cho Thượng tướng Thái sư tên *mỗ*, nhà vua có chiếu ban cho quần áo và xe như con gái vua. Đó là nghi thức Công chúa đi lấy chồng. Khi ấy Thái sư *mỗ* có một người thiếp yêu, nên đối với Công chúa ít khi được hoà hợp. Cha Tướng quốc *mỗ* và mẹ Tuệ Chân phu nhân ngăn cản, định không cho Thái sư làm như vậy. Công chúa cho là không nên, nói: "Thiếp thà chịu nhịn, chứ đã về làm vợ Thái sư, hoà hợp hay không hoà hợp, là do số trời đã định. Lời của cha mẹ, vốn không thể không nghe, nhưng còn cái nghĩa "Lớn thì phải theo chồng" thì phải làm thế nào?" Tướng quốc *mỗ* và Tuệ Chân phu nhân đành thôi. Đó là lòng trinh tiết của Công chúa vậy.

Công chúa thờ chồng một lòng kính thuận, đối xử với thứ thiếp của chồng một lòng khoan dung. Nếu một tỳ một thiếp nào, hoặc bị Thái sư *mỗ* khiển trách giận mắng, thì Công chúa nhỏ nhẹ giảng giải, khiến cho các tỳ thiếp ấy không bức bối lên tiếng, dù các bậc liệt phụ thời xưa không mấy ai hơn được. Đối với việc Thái sư *mỗ* thuyên

chuyển phẩm hàm cho các nhân vật trong triều, Công chúa không coi đó là phận sự của người nội tướng, nên chưa từng vin có được gần gũi mà can dự vào những việc cực kỳ quan trọng. Đó là cái đức hiền thực của Công chúa vậy.

Khi Tướng quốc Thái sư đau ốm, Công chúa đích thân hầu hạ thuốc thang, chăm chút từng bát cơm thìa bát canh, áo không kịp cởi giải, ngủ không yên giấc kéo dài hàng năm trời. Đó là cách hầu hạ khi cha đau yếu của Công chúa vậy.

Khi Tướng quốc Thái sư qua đời, Công chúa thương đau đứt ruột, dường như muốn chết. Người trong nước nhìn thấy không ai cầm được nước mắt. Đó là đối với việc tang lễ của Công chúa vậy.

Tuệ Chân phu nhân ở góa hơn hai mươi năm, Công chúa sớm hôm hầu hạ ngay bên cạnh, chăm nom cơm nước, không lúc nào chênh mảng. Mỗi khi gặp phải việc gì bị phu nhân quở trách, thì Công chúa cúi mình nhận lỗi, không dám cho mình là cao sang mà tự cao tự đại. Đó là lòng hiếu hạnh của Công chúa vậy.

Đến khi Tuệ Chân phu nhân mất, Công chúa trong lòng héo hon thân hình gầy guộc. Cũng có chút ít của nả mẹ cha để lại, Công chúa đem chia đều cho anh em, không giành lấy cho mình mấy may. Đã thế, Công chúa còn đem gia sản bố thí cho sư để cúng Phật, kẻ đói cho cơm, người rét cho mặc, dùng của riêng để cầu phúc cho cha mẹ. Đó là tấm lòng "Thận chung truy viễn" của Công chúa vậy.

Thái sư giữ cương vị Tướng quốc, một ngày trăm việc, không để tâm được đến việc nhà, nhất nhất đều giao phó cho Công chúa. Từ việc khu xử người già và trẻ nhỏ, đến việc chăm nom sắp xếp gia sản, tất cả những việc đã giao cho ấy, không việc gì là không vừa ý Thái sư. Đó là cách thức cai quản cửa nhà của Công chúa vậy.

Việc kim chỉ vá may, bếp núc mắm muối, tài nội trợ của Công chúa thể hiện ra càng nhiều, khác hẳn với các bậc nữ nhi tầm thường. Đó là sự thành công việc nội trợ của Công chúa vậy.

Việc sai khiến, đối xử với nô tỳ, Công chúa không to tiếng, lộ vẻ tức giận. Mỗi khi có kẻ nào lỡ trộm cắp của trong nhà, thì Công chúa tùy tiện xét hỏi, không nỡ để lộ điều xấu xa của kẻ đó ra. Đó là sự thể hiện lòng nhân của Công chúa vậy.

Ngày thường, mỗi khi rỗi rãi, đối với đám nô tỳ, Công chúa thường thăm hỏi sự khó nhọc, chưa từng dùng đến roi vọt bao giờ. Cho nên bọn xấu ác đều có lòng tự cảm phục. Đó là thể hiện tấm lòng khoan dung của Công chúa vậy.

Công chúa về làm dâu của nhà quan từ khi tuổi còn niên thiếu, bản thân phải gánh vác nhiều công việc, chưa có khi nào rỗi rãi để học hỏi. Đến khi tuổi đã về già rất yêu thích sách Phật. Tuy chữ nghĩa chưa hiểu cặn kẽ, nhưng có cái tâm đại sáng suốt, những điều cơ bản cũng đã hiểu được, không câu nệ vào giáo luật nhỏ nhặt. Đó là tâm tính thông suốt của Công chúa vậy.

Mùa đông năm Giáp Thân (1284), giặc phương Bắc (giặc Nguyên) sang cướp, Thái sư xuống thuyền đi lánh giặc, nửa đêm trong thuyền xảy ra hoả hoạn. Lúc ấy Thái sư đương ngủ, Công chúa ngờ là giặc đã tới nơi, đánh thức chồng dậy, đưa cho cái lá chắn và lấy mình che cho Thái sư, việc làm ấy đến Phùng Phụ⁽²⁾ thời xưa cũng không hơn được. Đó là tấm lòng nghĩa dũng sáng suốt của Công chúa vậy.

Công chúa có lòng nhân từ bác ái, không so sánh suy bì đích thú, người nào có một chút công lao, thì biểu dương trước mặt Thái sư; người nào mắc lỗi thì ghé tai bảo nhỏ, im đi cái lỗi đó. Công chúa quả có phong thái của bậc quân tử thời cổ. Đó là tấm lòng không ghen ghét đồ kỵ của Công chúa vậy.

Công chúa đối với việc nâng đỡ những người trong họ, từ việc lớn đến việc nhỏ đều không để sót. Với những người bất tài, thà ban cho của cải, chứ không dám giao cho trọng trách. Đó là tấm lòng không riêng tư của Công chúa vậy.

Công chúa khi ốm nặng không hỏi gì đến con cháu, chỉ một lòng nhớ thương chồng. Thái sư gửi thư đến đặt trong tay, Công chúa nói, kiếp sau lại xin làm chồng vợ như xưa. Đó là tấm lòng trong trắng yêu kính chồng của Công chúa vậy.

Công chúa sinh được bảy người con: Con trưởng mất sớm, Công chúa xót thương vợ hạn, bèn nuôi Quan nội hầu quốc công thay con. Đó là con nuôi của Công chúa vậy. Người con thứ là Văn Túc vương Đạo Tái,⁽³⁾ vẫn có thể giúp cho chính sự đương thời, võ có thể dẹp loạn cho nước, lấy công chúa Bảo Tư là con gái Tĩnh Quốc đại vương. Người con thứ nữa là Vũ Túc vương Đạo [], lấy công chúa Bảo Chân là con gái thứ tư của Thánh Tông hoàng đế. Người con gái cả là công chúa Quỳnh Huy, huý Thuy Hữu, hai lần gả chồng đều không hoà hợp. Người con gái thứ là công chúa Quỳnh Tư, tên huý Thuy Nhu, lấy Kiểm hiệu Thái uý. Người con gái thứ nữa huý Thuy Ngự, lấy Nhân Quốc vương là con trai cả Tĩnh Quốc đại vương. Người con gái thứ nữa là công chúa Quỳnh Thái, huý Thuy Tư, làm vợ kế Kiểm hiệu Thái uý. Quỳnh Huy, Quỳnh Tư, Vũ Túc đều mất sớm. Cháu có mười ba người, trai bảy, gái sáu. Thứ nữa là công chúa Chân Từ, huý Thuy [], lấy con trai Phán thủ thượng vị Vũ Ninh hầu tên là Chiêu. Ngoài ra đều còn nhỏ. Đó là những con cháu thuộc dòng đích của Công chúa vậy.

Công chúa hưởng thọ hai trăm tám mươi hai Giáp tý (47 tuổi). Ngày 22 tháng 3 năm Trùng Hưng Tân Mão (1291), là ngày Công chúa mất. Thôn Độc Lập phủ Thiên Trường, là nơi chôn cất của Công chúa. Ngày 11 tháng 4 năm Hưng Long nguyên niên (1293), là ngày chôn cất. Người chủ tang Công chúa là Văn Túc vương, đến xin bài minh đem chôn cùng. Bàn về những điều sở đắc của Thượng tướng Thái sư, để làm bài minh là Thiếu bảo Lê Cung Viên.

Minh rằng:

Làm thiện tất hưởng phúc chừ ấy lẽ thường
tình,

Có lòng nhân ắt thọ chừ trời sao không linh?
Sống làm người hiền hạnh chừ chết sẽ lưu
danh,

Làm dâu của nhà tướng chừ đời khen phúc lành.

Thôn tên là Độc Lập chừ nơi đặt mộ xanh,

Văn chẳng xánh Hàn quân chừ dám làm bài minh.

Hàn lâm Thị giảng Nguyễn Sỹ Liêm viết chữ.

Hàn lâm Hiệu thư lang đối miện Chu Thiện Chúng khắc
chữ.

Kim tử quang lộc đại phu, Thiếu bảo kiêm tri kiêm
định thiên hạ tưng trạng ty Lê Cung Viên soạn.⁽⁴⁾

Ngày 12 tháng Tư năm Quý Tỵ niên hiệu Hung Long
nguyên niên (1293), chồng là nguyên lão bốn triều, Bình
chương quân quốc trọng sự dựng bia.

(Lâm Giang dịch)

Chú thích:

1. Bia mộ công chúa Phụng Dương, đặt ở đền thờ Công chúa ở
thôn Độc Lập, phủ Thiên Trường, đời Trần, sau thuộc xã Cao
Đài, tổng Cao Đài, huyện Mỹ Lộc, tức Xã Mỹ Thành, huyện Mỹ
Lộc, tỉnh Nam Định ngày nay. Bia được dựng lần đầu vào ngày 12
tháng Tư, năm Hung Long nguyên niên (1293). Theo *Thơ văn Lý
Trần*, bia được khắc lại vào năm Minh Mệnh thứ 3 (1822).

Hiện thác bản lưu giữ tại Thư viện Viện Nghiên cứu Hán
Nôm, ký hiệu 7804, không thấy có dòng ghi năm khắc lại.

2. Phùng Phụ, người đời Tấn, có tài bất hổ. Đây dùng để
chỉ sự dũng cảm của Công chúa.

3. Văn Túc vương Đạo Tái: Túc Trần Đạo Tái, con trai
Thượng tướng Thái sư Trần Quang Khải, cháu nội Trần Thái Tông.

4. Lê Cung Viên: Không rõ năm sinh, năm mất, quê quán...
Sống cùng thời với Trần Quang Khải. "Lấy Thái uý Quang Khải
làm Thượng tướng Thái sư, Đinh Cung Viên làm Hàn lâm viện
phụng chỉ" (*Toàn thư* bản kỷ, Q. 5, tờ 43 a). Có thể Lê Cung
Viên chính là Đinh Cung Viên ghi trong *Toàn thư*.

19. 聖光寺鍾

thánh quang tự chung

Thánh Quang tự chung

Duy Hoàng Việt Trần triều đệ tứ đế Túc Trinh côn chủ trú hồng chung nhất khẩu, trọng tứ bách cân, lưu Từ Liêm hương Thánh Quang tự (Cổ Từ Liêm hương kim cải vi An Nội xã), trú Tam Bảo điền địa, thủ mộ nô tỳ, lưu phụng hương hoả.

Thượng phẩm minh tự Trần Khắc Hãn.

Phù! Sinh ư tư thế giả, giai nguyện hữu tử tôn. Hữu tử tôn tắc bách niên chi hậu, phần mộ bất hoang, tiên nhân chi tế tự bất phế dã. Thiết niệm, mỗi túc thế bất trọng thiện quả, kim sinh bất tu thiện duyên, hoạn ký thụ ư hữu thân, tội hựu tao ư vô hậu. Mục tuy vự minh, tình tắc dĩ ai. Sử kỳ phân điền địa, nô tỳ nhi dĩ bất tiểu chi đệ huynh, thực nhược lưu thủ phần mộ cập xuất vi Tam Bảo chi thí vật, ty tiền phụng kì hương hoả, sự tử như sinh, tế dĩ tuế thời, kính chung nhược thủy. Thị cố dự ký sinh tiền di ngữ, đại vi tử hậu chúc thư, khắc vu hồng chung, truyền vu hậu thế. Thượng lại quốc gia chi thường pháp, hạ vọng huynh đệ chi thuận tâm, cầu vi chung ngôn, nan đào hiễn vãng.

Hữu nhược điền địa phân dĩ hương hoả nô canh thực cập tiến Tam Bảo vật, dĩ hữu khu phân. Nhược no chúng hữu nhất bất cần phụng hương hoả giả, tính tự xâm đoạt Tam Bảo điền địa, túc nô chúng cộng tu trạng cáo triều đình luận tội. Nhược huynh đệ mỗi nhân, tự thác thế chiếm đoạt Tam Bảo điền địa, tịnh tao nhiều sai sử, hương hoả nô cập nô chúng diệc công tu trạng cáo vu triều đình luận tội.

Nguyên chung âm phá, bất tri duyên tự hà niên. Bản xã hội tài tăng mãi lão đồng nhất bách cân, lão tích bát

*cân, hoàng kim nhị thập bát phân, dĩ phụ hung cụ chung
văn, tái trú vu tự tiền.*

*Tuế Tự Đúc ất Hợi nhị nguyệt trung cán cát nhật,
chung thành nãi khắc vi ký.*

Dịch nghĩa:

Chuông chùa Thánh Quang

Chuông chùa Quang Thánh⁽¹⁾

Công chúa Túc Trinh ở đời vua thứ tư triều nhà Trần⁽²⁾ nước Hoàng Việt, đúc một quả chuông, nặng bốn trăm cân, lưu lại ở chùa Thánh Quang hương Từ Liêm (Hương Từ Liêm là tên cổ, nay đổi là xã Cổ Nhuế), có đặt ruộng đất cho Tam Bảo, nô tỳ giữ mộ, phụng sự hương hoả.

Thượng phẩm minh tự Trần Khắc Hãn.

Kìa như! Người ta sống trên đời này, ai ai cũng đều muốn có con cháu. Có con cháu thì sau khi qua đời, phần mộ mới không bị hoang phế. Người đời trước việc tế lễ thờ cúng không bao giờ thiếu vắng vậy. Trộm nghĩ, người kia ngày xưa sống ở đời không trồng quả thiện, nay lại không tu thiện duyên, hoạ nạn đã quàng vào người, tội lại chuốc bởi không con nối dõi. Mất dấu chưa nhắm hẳn, nhưng tình thì đã buồn đau. Cho nên phải chia ruộng đất, nô tỳ cho anh em trong họ, ai cũng phải giữ phần mộ và quý vật đã dâng cho Tam Bảo, khiến cho hương hoả vẫn được như trước, thờ người đã chết như hãy còn sống, cúng tế hàng năm, mãi kính cẩn như ban đầu. Bởi thế cho nên, dự ghi lời để khi còn sống, thay cho chúc thư sau khi qua đời, khắc vào quả chuông lớn, truyền lại cho đời sau. Trên dựa vào phép thường nhà nước, dưới cậy ở lòng hiếu thuận của anh em, nếu ai làm trái lời đã ghi trên chuông, khó tránh khỏi lưới pháp luật.

Ruộng đất chia cho hương hoả nô tỳ cày cấy sinh sống và các vật đã tiến cho Tam Bảo, như trên⁽³⁾ đã chia thành khu khác nhau. Nếu nô chúng nào không thường xuyên hương

lửa, và tự tiện chiếm đoạt ruộng đất của Tam Bảo, tức thì nô chúng cùng nhau dâng cáo trạng lên triều đình luận tội. Nếu như người kia là anh em người nhà ta, tự cậy thế mà xâm chiếm ruộng đất của Tam Bảo, và những nhiều sai khiến, thì hương hoả nô cùng với nô chúng cũng cùng nhau sửa cáo trạng đưa lên triều đình luận tội.

Nguyên vì chuông bị vỡ ngấm, không biết từ năm nào. Nay bản xã tập hợp tiền mua thêm 100 cân đồng già, 8 cân thiếc già, 28 phân vàng dòng, nhưng vẫn phụ ghi bài văn trên chuông cũ, đúc lại chuông trước cửa chùa.

Ngày tốt trung tuần tháng Hai, năm Tự Đức ất Hợi (1875), chuông đúc xong, bèn khắc bìa ký.

(Lâm Giang dịch)

Chú thích:

1.Theo *Văn khắc Hán Nôm*, chuông chùa Thánh Quang, quả chuông và ngôi chùa hiện vẫn còn ở thôn Yên Nội, xã Liên Mạc, huyện Từ Liêm, Hà Nội. Bài văn khắc trên chuông này đã được chép lại trong văn bản có tên *Hồng chung minh văn* đang lưu trữ tại Thư viện Viện Nghiên cứu Hán Nôm, ký hiệu A.1761. Bản rập bài ký trên chuông hiện cũng lưu trữ tại Thư viện, nhưng chưa rõ ký hiệu.

Đoạn cuối bài văn bia nêu rõ, vào giữa tháng Hai, năm ất Hợi niên hiệu Tự Đức (1875), đúc lại chuông đã khắc lại nguyên bài văn cũ. Nhưng theo văn cảnh thì số ruộng đã phân chia cho nô tỳ, được phân ra từng khu, trong khắc lại đã lược đi.

2.Triều vua thứ tư nhà Trần: Túc đời Trần Anh Tông (1293 - 1314).

3.Khi khắc lại bài văn, đã không ghi số ruộng đất đã phân chia.

20. 古跡神祠碑

cổ tích thần từ bi

CỔ TÍCH THẦN TỪ BI KÝ

Thạch bi chi lập, dĩ lục sự tích, dĩ trung công đức vân nhĩ.

Tưởng sơ Thiên thần vương từ hạ, viết tự Hùng Vương lục thế, Chu Diên bộ lạc tướng phụng tạo Càn Tôn hướng Kính Thiên Đài, mỗi tuế sơ xuân, cung hành phụng thiên đại lễ. Như hữu thủy hạn tai biến, dân gian kỳ đảo, triếp linh ứng yên. Đãi phù tiên triều Thuận Thiên thất niên xuân, đế tỉnh lâm sơn xuyên, bái phong Đường cảnh thành hoàng Chí Minh đại vương. Quyết hậu, lịch đại chu đế hữu tu tạo thần từ, hữu phong tặng thần sắc. Đãng đẳng hồ, nguy nguy hồ, nhất đẳng uy linh hỹ!

Ngưỡng kim thánh đế bệ hạ, vị nghiêm cửu trùng, cung doan vạn hoá. Vi từ tôn trường cửu chi kế, truy tư túc nguyện, dĩ hiển thần công. Chiếu ban tiền tam bách mãn, đặc sai tu lý. Ngưỡng kiến công hoàn, cư tập thức thị quy trình. Thử ức vạn niên chi công đức đã, hữu nhược thị phù. Thả tu văn đức dĩ khôi bình trị chi công; dĩ tạo thần từ, dĩ triển kính thành chí ý. Vu dĩ diễn tông xã vô cương chi phúc, nãi biên lục cổ kim sự tích, tường lạc vu mạnh, dĩ thủy vạn thế.

Cẩn bái thủ khê thủ nhi minh viết:

*Lẫm nhiên linh miếu,
Hách hách thiên nhan.
Kim lai cổ vãng,
Hổ cứ long bàn.
Tinh anh vạn kỷ,
Huy diệu lưỡng gian.
Miếu lợi giả tuy,
Quán hữu phu quan.
Tích chi tuế cửu,
Cơ trí dài man.
Khâm tai thời mệnh,
Lý tác sơ trạch.
Quy mô luân hoán,
Cẩn tú thanh sách.
Duy tư công đức,*

*Quy bửu cao san.
Thần chi linh ứng,
Quốc dĩ tôn an.
Miên hồng bảo tộ,
Vĩnh điện thạch bàn.
Thiên địa trường cửu,
Minh lục bất xan.*

Thời Hưng Long nhị thập niên Nhâm Tý đông thập nhất nguyệt nhị thập nhật.

Bi âm:

*Lịch đại gia ban phụ ký
Thuận thiên thất niên xuân nhị nguyệt thập ngũ nhật, sắc phong Đương cảnh
thành hoàng Chí Minh đại vương.*

*Đại Định lục niên thu thất nguyệt nhị thập nhật, chiếu ban tiền nhất bách thập
ngũ môn tu tạo thần từ.*

*Thiên Tư Gia Thụy tứ niên tam nguyệt thập nhất nhật, sắc phong đại vương dĩ
liệt Vũ miếu quốc tế.*

*Nguyên phong nhị niên thập nhị nguyệt sơ bát nhật, chiếu phát tiền ngũ thập
môn, trang sức thần từ.*

*Hưng Long thất niên nhị nguyệt sơ lục nhật, phụng ban lệnh lệ xuân tế tiền, đệ
niên tam thập quán, dĩ thân kính ý.*

Sắc Đương cảnh thành hoàng Chí Minh đại vương:

Tính sử thái nhất, đức bị âm dương. Hân hoan ngư tai, nạp dân sinh ư xuân thọ; hiền hữu tích phúc, điện quốc tộ ư thái bàn. Ký đa tương hựu chi công, cái cử bao dương chi diễn. Vì lực phù Hoàng gia trường cửu, phúc hộ đế nghiệp tuy hưu. Âm trợ quốc vương bình định Nam thủy, sảo trừ nghịch mệnh; cầm hoạch nghịch phụ danh Chế Chí, thu hoạch tượng mã khí giới sủng dạn. Thù thắng vạn ytoàn, điện an thiên hạ. Thu phục sơn xuyên nhất thống, nắm hữu linh ứng. Khả gia phong Đương cảnh thành hoàng Chí Minh đại vương, thượng liệt quốc tể cập Thần Nha công chủ Lục Phi Nương đồng phối tự. Cổ sắc.

*Hưng Long nhị thập niên lục nguyệt thập thất nhật, Đặc sai Huệ Vũ vương
Trần Quốc Chân phụng chỉ.*

Hàn lâm học sĩ Trương Hán Siêu phụng biên lục.

Dịch nghĩa:

Bia miếu cổ

Bài ký bia miếu cổ⁽¹⁾

Dựng bia đá là để ghi lại sự tích, biểu dương công đức.

Nghĩ rằng, lúc ban đầu miếu thờ Thiên thần đại vương, có từ đời Hùng Vương thứ sáu, do lạc tướng bộ Chu Diên tạo nên Kính Thiên Đài, hướng Càn Tôn (Tây Bắc - Đông Nam), mỗi độ đầu xuân, cử hành Phụng thiên đại lễ. Nếu gặp năm tai biến hạn hán lụt lội, dân gian kỳ đảo, liền được linh ứng. Đến mùa xuân năm Thuận Thiên thứ 7 triều trước (1016), nhà vua xem xét thường lãm núi sông, phong làm "Đương cảnh thành hoàng Chí Minh đại vương." Sau đó, trải các đời đế vương, đều có tu tạo miếu thần, có phong tặng sắc phong thần. Kính cần thay, sùng sững thay, thần từ nhất đẳng uy linh!

Nay ngửa thấy Thánh đế bệ hạ: Uy nghiêm ở ngôi cử trùng, đầu mỗi vạn lần biến hoá. Lập kế dài lâu cho con cháu, nhớ tới ý nguyện xưa, để tỏ rõ công lao của thần. Chiếu ban cho 300 mâm tiền, đặc biệt sai tu sửa. Thấy công việc đã hoàn thành, công trình đúng qui cách. Đó là do công đức của ức vạn năm dồn lại, nên mới được như thế. Vả, tu văn đức là để dựng lại công lao của đời trị bình; tạo dựng miếu thần, là để mở ra cái ý thành kính. Để kéo dài nền phúc của tông miếu đến vô cùng, bèn biên chép sự tích cổ kim, khắc rõ trên đá, để rử xuống đến vạn đời.

Kính xin chấp tay cúi đầu vái mà làm bài minh rằng:

Miếu thiêng lẫm liệt,
Rờ rờ thiên nhan.
Vãng lai kim cổ,
Hỗ cứ long bàn.
Tinh anh muôn thuở,
Rực rỡ hai gian.
Miếu thành đức động,
Lộng lẫy đáng bàn.
Trải dài năm tháng,
Rêu mọc lan man.

Kính thay thời mệnh,
Chỉ là nhà tạm.
Qui mô đổi mới,
Gấm thêu vô hạn.
Chỉ nay công đức,
Quy tụ cao san.

Thần thiêng linh ứng,
Quốc thái dân an.
Lớn lao ngôi báu,
Vững tựa thạch bàn.
Đất trời dài mãi,
Khắc đá truyền ban.

Ngày 20 tháng 11 mùa đông năm Nhâm Tý niên hiệu Hưng Long thứ 20 (1312).

[Mặt sau của bia]:

Phụ ghi các triều ban sắc:

-Ngày 15 tháng Hai, mùa xuân năm Thuận Thiên thứ 7 (1016), sắc phong “Đương cảnh thành hoàng Chí Minh đại vương.”

-Ngày 20 tháng Bảy mùa thu năm Đại Định thứ 6 (1145), có chiếu vua ban 150 mâm tiền để tu tạo miếu thần.

-Ngày 11 tháng Ba năm Thiên Tư Gia Thụy thứ 4 (1189), sắc phong làm Đại vương và liệt vào Võ miếu được nhà nước hàng năm đến tế.

-Ngày 8 tháng Mười Hai năm Nguyên Phong thứ 2 (1252), có chiếu phát 50 mâm tiền, để trang sức cho miếu thần.

-Ngày 6 tháng Hai năm Hưng Long thứ 7 (1299), vâng lệnh ban lệ tiền tế xuân, hàng năm 30 quan, để thêm phần kính trọng.

Sắc Đương cảnh thành hoàng Chí Minh đại vương:

Tinh túy bậc nhất, đức đủ âm dương. Ngăn nạn trừ tai, đưa dân sinh lên cõi thọ; tỏ ban phúc lớn, vững ngôi nước tựa Thái bàn. Giúp rập đã nhiều công lao, ngợi khen nêu cao điển lễ. Ra sức giúp Hoàng gia dài mãi, hộ vệ cho nghiệp đế bền lâu. Ngầm giúp Quốc vương định cõi Nam, diệt trừ nghịch tặc; bắt làm tù binh bọn Chế Chí, thu được khí giới súng đạn ngựa voi. Thủ thắng hoàn toàn, giữ yên thiên hạ. Thu phục non sông một mối, luôn năm linh ứng. Đáng phong thêm Đương cảnh thành hoàng Chí Minh đại vương, liệt vào hàng trên được hưởng Quốc tế, và Thần Nha công chúa, Lục Phi Nương cùng được phối hưởng. Nay sắc.

Ngày 17 tháng Sáu, năm Hưng Long thứ 20 (1312).

Đặc sai Huệ Vũ vương Trần Quốc Chân⁽²⁾ vâng chiếu chỉ.

Hàn lâm học sỹ Trương Hán Siêu phụng biên lục.

(Lâm Giang dịch)

chú thích:

1. Bia để ở đình xã An Lạc, huyện Hoài Đức, tỉnh Hà Nội (Nay thuộc Thành phố Hà Nội). Bia mới phát hiện, thác bản bài văn bia hiện lưu giữ tại Thư viện Viện Nghiên cứu Hán Nôm, chưa rõ ký hiệu.

Bia do Trương Hán Siêu, soạn năm thứ 20 niên hiệu Hưng Long, đời Trần (1312). Trương Hán Siêu tự Thăng Phủ, hiệu Độn Tầu, người xã Phúc Thành, huyện Yên Ninh, phủ Trường An (Nay thuộc xã Phúc Am, huyện Yên Khánh, tỉnh Ninh Bình). Làm quan trải các triều Anh Tông, Minh Tông, Hiến Tông, Dụ Tông.

2. Huệ Vũ vương Trần Quốc Chân: Tức con vua Trần Nhân Tông, em vua Trần Anh Tông. Từng đi đánh Chiêm Thành, lập nhiều công

21. 崇光寺鍾

sùng quang tự chung

Hồng lộ Ma Lăng kiều ý Lan xã Sùng Quang tự chung
minh tịnh tự

Duy Hoàng Việt Trần triều đệ lục đế, thiên dĩ lôi đình cổ quần vật, Phật dĩ chung khánh độ quần mê. Chung chi thanh, thực phong hoá chi thủy, thanh giáo chi tiên, phi trực bình bình, oanh oanh, đường đường, hoàng hoàng nhi dĩ. Quan kỳ phần bách trấp ư cửu uyên chi hạ, khai vạn điều ư lương gian chi trung; kinh thốn liên ư tam giới chi nội, thối thốn luân ư cửu thú chi gian. Vị chung vi vô dụng chi khí, thanh vi hoá nhân chi mật, khả hồ? Cổ hình thiên nhi khẩu địa, âm luật lữ nhi tài thánh hiền. Kim thanh ngọc chất, mạc quý chi quý dã. Cách tượng mỹ hồ nhất thể, nghi tam giáo chi đồng tôn.

Việt hữu Hồng lộ Ma Lăng kiều ý Lan xã Trung Phẩm sơn Sùng Viên quân, danh Tôn Bạc, kỳ phối Hoàng hậu bà Ngoạn Bát giả, thế cư thị hương, tráng thế thiên triều. Dãi hiển nhi quy, tử thị phù vân, quỳnh vị thiên duyệt. Sở cư chi trắc, hữu viết: Sùng Quang tự giả, ngô tiên dĩ hương lão đồng tu chi, trạch kỳ ải lậu. Quân ký trú chung lưu bố, nhất nhật, dĩ hương lão tương hội, nãi viết: "Ngô y tự ải thậm, mỗ sả nhất khu dĩ quảng chi, khả hồ?" Chu lão hỷ chi, giai viết: "Quân kỳ dĩ tự vi tư, dĩ nghiêm thủ hộ, vô sử đòi trì, ngô hương chi nguyện dã!" Vu thị thủy thổ đàn thanh, trang nghiêm tổ tượng, nãi huyền nãi lâu, hoá nhiên nhất tâm. Thử tự chi do, chung chi thủy dã. Thả tích giả tư chung chi trú, nãi phát hưng thiện niệm. Ngô vi nhân tử, sử tiên nhân chi linh một chi tuyền đồ giả, bất giả pháp âm nhi cảnh ngộ, hà dĩ liễu tâm tính chi hôn mộng. Di quyết chi hậu, thẳng thẳng tự thế giả,

bất thủy trọng khí, hà dĩ chiêu thị tương lai, hạt dĩ tri huân nghiệp chi hậu?

Nãi phát gia tư, mộ dã trạch phù. Cán tạo hoá, thuộc dương dung, nhật nguyệt tinh lâu, hý bí hình bạc. Thí lao hồng đà minh, xước hồ hữu truy lãi chi di thanh.

Chung thành, quân nhạc hội chúng, cận dĩ lạc chi. Thả vự thị hương do hữu sát lai, tải duyệt bách dư, kim thanh khuất nhiên. Kim dã đường tư lạc chiếu, ám như tải hôn, chủng thể đồ, trực dăng đầu lợi giả, văn chi, nhất ca tiên khứ, tiện tác Hoa Tư nhân, cự tấm diên giang, lãng nhiên báo hiệu, trầm mộng cảnh, thất nghị huyết thân giả, nhất hoán hoá điệp, lai tốt hoàn Trang Chu. Ngã dĩ thử quan chi, chung chi đức ngô hương giả, chí hỹ, thậm hỹ! Hạp minh dĩ chiếu lai giả. Ngôn hất, nãi lão ông Đặng Lân Chủng thư.

Thời, Đại Khánh thất niên Canh Thân tuế nhị nguyệt thập nhất nhật trú.

Tiền Hàn lâm Thị giảng, kim tri quốc tử thái học bác sĩ, Nội chư thân Đặng Lân Chủng soạn.

dịch nghĩa:

chuông chùa sùng quang

Bài minh và tựa khắc trên chuông chùa Sùng Quang, xã Ý Lan, kiêu Ma Lãng, Hồng lộ.⁽¹⁾

Hoàng đế đời thứ 6 triều nhà Trần, Hoàng Việt.⁽²⁾

Trời dùng sấm sét để cổ vũ muôn vật, Phật dùng chuông khánh để thúc tỉnh chúng sinh. Tiếng của chuông, đúng là sự mở đầu cho nền phong hoá, trước tiên tiếng vang lên lời dạy, không phải bình bình, bùng bùng ung ung, oàng oàng một mạch thôi đâu. Nghe thấy, trăm loài sâu dưới cừ uyên trỗi dậy, muôn thú mở ra trong hai cõi đất trời; tác sen giật mình trong cõi tam giới, vành xe đẩy trong khoảng cừ cù. Nói chuông là đồ vô dụng, tiếng

nó là cái ngọn của việc giáo hoá người đời, được không? Cho nên, hình dáng là trời mà miệng là đất, tiếng là luật lũ mà tài là thánh hiền. Chắt ngọc tiếng vàng, còn gì quý hơn thế. Dáng hình đẹp trọn vẹn, hợp Tam giáo cùng tôn vinh.

Từ khi Sùng Viên quân, tên là Tôn Bá ở núi Trung Phẩm, xã ý Lan, kiêu Ma Lăng, Hồng lộ, lấy bà Hoàng hậu Ngoạn Bát, về ở hương này, tuổi trẻ ông làm nghề bói toán bên Thiên triều. Đến khi hiển đạt thì trở về, vui với cảnh mây trôi, tìm hứng thú trong Thiền học. Bên cạnh nơi ở, có ngôi chùa tên Sùng Quang, do tiên tổ ta cùng các hương lão dựng lên, mái hẹp nhà sơ. Quân (Tôn Bá) đã đúc một quả chuông bồ thí, một hôm, cùng với các vị hương lão họp nhau lại, rồi nói: "Chùa ta quá nhỏ hẹp, mỗi tôi sẽ bỏ ra một khu để mở rộng, có được không?" Các vị hương lão mừng vui, đều nói: "Quân coi ngôi chùa như của riêng, thường xuyên giữ gìn nghiêm túc, không để chùa đổ nát, đó cũng là ý nguyện của hương ta vậy." Thế là nền đỏ ao xanh, trang nghiêm tượng Phật, chuông treo trên lầu, quang cảnh đổi mới. Nguyên do chùa ấy, khởi đầu có chuông vậy. Và, xưa khi đúc quả chuông này, đã phát tâm bồ đề. Con cháu ta muốn khiến cho tiên linh của tổ tiên ở dưới suối vàng, không phải vì pháp âm mà tỉnh ngộ, thì vì sao tâm tính vẫn hôn mê? Muốn để lại về sau, đời nối đời dằng dặc, nếu không để lại trọng khí, thì biết lấy gì để bảo cho mai sau, làm sao biết được huân nghiệp đầy đặn?

Bèn đem của riêng ra, chiêu mộ thợ đúc. Đắp lò lớn, thổi lửa bùng, tháng ngày luyện đúc, chuông đã thành hình. Thử gõ tiếng ngân vang, âm truyền xa truyền mãi.

Chuông đúc xong, Quân mừng vui tập hợp chúng nhân, việc gần hoàn tất. Và nói rằng, nay có chuông là do hương ta có chùa, xét thấy hàng trăm tiếng, chỉ có tiếng chuông là lắng đọng. Nay mặt trời lặn ở Đường Tư,⁽³⁾ bóng tối bao trùm, con đường cứu vớt người đời, chạy theo hư danh trực lợi, vừa nghe thấy tiếng chuông này, thì như khúc tiên ca, bèn trở thành người đất Hoa Tư.⁽⁴⁾ Tiếng lớn tràn ven

sông, sóng trào lên báo sáng, người trong cảnh trầm mộng, thân như kiến mất tổ, vừa nghe thấy tiếng chuông này thì hoá thành bướm, bay theo Trang Chu.⁽⁵⁾ Ta từ khía cạnh đó mà xét, thì việc công đúc đúc chuông ở hương ta là đáng lắm, là lớn lắm! Há không khắc lại để người đời sau rõ. Nói xong, bèn triệu lão ông Đặng Lân Chủng viết bài văn để khắc lên chuông.

Ngày 11, tháng Hai, năm Canh Thân niên hiệu Đại Khánh thứ 7 (1320).

Tiền Hàn lâm thị giảng, nay là Tri Quốc tử thái học bác sỹ, nội chu thân Đặng Lân Chủng soạn.

(Lâm Giang dịch)

chú thích:

1.Theo Văn khắc Hán Nôm, chùa Sùng Quang ở xã ý Lan, kiêu Ma Lăng, Hồng lộ, lần đầu tiên được Lê Quý Đôn nhắc đến trong *Kiến văn tiểu lục*, và xếp bài minh này vào thứ 11 trong số di văn kim thạch thời Lý Trần mà ông sưu tầm được. Địa danh xã ý Lan, kiêu Ma Lăng, hiện chưa rõ thuộc vùng nào.

Hiện nay, quả chuông này chưa tìm lại được. Nhưng bài minh khắc trên chuông đã được sao chép trong một sưu tập văn bia có tên *Kim văn loại tự*, hiện lưu giữ tại Thư viện Viện Nghiên cứu Hán Nôm, ký hiệu A.1059.

2.Túc Minh Tông hoàng đế, tên Trần Mạnh (1300 - 1357), lên ngôi năm 1314.

3.Đường Tu: Túc Yêm Tu, tên núi. Đây dùng để chỉ nơi mặt trời lặn vắng vẻ (Xem *Sơn hải kinh*, *Tây sơn kinh*).

4.Hoa Tu: Chỉ vùng đất lý tưởng của người Trung Hoa xưa (Xem *Liệt Tử*, chương *Hoàng Đế*)

5.Trang Chu: Chỉ câu chuyện ngụ ngôn Trang Chu hoá thành bướm, lạc vào tiên giới (Xem *Trang Tử*, thiên *Tề vật luận*).

23. 興福寺摩崖

hưng phúc tự ma nhai

Thiệu Phong thập thất niên Đinh Dậu chính nguyệt thập ngũ nhật, tại Vọng Khoái Hưng Phúc tự, tiểu tướng hốt Phan Thượng thi điền tam cao, nội tự nhất tự thượng hạ quan viên, thái ông, lão bà, thiện nam tín nữ, đồng phát tâm cúng dường.

Tại An Kỳ xã, Thư hoá dũng thủ Đinh Đỗ, thi tại [] vị Động nhất sở nhất diện, đông cận Vương Thi, tây cận sơn.

Tại Đồn Lang, Đại văn công Đinh Song, Đinh Quân Thái, viết Chân Phúc cư sĩ, tịnh bà Đinh Thị Dụ Thái, tự Tịnh Chân bà tam nhân, thi tại Viên Cựu ba cao, Thần Lỗi động nhất cao, Phương Tiền nhất cao.

Tại Đồn Lang, tiểu dưỡng nhi lập dũng thủ trưởng xã Đinh Nha, thê Hoàng Thị ất nhị nhân, thi điền Vọng Khoái động ba cao hữu dư.

Tại Đồn Lang, tiểu hộ trưởng Đinh Song, Đinh Dật [], viết Thắng Nhẫn cư sĩ, tịnh thê Hoàng thị, thi điền Vọng Khoái động môn tiền tự, dụng tứ cao, đông cận tam bảo, tây cận sơn vi giới.

Đồn xã tiểu dưỡng nhi dũng thủ Đinh Hiền tịnh thê Đinh Thị Tướng nhị nhân, thi tại Vọng Khoái động, dụng điền nhất cao, đông cận Hà thị, tây cận Tạ Hưu vi giới.

Khoái Lang phụ nhân Trịnh Thị Biển, Trịnh Thị Biệt, thi Vọng Khoái động điền nhất cao thất xích, đông cận lộ, tây cận tam bảo địa.

Tại Đồn Lang, sở dịch hoá đầu tử Ma Lăng tịnh thê Tống Thị Chính nhị nhân, cộng thi điền tại Vọng Biện động dụng tứ cao, đông cận Đinh Dịch, tây cận Đinh Đặc vi giới.

Đường [] [] không thi điền dụng ba cao, đông cận điểm nhân Nguyễn Đình Hư, tây cận Hà Diệp vi.

Tại [] xứ xã, Thị vệ đô dũng thủ Nguyễn Hồ, tịnh thê Hoàng Thị Tú, tịnh sở dịch nhân Đinh Hiện, thê Hoàng Thị Đồ tứ nhân, cộng thi tại [] từ điền nhất sở, dụng ngũ cao, đông cận trưởng đường Đinh Hào điền, tây cận sơn vi giới.

Dịch nghĩa:

bia ma nhai chùa hưng phúc⁽¹⁾

Ngày 15 tháng Giêng năm Đinh Dậu niên hiệu Thiệu phong thứ 17 (1357), chùa Hưng Phúc tại Vọng Khoái, do Phan Thượng, giữ chức Tiểu tướng hốt⁽²⁾ bổ thí 3 sào ruộng, các quan viên, thái ông lão bà, thiện nam tín nữ trong chùa đồng lòng phát tâm dùng để cung đốn cho việc đèn nhang.

Tại xã An Kỳ, Thư hoả dũng thủ⁽³⁾ Đinh Đổ, bổ thí 1 thửa 1 mảnh ở động ... Vỹ, đông gần ruộng Vương Thái, tây gần núi.

Tại xã Đồn Lang, Đại văn công Đinh Song, Đinh Quân Thái, tức Chân Phúc cư sỹ, cùng bà Đinh Thị Dụ Thái, tự Tịnh Chân bà, 3 người, bổ thí 3 sào ở xứ Viên Cự, 1 sào ở động Thần Lỗi, 1 sào ở phía trước chùa.

Tại xã Đồn Lang, Tiểu nhi lập dũng thủ Trưởng xã⁽⁴⁾ Đinh Nha, vợ là Hoàng Thị ắt, 2 người, bổ thí trên 3 sào ruộng ở động Vọng Khoái.

Tại xã Đồn Lang, Tiểu hộ trưởng Đinh Song, Đinh Dật Thái, tức Thắng Nhận cư sỹ, cùng vợ Hoàng thị, bổ thí ruộng ở động Vọng Khoái ngay phía trước cửa chùa, 4 sào, đông gần ruộng nhà chùa, tây gần núi.

Tại xã Đồn [Lang], Tiểu dưỡng nhi dũng thủ Đinh Hiền, cùng vợ Đinh Thị Tường, 2 người, bổ thí ruộng ở động Vọng Khoái, 1 sào, đông gần ruộng Hà Thị, tây gần ruộng Tạ Hưu.

Người phụ nữ ở Khoái Lang, Trịnh Thị Biển, Trịnh Thị Biệt, bổ thí ruộng ở động Vọng Khoái, 1 sào, 7 thước, đông gần đường đi, tây gần đất Tam bảo.

Tại xã Đồn Lang, con của vị Sở dịch Hoả đầu⁽⁵⁾ là Ma Lãng, cùng vợ là Tống Thị Chính, 2 người, bổ thí ruộng ở

động Vọng Biện, 4 sào, đông gần ruộng Đình Dịch, tây gần ruộng Đình Đặc.

Đường ... không... (*mất chữ*) bổ thí ruộng 3 sào, đông gần ruộng người trong tròm Nguyễn Đình Hu, tây gần ruộng Hà Diệp.

Tại xã Tra Xứ, Thị vệ đô dũng thủ Nguyễn Hồ, vợ Hoàng Thị Tú, và người cùng làm việc Đình Hiện, vợ Hoàng Thị Đồ, 4 người, bổ thí ruộng ở Cồn Từ, 1 thửa 5 sào, đông gần ruộng Trường đường Đình Hào, tây gần núi phía tây...%

(*Lâm Giang dịch*)

chú thích:

1.Bia khắc trên vách đá chùa Hưng Phúc, xã Chính Đồn, tổng Lê Xá, nay thuộc xã Gia Minh, huyện Gia Viễn, tỉnh Ninh Bình. Bia có tên "Phật Pháp Tăng Bảo." Bia trên vách đá, mất nhiều chữ, số chữ còn lại rất khó đọc. Duy dòng niên đại nét khắc còn khá rõ: Ngày 15 tháng Giêng, năm Đinh Dậu, niên hiệu Thiệu Phong thứ 17 (1357).

2.Tiểu tướng hốt: Tên quan chức triều nhà Trần, chức năng và nhiệm vụ nắm giữ, chưa rõ.

3.Thư hoả dũng thủ: Tên quan chức triều nhà Trần, chức năng và nhiệm vụ nắm giữ, chưa rõ. Thư hoả, có lẽ thuộc tầng lớp Thư lại; Dũng thủ tương đương với Đội trưởng, Quan trưởng.

4.Tiểu nhi lập dũng thủ Trường xã: Một loại quan chức nhỏ dưới triều nhà Trần ở xã thôn.

5.Sở dịch Hoả đầu: Túc "Sở dịch nhân Hoả đầu," theo *Kiến văn tiểu lục* của Lê Quý Đôn, chức Hoả đầu, tương đương với chức Đội trưởng dưới triều Lê.

25. 勝業律寺石柱

Thắng nghiệp luật tự thạch trụ

Đại thành danh lam Thắng Nghiệp Luật tự thạch trụ tam bảo

Duệ Tông chi thời Vũ quý công, tự Mẫn Đạt tì khâu, tại Phúc Lâm tự năng trì kinh giới luật, thủy phủ thỉnh trai thất nhật dạ, hồi đắc hoàng cam nhất quả, hoàn quy dụ hương, mãi đắc điền địa trì hồ các sở, hoành tác Phật đường, kỳ đảo linh ứng.

Minh Tông Hoàng đế chiếu tứ tự danh Đại Thành danh lam Thắng Nghiệp Luật tự.

Duệ Tông chi thời, Hoàng huynh ái quốc cung túc đại vương curu công cấu tác bản tự, tự Tân Mão thập nhất nguyệt khởi công, chí Quý Tỵ niên thập nhị nguyệt Nhâm Tuất, thành danh lam Thắng Nghiệp Luật tự. Chư vương, công chúa, thế gia, tín thi, mãi đắc điền địa đàm trì các sở, khắc thạch trụ vi tam bảo vật.

Kế

Nhất sở Cái Cầu xứ, điền địa lục cao.

Nhất sở Thượng thôn Hậu Xá xứ, nhị cao thất xích ngũ thốn, đông cận dân điền, tây cận dân thổ.

Nhất sở Hậu xá xứ, thượng hạ điền tam mẫu nhị cao, đông cận dân điền, tây cận dân điền.

Nhất sở Hậu Xá hạ thôn xứ, trì thổ nhất cao thất xích ngũ thốn, đông cận dân điền, tây cận dân thổ.

Nhất sở Hậu xá xứ, trì nhất mẫu đông cận lộ, tây cận dân thổ.

Nhất sở [] [] xứ, điền tam mẫu, đông cận đại lộ, tây cận tiểu lộ.

Nhất sở đồng [] xứ, điền tam mẫu, nhất cao [] xích thốn.

Nhất sở [] [] xứ [] [].

[].....

[].....

[].....

(Dĩ thượng ngạch đề Thắng Nghiệp Luật tự trụ diện)

Nhất sở Ông Hoá xứ, điền lục cao, đông cận lộ, tây cận dân điền.

Nhất sở Hạch Quát xứ, điền tứ cao, đông cận tam bảo, tây cận lộ.

Nhất sở Ma Hộ xứ, điền nhị cao thất xích ngũ thốn, đông cận lộ, tây cận dân điền.

Nhất sở Cử Trù lật xứ, điền ngũ cao, đông cận đại lộ, tây cận dân điền.

Nhất sở Viên Hữu xứ, điền ngũ cao, đông cận dân điền, tây cận dân điền.

Nhất sở An Lăng xứ, điền tam cao thất xích ngũ thốn, đông cận dân điền, tây cận dân điền.

Nhất sở cận thị thành hoàng xứ, điền nhất cao, đông cận dân điền, tây cận lộ.

Nhất sở Dụ Ta đồng Đăng Đống xứ, ương điền tam cao, đông cận tha ma, tây cận tha ma.

Nhất sở Khê Ngân đồng xứ, ương điền nhất cao, đông cận dân điền, tây cận lộ.

Nhất sở Đồng Khê Nương Bà Phiên xứ, điền tam cao, đông cận dân điền, tây cận đại lộ.

Nhất sở Dụ Ta đồng Mạt Sơn xứ, trì thổ nhị cao, đông cận tiểu lộ, tây cận dân thổ.

Nhất sở Ông Lược xứ, điền nhị cao, đông cận dân điền, tây cận trì.

Nhất sở Dụ Ta đồng Đăng Ngạnh xứ, điền lục cao, đông cận dân điền, tây cận dân điền.

Nhất sở Đề Vực xứ, điền nhị cao, đông cận dân điền, tây cận tiểu lộ.

Nhất sở An Lăng đồng Đầu Lang xứ, điền tam cao, đông cận dân điền, tây cận dân điền.

Nhất sở Sinh Đổ xứ, điền nhất cao, đông cận đại lộ, tây cận dân điền.

Nhất sở Đầu Trợ xứ, điền nhất cao, đông cận giang, tây cận lộ.

Nhất sở Vĩnh Dụ đồng La Dương xứ, điền tam cao, đông cận dân điền, tây cận dân điền.

Nhất sở Quốc Uy Trung lộ Văn Khê đồng Phổ Cự xứ lưỡng biên, điền nhị cao, đông cận dân điền, tây cận dân điền.

Nhất sở Kiều Truy xứ, điền nhị cao, đông cận dân điền, tây cận dân điền.

Nhất sở La Thiện đồng Cự xứ, điền cửu cao, đông cận dân điền, tây cận dân điền.

Nhất sở Quốc Uy Trung lộ Đại Định A Các xứ, điền tam cao, đông cận dân điền, tây cận dân điền.

Nhất sở Quốc Uy Trung lộ Phượng Lịch đồng Đề La xứ, điền bát cao, đông cận dân điền, tây cận dân điền.

Nhất sở Quốc Uy Trung lộ Đề Lịch xứ, điền nhị cao, đông cận dân điền, tây cận dân điền.

*Nhất sở Quốc Uy Trung lộ Thiên Đông đồng Đồng Hà xứ, liên thượng liên hạ
nhị đoạn điền cử mẫu, đông cân dân điền, tây cân dân điền.*

Nhất sở Quốc Uy lộ Chương Đức huyện Vĩnh Lữ Đầu Lang xứ, điền tam thập mẫu, đông cận dân thổ, tây cận dân điền.

Nhất sở Vĩnh Lữ đồng thương thôn Dầu Lang xứ, điền nhị thập mẫu, đông cận dân điền, tây cận dân điền.

Nhất sở Hoài An huyện Viên Tiêu đồng, điền ngũ thập mẫu, thượng tự Viên Tiêu, hạ chí Hành thuật, đông cận dân điền, tây cận dân điền.

Nhất sở Duy Tân Diệp Sơn xứ, điền nhất bách mẫu, đông cận dân điền, tây cận dân điền.

(Dĩ thương ngách đề Đại Giang lam tru diên).

$$[] \dots$$
$$[] \dots$$
$$[] \dots$$

Điền nhất cao.

Nhất sở thương thôn đông điền nhất cao.

Nhất sở [] nhất mẫu.

Nhất sở hương hoá kỳ lap điền cửu mẫu.

Nhất sở Thương [Đỗ ngo] điền trì nhất mẫu.

Nhất sở Thượng Đổ ngo điền trì nhất mẫu.

Nhất sở [] [] điền [nhất mẫu].

Nhất sở [] [] điền [nhất mẫu].

Nhất sở [] [] [] [].

Nhất sở Ông Hoá điền nhất mẫu.

Nhất sở Ông Sư điền nhất mẫu.

Nhất sở Ông Hoá [tiền].

Nhất sở Ông Hức điền nhất mẫu .

Nhất sở trung thôn trì lục cao.

Nhất sở thượng thôn xứ trì tất xích ngũ thôn.

Nhất sở [] [] [địa nhi mẫu].

Nhất sở [hạ thôn] [] [] [địa] [] [cao].

Nhất sở Mai Xá địa cứu xích ngũ thốn.

Nhất sở Hạ Sâm Ngoại xử trị thổ tư cao. Các sở công nhất mẫu tư cao.

Nhất sở Văn [] đồng Y Do xứ, điền nhị cao, đông cận dân điền, tây cận dân điền.

Nhất sở Hồng Khê đồng Cử Trù lật xứ, tam [] cộng nhị cao, đông cận dân điền, tây cận dân điền, nam cận dân điền.

Nhất sở Lê Dương đồng Ma Ca Xứ, ương điền nhất cao, đông tây các cận dân điền.

Nhất sở Trát Kiều xã An Lăng thôn Cử Trù xứ điền nhị cao, đông cận dân điền, tây cận dân điền.

Nhất xứ địa phận đại lộ thượng tự Đầu Thủ, hạ chí Cầu Thán; thượng tự Cầu Thán, hạ chí Đầu Hào xứ.

Nhất xứ địa phận lộ thượng tự Đầu Trợ hạ chí Thanh Vân giáp Vĩnh Dụ địa phận.

Nhất xứ địa phận đại lộ thượng tự Thanh Vân hạ chí Vô Thanh giới.

Đại Trị tam niên trọng xuân thượng cán cát nhật tu tạo.

Duệ Tông chi thời, thỉnh trai thất nhật dạ, gia phong Mãn Đạt tỷ khâu Đại Thánh bồ tát.

Nhất sở Ma Thổ ngo ải Trung Lang xứ, thổ trạch tứ khâu, đông cận dân thổ, tây cận ngo.

Nhất sở Ma Thổ Đồng Cử xứ, điền nhị cao, đông cận dân điền, tây cận dân điền, cộng các xứ đẳng.

(Dĩ thượng vô ngạch đề trụ diện)

dịch nghĩa:

Trụ đá chùa thắng nghiệp luật

Trụ đá tam bảo chùa Đại Thành Danh Lam Thắng
Nghiệp Luật⁽¹⁾

Ông Võ Vũ Quý công thời Duệ Tông, tự Mãn Đạt tì khuu, tụng kinh giới luật tại chùa Phúc Lâm, Thủy phủ xin mở đàn chay 7 ngày đêm, trở về được một quả cam vàng, về đến Dụ Hương, mua được các thửa ruộng, ao, hồ, xây Phật đường, mỗi khi kỳ đảo đều ứng nghiệm.

Minh Tông Hoàng đế,⁽²⁾ ban chiếu xuống cho đặt tên chùa là Đại Thành Danh Lam Thắng Nghiệp Luật.

Thời Duệ Tông,⁽³⁾ anh nhà vua là ái Quốc cung túc Đại vương⁽⁴⁾ xây cất thành chùa. Khởi công từ tháng

11 năm Tân Mão, đến ngày Nhâm Tuất tháng 12 năm Quý Ty, hoàn thành chùa Danh Lam Thắng Nghiệp Luật. Các Vương tôn, Công chúa, thế gia, tín thí, mua được các thửa ruộng đất ao đầm, khắc vào trụ đá làm vật Tam Bảo.

Kê

Một thửa xứ Cái Cầu, ruộng đất 6 sào.

Một thửa xứ Hậu Xá thôn Thượng, 2 sào thước 5 tấc, đông gần ruộng dân, tây gần đất dân ở.

Một thửa xứ Hậu Xá, thượng hạ đẳng điền, 3 mẫu 2 sào, đông gần ruộng dân, tây gần ruộng dân.

Một thửa ao xứ Hậu Xá thôn Hạ, 1 sào 7 thước 5 tấc, đông gần ruộng dân, tây gần đất dân ở.

Một thửa ao xứ Hậu Xá, 1 mẫu, đông gần đường, tây gần đất dân ở.

Một thửa xứ..., ruộng 3 mẫu, đông gần đường lớn, tây gần đường nhỏ.

Một thửa xứ đồng... ruộng 3 mẫu, 1 sào... thước.

Một thửa xứ...

[].....

[].....

[].....

(Trở lên là mặt cạnh của trụ đá đề “Chùa Thắng Nghiệp Luật”).

Một thửa xứ Ông Hoá, ruộng 2 sào, đông gần đường, tây gần ruộng dân.

Một thửa xứ Cây Quất, đông gần ruộng Tam Bảo, tây gần đường.

Một thửa xứ Ma Hộ, ruộng 2 sào 7 thước 5 tấc, đông gần đường, tây gần ruộng dân.

Một thửa xứ Cửa làng Lật, ruộng sào, đông gần đường lớn, tây gần ruộng dân.

Một thửa xứ Viên Hữu, ruộng sào, đông gần ruộng dân, tây gần ruộng dân.

Một thửa xứ An Lăng, ruộng 3 sào, 7 thước, 5 tấc, đông gần ruộng dân, tây gần ruộng dân.

Một thửa xứ Thành Hoàng gần chợ, ruộng 1 sào, đông gần ruộng dân, tây gần đường.

Một thửa xứ Đăng Đống, đồng Dụ Ta, ruộng mạ 3 sào, đông gần tha ma, tây gần tha ma.

Một thửa xứ đồng Khê Cẩn, ruộng mạ 1 sào, đông gần ruộng dân, tây gần gần đường.

Một thửa xứ Bà Phan đồng Lang Khê, ruộng 3 sào, đông gần ruộng dân, tây gần đường lớn.

Một thửa xứ Mạt Sơn đồng Dụ Ta, ao đất 2 sào, đông gần đường nhỏ, tây gần ruộng dân.

Một thửa xứ Ông Lược, ruộng 2 sào, đông gần ruộng dân, tây gần ao.

Một thửa xứ Đăng Nganh đồng Dụ Ta, ruộng 6 sào, đông gần ruộng dân, tây gần ruộng dân.

Một thửa xứ Đề Vực, ruộng 2 sào, đông gần ruộng dân, tây gần đường nhỏ.

Một thửa xứ Đầu Làng đồng An Lăng, ruộng 3 sào, đông gần ruộng dân, tây gần ruộng dân.

Một thửa xứ Sinh Hộ, ruộng 1 sào, đông gần đường lớn, tây gần ruộng dân.

Một thửa xứ Đầu Trọ, ruộng 1 sào, đông gần sông, tây gần đường.

Một thửa xứ La Dương đồng Vĩnh Dụ, đông gần ruộng dân, tây gần ruộng dân.

Một thửa 2 bên xứ Cự Phả, đồng Văn Khê thuộc Quốc Oai Trung Lộ, ruộng 2 sào, đông gần ruộng dân, tây gần ruộng dân.

Một thửa xứ Kiều Truy, ruộng 2 sào, đông gần ruộng dân, tây gần ruộng dân.

Một thửa xứ Cự đồng La Thiện, ruộng sào, đông gần ruộng dân, tây gần ruộng dân.

Một thửa xứ A Các đồng Đại Định Quốc Oai Trung Lộ, ruộng 3 sào, đông gần ruộng dân, tây gần bờ.

Một thửa xứ Đề La đồng Phượng Lịch Quốc Oai Trung Lộ, ruộng sào, đông gần ruộng dân, tây gần ruộng dân.

Một thửa xứ Đề Lịch Quốc Oai Trung Lộ, ruộng 2 sào, đông gần ruộng dân, tây gần ruộng dân.

Một thửa xứ Đồng Hà đồng Thiên Đông Quốc Oai Trung Lộ, 2 đoạn Liên Thượng và Liên Hạ, ruộng 9 mẫu, đông gần ruộng dân, tây gần ruộng dân.

Một thửa xứ Vĩnh Lữ đầu làng huyện Chương Đức, Quốc Oai Trung Lộ, ruộng 30 mẫu, đông gần đất dân, tây gần ruộng dân.

Một thửa Đầu Làng thôn Thượng đồng Vĩnh Lữ, ruộng 20 mẫu, đông gần ruộng dân, tây gần ruộng dân.

Một thửa xứ đồng Viên Tiêu huyện Hoài An, ruộng 50 mẫu, trên từ Viên Tiêu, dưới đến Hành Thuật, đông gần ruộng dân, tây gần ruộng dân.

Một thửa xứ Diệp Sơn và xứ Duy Tân, ruộng 100 mẫu, đông gần ruộng dân, tây gần ruộng dân.

(Trở lên là mặt cạnh trụ đá đề “Đại giang lam”).

[].....

[].....

[].....

Ruộng 1 sào.

Một thửa phía đông thôn Thượng, ruộng 1 sào.

Một thửa ... 1 mẫu.

Một thửa dùng để hương hoả cúng giỗ, ruộng 9 mẫu.

Một thửa ngô Thượng Đổ, ruộng ao 1 mẫu.

Một thửa ngô Thượng Đổ, ruộng ao 1 mẫu.

Một thửa ... ruộng 1 mẫu.

Một thửa ... ruộng 1 mẫu.

Một thửa ...

Một thửa xứ Ông Hóa, ruộng 1 mẫu.

Một thửa xứ Ông Sử, ruộng 1 mẫu.

Một thửa xứ Ông Hoá Tiền.

Một thửa xứ Ông Húc, ruộng 1 mẫu.

Một thửa xứ Thôn Trung, ao 6 sào.

Một thửa xứ Thôn Thượng, ao ... 5 tác.

Một thửa ... đất 2 mẫu.

Một thửa thôn hạ... đất ... sào.

Một thửa ở Mai Xá, đất 9 thước 5 tác.

Một thửa xứ Hạ Tiêm Ngoại ao đất 4 sào. Tổng cộng 1 mẫu 4 sào.

Một thửa xứ ỷ Do đồng Văn..., ruộng 2 sào, đông gần ruộng dân, tây gần ruộng dân.

Một thửa xứ Cũ Chùa Lạt đồng Hồng Khê, 3..., cộng 2 sào, đông gần ruộng dân, tây gần ruộng dân, nam gần bờ ruộng.

Một thửa xứ Ma Ca đồng Lê Dương, ruộng mạ 1 sào, đông tây đều gần ruộng dân.

Một thửa xứ Cửa Chùa thôn An Lăng xã Trát Kiều, ruộng 2 sào, đông gần ruộng dân, tây gần ruộng dân.

Một địa phận đại lộ trên từ Đầu Thủ, dưới đến Cầu Đất; trên từ Cầu Đất, dưới đến xứ Đầu Hào.

Một địa phận đường trên từ Đầu Chợ, dưới đến địa phận Vĩnh Dụ giáp với Thanh Vân.

Một địa phận đại lộ, trên từ Thanh Vân, dưới đến địa giới Vô Thanh.

Tu tạo xong vào ngày lành, Thượng tuần tháng Giêng, năm Đại Trị thứ 3 (1360).

Thời Duệ Tôn, mở đàn chay 7 ngày đêm, phong thêm là Mẫn Đạt tì khuru Đại Thánh bồ tát.

Một thửa xứ Trung Lang thuộc hẻm ngõ Ma Thố, ruộng 2 sào, thổ trạch 4 khẩu, đông gần đất dân, tây gần ngõ.

Một thửa Cũ đồng Ma Thố, ruộng 2 sào, đông gần ruộng dân, tây gần ruộng dân, cộng các xứ.

(Trở lên là mặt trụ đá không đề).

(Lâm Giang dịch)

chú thích:

1.Trụ đá chùa Đại Thành Danh Lam Thắng Nghiệp Luật, xã Vĩnh Dụ, thuộc Quốc Oai Trung Lộ đời Trần, nay thuộc xã Thanh Thủy, huyện Thanh Oai, tỉnh Hà Tây, gọi là chùa Dụ Tiền. Trụ đá hiện vẫn còn tại chùa. Trụ đá không ghi tên người soạn, ngòi khắc chữ. Dòng niên đại gồm 12 chữ to khắc nổi: "Đại Trị tam niên trọng xuân thượng cán cát nhật tu tạo" (Tu tạo vào ngày lành, Thượng tuần tháng Giêng năm Đại Trị thứ 3 (1360)).

2.Minh Tông Hoàng đế: Tên là Trần Mạnh, lên năm Đại Khánh thứ 1 (1314), nhường ngôi cho Trần Vượng măm Khai Thái thứ 6 (1329), mất năm Thiệu Phong 17 (1357).

3. Duệ Tông: Tên Trần Kính, là con thứ 11 của Trần Minh Tông, lên ngôi năm Thiệu Khánh tứ 3 (1372), mất năm Long Khánh hà (1377).

4. ái Quốc Cung túc đại vương: Tên Trần Dục, con trưởng vua Minh Tông, anh cả của vua Hiến Tông.

26. 青梅圓通塔碑

thanh mai viên thông tháp bi

*Trần triều lịch đại tổ sư đặc phong Phổ Huệ minh giác tịnh trí đại tôn giả niên
phả*

Y Đoán sách lục

Thị giả trung minh tập nhập

Truyền pháp Chân tử Huyền Quang khảo đính

*Thiệu Bảo lục niên Giáp Thân ngũ nguyệt sơ thất nhật Mão thời Sư sinh ư Nam
Sách giang Cửu La hương Đồng Hoà thôn xá. Tiên thị, Quý Vị niên bát nguyệt Sư mẫu
Vũ thị dạ mộng dị nhân thụ dĩ thần kiếm, hỷ nhi hoài chi, giác nãi thần. Sinh thời dị
hương mãn thất, di thời phương tuyết. Phụ Tịnh Hạnh chủng tính Đồng thị hựu mẫu, Thích
hiệu Thuần Mậu. Mẫu Vũ thị hựu mẫu, hiệu Từ Cửu. Sư sinh nhi đình ngộ, khẩu bất thuyết
ác ngôn, thực bất kỳ huân nhục, tục danh Kiên Cương. Sơ kỳ mẫu liên đắc bát nữ tử. Cập
thai sư thời, yếm kỳ nữ tử chi đa, mật cầu được hạ chi, hiệu tứ phục, bất thoát nhi lưu chi.
Cập sản đắc sư, nãi đại hỷ, cố dĩ Kiên Cương danh chi.*

*Hưng Long thập nhị niên Giáp Thìn, Sư nhị thập nhất tuế. Thị niên Nhân Tông
Điều Ngự đầu đà biến du chư đạo, trừ dâm tì, thi pháp được trị chư bản bệnh giả, diệc
cầu pháp tự chi thiết. Giá hạnh Nam Sách giang. Thời sư viễn du, giác tâm đầu phiền
muộn nhi quy, quả kiến Điều Ngự hành kỳ thôn, toại lễ cầu xuất gia. Điều Ngự nhất kiến
nhi kỳ chi viết: “Thử tử hữu đạo nhân, hậu tất hữu pháp khí.” Thả hỷ kỳ tự lai, toại tứ
danh Thiện Lai. Cập quy Linh Sơn Kỳ Lân liêu, thế phát thụ mạn y, chỉ tham Quỳnh quán
Tĩnh Giác hoà thượng, nhi Sư bách kế tư tuân, giác chung bất vi khai thị. Sư nãi thám thú
Hải nhãn kinh gian, đáo Thất xứ trung tâm hậu khách trần du, phản phúc cửu chi, hốt
hữu nhập xứ. Nhất nhật Sư tòng Tĩnh Giác xứ quy tham yết, trị Điều Ngự thượng đường,
thứ cử Thái dương ô kê tụng. Sư hữu tỉnh, Điều Ngự tri chi, nãi mệnh thị tả hữu. Nhất dạ
nhân trình Tam yếu tụng, bị Điều Ngự nhất bút cú hạ, sở tứ thỉnh ích, Điều Ngự kỳ giáo
tự tham. Nhập phòng trung, tâm đầu thất thượng bát hạ; Tỷ dạ canh thâm, nhân kiến
đăng hoa lạc, hốt nhiên đại ngộ, toại cử sở ngộ trình tự, Điều Ngự thâm chỉ chi. Sư tòng
thử thế tu Thập nhị đầu đà hành.*

Hưng Long thập tam niên ất Ty, Điều Ngự ư Kỳ Lân liêu thân thụ Sư thanh văn cập bỏ tất giới, tham học thành khí, nhân tứ hiệu Pháp
Loa yên. Thị niên Huyền Quang sơ xuất gia, Lễ Vĩnh tự đường Bảo Bộc thụ giới.

*Hưng Long thập tứ niên Bính Ngọ, Điều Ngự trụ trì Siêu Loại Báo Ân tự, lập Sư
vi giảng chủ. Điều Ngự kiến Huyền Quang tùy Bảo Bộc đáo kỳ tự thỉnh giảng, nãi dẫn vi
thị giả.*

Hưng Long thập ngũ niên Đinh Vị, sư nhị thập tứ tuế. Từ nguyệt, Điều Ngự ư Thiên Bảo quán trú am, thị giả thất, bát nhân, nhi Sư vi thủ. Điều Ngự vi Sư giảng Đại tuệ ngũ lục. Ngũ nguyệt, Điều Ngự thượng Ngoa Vân phong đình trú am; thập ngũ nhật bố tát, bình tả hữu, dĩ y bát cập thư tâm kệ phó sư, giao kỳ hộ trì.

Hưng Long thập lục niên Mậu Thân chính nguyệt sơ nhất nhật, phụng mệnh ư Siêu Loại tự Cam Lộ đường tự pháp trụ trì khai đường hành truyền tự chi lễ, liệt tổ vị, tấu đại nhạc, thiêu danh hương. Điều Ngự dẫn Sư bài tổ đường, ngật chúc hậu, mệnh tấu nhạc, loi pháp cổ, tập đại chúng, thượng pháp đường. Thời Anh Tông giá hạnh kỳ tự, liệt chủ khách chi vị. Anh Tông dĩ phạt pháp đại đàn việt, lập khách vị, tại pháp đường thượng; tế chấp thứ liêu, lập đình hạ. Điều Ngự thăng toạ thuyết pháp, ngữ tất, tiện hạ, ủng sư đăng kỳ toạ. Điều Ngự đối diện hợp chuông vấn tán, Sư đáp bài ngật, thụ pháp y phi chi Điều Ngự nãi hướng thiên vị toạ khúc lục sàng thỉnh Sư thuyết pháp. Dĩ An tử sơn môn, Siêu Loại tự, mệnh Sư kế nhậm trụ trì, vi Trúc Lâm đệ nhị đại. Hựu dĩ kinh sử ngoại thư bách hàm, cập sở thích huyết tả Đại tạng tiểu thừa nhị thập hàm, phó Sư dĩ quảng nội ngoại học.

Tiên thị Thống chính thái sư di thi Tân Lang trang dĩ vi Siêu Loại thường trú sản. Điều Ngự khùng kỳ bất tiện, mệnh Anh Tông trừ đội gia hương điền nhất bách mẫu cấp canh phu hoán chi, dĩ sung tăng thực; hựu đế cơ Từ Chiêu tì khâu ni Đại Từ hương điền nhị thập ngũ mẫu cấp kỳ tự, dĩ thêm chi. Thị niên sư ư Siêu Loại tự phụng sắc thụ Tuyên Từ Hoàng Thái hậu, cấp đế cơ Thiên Trinh trưởng công chủ xuất gia bỏ tát giới. Anh Tông mệnh Trung thư Thị lang vương công trước cấp Sư điệp, độ thường tùy tăng bắt câu thường luật. Kỳ lược viết: “Tuyển Phật trường yếu tu tinh tuyển, cầu Phật xứ bắt giả ngoại cầu. Thần nãi vi tăng, dĩ tự móng kỳ đại pháp giả, phù hà đội chúng do hoặc nệ ư thường quy!” Dĩ thập nhất nguyệt Điều Ngự ư Ngoa Vân am nhập diệt. Sư hồ tổng xá lý, nhập Đại Nội an trí, thuyết pháp ngữ, tác Thạch thất my ngữ, chỉ tụng Thạch thất my ngữ nãi Điều Ngự thoái viện trú sơn thời sở tác dã.

Hưng Long thập thất niên Kỷ Dậu thất nguyệt thập tứ nhật, phụng sắc phó Nhân Tông vu lan đại trai, thăng đường phổ thuyết. Thị nguyệt Sư tiếp Huyền Quang thả vị chi viết: “Điều Ngự di chúc, nhữ kỳ vong hồ? Huyền Quang tông thử tương tùy tham học, bát lý tả hữu. [] [] [] [] [] [] [] [] [] cửu nguyệt, phụng chiếu tùy ngự chu dẫn Điều Ngự xá lý tự Đại Nội hạ Long Hưng phủ nhập lăng, phát bảo tàng hạ khoáng, phong xá lý, Sư giai hữu pháp ngữ.

Hưng Long thập bát niên Canh Tuất tam nguyệt, Anh Tông sắc tứ mỗi độ thường tùy tăng tam niên, hựu tứ An Đình hương thượng điền bát thập mẫu cấp canh phu, dĩ cấp chúng thực, tứ, ngũ niên hậu phản chi. Sư thường trú dạ trì chú, lễ Phật bắt khuyết, hữu thuật phát nguyện văn tại lục thời nghi trung, đại ý vị: “Chư Phật bỏ tát sở hữu hành

nguyên, giai nguyên học chi. Nhất thiết chúng sinh, hoặc tán hủy, hoặc kính mạn, hoặc thi dữ, hoặc xâm đoạt, xúc mục văn danh giai độ chi, lệnh đăng bồ đề.” Thất nguyệt, phụng chiếu phó Nhân Tông vu lan đại trai, thăng đường giảng Hoa Nghiêm đại chỉ. Hựu tự Đại Nội Tư Phúc tự phát Điều Ngự xá lý cấp thánh tăng hạ Long Hưng phủ, nhập Phổ Từ tự am trí. Thị niên độ Cảnh Huy xuất gia thụ giới.

Hưng Long thập cửu niên Tân Hợi, phụng chiếu tục san Đại tạng kinh bản. Sư mệnh Bảo Sát chủ kỳ sự. Tứ nguyệt ư Siêu Loại tự trụ trì giảng Truyền đăng lục, thượng đường nhập trạch. Huyền Quang trình kiến giải, sư giai khăng chi.

Hưng Long nhị thập niên Nhâm Tý thập nhất nguyệt, Anh Tông chiếu Sư nhập Đại Nội Tư Phúc tự giảng Đại tuệ ngữ lục, nhưng phát nội nô kim ngân vi tiền ngũ vạn, ỷ sư chân thi bản giả. Hựu tứ quan hàng cấp trác phụ dĩ cấp thường thời vãng lai, sư từ bất thụ. Anh Tông mệnh xá niệm Như Trang điền nhất sở ngũ bách mẫu, dĩ sư vi tam bảo thường trú sở.

Hưng Long nhị thập nhất niên Quý Sửu nhị nguyệt sơ nhất nhật, Long Đàm tổ viện chủ Na Ca thỉnh Sư tự kỳ tự giảng Thiền lâm Thiết chủ ngữ lục, cấp Tuệ Trung thượng sĩ ngữ lục, Duy ma kinh. Khai đường thăng tọa nhật, Anh Tông thỉnh pháp, phụng Điều Ngự di chiếu, thủ Thánh Từ Cung tam bảo vật trùng cấu Siêu Loại Báo Ân tự. Thị dịch, công tượng thổ mộc giai tòng quan cấp. Thượng tam, tứ hạnh kỳ tự, nhưng mệnh cấm quân bồi thổ vận mộc. Cửu nguyệt, phụng chiếu tự Lạng Giang Vĩnh Nghiêm tự định thiên hạ tăng chức cấp trí giả lam phạm bách dư sở, thiên hạ tăng đồ giai hữu tịch hỹ, giai Sư quản chi. Thị thời độ thiên dư nhân, hậu phạm tam niên nhất độ, tăng giai bất âm thiên số. Bảo Từ Hoàng Thái hậu thi Bát Gia điền tam bách mẫu vi Siêu Loại tự tam bảo thường trú sở. Sơ Thái Hậu ư kỳ tự thụ giới, nhân dĩ thử vi ngoại tài yên.

Đại Khánh nguyên niên Giáp Dần Thái Thượng Hoàng tức vị, ư Siêu Loại tự chủ phạt tượng tam tôn, giai cao thập thất xích. Cấp kiến phạt điện, các, tàng, tăng đường phạm tam thập tam sở, Sư giai mệnh danh, phạt tự biển viết: Dược Hương điện. Thái Thượng Hoàng thân sái thân hàn dĩ tứ chi. Anh tông tứ Đại tạng kinh ngũ bách hàm dĩ vi kỳ tự thường trú.

Đại Khánh nhị niên ất Mão, Anh Tông thủ cố cung nhân Phạm thị điền tam thập mẫu thi sư vi thường trú.

Đại Khánh tam niên Bính Thìn, Anh Tông chiếu Sư thụ Thái Thượng Hoàng tại gia bồ tát giới đăng.

Đại Khánh tứ niên Đinh Tỵ nhị nguyệt, Sư tậ cách, dĩ Điều Ngự sở truyền y tịnh tả tâm kệ phó Huyền Quang; dĩ pháp khí trú tượng phó Cảnh Ngung; phát tử phó Cảnh Huy; trúc bề phó Huệ Quan; pháp thư cấp hành pháp cụ phó Huệ Nhiên; kim linh phó Hải ấn; kim chữ phó Huệ Chúc. Bệnh dữ, Huyền Quang từ chi. Thị niên sáng Cổ Thành Bảo Sơn Vương tự, Triều Châu hoạ công hứa tắc thành phụng chiếu tả Sư lập ảnh. Thập nhị nguyệt, sáng Quỳnh Lâm viện, Tư đồ Văn Huệ Vương vi thi chủ, cô thi tiền tứ thiên

mân. Vân Động thôn nhân Nguyễn Trường lễ Sư, thi nông điền thất thập ngũ mẫu vì Quỳnh Lâm tam bảo thường trú sản.

Đại Khánh ngũ niên Mậu Ngọ bát nguyệt, Anh Tông chiếu trú Thiên Trường Thường Dược am giảng Truyền đăng lục. Hoa Lưu cư sĩ Vũ Công thi Hoa Lưu trang điền nhị thập mẫu vì Quỳnh Lâm thường trú. Thập nhị nguyệt, phụng chiếu giảng tuyết Đậu ngữ lục. Ngự bút đặc tứ Sư hiệu Phổ Huệ tôn giả. Thử hậu Anh Tông hữu thư đề Sư giai xưng đệ tử, tục hữu thư tụng trình kiến giải, sư ần khâ chi. Phụng chiếu Phong Phạm tăng bản đề đa ô tra thất lợi, xuất bách tán cái thần chú kinh. Thị niên Hồ Nam Vô Phương trưởng lão Trí Tuệ chí, chiếu Sư quán đài.

Đại Khánh lục niên Kỷ Vị thập nguyệt, chư lộ cơ căn, thượng phát nội nô kim bách lạng, ngân ngũ bách lạng, chiếu Sư phổ thi bản cơ. Thập nhị nguyệt, Sư mộ tăng, tục hữu duyên giả thích huyết ấn Đại tạng ngũ thiên dư quyển, trí Quỳnh Lâm viện. Anh Tông thân thích ngọc huyết tả Đại tạng tiểu thừa, nhị thập hàm tứ Sư. Thị niên hạn, chiếu Sư kỳ vũ. Sư mệnh sa môn Thu Tử đảo đắc nghiệm. Quốc phụ Thượng tể thỉnh trú An Hoa phủ Thiên Linh tự giảng Đại tuệ ngữ lục, phó Báo Thiên tự lệnh thuyết pháp, nhưng thụ Hoa Dương công chủ đẳng tại gia giới. Hoa Dương, Thái Tông đệ lục công chúa, giảng giá Cụ Trí Vương.

Đại Khánh thất niên Canh Thân tam nguyệt thập lục nhật, Anh Tông đăng hà, nhập kim quan, tán hoàng thổ, Sư giai hữu pháp ngữ. Huệ Nhân đại vương thỉnh Sư tựu Vũ Đình sơn tự thụ Bồ đề tâm giới.

Đại Khánh bát niên Tân Dậu, Thượng phẩm Hoài Ninh hầu thỉnh Sư chú Thiên thủ đại bi nhất tôn, cập cầu thụ Bồ đề tâm giới. Phụng chiếu vì Chiêu Từ Hoàng Thái phi an pháp hiệu, [] Đại tạng kinh hậu bạt. Tiên thị Anh Tông dử Thái Hậu cập cung tần đẳng huyết tả Đại tạng kinh ngũ thiên dư quyển ký tất. Chỉ thị, Thái Thượng Hoàng chiếu Sư bát kỳ hậu. Quốc phụ Thượng tể thỉnh tựu Linh Sơn Sùng Khánh tự thụ tại gia Bồ đề tâm giới, cập thụ phong [] [] [] vương xuất gia Bồ đề tâm giới. Hiền linh Diên Quang tự trụ trì Thu Tử thỉnh tựu kỳ tự giảng Hoa nghiêm kinh thập địa phẩm.

Đại Khánh cửu niên Nhâm Tuất, tiên thị Thượng phẩm Hoài Ninh hầu Trịnh Trung tử, dục thỉnh Sư tận giảng Hoa nghiêm kinh cửu hội. chỉ thị, Hoài Ninh hầu cập chủ sự tăng Huyền Quang đề sở thỉnh tựu Siêu Loại Báo ân tự giảng Hoa nghiêm đệ nhị hội. Thị hậu cửu hội thỉnh giảng giả đa chỉ thiên dư nhân thiểu diệc vong lự ngữ, lục bách dư nhân. Tam nguyệt, Huệ Nhân đại vương thỉnh tựu Xí Thịnh Quang tự giảng Hoa nghiêm đệ nhị hội. Lục nguyệt thập tam nhật, Thái Thượng Hoàng chiếu soạn Tham thiền chỉ yếu nhưng gia tứ hiệu Minh Giác. Sáng Hồ thiên, Chân lạc đẳng am. Thị niên dục chú Phật tượng nhất thiên khu. Báo Từ Hoàng Thái Hậu cập Bảo Huệ quốc mẫu, Bảo Vân công chúa, Tư đồ Văn Huệ Vương, Uy Huệ Vương, đại vương quan Thượng vị Chương Nhân hầu, Thượng vị Cụ Uy hầu, Thượng phẩm Hoài Ninh hầu Trịnh Trung tử, Hữu bật Đoàn Công Nhữ Hải, Thượng phẩm đại liêu ban Đặng Thành đẳng, giai tùy hỷ tán thành chi. Nghĩa trú Phổ Quang tự tăng Trìêng Chiếu chủ kỳ [] sự. Kiểm hiệu Tư đồ Văn Huệ Vương thỉnh Sư tựu An Long đệ giảng Thủ lạng kinh, san tứ phân luật, san bổ sao bản ấn thi phạm ngũ thiên dư bản. Mệnh Tiên Du sơn Quốc sư Tông Kính, Vũ Ninh sơn Quốc sư

Bảo Bộc tự Siêu Loại tự giảng chi. Tư đồ Văn Huệ Vương sơ xuất gia, sự Sư tận đệ tử chi lễ.

Đại Khánh thập niên Quý Hợi Sư tứ thập tuế, cứu nguyệt, Tư đồ Văn Huệ Vương cập Uy Huệ Vương thỉnh tự Siêu Loại Báo Ân tự thụ bồ đề giới cập quán đỉnh thụ pháp. Bảo Vân công chủ thỉnh tự Siêu Loại tự giảng Hoa nghiêm đệ tam, đệ tứ nhị hội. Bảo Từ Hoàng Thái Hậu, Tư đồ Văn Huệ Vương thỉnh ư Quỳnh Lâm viện giảng Hoa nghiêm đệ ngũ hội, soạn Kim cương trường Đà ni kinh khoa chú, san bản ấn hành, định Niết bàn đại kinh khoa số, định Pháp hoa kinh khoa số, định Lăng già tứ quyển khoa số, cập soạn diễn nghĩa, định ban nhược tâm kinh khoa số cập soạn chú, định Pháp sự khoa văn cập độ môn trợ thành tập.

Khai Thái nguyên niên Giáp Tý niên nhị nguyệt, phụng Chiêu Từ Hoàng Thái phi nội chỉ tự Kiến Xương phủ giảng Hoa nghiêm đệ lục hội. Tam nguyệt thập ngũ nhật, phụng chiếu thụ Chiêu Từ Hoàng Thái phi xuất gia bồ tát giới. Hựu phó Nghĩa Trụ Phổ Quang tự nhập khánh tán đạo tràng điểm nhãn hội, nãi tiền sở chủ thiên Phật tượng. Lục nguyệt, tạo Tắt bố a di đà công đức nhị bộ các tam tôn. Thập nhị nguyệt, Bảo Huệ quốc mẫu thỉnh tự Dưỡng phúc đệ giảng Hoa nghiêm đệ thất hội. Thập nguyệt khởi tạo Di Lặc tượng lục đại tượng mô. Tiên thị Tư đồ Văn Huệ Vương cập đế cơ Thượng Trân công chúa cộng thi kim cứu bách tạng, thỉnh sư chủ kỳ tượng, Nhật Trân công chúa tử Di Loan cư sĩ thi Thanh Hoá phủ điền tam bách mẫu cập hoang trang nhất sở. Bảo Từ Hoàng Thái Hậu thi An Hoa phủ địa nhị thập nhị mẫu trợ thành chi. Tư đồ hựu thi Gia Lâm điền tam bách mẫu, Động gia trang, An Lư trang điền địa cộng nhất thiên mẫu hữu dư, cập nô nhất thiên dư nhân vi Quỳnh Lâm thường trú.

Khai Thái nhị niên ất Sửu chính nguyệt sơ nhất nhật, Bảo Huệ quốc mẫu thỉnh tự Dưỡng phúc đệ giảng Kim cương trường niệm tụng. Phụng chiếu ư Đại Nội Tư Phúc tự giảng tuyệt đầu lục. Tam nguyệt, Tả thánh Thái sư cập Hoa Dương công chúa thỉnh tự Thiên Quang tự giảng Hoa nghiêm đệ bát hội. Phụng Bảo Từ Hoàng Thái Hậu chỉ ư Quỳnh Lâm viện giảng Hoa nghiêm đệ cửu hội cập Thiết lễ thiên Phật hội thất trú dạ. Ứ Quỳnh Lâm viện kiến ngoã tháp thạch tháp nhị toạ. Cửu nguyệt sơ nhất nhật, phụng chiếu ư Đại Nội Tư Phúc tự giảng Viên giác kinh. Thập nguyệt hạn chiếu Sư kỳ vũ. Sư mệnh mổ tạng đào chi, đặc nghiệm.

Khai Thái tam niên Bính Dần nhị nguyệt nhị thập nhất nhật, phụng chiếu tự An Tử sơn Hoa Vân tự phong Điều Ngự xá lý ư Huệ Quang kim tháp. Bảo Từ Hoàng Thái Hậu thi Đa Mạn điền tam thập mẫu vi Quỳnh Lâm viện thường trú. Thập bát nhật, thượng vị Chương Văn Hầu thỉnh sư tự Kinh Hào tự thuyết pháp. Tam thập nhật phụng chiếu ư Động Thiên điện thụ Chiêu Từ Hoàng Thái phi bồ tát giới cập chư cung nhân bồ đề tâm giới. Tứ nguyệt, đại hạn, phụng chiếu kỳ vũ, Sư mệnh Thu Tử hoà thượng đảo chi, lập nghiệm. Ngũ nguyệt sơ nhất nhật, Thái Thượng Hoàng đế chiếu tự Đại Nội Tư Phúc tự thụ quán đỉnh.

Khai Thái tứ niên Đinh Mão tam nguyệt sơ thất nhật, ư Quỳnh Lâm viện chú Di Lặc đại tượng cập độ tăng. Thập nguyệt, sáng An Mã, Vĩnh Khê, Hạc Lai đẳng am.

Khai Thái ngũ niên Mậu Thìn tam nguyệt, Bảo Từ Hoàng Thái Hậu, Bảo Huệ quốc mẫu thỉnh Sư ư Quỳnh Lâm viện tập thập phương tăng thiết chuyển tàng đại trai thập nhật dạ, phụng tiến Anh Tông hoàng đế cập quốc lão Hưng Nhượng đại vương. Thái Thượng Hoàng giá hạnh kỳ tự, Sư tấu thỉnh cảm quân duệ lặc đại tượng tự điện cơ, tâm thượng bảo tọa trang kim. Cửu nguyệt, Thái Thượng Hoàng chiếu Sư biên Nhân vương hộ quốc nghị quĩ dĩ tiện nội tu.

Khai Hựu nguyên niên Kỷ Tỵ thất nguyệt, khai Côn Sơn cập Thanh Mai sơn cảnh. Bát nguyệt, thụ Quốc phụ thượng tể nữ Tuyên Chân công chúa xuất gia giới. Cửu nguyệt, thụ Chiêu Huân Vương nữ Lệ Bảo công chúa xuất gia giới. Thập nhất nguyệt, ư Quỳnh Lâm viện kiến đàn diêm Di Lặc phật nhân, dẫn Điều Ngự sở phân thủ Thắng Tư Thiên tháp xá lý phong ư Quỳnh Lâm viện thạch tháp. Sư chú phật tượng đại tiểu phẩm nhất thiên tam bách dư tôn, tất bố nhị bộ, nê tổ bách dư tôn, kiến đại sát nhị sở, tháp ngũ tọa, lập tăng nhị bách dư danh, độ tăng ni nhất vạn ngũ thiên dư nhân, ấn Đại tạng kinh nhất bộ. Sở đặc pháp đệ tử tam thập dư nhân, dĩ liệt vu đồ. Pháp sư lục nhân như Huệ Nhiên, Huệ Chúc, Hải ấn giai hành pháp hữu nghiệm; Hoằng Tề, Huyền Giác, Văn Kiến kim phụng sư tháp yên.

Khai Hựu nhị niên Canh Ngọ, Sư tứ thập thất tuế. Chính nguyệt thập ngũ nhật, An lạc Kiên Đức đại sư cập thi chủ Lệ Bảo công chúa thỉnh tự An Lạc tàng viện trùng giảng Hoa nghiêm kinh đệ nhất, đệ nhị hội. Nhị thập lục nhật, thượng kinh, hạ Thái Thượng Hoàng tự phạt Đà giang man quy. Nhị nguyệt sơ tam nhật, tái phó An Lạc hội, mệnh Bích Phong trưởng lão đại giảng tịch. Chí ngũ nhật, kỳ tất, thất, bát nhật phong tất thậm cửc, chí thập nhất nhật dạ gian, Huyền Quang lai tỉnh bệnh, sư ư thụ thời hồng hồng nhất thanh. Huyền Quang viết: “Tôn giả mỵ ngữ da?” Sư viết: “Thụ tắc mỵ ngữ. Bất thụ tắc bất mỵ ngữ.” Huyền Quang viết: “An đắc thụ dữ giác nhất?” Sư viết: “Thụ dữ giác nhất, hoàn tha bất bệnh thời.” Huyền Quang viết: “An đắc bệnh dữ bất bệnh nhất?” Sư viết: “Bệnh dã bất can tha, bất bệnh dã bất can tha.” Huyền Quang viết: “Tranh nại ký hữu ngữ thanh hà?” Sư viết: “Quản thậm ma phong quá thụ thanh.” Huyền Quang viết: “Phong quá thụ thanh, nhân tắc bất hoặc thụ trung mỵ ngữ, tắc năng hoặc nhân.” Sư viết: “Si nhân diệc hữu hoặc ư thụ thanh giả.” Huyền Quang viết: “Kỳ thử nhất tất chí tử dã bất trừu.” Sư nãi đáp chi. Huyền Quang tiện xuất khứ. Tự thị bệnh sảo gian. Chí thập tam nhật, quy Quỳnh Lâm viện cựu phương trượng ngoạ bệnh. Thập cửu nhật dạ gian, tất phục cửc, nãi dĩ Điều Ngự sở truyền cà sa cập tả tâm kệ phó Huyền Quang giáo kỳ hộ trì. Hựu thân tả kệ phó Cảnh Ngung, Cảnh Huy, Vô Tế đẳng chư đại đệ tử. Thị hậu môn nhân nhật nhật nhập thỉnh kỳ kệ, Sư nhất nhất tả phó chi, cập đáp vấn bất quyện. Thị thời ký đặc pháp đệ tử tam thập dư nhân. Chí tam nguyệt sơ nhất nhật, Thượng Hoàng thân lâm thị bệnh, xuất viết: “Nhược vị tổ sư tự tại, yếu hành tức hành, yếu trụ tức trụ, tắc phi sở tri. Nhược sát sắc cập ngữ ngôn, tắc vị kiến từ chứng.” Nhân chiếu Thái y chẩn trị, giai vị bất tử, sư diệc phục kỳ dược bất từ. Chí sơ nhị nhật Sư mệnh Tử tử sa môn Thu Từ tự ngữ chu cập trình di tấu tả pháp kệ thượng tiến. Sơ tam nhật Ngọ thời, Thượng phẩm phụng ngữ Đàm Cối nhập chẩn mạch, diệc viết: “Vị kiến cấp từ chứng.” Chí dạ gian hợi thời gia cửc. Huyền Quang viết: “Cổ nhân đảo giá lý phóng hành hảo, bả trụ hảo?” Sư viết: “Tổng bất can.” Tiến vân: “Tổng bất can thời như hà?”

Sư viết: “Tuỳ xứ Tát bà kha.” Môn nhân tựu thỉnh viết: “Cổ nhân lâm chung giai hữu thị kệ, sư hà độc vô?” Sư sất mạ chi. Lương cửu nãi khởi toạ, sách bút đại tả vân:

Vạn duyên tiệt đoán nhất thân nhân,
Tứ thập dư niên mộng ảo gian.
Trần trọng chư nhân hựu tá vấn,
Na biên phong nguyệt cánh mại khoan.

Nãi trích bút, yểm nhiên nhi tịch, chính Tý thời dã, niên tứ thập thất. Môn đệ tử dĩ toàn thân toạ cửu. Sưu thời, liễn thượng Thanh Mai sơn bình nhật sở chúc tạo kham chi địa an trí, Thượng Hoàng mệnh Trung sứ thân đáo kỳ xứ, thời môn nhân dĩ thị tịch kệ cập vấn đáp nhân duyên trình thượng, tứ chúng lễ yết nhi quy. Tam nguyệt thập nhất nhật, Thái Thượng Hoàng ngự bút gia Sư hiệu Tịnh Trí đại tôn giả tam tự, tháp Viên Thông, nhưng tứ kim thập lạng tạo kỳ tháp, tịnh chế văn thi vân:

Thùy thủ trần hoàn dĩ liễu duyên,
Giác Vương kim lữ giác đắc nhân truyền.
Thanh sơn mạn thảo quan tàng lý,
Bích thụ thâm sương cốc thoái thiên.
Dạ yểm giảng đường kim cổ nguyệt,
Hiếu mê trượng thất hữu vô yên.
Tương đầu châm giới ta phi tích,
Trác tựu suy chương lệ huyễn nhiên.

Đệ tử tam thập dư nhân liệt vu đồ: Côn Sơn Quang, Quế Đường Ngung, Ngân Sơn Huy.

Anh Tông đế, Thái Thượng Hoàng, Động Nhiên Tiến Tư đồ Văn Huệ công, Hồ Thiên Đức Uy Huệ Vương, Tùng Liêu Tế Chương Văn Thượng Vị hầu.

Tham học hữu sở đặc pháp đệ tử: Diễn Châu Ngân, Nhân Kiệt Thuần, Quỳnh Lâm Khai, Siêu Loại Nguyên, Trúc Đường Quan, Hồ Thiên Na, Quỳnh Lâm Khoáng, Thánh Am Quang, Không Am Tính, Phổ Minh Chí, Cổ Châu Trang, ái Châu Hành. Tiểu Huệ bà Tuyên từ Hoàng Thái Hậu, Từ Huệ tỷ khâu ni Thiên Chân trưởng công chúa.

Đầu Am Luân, Tổ Am Dụ, khuếch Sơn Khôi, Tri Sơn Nhân, ái Châu Quan, Không Sơn Cư, Thẩm Am Di, Tiên Giá Nhu, Hải Triều Minh, Hư Đường Triệt, Tế Giang Huệ.

Đại Tôn giả diệt hậu, quan tứ Hộ xá ngũ thập nhân, tứ tôn diệt vi quan hộ thập nhân, hựu tứ đại hình nhị thập nhân.

Ngự tiền thường trú [] [] hoả phan [] phụng thủy sơn tự trú trì đặc pháp đệ tử Trí Nhu xuất tiền mãi bi, Đường Sơn tự trụ trì đặc pháp đệ tử Thiệu Huệ phụng thư. Trúc Lâm đệ tam đại tự pháp trụ trì Tông Huyền, Kim Sơn tấu thuyên.

Đại Trị ngũ niên Nhâm Dần tuế thập nhất nguyệt nhật thuyên niên phả tất.

Nguyễn Di thi điền nhất sở, bát mẫu hữu dư, tại Nam Sách Thượng lộ Chí Linh huyện Sơn Cù xã Gián Mỗ sở đông nhị thập cao, cận Cù Cự điền; tây nhị thập cao, cận đại lộ; nam tứ thập cao, cận Nguyễn Diên; bắc tứ thập cao, cận Nguyễn Diên đẳng, dĩ vì tam bảo Thanh Mai cập Khánh Lai thường trú sản.

Tây tịnh cận sơn lâm, nam cận kiều, hữu thi Nham Đa nhai điền hai khâm.

Tại Nam Sách Hạ lộ [] liền Ông Đại xã [] điền nhất sở, nội [] [] điền nhất phận, đông cận Đào Vượng, tây cận ma, nam cận Nguyễn Đào, bắc cận Phan Như.

Nguyễn khả Lễ điền nhất phận, đông cận Phạm Tát, tây cận Nguyễn Chiêu, nam cận Nguyễn Hạch, bắc cận Nguyễn Mai, thượng hạ [] vụ tịnh thu điền nhất khâm.

Đông cận Nguyễn Thị Tân, tây cận Lưu thị Thiêm, nam cận Dương Nhậm, bắc cận Nguyễn Cá Diểu, thi Thanh Mai sơn Viên Thông tháp tự.

Lập hương cúng dường Phật [] [] Lương tại [] [] [] thi.

dịch nhĩa:

bia tháp viên thông chùa thanh mai

Bia tháp Viên Thông chùa Thanh Mai⁽¹⁾

Niên phả tổ sư đặc phong Phổ Huệ Minh Giác Tịnh trí đại tôn giả triều nhà Trần.

Dựa theo Đoán sách lục.

Truyền pháp chân tử Huyền Quang khảo đính.

Sư sinh ngày mồng 7 tháng 5 năm Giáp Thân niên hiệu Thiệu Bảo thứ 6 (1284) ở thôn Hoà Đồng hương Cửu La, giang Nam Sách. Trước đây, tháng 8 năm Quý Mùi người mẹ của Sư là Vũ thị đêm nằm mơ được một người kỳ dị trao cho một thanh kiếm thần, bà rất vui ôm lấy thanh kiếm, tỉnh dậy thì có chữa. Lúc sinh ra Sư mùi thơm lạ đầy nhà, hơn một giờ mới dứt. Cha là Tịnh Hạnh họ Đồng tên mỗ, Phật hiệu Thuần Mậu. Mẹ họ Vũ tên mỗ, hiệu Từ Cứu. Sư sinh ra dính ngộ, miệng không nói lời ác, không ăn thịt, tục gọi là Kiên Cương. Trước đó người mẹ đẻ liền 8 người con gái. Khi có chữa Sư, chán vì đẻ nhiều con gái, dẫu tìm thuốc uống vào, uống đến 4 lần, nhưng thai không ra, vẫn ở lại. Đến

khi sinh ra Sư, cả mừng, bèn đặt tên Kiên Cương (vững chắc).

Năm Giáp Thìn niên hiệu Hưng Long thứ 12 (1304), Sư 21 tuổi. Năm ấy Nhân Tông Điều Ngự đầu đà⁽²⁾ chu du khắp các đạo, trừ bỏ dâm tử,⁽³⁾ bố thí pháp dược⁽⁴⁾ chữa bệnh cho người nghèo, cùng với việc bức thiết phải tìm người nối tiếp Thiền phái. Khi Điều Ngự tới giang Nam Sách, Sư còn đang đi chơi ở xa, thấy trong lòng buồn bực bèn trở về, quả gặp được Điều Ngự đương ở thôn ấy, bèn làm lễ xin xuất gia. Điều Ngự vừa nhìn thấy đã lấy làm lạ nói: "Người này có Đạo nhãn,⁽⁵⁾ về sau ắt có Pháp khí."⁽⁶⁾ Và lại vui vì tự tìm đến, nên đặt tên là Thiệu Lai (Giỏi tìm đến). Kịp khi trở về am Kỳ Lân ở Linh sơn, xuống tóc và trao cho áo thầy tu, rồi cho đi theo hoà thượng Tính Giác ở Quỳnh quán, Sư tìm trăm kẻ để hỏi, cuối cùng Giác không chỉ bảo. Sư lục tìm trong *Kinh Hải nhãn*, đến đoạn "Thất xứ trùng tâm hậu khách trần dự," cứ lật đi lật lại mãi rất lâu, rồi mới chợt vỡ lẽ. Một hôm, Sư theo Tính Giác trở về tham yết, đúng lúc Điều Ngự lên nhà thuyết pháp, sau đó đọc kinh *Thái dương ô kê tụng*. Sư tỉnh ngộ, Điều Ngự biết được, bèn cho hầu ở bên cạnh. Một đêm nhân trình lên *Tam yếu tụng*, được Điều Ngự phê một câu ở dưới, Sư vài ba bốn lần xin phê thêm, Điều Ngự dạy rằng tự tham khảo lấy. Đi vào phòng trong lòng tim đập rộn ràng, đến đêm khuya giờ Tý, nhân nhìn thấy hoa đèn rụng xuống, chợt đại tỉnh ngộ, bèn đem điều mình ngộ được trình lên, Điều Ngự rất hiểu ý tứ. Sư theo đó xin tu hành theo Thập nhị đầu đà.⁽⁷⁾

Năm Ất Tỵ niên hiệu Hưng Long thứ 13 (1305), Điều Ngự ở am Kỳ Lân trao cho Sư Thanh văn và Bồ tát giới,⁽⁸⁾ để tham khảo học tập làm thành pháp khí, nhân ban hiệu là Pháp Loa. Năm ấy Huyền Quang xuất gia,⁽⁹⁾ Bảo Bộc ở chùa Lễ Vĩnh nhận làm đồ đệ.

Năm Bính Ngọ niên hiệu Hưng Long thứ 14 (1306), Điều Ngự trụ trì tại chùa Báo ân ở Siêu Loại, lập Sư làm chủ

giảng. Điều Ngự gặp Huyền Quang theo Bảo Bộc đến chùa này nghe giảng, bèn cho đi theo hầu.

Năm Đinh Mùi niên hiệu Hung Long thứ 15 (1307), Su đã 24 tuổi. Tháng 4, Điều Ngự trú ở am Thiên Bảo Quan, có 7, 8 người theo hầu, mà Su là người đứng đầu. Điều Ngự giảng cho sư nghe *Đại tuệ* ngữ lục. Tháng 5, Điều Ngự trú ở am trên đỉnh núi Ngoạ Vân, ngày 15 “Bồ tát,”⁽¹⁰⁾ ngăn che tả hữu không cho biết, đem y bát và tâm thư kệ, giao cho Su, dạy cho cách giữ gìn.

Năm Mậu Thân niên hiệu Hung Long thứ 16 (1308), ngày mồng Một tháng Giêng, phụng mệnh tiếp tục tiến hành làm lễ truyền nối ở nhà Cam Lộ chùa Siêu Loại, xếp đặt vị trí của Tổ, tấu đại nhạc, đốt hương thơm. Điều Ngự dẫn Su đến vái Tổ đường, sau khi lễ cúng cháo xong, lệnh cho tấu nhạc, điểm trống pháp, tập hợp đại chúng sinh, lên pháp đường. Khi ấy Anh Tông giá hạnh tại chùa, bèn bày ngôi chủ khách. Anh Tông với Phật pháp đại đàn việ, đứng ở vị trí của khách, trên pháp đường, tể chấp thứ liêu đứng ở dưới sân. Điều Ngự lên toà thuyết pháp, thuyết xong, liền đi xuống, rồi cùng hộ vệ Su lên toà. Điều Ngự đứng đối diện chấp tay hỏi, Su trả lời xong, nhận pháp y Điều Ngự khoác cho, rồi ngồi ở Khúc lộc sàng⁽¹¹⁾ bên cạnh nghe Su thuyết pháp. Xong lệnh cho Su kế nối trụ trì ở chùa Siêu Loại là sơn môn của Yên Tử, trở thành vị Tổ thứ 2 của phái Trúc Lâm. Lại đem *Kinh sử ngoại thư* 100 hòm, cùng với kinh *Đại tạng Tiểu thừa* trích máu ra chép 20 hòm, giao cho Su để mở rộng học vấn trong ngoài.

Trước đó Thống chính đại sư⁽¹²⁾ đã để lại trang Tân Lang để làm tài sản thường nhật của chùa Siêu Loại. Điều Ngự e rằng bất tiện, lệnh cho đổi 100 mẫu ruộng và người cày, trừ vào sổ ruộng Đội gia hương của Anh Tông, để sung vào cái ăn cho tăng đồ. Lại thêm cho sổ ruộng Đại từ hương 25 mẫu cùng với ngôi chùa của Đế cơ Từ chiêu tỳ khâu ni. Năm ấy, Su ở chùa Siêu Loại, phụng sắc trao cho Tuyên

Hoàng Thái Hậu,⁽¹³⁾ cùng với Đế cơ Thiên Trinh Trưởng công chúa⁽¹⁴⁾ Bồ tát giới. Vua Anh Tông mệnh cho Trung thu Thị lang Vương Công Trứ cấp cho Sư tỳ Độ điệp,⁽¹⁵⁾ giúp cho tăng chúng không phải phụ thuộc vào luật thường. Đại lược nói rằng: "Chọn Phật trường cần phải chọn cho tinh, nơi cầu Phật không lệ thuộc cầu ở bên ngoài. Huống hồ làm tăng thống, đã đội ơn nổi được đại pháp, thì sao chúng tăng còn mê hoặc bó buộc vào phép thường!" Tháng 11, Điều Ngự mất ở am Ngoạ Vân. Sư theo xá lý, đưa vào đặt tại Đại Nội, tiến hành thuyết pháp, lại lấy ra *Thạch thất my ngữ*, rồi chỉ tay vào *Thạch thất my ngữ* mà tụng niệm, sách do Điều Ngự khi thoái lui khỏi Viện trú ở núi làm ra.

Ngày 14 tháng 7 năm Kỷ Dậu niên hiệu Hưng Long thứ 17 (1309), vâng sắc đến đại đàn chay ở hội Vu lan, thăng đường thuyết pháp. Tháng ấy, Sư tiếp nhận Huyền Quang và nói rằng: "Di chúc của Điều Ngự, người quên rồi hay sao?" Huyền Quang từ đó theo bên để học hỏi, không rời nửa bước (*Mất một số chữ...*) tháng 9, vâng chiếu chỉ đi theo Ngự thuyền dẫn xá lý Điều Ngự từ Đại Nội xuống phủ Long Hưng đưa vào lăng, từ việc phát bảo tàng hạ khoáng, cho đến phong xá lý, Sư đều có pháp ngữ.

Tháng 3 năm Canh Tuất niên hiệu Hưng Long thứ 18 (1400), Anh Tông ban sắc xuống cho phép mỗi lần cho tăng theo học 3 năm, lại ban cho ruộng ở An Định Thượng 80 mẫu cùng với người cày, để cung cấp cái ăn cho tăng chúng, 4, 5 năm sau trả lại. Sư thường ngày đêm niệm chú, lễ Phật không để khuyết, có bài văn phát nguyện Lục thời nghi,⁽¹⁶⁾ đại ý nói: "Tất cả hạnh nguyện của chư Phật bồ tát, đều xin học theo. Tất cả chúng sinh, hoặc tán huỷ, hoặc kính mạn, hoặc bố thí, hoặc xâm đoạt, mắt nhìn tai nghe, đều được cứu vớt, để lên cõi Bồ đề." Tháng 7, vâng chiếu đến đại đàn chay hội vu lan thăng đường giảng những ý lớn kinh *Hoa nghiêm*. Lại đến chùa Tư Phúc ở Đại Nội đưa xá lý của Điều Ngự cùng với Thánh tăng xuống phủ Long Hưng, đặt vào

am chùa Phổ Từ. Năm ấy độ điệp cho Cảnh Huy⁽¹⁷⁾ xuất gia thụ giới.

Năm Tân Hợi niên hiệu Hưng Long thứ 19 (1310), vâng chiếu nhà vua tiếp tục khắc kinh *Đại tạng*. Su lệnh cho Bảo Sát⁽¹⁸⁾ chủ trì việc ấy. Tháng 4, trụ trì ở chùa Siêu Loại giảng *Truyền đăng lục*, giảng xong vào nhà, Huyền Quang trình lên sự hiểu biết của mình, Su đều đồng ý.

Tháng 11, năm Nhâm Tý niên hiệu Hưng Long thứ 20 (1311), Anh Tông xuống chiếu vời Su vào chùa Tư Phúc ở Đại Nội, giảng *Đại tuệ ngữ lục*, rồi cấp cho vài vốc tiền bạc trong kho tổng cộng thành tiền 5 vạn, giao cho Su đem phát chẩn bố thí cho người nghèo. Lại ban cho thuyền quan và lái thuyền để làm phương tiện qua lại, Su từ chối không nhận. Anh Tông cấp cho ruộng ở trang Niệm Như một thửa 500 mẫu, để Su dùng làm tài sản sử dụng thường ngày cho nhà chùa.

Ngày mồng 1 tháng 2, năm Quý Sửu niên hiệu Hưng Long thứ 21 (1312), Long Đàm tổ viện chủ là Na Ca, mời Su đến chùa của mình giảng *Thiền lâm thiết chủ ngữ lục* và *Tuệ Trung thượng sỹ ngữ lục*, kinh *Duy ma*. Hôm bắt đầu mở cửa thangka toà, Anh Tông đến nghe. Vâng theo di chiếu của Điều Ngự, dùng Tam bảo vật ở cung Thánh Từ lại xây cất chùa Báo Ân ở Siêu Loại. Công việc, thợ thuyền, thổ mộc, đều do quan cấp. Nhà vua 3, 4 lần đến thăm chùa ấy, lệnh cho cấm quân đắp nền, vận chuyển gỗ. Tháng 9, vâng chiếu chỉ đến chùa Vĩnh Nghiêm ở Lạng Giang định tặng chúc cho thiên hạ, và đặt giá lam gồm trên 100 sở, tặng đồ trong thiên hạ đều được ghi lại, do Su cai quản. Khi ấy độ điệp cho trên 1.000 người, sau đó cứ 3 năm một lần độ điệp, tăng chúng đều không giảm. Bảo Từ Hoàng Thái Hậu bố thí cấp cho ruộng nhà là 300 mẫu, để làm tài sản nhật dụng của Tam bảo chùa Siêu Loại. Lúc đầu Thái Hậu đến thụ giới ở chùa ấy, nhân coi đó là cửa cái ở ngoài.

Năm Giáp Dần niên hiệu Đại Khánh nguyên niên (1314), Anh Tông nhường gôi cho Thái tử, lên làm Thái Thượng Hoàng, Thái tử lên ngôi. Năm ấy, tại chùa Siêu Loại đúc 3 pho tượng Phật, đều cao 17 thước, cùng với việc xây cất điện, các, tàng, tăng đường, gồm 33 sở, Sư đều đặt tên. Tên biển chùa Phật là Dược Hương điện, Thái Thượng Hoàng tự mình lau rửa biển ban cho. Anh Tông lại ban cho bộ kinh *Đại tạng* gồm 500 hòm, để thường xuyên sử dụng tại chùa.

Năm Ất Mão niên hiệu Đại Khánh thứ 2 (1315), Anh Tông lấy ruộng của Phạm thị là người trong cung trước đây là 30 mẫu bổ thí cho Sư làm của dùng hàng ngày ở chùa.

Năm Bính Thìn niên hiệu Đại Khánh thứ 3 (1316), Anh Tông ban chiếu cho Sư trao Bồ tát giới tại gia cho Thái Thượng Hoàng.⁽¹⁹⁾

Tháng 2 năm Đinh Tỵ niên hiệu Đại Khánh thứ 4 (1317), Sư ốm nặng, đem áo và Tả tâm kệ do Điều Ngự truyền cho trước đây giao cho Huyền Quang; đem pháp khí, trụ trượng giao cho Cảnh Ngung; phát tử giao cho Cảnh Huy; gậy trúc giao cho Huệ Quan; pháp thư và dụng cụ hành pháp giao cho Huệ Nhiên; chuông vàng giao cho Hải ấn; dùi chuông giao cho Huệ Chúc. Ít lâu sau khỏi bệnh, Huyền Quang chia tay ra về. Năm ấy tạo tác chùa Bảo Sơn Vương ở Cổ Thành, thợ vẽ ở Triều Châu là Hứa Tắc Thành, vâng chiếu chỉ vẽ hình sư đang đứng. Tháng 12, mở viện Quỳnh Lâm, Tư đồ Văn Huệ Vương làm thí chủ, tạm bổ thí tiền là 4.000 môn. Nguyễn Trường người thôn Vân Động lễ Sư số ruộng 75 mẫu, để làm của dùng hàng ngày cho Tam bảo Quỳnh Lâm.

Tháng 8 năm Mậu Ngọ niên hiệu Đại Khánh thứ 5 (1318), Anh Tông trụ trì ở Thiên Trường thường vời Sư đến am Thường Dược giảng *Truyền đăng lục*. Hoa Lưu cư sỹ là Vũ Công, bổ thí ruộng ở trang Hoa Lưu là 20 mẫu dùng để làm của chi dùng thường nhật cho chùa Quỳnh Lâm. Tháng 12, phụng chiếu mời giảng *Tuyệt diệu ngũ lục*. Ngự bút đặc biệt

ban cho hiệu là Phổ Huệ tôn giả. Từ đó về sau, Anh Tông có thư từ cho Sư đều xưng là “đệ tử,” liên tục có thư trình bày về kiến giải của mình, Sư đều cho là được. Vâng chiếu phong Phạn tăng Thuyền Đề Đa Ô Tra Thất Lợi, xuất *Bách tân cái thần chú kinh*. Năm ấy, Trưởng lão Trí Tuệ ở Vô Phương thuộc Hồ Nam đến chơi, xuống chiếu cho Sư tiếp đón.

Tháng 10 năm Kỷ Mùi niên hiệu Đại Khánh thứ 6 (1319), dân ở các lộ bị đói, nhà vua xuất vàng trong kho 100 lượng, bạc 500 lượng, chiếu mời Sư đến đem bố thí cho những người nghèo đói. Tháng 12, Sư mộ tăng và người thường có duyên, trích lấy máu in bộ kinh *Đại tạng* trên 5.000 quyển, cất ở viện Quỳnh Lâm. Anh Tông tự trích lấy máu của mình viết *Đại tạng tiểu thừa*, được 20 hòm, ban cho Sư. Năm ấy hạn hán, nhà vua ban chiếu cho Sư làm lễ cầu đảo. Sư lệnh cho Sa môn là Thu Tử cầu đảo được hiệu nghiệm. Quốc phụ Thượng tể⁽²⁰⁾ mời đến ở chùa Thiên Linh thuộc phủ Yên Hoa giảng *Đại tuệ ngữ lục*, lại lệnh cho đến chùa Báo Thiên thuyết pháp, rồi trao cho Hoa Dương công chúa được trai giới tại gia. Hoa Dương là công chúa thứ 6 của Thái Tông, gả cho Cụ Trí Vương.

Ngày 16 tháng 3 năm Canh Thân niên hiệu Đại Khánh thứ 7 (1320), Anh Tông thăng hà, từ việc nhập quan cho đến chôn cất, Sư đều có pháp ngữ. Huệ Nhân đại vương mời Sư đến chùa Vũ Đình Sơn trao cho Bồ đề tâm giới.

Năm Tân Dậu niên hiệu Đại Khánh thứ 8 (1321), Thượng phẩm Hoài Ninh hầu mời Sư đến đúc pho tượng Đại Bi 1.000 tay, và xin nhận Bồ đề tâm giới. Vâng chiếu đặt pháp hiệu cho Chiêu Từ Hoàng Thái phi,⁽²¹⁾ viết lời bạt sau kinh *Đại tạng*. Trước đó Anh Tông cùng Thái Hậu và các cung tần đều trích lấy máu viết kinh *Đại tạng* trên 5.000 quyển được hoàn tất. Đến đây, Thái Thượng Hoàng xuống chiếu mời Sư viết lời bạt sau bộ kinh. Quốc phụ Thượng tể mời Sư đến chùa Sùng Khánh ở Linh Sơn, trao cho Bồ tát giới, và thụ

phong (*mất một số chữ...*) vương xuất gia Bồ tát giới. Thu Tử trụ trì chùa Diên Quang ở Hiền Linh mời Sư đến chùa ấy giảng Thập địa phẩm của kinh *Hoa Nghiêm*.

Năm Nhâm Tuất niên hiệu Đại Khánh thứ 9 (1322), trước đó, Thượng phẩm Hoài Ninh hầu Trịnh Trọng tử, muốn xin Sư giảng hết 9 hội của kinh *Hoa Nghiêm*. Đến đây, Hoài Ninh hầu cùng với tăng chủ sự Huyền Quang đệ sớ xin đến chùa Báo Ân ở Siêu Loại giảng Hội thứ 2 kinh *Hoa Nghiêm*. Từ đó về sau, khi giảng cả 9 Hội, người đến nghe giảng đông đến trên nghìn người, ít cũng không dưới 5, 6 trăm người. Tháng 3, Huệ Nhân đại vương mời đến chùa Xí Thịnh Quang giảng Hội thứ 2 kinh *Hoa Nghiêm*. Ngày 13 tháng 6, Thái Thượng Hoàng xuống chiếu cho soạn cuốn *Tham thiên chỉ yếu*, và ban hiệu là Minh Giác. Rồi lập ra các am Hồ thiên, Chân lạc. Năm đó Sư có ý muốn đúc 1.000 pho tượng, liền được Bảo Từ Hoàng Thái Hậu và Bảo Huệ Quốc Mẫu, Bảo Vân công chúa, Tư đồ Văn Huệ Vương, Uy Huệ Vương, Đái vương quan thượng vị Chương Nhân hầu, Thượng vị Cụ Uy hầu, Thượng phẩm Hoài Ninh hầu Trịnh Trọng tử, Hữu bật Đoàn Công Nhữ Hài, Thượng phẩm đại liêu ban bọn Trịnh Thành tán thành. Trụ trì tại chùa Nghĩa Trú Phổ Quang là tăng Trùng Chiêu chủ trì việc ấy. Kiểm hiệu Tư đồ Văn Huệ Vương mời Sư đến phủ đệ Yên Khánh giảng kinh *Thủ lăng*, khắc bộ *Tứ phân luật*, san bổ những ván in còn thiếu, gồm trên 5.000 ván khắc. Lệnh cho Quốc sư Tiên Du sơn Tông Kính, Quốc sư Vũ Ninh sơn Báo Bộc đến chùa Siêu Loại nghe giảng. Tư đồ Văn Huệ Vương mới đầu mới xuất gia, thờ Sư hết lễ đệ tử.

Năm Quý Hợi niên hiệu Đại Khánh thứ 10 (1323), Sư 40 tuổi, tháng 9, Tư đồ Văn Huệ Vương và Uy Huệ Vương mời sư đến chùa Báo Ân, Siêu Loại trao Bồ đề giới và Quán đỉnh thụ pháp. Bảo Vân công chúa mời Sư đến chùa Siêu Loại giảng kinh *Hoa nghiêm*, Hội thứ 3 và Hội thứ 4. Bảo Từ Hoàng Thái Hậu, Tư đồ Văn Huệ Vương mời Sư đến Viện Quỳnh Lâm giảng kinh *Hoa nghiêm* Hội thứ 5, soạn *Kim cương trường*

đà ni kinh khoa chú, khắc ván ấn hành; định Niết bàn đại kinh khoa số, định Pháp hoa kinh khoa số, định Lăng già tứ quyển khoa số và soạn Diễn nghĩa, định Bát nhã tâm kinh khoa số và soạn chú, định Pháp sự khoa văn và Độ môn trợ thành tập.

Tháng 2 năm Giáp Tý niên hiệu Khai Thái nguyên niên (1324), vâng Nội chỉ của Chiêu Từ Hoàng Thái phi đến phủ Kiến Xương giảng kinh *Hoa nghiêm* Hội thứ 6. Ngày 15 tháng 3, vâng chiếu chỉ trao Bồ tát giới cho Chiêu Từ Hoàng Thái phi xuất gia. Lại đến chùa Nghĩa Trú Phổ Quang vào đạo tràng Khánh Tán điểm nhãn cho tượng Phật, là nghìn pho tượng đã đúc trước đây. Tháng 6, sơn thếp tượng A Di Đà công đức 2 bộ gồm 3 pho. Tháng 12, Bảo Huệ Quốc Mẫu mời đến phủ đệ Dưỡng Phúc giảng kinh *Hoa nghiêm* Hội thứ 7. Tháng ấy, khởi tạo tượng Di Lặc cao lớn 6 trượng. Trước đó, Tư đồ Văn Huệ Vương cùng với Đề cử Thượng Trân công chúa bố thí 900 lượng vàng, xin Sư đúc pho tượng ấy, con Nhật Trân công chúa là Di Loan cư sĩ bố thí 300 mẫu ruộng và vùng ruộng hoang ở phủ Thanh Hoá. Bảo Từ Hoàng Thái Hậu bố thí 22 mẫu đất ở phủ Yên Hoa để hỗ trợ. Tư đồ lại bố thí 300 mẫu ruộng ở Gia Lâm, ruộng ở Động gia trang, Yên lưu trang cộng lại trên 1.000 mẫu, cùng với hơn 1.000 người làm, để làm của nhật dụng cho Viện Quỳnh Lâm.

Ngày mồng 1 tháng Giêng năm Ất Sửu niên hiệu Khái Thái thứ 2 (1325), Bảo Huệ Quốc Mẫu mời Sư đến phủ đệ Dưỡng Phúc giảng niệm tụng *Kim cương trường*. Lại vâng chiếu tới chùa Tư Phúc ở Đại Nội giảng *Tuyết đậu lục*. Tháng 3, Tá Thánh Thái sư cùng với Hoa Dương công chúa mời đến chùa Thiên Quang giảng kinh *Hoa nghiêm* Hội thứ 8. Lại vâng chỉ của Bảo Từ Hoàng Thái Hậu ở Viện Quỳnh Lâm giảng kinh *Hoa nghiêm* Hội thứ 9 và làm lễ Thiên Phật hội 7 ngày đêm. Lại dựng 2 toà tháp gạch và tháp đá ở Viện Quỳnh Lâm. Ngày mồng 1 tháng 9, vâng chiếu giảng kinh *Viên giác* ở chùa Tư Phúc trong Đại Nội. Tháng ấy hạn hán, có chiếu

xuống cho Sư làm lễ cầu mưa. Sư lệnh cho tăng mỗi kỳ đảo, được ứng nghiệm.

Ngày 21 tháng 2 năm Bính Dần niên hiệu Khai Thái thứ 3 (1326), vâng chiếu đến chùa Hoa Vân trên núi Yên Tử phong xá lý của Điều Ngự ở kim tháp (tháp vàng) Huệ Quang. Bảo Từ Hoàng Thái Hậu bố thí 30 mẫu ruộng ở Đa Mạn dùng để chi dùng thường ngày cho Viện Quỳnh Lâm. Ngày 18, Thượng vị Chương Văn hầu mời Sư đến chùa Kinh Hào thuyết pháp. Ngày 30, vâng chiếu đến trao Bồ tát giới cho Chiêu Hoàng Thái phi ở điện Động Thiên và Bồ đề giới cho những người trong cung. Tháng 4 đại hạn, vâng chiếu cầu mưa, Sư sai Hoà thượng Thu Tử cầu đảo được ứng nghiệm. Ngày mồng 1 tháng 5, Thái Thượng Hoàng xuống chiếu mời đến chùa Tư Phúc ở Đại Nội làm lễ Quán đĩnh⁽²²⁾

Ngày mồng 7 tháng 3, năm Đinh Mão niên hiệu Khai Thái thứ 4 (1327), đúc tượng lớn Di Lặc và độ tăng ở Viện Quỳnh Lâm. Tháng 10, dựng các am Mã Yên, Vĩnh Khê, Hạc Lai.

Tháng 3 năm Mậu Thìn niên hiệu Khai Thái thứ 5 (1328), Bảo Từ Hoàng Thái Hậu, Bảo Huệ Quốc Mẫu mời Sư tập hợp chúng tăng thập phương lập đàn chay lớn 10 ngày đêm ở Viện Quỳnh Lâm, hiến dâng Anh Tông Hoàng đế và Quốc lão Hưng Nhượng đại vương. Thái Thượng Hoàng giá ngự tới chùa, Sư tâu xin cho cấm quân kéo pho tượng lớn Di Lặc lên nền điện, chẳng bao lâu, toà Thượng bảo được dát vàng. Tháng 9, Thái Thượng Hoàng xuống chiếu cho Sư biên chép *Nhân vương hộ quốc nghi quỹ*, để tiện dùng trong nội cung.

Tháng 7 năm Kỷ Ty niên hiệu Khai Hựu nguyên niên (1329), mở cảnh ở Côn Sơn và núi Thanh Mai. Tháng 8, dạy giới hạnh xuất gia cho con gái Quốc phụ Thượng tể là Tuyên Chân công chúa. Tháng 9, dạy giới hạnh xuất gia cho con gái Chiêu Huân Vương là Lệ Bảo công chúa. Tháng 11, dựng đàn điểm nhãn cho tượng Di Lặc ở Viện Quỳnh Lâm, đưa phần xá lý của Điều Ngự ở tháp Thắng Tư Thiên đặt vào tháp đá

Viện Quỳnh Lâm. Sư đúc tượng Phật lớn nhỏ trên 1.300 pho, sơn bọc vải 2 bộ, sơn thếp trên 100 pho, dựng 2 ngôi chùa lớn, 5 toà tháp, lập tăng trên 200 tên, độ tăng ni trên 1 vạn 5 nghìn người, in 1 bộ kinh *Đại tạng*. Độ tử đắc pháp trên 30 người, được liệt vào hàng biết lo liệu. Pháp sư 6 người, như Huệ Nhiên, Huệ Chúc, Hải ấn đều hành pháp giỏi; Hoàng Tế, Huyền Quang, Văn Kiến nay vâng cùng Sư dựng tháp.

Năm Canh Ngọ niên hiệu Khai Hựu thứ 2 (1330), Sư 47 tuổi. Ngày 15 tháng Giêng, Yên Lạc Kiên Đức Đại sư cùng với thí chủ Lệ Bảo công chúa mời đến Viện Yên Lạc Tăng giảng lại kinh *Hoa nghiêm* Hội thứ nhất và Hội thứ hai. Ngày 26, lên kinh đô, chúc mừng Thái Thượng Hoàng đi đánh rợ mán ở Đà Giang trở về. Ngày mồng 3 tháng 2, lại đến hội Yên Lạc, lệnh cho Bích Phong Trưởng lão giảng kinh thay. Đến mồng 5, mắc bệnh, ngày mồng 7, mồng 8, bệnh cảm gió rất nặng, đến đêm ngày 11, Huyền Quang tới thăm bệnh, Sư nằm ngủ phát ra tiếng kêu. Huyền Quang hỏi: "Tôn Giả ngủ nói mê chẳng?" Sư nói: "Ngủ thì nói mê. Không ngủ thì không nói mê." Huyền Quang lại hỏi: "Làm thế nào để khi ngủ và lúc thức là một?" Sư nói: "Thức với ngủ là một, là lúc người ta không mắc bệnh." Huyền Quang hỏi: "Làm thế nào để ốm và không ốm là một?" Sư nói: "Ốm cũng không liên can gì đến người khác, không ốm cũng không liên can gì đến người khác." Huyền Quang hỏi: "Đánh nhau tại sao lại có tiếng?" Sư nói: "Có gì đâu, đó là tiếng gió thổi qua cây mà!" Huyền Quang hỏi: "Tiếng gió qua cây, người ta không cảm thấy? Nói mê trong giấc ngủ, thì người ta cảm thấy?" Sư nói: "Người đàn độn cũng lầm lẫn tiếng gió thổi qua cây." Huyền Quang nói: "Lần ốm này đến chết không khỏi." Sư đáp một cái, Huyền Quang bèn đi ra. Từ lúc ấy bệnh hơi giảm. Đến ngày 13, trở về ngoại bệnh ở giường cũ tại Viện Quỳnh Lâm. Đêm ngày 19, bệnh lại nặng lên, bèn đem áo cà sa và tả tâm kệ của Điều Ngự truyền lại, giao cho Huyền Quang dạy cách gìn giữ. Lại tự mình viết kệ đưa cho bọn đệ

tử Cảnh Ngung, Cảnh Huy, Vô Tế. Sau đó người trong sơn môn ngày ngày vào xin kệ, Sư nhất nhất đều viết cho, và trả lời không biết mệt mỏi. Khi ấy đệ tử ghi học được phép trên 30 người. Đến ngày mồng 1 tháng 3, Thượng Hoàng thân đến thăm bệnh, nói rằng: "Như khi Tổ sư còn, muốn hành pháp thì lập tức hành pháp, muốn trụ trì thì lập tức trụ trì, không cần phải biết đến. Nhìn sắc thái và lời nói, thì chưa đến nỗi phải chết." Nhân mời Thái y đến chẩn trị, đều nói chưa chết, Sư cũng cũng chịu khó uống thuốc không chối từ. Đến ngày mồng 2, Sư lệnh cho Tứ tử sa môn là Thu Tử đến thuyền Ngự và trình dâng di tấu tả pháp kệ. Giờ Ngọ ngày mồng 3, Thượng phẩm phụng ngự Đàm Cối vào xem mạch, cũng nói: "Chưa thấy cấp chứng phải chết." Đến giờ Ngọ đêm ấy, bệnh chuyển rất nặng. Huyền Quang nói: "Cổ nhân đến lúc như thế này "phóng hạnh" thì tốt hay "bà trụ" thì tốt?" Sư nói: Tất thấy đều không liên can gì với nhau." Huyền Quang tiến lên một bước hỏi: "Tất thấy đều không liên can gì với nhau là như thế nào?" Sư nói: "Tuỳ chôn Tắt bà kha."⁽²³⁾ Môn nhân tiến đến xin: "Cổ nhân lâm chung đều có kệ, sao riêng Sư không?" Sư liền mắng mỏ. Rất lâu mới ngồi dậy, cầm bút viết rằng:

Muôn duyên cắt đứt một thân nhàn,

Bốn mươi năm lẻ cõi trần gian.

Trân trọng xin người đừng hỏi nữa,

Bên kia trăng gió đã mời sang.

Rồi ném bút, lặng lẽ ra đi, đứng vào giờ Tý, thọ 47 tuổi. Đệ tử trong sơn môn để toàn thân đặt ngồi vào quan tài. Giờ Sửu, xe kéo lên núi Thanh Mai, nơi bình nhật sư dẫn tạo khám chôn cất. Thượng Hoàng sai Trung sứ đến nơi ấy, khi ấy, môn nhân đem kệ rặn dò khi chết cùng với những lời vấn đáp nhân duyên trình lên, chúng nhân bốn phương lễ yết xong trở về. Ngày 11 tháng 3, Thái Thượng Hoàng phong

thêm hiệu cho Su 3 chữ là Tịnh Trí Đại tôn giả, tên tháp Viên Thông, rồi ban cho 12 lạng vàng để xây tháp, và có bài thơ than rằng:

Sống ở cõi trần đã hết duyên,
Giác Hoàng y bát có người truyền.
Cỏ rậm núi xanh che kín xác,
Sương dày cây biếc lột xác thiền.
Đêm phủ giảng đường trăng kim cổ,
Ngày toả phòng chay ngọn khói vương.
Kim rơi cỏ rậm ôi đáng tiếc,
Gọt rửa văn hèn lệ buồn thương.

Đệ tử hơn 30 người được liệt vào hàng mưu kế: Côn Sơn Quang, Quế Đường Ngung (tức Cảnh Ngung), Ngân Sơn Huy (tức Cảnh Huy). Anh Tông Đế, Thái Thượng Hoàng, Động Nhiên Tiên (Tu đồ Văn Huệ Vương), Hồ Thiên Đức (Uy Huệ Vương), Tùng Liêu Tế (Chương Văn Thượng Vị hầu).

Đệ tử theo học được phép: Diễn Châu Ngân, Nhân Kiệt Thuần, Quỳnh Lâm Khai, Siêu Loại Nguyên, Trúc Đường Quan, Hồ Thiên Na, Thánh Am Quang, Không Am Tính, Phổ Minh Chỉ, Cổ Châu Trang, ái Châu Hành, Tiểu Huệ Bà Tuyên Từ Hoàng Thái Hậu, Từ Huệ từ khu bi Thiên Chân công chúa.

Đầu An Luân, Tổ Am Dụ, Khuyếch Sơn Khôi, Tri Sơn Nhãn, ái Châu Quan, Không Sơn Cư, Thẩm Am Di, Tiên Giá Nhu, Hải Triều Minh, Hư Đường Triệt, Tế Giang Huệ.

Sau khi Tôn Giả qua đời, quan cấp 50 người làm hộ xá, ban cho cháu chắt làm hộ quan 10 người, lại ban 12 hình nhân thay thế.

Ngự tiền thường trú (mất chữ...) hoả phiên (mất chữ...) đệ tử học được phép trụ trì tại chùa Thuỷ Sơn là Trí Nhu bỏ tiền ra mua bia, (mất chữ...) đệ tử học được phép trụ trì tại chùa Đương Sơn là Thiệu Huệ vâng viết chữ. Nối pháp trụ trì đời thứ ba phái Trúc Lâm là Tông Huyền, Kim Sơn kính khắc.

Ngày tháng 11 năm Nhâm Dần niên hiệu Đại Trị thứ 5 (1362) khắc xong niên phả.

Nguyễn Di bố thí 1 thửa ruộng trên 8 mẫu.⁽²⁴⁾ Tại sở Gián Hải, xã Sơn Cù, huyện Chí Linh, lộ Năm Sách Thượng, phía đông 20 sào, gần ruộng Cù Cự; phía tây 20 sào gần đại lộ; phía nam 40 sào, gần ruộng Nguyễn Diên; phía bắc 40 sào, gần ruộng bọn Nguyễn Diên, dùng làm của sử dụng thường ngày cho chùa Thanh Mai và Khánh Lai.

Lại bố thí hai khoảnh ruộng vách ở Nham Đa, tây kề sát núi, nam gần cầu.

Tại xã Ông Đại lộ Nam Sách Hạ, 1 thửa (mất chữ...), đông gần ruộng Đào Vượng, tây gần bãi tha ma, nam gần ruộng Nguyễn Đào, bắc gần ruộng Phan Như.

Nguyễn Khả Lễ bố thí một phần ruộng, đông gần ruộng Phạm Tá, tây gần ruộng Nguyễn Chiêu, nam gần ruộng Nguyễn Hạch, bắc gần ruộng Nguyễn Mai, vụ (mất chữ) trên dưới đều là một khoảnh ruộng mùa.

Bố thí cho tháp chùa Viên Thông trên núi Thanh Mai, đông gần Nguyễn Thị Tân, tây gần Lưu Thị Thiềm, nam gần Dương Nhậm, bắc gần Nguyễn Cá Diểu.

Lập hương hoả cúng Phật tại (mất chữ...)

(Lâm Giang dịch)

chú thích:

1. Bia tháp Viên Thông chùa Thanh Mai: Là bia phả hệ Pháp Loa thiền sư là vị tổ thứ 2 phái Trúc Lâm, được ban hiệu Phổ Tuệ tôn giả. Bia hiện đặt trong chùa Thanh Mai xã Hoàng Hoa Thám huyện Chí Linh tỉnh Hải Dương. Thác bản văn bia hiện đang lưu trữ tại Thư viện Viện Nghiên cứu Hán Nôm. Pháp Loa tôn giả, tức Đồng Kiên Cương, sinh ngày 7 tháng 5, năm

Giáp Thân, niên hiệu Thiệu Bảo thứ 6 (1284), ở hương Cửu La, huyện Chí Linh, giang Nam Sách lộ Lạng Giang, nay thuộc Nam Sách, Hải Dương.

2.Nhân Tông: Pháp hiệu là Điều Ngự đầu đà. Là tổ thứ Nhất phái Trúc Lâm, sáng lập ra Thiền phái Trúc Lâm.

Đầu Đà: Tiếng Phạn là Dutha có nghĩa là quét sạch (bụi trần), sau dùng chỉ chung những người tu hành khổ hạnh.

3.Dâm từ: Theo *Từ nguyên*, “dâm từ” là những đền miếu thiết lập ngoài qui định của nhà chức sắc (lạm thiết chi từ miếu dã). Sách *Đường thư* chép: Địch Nhân Kiệt đến Giang Nam phá huỷ "dâm từ" 1.700 ngôi, chỉ để lại 4 ngôi là Hạ Vũ, Ngô Thái Bá, Quý Trác và Ngũ Viên.

4.Pháp dược: Theo đạo lý của Phật thì dứt đau khổ cả về thể xác lẫn tinh thần, nên gọi là pháp dược.

5.Đạo nhãn: Con mắt Phật, nhìn rõ đường chính.

6.Pháp khí: Nhạc khí của nhà sư dùng để cúng Phật.

7.Thập nhị đầu đà: 12 đầu đà. Người tu hành phải tuân thủ 12 loại điều mục, như: Thường hành khát thực (Thường đi khát thực), Thứ đệ khát thực (Lần lượt đi khát thực), Thụ hạ chi (Dùng chân dưới gốc cây), Thường tọa bất ngoạ (Thường ngồi không nằm) v.v...

8.Thanh văn và Bồ tát giới:

9.Huyền Quang: Túc Lý Đạo Tái (1254 - 1339) là vị tổ thứ 3 của Thiền phái Trúc Lâm.

10.Bồ tát: Theo Đinh Phúc Bảo Phật giáo đại từ điển, phép xuất gia cứ mỗi nửa tháng, từ ngày 15 đến ngày 29, hoặc 30 tập hợp chúng tăng lại thuyết pháp về giới kinh, khiến cho tì khưu chú tâm vào tinh giới, để có thể thường xuyên dưỡng thiện pháp... Theo ấn Độ phê đà, mỗi tháng tập hợp tín cúng (xuất gia, tại gia) mời người tinh thông giới luật đến giải thích giới luật, và xem xét sự sám hối, để tăng công đức. Ngày cử hành Bồ tát có chênh lệch khác nhau. Trước đây phần nhiều tiến hành vào ngày lục trai (8, 14, 15, 23, 29, 30; hoặc 1, 8, 14, 16, 23, 29). Đời sau, phần lớn cứ nửa tháng cử hành một lần, tức hàng tháng ngày 24, hoặc ngày 15; ngày 29 hoặc 30...

11.Khúc lộc sàng: Là ghế và giường của nhà sư thường dùng. Theo Đinh Phúc Bảo, Khúc lộc là cái ghế làm bằng gỗ hình cong.

12. **Thống chính đại sư:** Tức là Đức Hoa, con thứ vua Trần Thánh Tông (Đại Việt sử ký toàn thư: Hưng Long thứ 10 (1302), mùa xuân tháng Giêng cho Thái úy Đức Hoa làm Thống chính đại sư).

13. **Tuyên Hoàng Thái hậu,** tức là em gái Bảo Từ Hoàng hậu của Vua Trần Nhân Tông.

14. **Thiên Trinh Trường công chúa,** tức là Thiên Chân Trường công chúa, con gái của Thuận Thánh Hoàng hậu vua Trần Anh Tông.

15. **Độ điệp:** Tại Trung Quốc từ thời Nam Bắc Triều trở xuống, tăng ni xuất gia, được miễn địa tô và tạp dịch, quan phủ cấp cho tờ Độ điệp làm bằng. Tại Việt Nam, dưới triều nhà Trần cũng có chế độ Độ điệp để quản lý tăng chúng.

16. **Lục thời nghi:** Tức Lục thời sám (Sáu giờ sám hối). Theo Đình Phúc Bảo, *Phật giáo đại từ điển*: Ngày 3 giờ (thời), đêm 3 giờ, hợp lại thành 6 giờ.

17. **Cảnh Huy:** Là đệ tử của Pháp Loa (Xem đoạn văn bên dưới).

18. **Bảo Sát:** Là đệ tử của Nhân Tông Điều Ngự tôn giả.

19. **Câu này tối nghĩa,** Anh Tông đã nhường ngôi cho Minh Tông, lên làm Thái Thượng Hoàng được 3 năm. Nhưng ở đây lại nói, Anh Tông lại lệnh cho Sư trao Bồ tát giới tại gia cho Thái Thượng Hoàng? Câu này đợi tra cứu sau.

20. **Quốc phụ Thượng tể:** Tức Huệ Vũ đại vương Quốc Chân, là em Nhân Tông, là cha Hoàng Hậu Lệ Thánh của Minh Tông (tức Hiến Từ Thái Hậu).

21. **Chiêu Từ Hoàng Thái phi:** Là mẹ đẻ ra Minh Tông, là con gái Bảo Nghĩa đại vương Trần Bình Trọng, Trần Bình Trọng là hậu duệ Lê Đại Hành Hoàng đế, vợ là công chúa Thụy Bảo con gái Thái Tông, lúc đầu là Huy Tư Hoàng phi, sinh ra Minh Tông, năm Đại Khánh thứ 8 (1321) được tôn phong làm Huy Tư Hoàng Thái phi (Đại Việt sử ký toàn thư).

22. **Quán đỉnh:** Khi mới thụ giới Phật giáo, thầy tu lấy nước trong dọi lên đỉnh đầu người thụ giáo, gọi là lễ Quán đỉnh.

23.Tát bà kha: Theo Nhân vương nghi quỹ, đó là nói về ý nghĩa thành tựu, ý nghĩa cát tường, ý nghĩa viên tịch... Tức là vô trụ niết bàn, dựa vào vô trụ niết bàn ấy, hết được thế giới vị lai, lợi lạc vô cùng tận...

24.Đoạn này khắc thiếu. Trong Đế nhị tổ niên phả thực lục ghi tiếp theo: Nhất nhất điều chương, cụ tại kỳ nội văn (Tất cả các điều mục đều ghi đủ trong sách), ý chỉ số thừa, cánh đồng, đông tây giáp giới... của số ruộng trên đều ghi đủ).

27. 顯曜塔碑

hiển diệu tháp bi

Tiên Long sơn Kim Cương tự Hiển Diệu tháp bi
văn tịnh tự

Việt thời, hữu Lão tôn túc Phạm tính, Hoàng châu Trường Yên phủ nhân dã. Thích hiệu Trí Nhu, niên vị nhược quán, tịch hiềm hủ trạch, kính nhập sơn lâm, trụ đầu ư Đệ nhị tổ Phổ Huệ tôn giả. Lộ trần tổ tâm, đào độn trần vụ, trệ tịch giới phương, dục phát bồ tát chi hành, dục học Phật giáo chi đạo, dĩ thụ cụ khu y, hàm trượng kiêu cần, tham thiền vấn pháp. Kỳ tâm vô yếm ứ, kỳ tính bất hoang đãi. Tôn Giả kiến hữu đức hạnh, đương dĩ pháp khí hàm nhi hứa chi, mệnh nhập cư Quỳnh Lâm Ngũ Mai đường, tá hữu phạn cung, thủ Thích Ca xá lợi.

Vu thời Tôn giả tương thị tịch, chúc chi viết: Ngộ dục tạo tháp cập phong xá lợi nhi vị tể, nhữ tác thành chi! Kỳ Lão tôn túc thiết tư đại sự, tấu Minh Tông Hoàng đế, dĩ xá lợi ký vu Hồ Thiên sơn Chân Thường am. Tôn Giả sở hữu đắc pháp đệ tử, Lão tôn túc dự lục kỳ số danh, ư thị nam du, kinh Phúc Thành, đăng sơn thủy, phong đắc hoại tháp tự, nãi trùng sáng kiến chi. Lục chu tháp thành. Tiên đế thủy biệt tứ xá lợi, mệnh phong kỳ thượng. Lão tôn túc viết: Quân mệnh bất khả bất tiên, Tôn Giả sở chúc, cánh tu hậu đồ.

Thị đông, du phương vọng kiến Tiên Long sơn hạ hữu thổ bách mẫu, bói sơn diện giang, u nhàn sầm tịch, khả vi Phật trường. Nãi phỏng vấn kỳ ngãi, hàm viết: Thử sơn tích hữu cổ tháp tự, nãi Nguyễn triều Đệ tử đế chi sở sáng dã. Tuế nguyệt kinh cửu, kỳ tự dĩ liệt. Kiến kỳ cảnh vu kỳ, Lão tôn túc nhi dục xứ thử bức, vi lai khẩu, thêm viết: Phục hưng tháp tự, ngô tổ phụ chi phúc dã. Ư thị hoặc thi hoặc mại. Thời chư hầu vương, công chủ, tộc cơ, quan viên đẳng toại thị chi Lão tôn túc, nhi dục khôi thác, nãi chân biệt huê chấn, khai tạc phạn viên, thiện tu điện đường lang vũ, hoàn bị nhất tân, biểu viết: Kim Cương tự, nhi tháp vị tự. Kỳ gian thượng trạng cụ trần, thỉnh Chân Thường am xá lợi, chiếu tứ chi, nãi tự duyên thực chi. Công tương thành, đãi Nhâm Dần niên chính nguyệt sơ tam nhật, Lão tôn túc thiên hoá, kỳ đệ tử đại hoà thượng Đức Chính đẳng, giai tập tuân tiền quy, phục doanh tháp sự. Vu thời Hiển Từ Tuyên thánh Gia Đức Hoàng thái hậu, tái hữu Nhập nội tá chính Thái uý, Tả tướng quốc kiêm đại quang minh tàng dịch kinh đại sư, hiển trung lạc thiện Cung Tĩnh đại vương, ngự tứ hiệu Chiêu Tín thượng nhân, Thích hiệu ản Ngu thiền nhân, nhi tùy tiện thị chi. Cập chư thế gia đẳng đồng gia hiệp lực, nhi kinh chi doanh chi. Hết Quý Mão niên nhị nguyệt sơ nhị nhật, bảo tháp, phong xá lợi nhất nhất cụ thành. Kỳ đệ tử đẳng chúng tâm hoan ức. Ký Đình Vị niên nhị nguyệt thập bát nhật, kiến đệ tử hoà thượng Đức Tổ lai

yết vu Nãi Sơn bi văn. Nãi Sơn tái cổ từ văn chương thiên bạc, ngôn ngữ tiền lậu. Kỳ tăng phục cần lưu ý thỉnh. Cập kiến Lão tôn túc hữu đức hạnh hiền đạt, thanh khiết cao việt, thả ngộ Minh Tông Hoàng đế huy thìn, cổ dĩ phác chuyết, thuật [cao] văn nhi vĩnh biểu ư thạch nhai, hiển quang vu vạn cổ.

Mình viết:

*Ma Tiêu đột ngột hề tốt đồ,
Phóng siêu hào quang hề thần thánh.
Tri bạch kiên thành hề đốc niệm,
Nhất nhất tận tâm hề quy chính.
Mê độn lão thiếu hề lễ bái,
Đan khốn xung xung hề thường định.
Đạo học hiền hành hề nghiêm khiết,
Chiêu chiêu thạc đức hề tán vịnh.
Thụ giới nhất cụ hề mỵ yếm,
Tri thù trần vụ hề vô [].
Tào khê kế phái hề tối thắng,
Kỳ ngải lân mẫn hề phát trình.
Nãi tu tiền văn hề thuyên thạch,
Khắc dĩ lưu quang hề bất minh.
Đại Trị thập niên Đinh Vị nhị nguyệt thập bát nhật.*

Suy thành hiệp mưu thù chính hiền trung lạc thiện Thành nghĩa tá chính dục đãi công thần, khai phủ nghi đồng tam ty, nhập nội kiểm hiệu Thái úy, Trung thư lệnh, phán thái thường thư, Linh đại quang minh tàng dịch kinh sự, Nghệ An phủ lộ đô nguyên suý, sứ tri tiết Nghệ An phủ lộ Đại An hải môn trấn chư quân sự, hành Nghệ An doanh, tứ Từ kim ngư đại, thượng trụ quốc, Khai quốc Cung Tĩnh đại vương soạn.

*Vũ Lâm châu Tuyên huy viện thuộc quan tòng thần thất phẩm phạm hàm di phủ
cẩn thư. Trần Biểu tạc.*

Dịch nghĩa:

bia tháp hiển diệu

*Văn bia và lời tựa cho tháp Hiển Diệu chùa Kim Cương
núi Tiên Long⁽¹⁾*

Trước đây, có Lão tôn túc họ Phạm, là người phủ Trường An, Hoàng Châu. Tên hiệu Phật là Trí Nhu,⁽²⁾ thuở nhỏ tránh ở nhà đột nát, bỏ lên núi, vào ở với Phổ Tuệ tôn giả là Đệ nhị tổ.⁽³⁾ Ngài tỏ lòng trong trắng, trốn tránh

bụi trần, tắm gội trai giới, muốn dấy đức hạnh bồ đề, muốn học theo phép Phật giáo, cùng được nhận việc dâng áo khăn, kính cẩn chăm chỉ, hỏi phép tham thiền. Tấm lòng của Ngài không biết đủ, đức tính của Ngài không biết lười. Tôn Giả thấy có đức hạnh, mới đem pháp khí ban cho, lệnh cho vào ở nhà Ngũ Mai Quỳnh Lâm,⁽⁴⁾ giúp việc dọn dẹp Phạn cung, giữ gìn Thích Ca xá lý.

Khi ấy, Tôn giả ốm nặng, có dặn lại rằng: "Ta muốn dựng tháp và xá lý nhưng chưa làm được, nhà người hãy hoàn thành việc ấy!" Lão tôn tức trộm nghĩ rằng đây là một việc lớn, nên tâu lên Hoàng đế Minh Tông,⁽⁶⁾ xin đem xá lý gửi vào am Chân Thường trên núi Hồ Thiên.⁽⁷⁾ Tất cả các đệ tử đều được pháp y hoặc pháp khí của Tôn giả, Lão tôn tức ghi lại danh số, rồi đi du ngoạn phương nam, qua chùa Phúc Thành,⁽⁸⁾ lên chùa Sơn Thủy,⁽⁹⁾ gặp chùa hồng tháp đổ, bèn sáng lập trùng tu, trong vòng 6 tuần, tháp xây xong. Tiên đế mới cho đem xá lý đặt trong tháp ấy. Lão tôn tức nói: "Mệnh vua không thể không thi hành trước, lời dặn dò của Tôn giả, phải nên tính sau."

Mùa đông năm ấy, khi du ngoạn thấy dưới núi Tiên Long có khoảnh đất rộng trăm mẫu, lưng tựa núi mặt nhìn ra sông, u nhàn thanh tịnh, có thể dùng làm Phật đường. Bèn hỏi các cụ già ở đấy, các cụ đều nói: "Núi này ngày xưa có chùa Cổ Tháp, do Đệ tứ đế triều Nguyễn⁽¹⁰⁾ lập ra. Do trải nhiều năm tháng mà ngôi chùa bị đổ nát." Thấy cảnh kỳ tú, Lão tôn tức muốn ở đất ấy dựng lại tháp, bèn nói: "Dựng lại chùa tháp, là cái phúc của tổ phụ ta." Thế là hoặc được bố thí hoặc bán cho. Khi ấy các Vương hầu, Công chúa, tộc cơ, quan viên bèn cùng nhau bố thí cho Lão tôn tức, muốn mở rộng thêm, bèn xem sét riêng giới hạn, mở mang vườn chùa, sửa sang Phật đường, hành lang, tất cả đều đổi mới, rồi đề biển: Kim Cương tự (Chùa Kim Cương), nhưng tháp vẫn chưa xây. Khi ấy làm tờ trình bày đầy đủ hiện trạng, tâu lên xin dựng xá lý ở am Chân Thường, nhà vua xuống chiếu ban cho, bèn nhào đất

làm gạch, công thợ gần xong, thì vào ngày mồng 3 tháng Giêng năm Nhâm Dần (1362), Lão tôn túc hoá. Các đệ tử như bọn Đại hoà thượng Đức Chính, đều chiếu theo quy định trước, sửa dựng lại tháp. Khi ấy, Hiến từ tuyên thánh Gia Đức Hoàng Thái hậu,⁽¹¹⁾ lại có Nhập nội Tá chính thái uý, Tả tướng quốc kiêm Đại quang minh tàng Dịch kinh đại sứ, Hiến trung lạc thiện Cung Tĩnh đại vương,⁽¹²⁾ được nhà vua ban cho hiệu là Chiêu tín thượng nhân, Phật hiệu ẩn Ngu thiền nhân, được tuý theo mà bổ thí. Cùng với các nhà thế gia, chung lòng hiệp lực, xây cất. Đến ngày mồng 2 tháng 2 năm Quý Mão (1363), bảo tháp, cất xá lý, nhất nhất hoàn thành. Các đệ tử trong lòng đều hân hoan vui vẻ. Đến ngày 18 tháng 2 năm Đinh Mùi (1367), đệ tử là Hoà thượng Đức Tổ đến xin Nãi Sơn làm bài văn bia. Nãi Sơn từ chối, rằng văn chương của mình còn hạn hẹp, ngôn ngữ còn thấp kém. Nhà sư lại khẩn khoản xin. Thấy Lão tôn túc có đức hạnh hiển đạt, thanh khiết cao việt, và gặp ngày huý của Minh Tông Hoàng đế, cho nên với lời văn phác thảo vụng về, đề trên vách đá, sáng tỏ đến muôn thuở. Minh rằng:

Sùng sùng chọc trời chừ tháp chính,
Toả khắp hào quang chừ thần thánh.
Tỏ rõ lòng thành chừ nhớ nhung,
Nhất nhất tận tâm chừ quy chính.
Trẻ già ngây ngất chừ vái lễ,
Lòng son thấp thỏm chừ thường định.
Đạo học tỏ rõ chừ nghiêm trang,
Đức lớn vời vọi chừ ca vịnh.
Thụ giới đầy đủ chừ không mỗi,
Cân lặng việc trần chừ chẳng chán.
Tiếp dòng Tào Khê chừ thẳng tích,
Già làng thương xót chừ khôn nguôi.
Nãi Sơn soạn văn chừ khắc đá,
Nguồn sáng lưu truyền chừ không thôi.

Ngày 18 tháng 2 năm Đinh Mùi niên hiệu Đại Trị thứ 10 (1367).

Suy thành hiệp mưu thủ chính Hiền trung lạc thiện thành nghĩa Tá chính dục đối công thần, Khai phủ nghi đồng tam ti, Nhập nội Kiểm hiệu Thái uý, Trung thư lệnh, Phán thái thường thụ, lĩnh đại quang minh tàng dịch kinh sự, hành Nghệ An doãn, tứ Kim tử ngư đại, Thượng trụ quốc. Khai quốc Cung Tể đại vương soạn.

Thuộc quan viện Tuyên Huy, châu Vũ Lâm, Tòng thất phẩm Phạm Hàm, tự Di Phủ kính viết chữ.

Trần Biều khắc văn bia.

(Lâm Giang dịch)

chú thích:

1.Tháp Hiền Diệu và chùa Kim Cương do Lý Nhân Tông sáng lập. Đến đời Trần đã trở thành phế tích, được sư Trí Nhu trùng tu đến năm 1367 thì hoàn thành. Nhưng đến nay, chùa và tháp cổ đều đã bị huỷ hoại, còn lại tấm bia ma nhai ở trên đỉnh núi Thiên Long. Thác bản do ông Hoàng Văn Giáp in dập vào năm 1985, hiện lưu trữ tại Thư viện Viện Nghiên cứu Hán Nôm, ký hiệu 21.404. (Theo *Văn khắc Hán Nôm*, Tập 2, thời Trần, quyển Hạ - 2002).

2.Trí nhu: Là đồ đệ của Thiền sư Pháp Loa, là cao tăng của Thiền phái Trúc Lâm, trụ trì ở chùa Thủy Sơn, cùng với tăng Đức Phụ, Đức Nhuận, Đức Tịnh, Đức Minh 6 năm trời trùng tu tháp Linh Tế ở núi Dục Thúy.

3.Phổ Tuệ tôn giả: Túc Thiền sư Pháp Loa, tổ thứ 2 Thiền phái Trúc Lâm, Thiền phái do Trần Nhân Tông sáng lập.

4.Ngũ Mai Quỳnh Lâm: Nay thuộc huyện Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh. Là một ngôi chùa lớn đời Trần, do Trần Anh Tông (1293 - 1314) sáng lập, cùng với chùa Vân Yên trên núi Yên Tử, chùa Báo Ân ở hương Siêu Loại, là ba trung tâm Phật giáo lớn của Thiền phái Trúc Lâm.

5.Tôn Giả ồm nặng, tức Phổ Tuệ tôn giả (Pháp Loa Thiền sư), vào năm Đại Khánh thứ 4 niên hiệu Minh Tông (1317), ồm nặng, đã đem pháp y, pháp khí chia cho các đệ tử. Nhưng ngay

năm ấy khỏi bệnh, sáng lập ra chùa Cổ Thành Bảo Sơn Vương, và Quỳnh Lâm viện. Phổ Tuệ mất ngày mồng 3 tháng 3 năm Canh Ngọ (1330).

6.Hoàng đế Minh Tông (1300 – 1357): Là con thứ tư Trần Anh Tông, ở ngôi 15 năm, nhượng ngôi 28 năm, thọ 58 tuổi, táng ở Mục lăng.

7.Núi Hồ Thiên, nay thuộc xã An Sinh, huyện Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh. Theo *Kiến văn tiểu lục* của Lê Quý Đôn, pháp Loa tôn giả sáng lập các am Hồ Thiê, Chân Lạc, lại mở ra cảnh trí Côn Sơn và Thanh Mai sơn.

8.Chùa Phúc Thành: Nay thuộc huyện Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình. Triều Trần thuộc huyện Yên Ninh, phủ Trường Yên, là quê tổ của Trương Hán Siêu đời Trần. Theo *Lịch triều hiến chương loại chí*, quyển 7, Nhân vật chí, Trương Hán Siêu tự Thăng Phủ, người Yên Ninh, nay là Phúc Thành huyện Yên Khang.

9.Chùa Sơn Thủy: Đứng ra là chùa Thủy Sơn, vì Yên Thành thuộc huyện Yên Ninh phủ Trường Yên, trong hạt ấy có xã Thái Đăng, xã ấy có núi Thủy (Thủy sơn), Trương Hán Siêu di cư đến đây, đổi tên là núi Dục Thủy (xem *Lịch triều hiến chương loại chí*, Du địa chí, huyện Yên Khánh, tỉnh Ninh Bình).

10.Triều Nguyễn: Túc Nhân Tông, triều vua thứ 4 đời Lý. Vì ông nội của Trần Thái Tông tên là Trần Lý, theo lệ kiêng húy nhà Trần, phải đổi Lý thành Nguyễn. Mặt khác, cũng là để dân không còn nhớ đến nhà Lý nữa.

11.Hiến từ tuyên thánh Gia Đức Hoàng Thái hậu: Túc Minh Tông Lệ Thánh Hoàng hậu, là con gái cả của Huệ Vũ đại vương Trần Quốc Chân, hiệu là Huy Khánh công chúa. Năm Đại Khánh thứ 8 đời Trần Minh Tông (1323), được phong làm Lệ Thánh Hoàng hậu (*Đại Việt sử ký toàn thư*, tr. 403).

12.Cung Tĩnh đại vương: Túc Trần Nguyên Trác, con thứ Trần Minh Tông, em Trần Hiến Tông, anh Trần Dụ Tông.

28. 崇慶寺碑

sùng khánh tự bi

Sùng Khánh tự bi tịnh tự

*Phù cảnh giả, tâm chi quang hoa; danh giả, thực chi văn sức. Cầu cảnh hữu sơn
thủy chi linh, nhi nhân vô tài đức chi kiệt, tắc cảnh chi thanh kỳ, danh chi anh mậu, cụ
dẫn một ư nhất thời, hướng lưu truyền ư vạn thế giả hồ!*

*Việt hữu Phú Lệnh trường Thông Giang Hoảng Nông hương
Sùng Khánh tự giả, nãi Phụ đạo thúc tính Nguyễn, danh ổn,
tự văn giác chi sở sáng dã. Công hiếu thiện nhân dã, kỳ
phối tắc phụ đạo nữ Nguyễn A, thủ lễ trình thực nữ dã. Cổ
tiên phụ đạo Nguyễn công dĩ ấu tử Nguyễn Thiên Trượng,
chúc công giáo dưỡng, tỷ chủ thị hương. Thị dĩ Thiên
Trượng tiệm ma giáo hối, thiện tính trưởng thành. Công bất
hiếu trị sinh, thiện tế nhân chi cấp, ý mộ Phật giáo, bất
như huân tửu. Thập trai tụng kinh, suất dĩ vi thường.*

*Hương bản vô tự, nhi kỳ sở cư chi thiên, cương loan uất tú, thanh tuyến dững
liệt, tâm thậm ái chi. Nãi kiến tự vũ dĩ vi thần hôn hương hoá chi sở. Kinh thủy ư Thiệu
Phong Bính Thân nhất nguyệt, đãi tứ nguyệt vọng nhật lạc thành, phụng an Phật tượng,
biển viết “Sùng Khánh.” Hựu thi nhất viên, dĩ cấp trú trì giả chi dưỡng.*

*Tự thành hữu niên hỹ, mỗ ngẫu nhân công sự chí vu thị bang. Công nhất kiến
chi, ngữ cập tự sự, nãi thác dĩ minh. Cổ mỗ phi đại hồ bút, hà cảm đương thử. Nhiên
gia công sinh vu cao lương huyện phục chi gia, xử bạc ác nan hoá chi tục, nãi năng tự
giác dã, cố bất vĩ dư hồi thị nhất hương nhất ấp chi trường, dĩ phú quý tương cao, dĩ
tửu sắc tương thượng, bất khả đồng nhật nhi ngữ dã. Bất quỹ tiền bạc, nãi vi minh viết:*

*Y dư Nguyễn công,
Phụ đạo chi tông.
Nhân khả thác cô,
Giáo dưỡng tề đồng.
Bất mộ vinh lợi,
Phật giáo thị sùng.
Kiến lập cam vũ,
Phấn sức kim dung.*

*Xả kỷ chi điền,
Dĩ quang lưu thông.
Viên lập trình thạch,
Yết văn dĩ ký.
Tài khí phi trường,
Minh thi bất dị.
Gia công dụng tâm,
Hiếu thiện phát thế.
Bạc đôn bỉ khoan,
Noạ phu lập chí.
Nãi thuật tư văn,
Dĩ chiếu ức [].*

Hoàng Việt Đại Trị thập niên Đinh Vị tuế tam nguyệt nhật.

Phụng đọc học sinh thư lại trực thủ Tạ Thúc Ngao Sở Khanh soạn.

Quyền phụ đạo Nguyễn Thiên Trượng, tự Văn Giác cư sĩ, cộng thi Na Nộn điền nhất viên, đồng bạn cận tiểu giản thủy, thích nam tây nhị bạn cận sơn lâm, bắc bạn cận tự vi giới, vĩnh vi tam bảo vật.

Ngộ Thiện cư sĩ thi nô nhị nhân: Thượng Đại, Mỹ Am, tịnh thủy ngư nhất đầu, thi vi Tam bảo vật.

dịch nghĩa:

bia chùa sùng khánh

Lời tựa và bài minh chùa Sùng Khánh⁽¹⁾

Kìa như! Cảnh⁽²⁾ là ánh sáng của tâm, danh là vẻ đẹp của thực. Nếu cảnh có núi sông chung đúc linh thiêng, mà người lại không có kẻ anh tài hào kiệt, thì sự thanh tú diệu kỳ của cảnh, sự tinh túy phồn thịnh của danh, đều chìm đắm một thời, hổng hồ còn lưu truyền đến vạn đời được sao!

Nay có ngôi chùa Sùng Khánh ở hương Hoảng Nông, Thông giang, Phú Lệnh trường,⁽³⁾ là do ông chú của Phụ đạo⁽⁴⁾ họ Nguyễn, tên là Ôn, tên tự Văn Giác sáng lập ra. Ông là người hay làm việc thiện, lấy con gái Phụ đạo tên Nguyễn ả, là người đàn bà trinh thực, biết giữ lễ. Nguyên vì trước đây, Phụ đạo Nguyễn Công đem đứa con còn nhỏ là Nguyễn Thiên Trượng, giao ông nuôi dạy, khiến cho sau này được làm chủ

hương ấy. Thế là từ đấy, Thiên Trượng dần dần được dạy bảo rèn dũa, tính thiện vì thế mà được trưởng thành. Ông không thích mưu sinh cho riêng mình, mà lại ham cứu người gặp nguy cấp, trong lòng có ý mộ đạo Phật, không ăn thịt uống rượu. Mỗi tháng mười ngày ăn chay tụng kinh, coi đó là lệ thường.

Hương này vốn không có chùa, mà lại ở riêng một nơi, có núi non sầm uất, suối tuôn nước trong veo, khiến lòng ông rất yêu chốn này. Bèn dựng ngôi tự vũ, để làm nơi sớm chiều đèn nhang. Bắt đầu từ tháng Giêng năm Bính Thân niên hiệu Thiệu Phong (1356), đến ngày rằm tháng Tư thì hoàn thành, phụng đặt tượng Phật, lấy tên chùa Sùng Khánh. Lại đặt một khoảnh ruộng để cấp dưỡng cho người trụ trì.

Chùa lập ra đã lâu năm, tôi ngẫu nhiên nhân có việc công mà tới đây. Ông vừa gặp tôi, là nói ngay đến việc chùa, và xin làm cho bài minh. Tôi xét thấy mình không phải là tay đại bút, sao dám nhận việc này. Nhưng khen cho ông sinh ra trong một gia đình giàu có, mà lại ở vào nơi có phong tục bạc ác, khó giáo hoá, thế mà lại có thể tự giác ngộ cho mình, lại giác ngộ cho người khác nữa,⁽⁵⁾ xét thấy chẳng lớn lắm sao? Nhìn lại những kẻ đứng đầu trong một hương, một ấp, đều là bọn cùng nhau cao sang giàu có, cùng nhau ham chuộng nữ sắc rượu chè, không có thể sánh với ông được. Cho nên tôi không đo lường về mình tài hèn, mà làm bài minh rằng:

Tốt thay Nguyễn Công,
Phụ đạo thuộc dòng.
Lòng nhân sẵn có,
Nhận nuôi con chung.
Không màng vinh lợi,
Phật giáo tôn sùng.
Kiến thiết Phạn vũ,
Tô tượng đã xong.
Ruộng riêng tự bỏ,
Để rộng lưu thông.
Bèn dựng đá cứng,
Văn ghi làm chứng.
Tài học chẳng cao,
Minh văn không xứng.
Khen ông dụng tâm,
Hiếu thiện đã dựng.
Giáo hoá kẻ gian,
Người hèn biết đứng.
Bèn viết lời văn,

Muôn thuở làm chứng.

Ngày tháng Ba, năm Đinh Mùi, niên hiệu Đại Trị thứ 10 (1367) triều vua nước Việt.

Phụng đọc học sinh, Thư sử trực thủ là Tạ Thúc Ngao, hiệu Sở Khanh, soạn.

(Lâm Giang dịch)

chú thích:

1.Bia nguyên ở chùa Sùng Khánh, thuộc hương Hoảng Nông, Thông giang, Phú Lệnh trường đời Trần, nay là thôn Nùng, xã Đạo Đức, huyện Vị Xuyên, tỉnh Hà Giang. Ngôi chùa hiện không còn, bia vẫn đặt ở nền cũ. Soạn giả Tạ Thúc Ngao, tên tự Sở Khanh, viết vào năm Đại Trị thứ 10 (1367). Hiện thác bản đang lưu trữ tại Viện Nghiên cứu Hán Nôm, ký hiệu Thư viện 30.274.

2.Cảnh: Theo Phật giáo, chỉ thế giới hiện tại bên ngoài. Đối lập với cảnh là tâm, chỉ thế giới nội tâm.

3.Hương, giang, trường: Là các đơn vị hành chính đời Trần.

4.Phụ đạo: Là chức có từ quan đời Trần, đời Lê, dành cho các tù trưởng miền núi.

5.Tự giác ngộ cho mình, lại giác ngộ cho người khác: Nguyên văn "Tự giác giác tha," thuật ngữ nhà Phật.

29. 陽巖摩崖

揀五路兵登石門留題

duyang nham ma nhai

Gián ngũ lộ binh đăng Thạch Môn sơn lưu đề

*Hành dịch đăng gia sơn,
Kiểu thủ vạn trùng thiên.
Đổ bằng nam minh ngoại,
Tân nhật đông nhạc tiên.
An Phụ thiên nhất ác,
Tượng Đầu nhĩ cửu thiên.
Tầng tầng Tử Tiêu vân,
Hội phòng An Kỳ tiên.
Hung hung Bạch Đằng đào,
Tượng tượng Ngô Vương thuyền.
ức tích Trùng Hưng đế,
Diệu chuyển khôn cán kiên.
Hải phổ thiên môn động,
Giáp Môn vạn tinh chiên.
Phản chướng điện ngao cực,
Văn hà tẩy tinh chiên.
Chí kim tứ hải dân,
Trường ký cảm hồ niên.*

*Trần triều nhất bách tứ thập tứ tự cửu nguyệt ngũ nhật, Nhập nội hữu nạp
ngôn, Hiệp Thạch Phạm Sư Mạnh phụng chiếu kiểm duyệt ngũ lộ chi binh, đăng Thạch
Môn sơn tác.*

Dương Nham

Phạm Sư Mạnh thư.

dịch nghĩa:

Bia vách dương nham⁽¹⁾

kiểm quân ngũ lộ lên núi thạch môn lưu đề

Việc xong lên thăm núi,⁽²⁾
Ngẩng nhìn trời vạn trùng.
Chim bằng bay ngoài biển,
Mặt trời trước non đông.
Yên Phụ trong gang tấc,⁽³⁾
Tượng Đầu nghìn nhận trông.⁽⁴⁾
Từ Tiêu mây lớp lớp,⁽⁵⁾
An Kỳ hỏi tiên cung.⁽⁶⁾
Bạch Đằng sóng dào dạt,⁽⁷⁾
Tưởng tượng thuyền Ngô công.⁽⁸⁾
Nhớ vua Trưng Hưng cũ,⁽⁹⁾
Khoảnh khắc đất chuyển rung.
Ngàn thuyền ngoài cửa biển,
Cửa ải cò lệnh tung.
Cõi yên bàn tay trở,
Tanh hôi rửa sạch trong.
Đến nay dân bốn bề,
Nhớ mãi bắt giặc khùng.

Ngày mồng 5 tháng 9, năm thứ 144 nhà Trần, Nhập nội Hữu nạp ngôn, Hiệp Thạch Phạm Sư Mạnh vâng lệnh nhà vua đi kiểm duyệt binh lính 5 lộ, lên núi Thạch Môn làm bài này.

Dương Nham Phạm Sư Mạnh viết chữ.

(Lâm Giang dịch)

chú thích:

1. Bài thơ khắc trên vách núi Dương Nham, còn có tên là núi Dương Cốc, Thạch Môn, Kính Chủ, Xuyên Châu, nay thuộc địa phận xã Phạm Mệnh, huyện Kim Môn, tỉnh Hải Dương. Tác giả Phạm Sư Mạnh, tự Nghĩa Phu, người làng Hiệp Thạch, huyện Hiệp Sơn, nay thuộc Kim Môn, Hải Dương. Là học trò Chu Văn An, đỗ Thái học sinh đời Trần, làm quan đến Nhập nội hành khiển, Hữu nạp ngôn, Phụng sứ, Tri khu mật viện... Chữ trong bia do chính Phạm Sư Mạnh viết, bút tích hiếm hoi từ đời Trần để lại.

2.Việc xong lên thăm núi: Dịch thoát. Nguyên là "Nhân có việc quan, lên thăm núi quê nhà."

3.Yên Phụ: Thuộc xã Tuyên Xá, huyện Hiệp Sơn, gần núi Kính Chủ.

4.Tượng Đầu: Theo Phương Đình địa chí của Nguyễn Văn Siêu, thì Tượng Sơn (tức Tượng Đầu) còn có tên là núi Yên Tử.

5.Tử Tiêu: Tên một ngọn núi trong dãy núi Yên Tử.

6.An Kỳ: Tức tiên An Kỳ, là An Kỳ Sinh, sống vào đời Tần, tu thành đạo thành tiên, tương truyền từng đến tu ở núi Yên Tử.

7.Bạch Đằng: Nơi diễn ra nhiều trận thủy chiến lấy lòng của Ngô Quyền đại phá quân Nam Hán, và Trần Quốc Tuấn chống quân Nguyên (1288).

8.Ngô Công: Nguyên văn "Ngô Vương," tức Ngô Vương Quyền, từng đại phá quân Nam Hán tại Bạch Đằng.

9.Trùng Hưng: Niên hiệu của Trần Nhân Tông.

30. 福明寺碑

phúc minh tự bi

Phúc Minh tự bi minh

Triều đình đại phu, Hàn lâm quyền học sĩ, Tri chế cáo, Thượng kỳ đô úy Đỗ Nguyên Chương soạn.

Đại Việt quốc Hoàng châu Mạn Đế hương hữu Ông Lâu tự, biếu vị Phúc Minh giả. Tích truyền Linh Nhân Thái Hậu chi sở sáng dã.

Đông tắc gia thôn, lân hoàng vi nhiều hồi tuyền; tây tắc đạo quán, hoang lâm trấn vu sát []; nam hữu thông cù, khứ lai vô cùng vô tuyệt; bắc đài giang thủy, nguyên lưu bất càn bất tức. Cổ lập kỳ cảnh dĩ thâm cửu, đa lịch xuân thu tuế nguyệt. Đãi vu Bính Tý niên trung, kỳ xã hương nhân cố Diên Hưng Đô hoả đầu Đào La đẳng thập dư, trùng tu Phật điện, nhi kim cung hầu Thánh Từ dịch Thư sử trực đầu trước tu Lộ Đan, cung hầu Thánh Từ dịch thị Đô hoả đầu Nguyễn [], Diên Hưng Đô hoả đầu xuất thủ ban Lộ Chiêm, Xá nhân Đỗ Dư đẳng tam phường, hựu tăng trúc trai đường, quảng ngũ thập dư gian, dĩ thuật Thái Hậu chi công, hưng doanh bất dĩ. Kỳ dịch khởi ư Khai Hựu thập niên Mậu Dần chính nguyệt, Nhâm Ngọ bát nguyệt nhi cáo sự thành dã. Hậu cấu đắc Cổ Lũ Trần công chi chung, huyền vu tự lâu, dĩ cảnh thần tịch, nhi vị lạc văn. Dĩ dư nhiếp chức từ uyển, trạng thỉnh minh chí. Dư viết: “Bỉ Tây phương Phật chi giáo, vị sinh nhi tác thiện, tử hữu phúc báo; sinh nhi tác ác, tắc tử hữu tội báo. Kỳ ngôn cam nhi nhập nhân thâm, thị dĩ lạc tông giả chúng, chí thi điền Trạch, huy tán tài bảo, doanh sùng tự tháp, hy cầu lợi ích giả, lịch kiếp dĩ lai, lao bất khả giải. Tuy hữu hảo quân tử, dục dĩ từ tịch, diệc miệt như chi hà, hướng Lộ, Nguyễn, Đỗ chư quân hồ!”

Tư khả phó chi nhất khái, nãi vi dã. Minh viết:

*Hoàng chi Mạn Đế,
Tự viết Phúc Minh.
Linh nhân sáng tạo,
Lộ Nguyễn trợ thành.
Chấn cảnh thần tịch,
Mãi đắc chung thanh.
Duy Phật chi giáo,
Dị động quần tình.
Ngôn cam nhi nhập,
Vị phúc khả doanh.
Tu sùng tự tháp,*

*Tư nô giai khuynh.
Dư nhiếp cảm uyển,
Chức chương văn hành.
Ký sự chi tác,
Vạn cổ lưu danh.*

*Thời, Đại Trị thập nhị niên tuế thứ Kỷ Dậu chính nguyệt thượng tuần soạn.
Kim, Long Khánh ngũ niên tuế thứ Đinh Tỵ tam nguyệt thập ngũ nhật.
Thư sử Nguyễn Đa phụng [tả].*

Dịch nghĩa:

bia chùa phúc minh

Văn bia và bài minh chùa Phúc Minh⁽¹⁾

Triều thịnh đại phu, Hàn lâm Quyền học sỹ, Tri chế cáo, Thượng kỳ đô úy Đỗ Nguyên Chương soạn.

Hương Mạn Đế Hoàng Châu nước Đại Việt có ngôi chùa Ông Lâu, biên đề là Phúc Minh. Truyền rằng ngày xưa do bà Linh Nhân Hoàng Thái Hậu sáng lập vậy.

Phía đông ngôi chùa là thôn nhà, vườn tược lân cận vây quanh; phía tây là Đạo quán, rừng hoang cây mọc um tùm; phía nam có con đường chạy qua, người xe qua lại không rút; Phía bắc là con sông thất giải, nguồn chảy không cạn không dừng. Vậy là cảnh trí ấy có đã lâu, trải qua nhiều xuân thu năm tháng. Cho đến khoảng năm Bính Tý (1336), người trong xã hương ấy là bọn Đô hoả đầu⁽²⁾ Đào La trên 10 người ở Diên Hưng cũ,⁽³⁾ đã trùng tu Phật điện, mà nay lại được Thư sử trực đầu⁽⁴⁾ Lộ Đan, giúp việc trải tóc cho Thánh Từ;⁽⁵⁾ Đô hoả đầu Nguyễn... châu hầu Thánh Từ; Đô hoả đầu Lộ Chiêm, giúp việc ở Diên Hưng; Xá nhân bọn Đỗ Dư trong ba phường, xây cất thêm trai đường, rộng trên 50 gian, để noi theo công lao của Thái Hậu, doanh tạo không ngừng nghỉ. Việc ấy khởi đầu từ tháng Giêng năm Mậu Dần niên hiệu Khai Hựu thứ 10 (1338), đến tháng Tám năm Nhâm Ngọ (1342) thì hoàn thành. Về sau được Trần Công ở Cổ Lũ⁽⁶⁾ đúc chuông, treo ở lầu chuông của chùa, để cảnh tỉnh sớm hôm, nhưng lời văn thì chưa khắc. Vì ta giữ chức văn hàn, nên xin ta làm bài minh khắc lại. Ta nói: “Phật giáo ở Tây phương kia, nói rằng, sống làm việc thiện, chết được báo đáp điều phúc; sống làm điều ác, chết bị báo đáp tội tình. Lời nói ấy ngọt ngào mà thâm sâu vào lòng người, cho nên nhiều người theo, đến bố thí ruộng vườn, đem tiền của doanh tạo tự tháp, cầu mong được lợi, trải kiếp tới nay, vững bền không cỗi bỏ được. Dù là bậc quân tử giỏi dang, muốn có lời từ chối, cũng không biết phải làm như thế nào, huống hồ đây là việc của các ông họ Lộ, họ Nguyễn, họ Đỗ!”

Nay chỉ có thể gửi vào một lời để khép lại. Minh rằng:

Hoàng châu Mạn Đê,
Có chùa Phúc Minh.
Linh Nhân sáng tạo,
Nguyễn, Lộ giúp thành.
Cảnh tỉnh hôm sớm,
Chuông tiếng vang nhanh.
Chỉ có Phật giáo,
Tĩnh ngộ quần sinh.
Thấm sâu lời ngọt,
Vì phúc kinh doanh.
Trùng tu tự tháp,
Tiền của đều khuynh.
Ta ở cấm uyển,
Chức vụ điều hành.
Ghi lại sự việc,
Muôn thuở lưu danh.

Khi ấy, là thượng tuần tháng Giêng, năm Kỷ Dậu niên hiệu Đại Trị thứ 12 (1369) soạn.

Nay là ngày 15 tháng Ba năm Đinh Tỵ niên hiệu Long Khánh thứ 5 (1377). Thư lại Nguyễn Đa vâng viết chữ.

(Lâm Giang dịch)

chú thích:

1. *Bia hiện đặt trước chùa Phúc Minh, thôn Yên Đê, xã Hiệp Hoà, huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình. Thác bản văn bia hiện lưu trữ tại Thư viện Viện Nghiên cứu Hán Nôm, ký hiệu 29.593. Văn bia do Đỗ Nguyên Chương là Triều đình đại phu, Hàn lâm Quyền học sỹ, Tri chế cáo, Thượng kỳ đô úy triều Trần soạn vào năm Đại Trị thứ 12 (1369) và khắc in lần đầu vào năm 1377. Bài văn bia hiện còn được khắc lại vào đời Nguyễn. Bia này đã được Lê Quý Đôn nhắc tới trong mục Thiên chương, sách Kiến văn tiểu lục.*

2. *Đô hoả đầu: Tên chức quan đời Lý Trần, là thủ lĩnh của cấm quân. Hoả đầu, trong Phật giáo là tên thần trong Kim cương.*

3.Diên Hưng: Túc huyện Diên Hà, nay thuộc huyện Hưng Hà, Thái Bình.

4.Thư sử trực đầu: Nghi là chức "Thư sử trực thủ," Thư sử tức Thư lệnh sử, quan trông về văn thư.

5.Thánh Từ: Túc là cung Thánh Từ, là nơi ở của Thái thượng hoàng triều Trần.

6.Cổ Lũ: tức Trà Lũ, thuộc huyện Kiến Xương, Thái Bình.

